

PHAN TẤN HẢI

CẬU BÉ

và

HOA
MAI

TẬP TRUYỆN

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu
2022

mai Tâm

*nguyên giác
phan tấn hải*



Sinh ngày 22-2-1952 tại Sài Gòn. Tên khai sinh là Phan Tấn Hải. Quê cha Hà Tĩnh, quê mẹ Nha Trang, hiện định cư tại quận Cam, Hoa Kỳ. Từng học ở Chu Văn An, Đại Học Văn Khoa SG. Sống bằng nghề báo, nhưng đam mê là sáng tác văn học — thường ký tên Phan Tấn Hải, Phan Khế, Trần Khải.

Khi viết về Phật giáo, thường ký tên Nguyên Giác, Nguyễn Thường Tâm. Học Phật Pháp với quý Hòa Thượng: Thích Tịch Chiếu, Chùa Tây Tạng, Bình Dương; Thích Thiền Tâm, Đại Ninh, Lâm Đồng; Thích Tài Quang, Phú Nhuận, Sài Gòn.

Từng cộng tác với nhiều báo như Tập san nghiên cứu Triết Học, Tự Thức, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp chí Thơ, Việt Báo, Tạp chí Giao Điểm, Giác Ngộ, Đạo Phật Ngày Nay, Suối Nguồn, Thư Viện Hoa Sen và nhiều báo khác.

Tác giả, dịch giả một số sách Việt ngữ và Sách song ngữ Việt-Anh.

tv&bh

Phan Tấn Hải

Cậu Bé và Hoa Mai

(tập truyện)

Trình bày: T.Vấn

Tranh Bìa: Mai Tâm

Ấn Bản Điện Tử
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
2022

Phan Tấn Hải

Cậu Bé và Hoa Mai

(tập truyện)

©T.Vấn 2022

©Phan Tấn Hải 2022

Mục Lục

Lời Thưa 001

Tựa 003

NÚI SÔNG CÓ MÂY NGẢ TÌNH 006

BỆNH NƯỚC 026

CÂU BÉ và HOA MAI 044

CÂU ĐỐI TẾT 069

NƠI MỌI NGƯỜI ĐỀU LÀ ÁNH SÁNG 089

ĐÔI GIÀY VẠN DẶM 103

CHỊ TU 128

ĐƯỜNG MAI 146

GIỌNG NÓI TRONG TIM 166

TÁNG TREO 182

NGƯỜI BẠN Ở TRẠI ĐẢO 206

HỘI CHUÔNG BUỔI SỚM 225

Lời Thưa

Tập truyện Cậu Bé Và Hoa Mai in lần đầu vào năm 1986, do tạp chí Nhân Văn xuất bản.

Thời đó, chưa có máy điện toán, chưa có điện thư. Lúc đó, từ Virginia, tác giả viết truyện trên giấy và gửi qua bưu điện về tòa soạn Nhân Văn ở San Jose, trung bình mỗi tháng một truyện. Rồi tới một hôm, nhà văn Tường Năng Tiến thông báo rằng Nhân Văn sẽ in tập truyện cho Phan Tấn Hải, và nhờ họa sĩ Ngọc Dũng vẽ bìa. Đó là duyên cớ tập truyện hình thành. Và cũng là những ngày thơ mộng.

Bây giờ cũng đã qua hơn 30 năm. Sách tuyệt bản từ lâu. Tác giả dọn nhà cả chục lần, từ Virginia về Quận Cam, Calif. cư ngụ. May tìm được một bản, mới nhờ đánh máy lại, nhưng vẫn để trong máy cả nhiều năm nay. Thế giới đã và đang chuyển biến vô cùng tận. Gần đây, được bạn văn nhắc nhở, khuyên nên tái bản, đưa lên Amazon. Trong lần tái bản này, một số hiệu đính được thực hiện. Ngôi viết từ một thời tóc còn xanh: truyện đầu tiên viết khi tác giả còn trong trại tỵ nạn ở đảo Galang, Indonesia. Đó là một thời, khởi đầu những ngày tác giả hướng về quê nhà để viết; và cũng từ đó, cuộc đời gắn liền với giấy mực. Tập truyện này mang rất nhiều kỷ niệm.

*Bên trời ngôi viết
tóc rối như mây
quê nhà mờ mịt
chữ lạnh đôi tay.*

Phan Tấn Hải, 2017

TỰA

(Tựa của NXB Nhân Văn, trong ấn bản năm 1986)

Con người ai cũng đều có không mấy khác những phần lượng xương thịt máu huyết; ai cũng phải đi đứng, hít thở, nghĩ suy... Thế nhưng không phải mọi con người đều sống rập khuôn như nhau được. Con người không thể sinh hoạt, phản ứng đơn điệu như những chiếc máy vô cảm thức. Điều này do đó không mấy lạ. Còn cần thiết nữa. Điều kỳ lạ là cùng phải hít thở cả, nhưng có những người trong nhịp thở đã cảm thấu cả nhịp vận hành của non nước. Điều kỳ lạ là cùng phải nên bước đi cả, nhưng trong khi mọi người đều bó gối ngồi chờ sau những chiếc cửa đóng im ỉm suốt ngày, bịt tai trước tiếng rít gào của bão lướt đi trên những mái nhà chờ đổ sập, thì đã có những em bé tật nguyền tập bước đi, ngoài trời gió, ở đôi chân bạn liệt mỗi bước đi bao con đau xé. Cũng nghĩ suy cả, nhưng trong khi mọi người nghĩ suy về cách thế làm sao để được an thân yên nghĩ thêm một ngày một bữa, thì đã có những con người chỉ nghĩ suy tới chuyện làm sao cho cả quê hương

vượt qua được thời hoang tàn đen tối. Trong khi rất đông người đổ đi giành giật từ tàn tích nát đổ những viên gạch vỡ về lót nhà riêng của mình thì có những con người mang tâm nguyện lấy xác thân đi lót nền cho ngày đất nước hồi sinh...

Những sự kỳ lạ như thế đã được nhắc nhở nhiều lần trong truyện ngắn nằm trong tuyển tập **Cậu Bé và Hoa Mai** của Phan Tấn Hải.

Hai chữ kỳ lạ dùng ở đây hoàn toàn không có nghĩa gì như “khác người”, hay “anh hùng”. Không, những con người mà ta cho là kỳ lạ ấy đã vẫn bước đi rất dung dị, thăm lặng, trầm tĩnh vững chãi, và gần gũi với mỗi chúng ta biết bao!

Giữa một giòng đời tàn loạn nghiệt ngã của những bước chân thăm lặng đơn độc dường như gói ôm không ít nỗi cô đơn. Nhưng giả như điều này có đúng đi chăng nữa thì qua Phan Tấn Hải, chúng ta biết rằng những con người đó đã không hề nói tới một nỗi cô đơn vị ngã nào. Mà cô đơn làm sao được. Không phải những bước chân đã là một vớ nền đất quê hương rồi sao? Dưới nền đất kia, bên cạnh những mầm cây trái đang thăm vươn lên cho giờ trẩy vọt hồi sinh, ai đếm hết những dấu chân người đã đi qua từ trăm thế hệ? Trên nền trời còn tang tóc hôm nay bao nhiêu cặp mắt vẫn đang nhìn xuống, bao nhiêu hồn linh đang rung chạm cận kề. Làm sao còn có chỗ cho niềm cô đơn nào?

Những bước chân có lẽ còn ôm mang nhiều yếu đau và thức thao dần vật. Nhưng tránh làm sao được. Cả một đất nước đang trong cơn đau nặng. Và trong “con bệnh nước” đó ai có thể đang tâm cho trí óc mình được an nghỉ. Những chuyên đi đã không dừng lại ở đoạn kết của mỗi truyện kể. Những con đường cứ mở ra mãi theo hướng lao tới của sức mạnh niềm tin, của niềm yêu thương và quý trọng con người, sự sống.

Ở người đọc sự đòi hỏi chỉ là: nhìn thấy và khôi phục. Nhìn thấy lại những con người kỳ lạ cũng lắm mà thân quen cũng xiết bao, trong ta. Khôi phục lại những niềm thương và lòng đảm lược. Ở đó trái tim lại đập những giòng máu mạnh mẽ. Đôi chân đứng bật dậy. Đôi tay mở tung chiếc cửa bí bưng ánh sáng. Để những bước đi hòa nhập vào giòng sông mãnh liệt lạ thường của dân tộc.

Ôi con đường hồi sinh của mùa xuân dân tộc mới đẹp làm sao! Những chân trời ráng hồng đồng chòm dậy. Những con người tràn trề sức mạnh khôi phục đồng loạt bước đi. Những rừng mai của núi đồi tinh khôi hiện rõ. Không phải chiếc cửa đã mở rồi ư từ sự đứng dậy đó. Của mỗi chúng ta.

NHÂN VĂN, 1986

NÚI SÔNG CÓ MÂY NGẢ TÌNH

Mặc dù anh tôi được người ta gọi là Đại Đức Nguyên Ân từ nhiều năm nay, tôi vẫn giữ thói quen gọi anh với tên Thi như ngày xưa. Anh có họ với tôi từ một đời nào đó mà cả hai đều không biết chính xác. Hình như chị họ của bà nội tôi là bà ngoại của anh. Và hai bà có họ với nhau thế nào thì cũng chẳng ai nhớ. Nhà tôi lại không có gia phả không phải là điều quan trọng như đối với những gia đình Khổng giáo. Thực sự, chúng tôi vẫn tin rằng những người đã từng gặp nhau một lần nào đó trong đời chắc chắn đã từng có họ hàng gì đó với nhau trong những kiếp về trước. Hoặc nếu không nữa thì điều đó cũng không hại gì. Có lần, tôi hỏi anh về việc có nên đổi cách xưng hô không. Anh trả lời với nụ cười

luôn luôn trên môi trông thơ trẻ và dịu dàng như búp sen thương được vẽ trên tay Phật Thích Ca truyền tâm ấn cho tổ Ca Diệp.

- Cứ việc gọi anh bằng tên thôi. Chúng ta đã từng mang hàng triệu triệu tên. Thì thêm hay bớt một tên không phải là điều để suy nghĩ. Đừng sợ anh buồn về điều đó. Khi anh đi ra đường, một đứa trẻ cuối đầu xuống thưa Đại Đức Nguyên Ân, anh có nên hãnh diện và vui vẻ không. Còn nếu nó lấy đá ném và gọi anh là thằng này thằng nọ, anh có nên buồn không. Tại sao một đứa trẻ lại có thể ban phát cho mình niềm vui và nỗi buồn được nhỉ. Ôi, cái tên, có gì đâu là đáng nhớ. Đôi khi, bất chợt, anh cũng đã quên bằng mất tên mình nữa đấy.

Anh đi tu từ khoảng cuối thập niên 60, ngay sau khi lấy xong Cử Nhân Triết Đông. Mọi người đều ngạc nhiên vì lúc bấy giờ văn bằng đó thật là hiếm. Thế mà anh lại chui lên một ngôi chùa sắp đổ nát tận đâu đó ở Bình Dương để xuất gia. Một lần lên chùa thăm anh, tôi nhìn thấy những vết nứt rạn trên tường được trét xi măng một cách vụn vè, vài đường nứt trên những viên gạch Tàu đã lồm xuống vì bước chân tín đồ, tôi đã chỉ cho anh.

- Tại sao chùa không làm mới lại tất cả, anh nhỉ?

Anh trả lời với nụ cười và những tia mắt sáng trong, với cả sự ngây thơ không còn ở tuổi anh nữa:

- Vị Tổ thành lập chùa đã di chúc rằng không được phép sửa chùa, ngay đến cả thay một viên ngói cho đến ngày đất nước được hoàn toàn hòa bình.

- Em thấy ngôi chùa đã quá xưa. Sợ là có lúc gãy mất một, hai cái cột thì nguy hiểm lắm.

- Chùa chỉ có hai người, ông thầy và anh thôi. Thế thì có gì là nguy hiểm. Tuy nhiên với thời gian thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Chính con người mình cũng đang bị tàn phá thì dăm ba viên ngói bể hay vài đường nứt trên gạch có đáng gì để bận tâm.

Lúc bấy giờ, tôi chỉ là một tên con trai mới lớn nên chẳng hề quan tâm nhiều tới cuộc đời hay giáo lý. Việc anh đi tu, với tôi, cũng tự nhiên như ăn như thở.

Anh là đệ tử đời thứ 36 hay một con số khoảng đó của dòng Lâm Tế chánh tông. Thực sự, nếu anh có là đệ tử đời thứ nhất hay thứ một ngàn, tôi cũng chẳng hiểu gì về chuyện đó. Tôi đã tin một cách đơn sơ vào mệnh lệnh bí mật đó của vị Tổ. Hẳn là nếu đêm nay đất nước mình bỗng nhiên hòa bình thì ngay sáng mai ngôi chùa đã biến hình thành nguy nga hơn, rực rỡ hơn do 108 vị La Hán lăng xăng kéo về dựng lại. Có thể là nhưng viên gạch Tàu lốm xuống kia sẽ trở thành những phiến ngọc xanh được mái vuông vắn để làm mát lạnh những lòng bàn chân người đến. Hay là những cành mai trồng quanh

chùa cũng nở rộ khắp hoa sen. Tại sao lại không được nhỉ. Tuy nhiên anh không ưa nói tới phép lạ. Khi anh biết có những đêm tôi ngủ ở chùa đã cố gắng chống cự với giấc ngủ trẻ thơ rình rập xem 108 vị La Hán cạy lên những viên gạch Tàu để thay bằng những phiến ngọc xanh, anh chỉ cười dịu dàng:

- Các Tổ thường gọi những phép lạ như vậy chỉ là những trò múa may của chồn rừng. Phép lạ lớn lao nhất chính là khi nào chồn rừng biến thành sư tử thôi. Khi đó em sẽ thấy rằng mình với người thực sự không hề cách nhau tới một sợi tóc.

Vài năm sau tôi mới hiểu hết những thuật ngữ nhà Thiền như chồn rừng và sư tử. Chồn rừng và sư tử chỉ là hai mặt của một tâm hồn. Anh không ưa giải thích hay lý luận nhiều. Có khi anh nói một câu bí mật, để rồi một năm sau hay nhiều năm sau anh mới giải thích.

- Vấn đề của một thiền sư không phải là tu từ chồn rừng trở thành sư tử, mà phải nhìn thấy ngay tức khắc mình đã là sư tử con rồi. Sư tử con thì chỉ cần một năm, hai năm là thành vua sư tử. Chứ còn chồn rừng thì biết tới bao giờ mới thành sư tử.

Có những lần sau buổi công phu sớm, chúng tôi thường ngồi hầu trà bên vị Thầy của anh để nghe pháp. Bàn kê ngay cửa sổ nhìn xuống chân đồi, cây xanh vươn lên giữa những vùng sương mù. Ba tách

trà đậm đưa lên lên những sợi khói mỏng thoảng giữa những làn hương từ các bàn thờ ngấm vào da thịt hơi thở chúng tôi. Giọng miền Trung của Thầy nghe uy nghiêm và thân mật vang lên giữa buổi sớm lạnh tăm, âm như tiếng gõ mõ chậm rãi nửa đêm.

- Thầy biết là những người mới tập Thiền dễ mê Thiền lắm. Cuộc sống vốn đã đầy rẫy những mê hoặc tại sao mê thêm một thứ nữa nhỉ. Nhiều người lại bước vào tà Thiền quay cuồng với việc xuất hồn lên các cõi trời hay chuyển pháp luân thở hít này nọ. Thế là lầm lạc biết tới bao giờ mới ra. Họ không hề biết rằng tất cả các cõi Trời, cõi Phật, khắp cả thế giới mười phương đều đã sẵn trong tâm này.

Có đêm đang khi trần trọc dỗ giấc ngủ, tôi bất chợt thấy thầy tới tốc mừng anh Thi và bảo anh xả Thiền để ngủ:

- Tại sao mình đang sống trong một thế giới này lại tạo thêm một thế giới nữa trong bụng làm gì. Không bao giờ có chuyện con chồn nhờ ngồi mà thành sư tử.

Sáng ra, anh có giải thích cho tôi là Thầy đang cảm anh ngồi Thiền một tháng. Nhưng anh không thể nào không ngồi Thiền được. Sự bình an có được đó không phải hàng ngày đều tìm được. Nhưng hễ đêm nào anh mò dậy ngồi dù là vào lúc hai giờ sáng, ông Thầy cũng thức đứng vào lúc ấy để mời anh ra nói

chuyện. Có một lần Thầy đã nổi giận với anh, nhưng tại sao sư lại nổi giận được nhỉ.

- Khi người ngồi thì người là Phật, thế khi người xả Thiền thì người là ma à?

Khi người ngồi thì người ở trong định, thế khi người xả Thiền thì người lại rối loạn à? Người phải xem ta như một người Thầy thuốc, lúc nào cho thuốc thì uống. Trong trường hợp của người thì ngưng ngồi Thiền là uống thuốc đấy.

Tôi không hiểu nhiều về những lời nói của vị Thầy lắm. Với tôi đó là những bài toán khó hơn nghìn lần những bài toán tích phân. Và tôi chưa có tham vọng lấy văn bằng Cử Nhân Khoa Toán do vị Thầy đó cấp.

Sau năm 75, cuộc sống trong chùa khó khăn hơn. Chùa ở xa hẳn thị trấn nên tín đồ tới thật ít. Đất của chùa chỉ là những mảnh chó gặm cũng gãy răng. Những đám cúng, đám lễ dần dần vốn đã đơn giản lại càng đơn giản hơn. Hộ khẩu anh lại ở Sài Gòn, nên việc cư trú lại càng rắc rối. Khi trận đói năm 76-77 xảy ra, Thầy phải gửi anh về nhà. Nhưng anh lại cố gắng lưu vong từ ngôi chùa này đến ngôi chùa kia ở ngoại ô Sài Gòn. Mọi người đều tôn trọng anh vì tìm được một vị sư nghiêm cẩn và học cao như anh cũng hơi khó. Lúc bấy giờ tôi không được gặp nhiều lắm, vì những bận rộn của việc kiếm sống và

lu bu với bạn bè. Những tin tức về anh, tôi nhận được đều từ gia đình của tôi thật là ít ỏi. Cả anh và tôi đều không trọng phép xã giao theo kiểu riêng của mỗi người nên việc gặp nhau cũng không là điều cần thiết. Cuối cùng anh về ở một ngôi chùa trên đường ra Vũng Tàu. Riêng tôi, bất cứ lúc nào rảnh rỗi, tôi đều tìm sách kinh để tìm hiểu về Thiền, sợ là mình có thể chết hoặc vào tù trước khi bước vào ngôi nhà không cửa đó. Những lần anh về thăm gia đình, tôi đều tìm anh để nói chuyện về đạo pháp và dân tộc.

- Trong con người em luôn luôn có một sức mạnh thúc đẩy em đi tu, nhưng tình hình thế này mà tu thế nào được. Lòng em cứ như lửa cháy khi nhìn thấy hàng loạt người dân vô tội kéo nhau vào tù. Người em cứ như điên lên khi nhìn thấy hàng nghìn người ngủ lê lét ngoài hè phố Sài Gòn. Làm thế nào họ sống được nhỉ giữa thời buổi này, nếu không phải ăn cắp, bán dâm, ăn xin... giữa lúc không có một mẫu giất cho phép họ là công dân Việt Nam. Anh thử nhìn những đứa con nít không được phép tới trường kia đang cời truồng chạy lông nhông dưới những gầm cầu nước đen xỉn, chúng nó không phải là em mình à, con mình à. Nếu biết được cuộc đời sẽ như thế này, hẳn là chúng nó đã xin được đừng xin ra đời thì hơn.

- Không phải bây giờ mới có khổ đau, mà hình như từ muôn kiếp rồi vậy. Anh thực sự không nghĩ đi tu là việc cần thiết đâu em. Rồi sẽ tới một lúc em thấy

những cảnh khổ đó cũng chỉ là một thoáng giấc mơ hiện lên trong giấc ngủ đêm qua. Rồi sẽ tới một lúc em thấy ngay cả những việc nghiêm chỉnh nhất như làm cách mạng, như đi tu thực sự cũng chỉ là một thoáng mây bay qua đi trong tâm hồn em. Vấn đề là giấc mơ kia qua đi và thoáng mây kia tan đi, cái gì còn lại trong em. Thấy được cái đó chính là Thiên.

- Thực sự là em không dám giết người. Em sợ việc đó. Ngay đến một con kiến, em cũng không dám đạp lên. Nhưng thử nhìn xem. Trong khi những cuộc tàn sát đang diễn ra khắp nơi trên nước mình, từ nhà tù cho tới hè phố, từ công khai cho đến âm thầm. Tất cả các ngôi trường đều dạy cho trẻ con thích thú và thành thạo những cách hành hạ người khác từ thể xác đến tinh thần. Làm thế nào em có thể ngồi bình yên được. Hôm trước em có làm mấy câu thơ:

Sao hện tu từ muôn kiếp trước
Còn trối tay vào lụy núi sông

Em tin là Tổ cũng quan tâm nhiều đến dân tộc, nên mới liên hệ thay ngôi trên chùa với ngày hòa bình của dân tộc.

- Đó là một điều bí mật mà chúng ta chưa hiểu hết được. Anh nhớ có lần Thầy kể rằng, Tổ tiết lộ sẽ có rất nhiều hóa thân của các vị A-la-hán đến Việt Nam để làm Phật Sự...

- Và chúng ta phải chờ tới bao giờ? Chờ tới khi những viên ngói trên chùa tan thành bụi?

Anh không ưa lý luận nhiều. Và tôi cũng không dám thấy cần phải lôi kéo anh. Điều này hoàn toàn không cần thiết. Lôi kéo một vị Phật vào một cuộc chiến tranh cũng có nghĩa là lôi kéo thêm nhiều rắc rối không thể giải quyết.

- Điều đó phải chăng chúng ta không cần phải làm điều gì cả?

Và dù tôi có chất vấn thế nào đi nữa, anh cũng luôn luôn trả lời với nụ cười dịu dàng:

- Em phải thấy Tánh đã. Rồi muốn gì thì làm. Nếu không thấy Tánh thì làm gì cũng sai lầm, dù em cứu sống hàng triệu người, đem hạnh phúc cho hàng tỷ người, điều đó cũng vô ích.

- Trời ơi làm thế nào em có thể thấy ngay trong đời này chứ. Làm sao có thể ngồi Thiền để chờ thấy Tánh, giữa lúc bao nhiêu đứa con nít đang bơi những đồng rác để tìm một mẩu bánh.

- Người ta không cần ngồi Thiền để thấy Tánh. Hai việc đó rõ ràng khác nhau. Vấn đề chỉ ở chỗ - anh trầm giọng xuống chậm rãi một cách nghiêm cẩn - Làm thế nào để thấy tất cả các Tướng đều không có Tướng, thì là thấy Tánh.

Ngôi chùa mới anh ở nằm trên đường đi Vũng Tàu nên cũng được khá nhiều tín đồ văn cảnh. Có một ít đất trồng đậu và lúa bên kia con lạch nhỏ sau chùa nên cuộc sống các chư Tăng cũng không vất vả lắm. Trong những thời gian về sau, tôi có dịp thường xuyên đi Vũng Tàu do một số việc, lần nào cũng ghé thăm anh. Có những bụi trúc nhỏ giữa sân rộng của chùa và những hàng cây khuynh diệp cao vút rũ những tua áo xanh vi vu trong gió. Những mái tôn ẩn dưới tàng cây vẫn dấu trong vẻ đơn sơ sự trang nghiêm. Chiếc cầu gỗ nhỏ ngang qua lạch đưa tới những đám lúa xanh rì còn là nơi dân chúng đi sâu vào tận trong rừng để lấy củi. Dưới con lạch đó là những bông sen vươn thẳng lên cao giữa những tàng lá rộng rãi bên mặt nước.

Khoảng năm 81, tôi có làm được một bài lục bát đề tặng Thiền Sư. Buổi chiều đó ghé thăm anh nhân một chuyến từ Vũng Tàu về Sài Gòn. Ánh nắng chiều vàng xen qua những kẽ lá lung linh trên mặt đất như những cánh hoa vàng ẩn hiện kết hợp rồi tan. Những chiếc lá khô xào xạc dưới những bước chân, rạn vỡ những hòn cây cỏ cuốn lăn theo gió chiều. Tôi gặp anh đang tiếp bốn cô thiếu nữ trong phòng khách. Hình như anh Tri khách Tăng thì phải. Bốn người con gái ăn mặc đơn giản như những người con gái tỉnh lẻ. Họ có một vẻ đẹp tinh khiết và ngây thơ mà tôi không dám nhìn quá lâu vào mắt họ, sợ là quá sỗ sàng. Nhưng trên những vầng trán đó

vẫn thoang thoảng nét ưu tư của những người lương thiện và có học giữa thời buổi này. Họ đứng lên xin phép ra về. Anh giải thích với tôi.

- Đó là bốn chị em đang sống ở Long Thành. Họ vẫn thường đi xe đạp qua mấy cây số để đến thăm chùa. Hai cô lớn đang đi dạy ở một trường cấp hai, cấp ba nào đó.

- Hay quá nhỉ. Em vẫn có thói quen nhìn thấy ai cũng đẹp. Khi em đang bước vào đây cứ ngỡ như đang bước ngược trở về một chuyện thần tiên nào đó.

Anh vẫn cười dịu dàng trước đũa em nghịch ngợm:

- Ngay khi anh vào chùa, họ đã đến thăm anh. Họ là những người con gái như được lựa chọn cho thế kỷ này. Một thời gian sau, khi đã tin cậy vào anh – dĩ nhiên là có những vị sư không đáng tin cậy, họ không nói nhưng anh biết – mấy cô mới nói cho anh biết là họ đang gìn giữ những sinh hoạt bí mật của gia đình Phật Tử ở Long Thành mặc dù lệnh giải tán của nhà nước đã có từ năm 1975. Hoàn toàn tự động đấy nhé, không một hướng dẫn của một Thầy nào cả. Họ giữ được tất cả những cơ sở của gia đình Phật Tử ở đó. Họ tổ chức thiếu nhi theo từng đội vài em và tự huấn luyện cán bộ lấy. Vậy mà gần 6 năm rồi đấy.

- Thế thí sinh hoạt làm sao giữa thời buổi này?

- Chỉ thuần túy tôn giáo thôi. Không một chút chính trị nào cả. Và hoàn toàn không giống những hình thức sinh hoạt trước kia. Không có một bài ca nào. Nhưng bù lại là những trò chơi hết sức thông minh và hứng thú để lôi cuốn thanh niên. Thí dụ như chủ nhật vừa rồi là trò “Thiện Tài đồng tử qua 54 thành học đạo Bồ Tát” kéo dài 7 giờ sáng tới 6 giờ chiều cho năm người học trò lớn của họ. Họ phải đạp xe qua bốn chùa. Anh chẳng biết họ làm gì ở ba chùa kia nhưng ở đây thì họ tìm 10 lời nguyện khác nhau trong 10 quyển kinh khác nhau, làm bốn câu lục bát trong khi dùng cơm trưa với các ni cô, và lấy có vào rừng phụ lấy củi cho chùa họ phải tìm mỗi người năm loại hoa cúng Phật. Tất cả đều phải làm trong thời gian ngắn nhất. Phần thưởng chỉ là một huy hiệu hoa sen bằng đồng từ thời nào đó.

- Em tin rằng chiếc hoa sen đó đã chuyển từ tay Phật trên hội Linh Sơn qua tay các Tổ rồi đến tay họ đây. Thực sự chính họ đã thực sự trở thành những hoa sen để trang nghiêm cho thế giới này.

- Và anh chỉ có việc duy nhất là giảng Kinh cho bốn người chủ chốt đó.

Tôi lấy ra bài thơ làm tặng anh cách đó mấy ngày. Trước giờ anh vẫn có thói quen thích đọc thơ của tôi. Anh đọc khe khẽ:

Nắng vào rừng trúc đã thưa
Gặp anh như gió nghìn xưa nhẹ về
Niết bàn có mấy ngã chia
Ngã xuôi phố chợ ngã về gác Kinh
Núi sông có mấy ngã tình
Nghìn hoa sen nở bất bình trong thơ

- Em cũng biết là mỗi một chữ viết ra đều gây thêm nghiệp lực trùng trùng. Nhưng chẳng biết làm sao cả.

Anh nhìn vào mắt tôi và cười:

- Dù sao đi nữa thì niệm cũng đã khởi rồi. Nhưng tại sao em không vào ngay chỗ không Niết bàn cũng không sinh tử. Cửa đê vào cửa Thiên là vô phân biệt đấy.

- Em thực sự không biết được là em có sống được với tâm vô phân biệt chưa, bây giờ em chỉ biết là em đang quan tâm tới việc thay ngôi cho chùa Thầy.

- Em sẽ bước vào được vũ trụ của tâm vô phân biệt ngay khi nào với chính đôi mắt trần này em thấy được, mặc dù mình đã sinh ra hàng triệu kiếp và đã chết đi hàng triệu kiếp, thực sự mình vẫn chưa từng sinh ra bao giờ và cũng chưa từng chết đi bao giờ.

Mình vẫn làm tất cả mọi việc trên đời nhưng không hề thấy có người đang làm, có việc được làm là lúc bấy giờ thì khổ đau chỉ còn là tiếng thờ dài đêm qua...

Chúng tôi chỉ nói chuyện về kinh sách với nhau kể về tin tức những người bạn chung của hai chúng tôi. Những người bạn xưa ở cùng Nhóm Nghiên Cứu văn học với tôi và bây giờ đã trở thành những nhà thơ mới của vĩa hè, những người bây giờ đã gửi sinh mệnh của họ vào trong từng câu thơ. Và mỗi một dòng thơ đọc lên là mỗi một bước gần thêm vào nhà tù.

- Nhiều khi em cảm thấy cuộc sống hết sức là kinh hoàng. Chẳng biết làm sao cả. Em không dám nghĩ tới việc lấy vợ trong xã hội này. Sinh con bây giờ, mình sẽ có tội với con của mình.

- Em có bao giờ dám nghĩ tới việc phát nguyện như thế này không: “Nguyện cho tôi đời đời kiếp kiếp đi khắp các địa ngục của mười phương để đưa tất cả chúng sinh trở về nơi giải thoát.”

Tôi kinh ngạc nhìn anh. Điều bày hẳn là quá sức tôi, vì ngay cả việc nghĩ thoáng qua lần thứ nhì chưa chắc gì tôi đã dám nghĩ đến. Và lại tôi đã từng ở tù và bây giờ cũng chưa rời được con sợ hãi. Thì nói gì tới địa ngục...

Hai tháng sau gia đình anh tin cho tôi biết là anh đang ở tù. Lúc bấy giờ tu sĩ bị tù rất thường. Nếu có một vị nào chưa vào tù thì mới là điều đáng ngạc nhiên. Ngày rằm sắp tới sẽ làm lễ cầu an cho dân tộc và cũng là riêng cho anh. Nhưng tôi, tôi đang nghĩ đến sự an nguy của các đội viên ngây thơ, bé nhỏ của gia đình Phật tử Long Thành. Gần hơn nữa là sự an nguy của bốn người thiếu nữ đang đi chân trần trong lửa đỏ ngất trời để thấy chính thịt da của mình cháy tan thành bụi phấn để trang nghiêm cõi Phật.

Tôi nhớ lại hôm trước anh có nói với tôi về một lời nguyện. Anh có bao giờ phát nguyện như vậy chưa? Xin đòi đòi kiếp kiếp đi khắp các địa ngục mười phương để đưa tất cả các chúng sinh trở về nơi giải thoát. Tôi nhớ lại trên khuôn mặt của anh chưa từng có một vẻ gì là gằn gủi với khổ đau. Tại sao anh lại có thể gặp tai nạn mà được nhỉ.

Có sức mạnh nào giữa lời nguyện kia và hoàn cảnh này không. Anh Thi – tôi bắt chợt gọi anh và nói thâm – thể là xong, những gì phải xảy ra đều đã xảy ra. Bây giờ thì anh hãy tin rằng, lịch sử nửa phần thế kỷ trước là của họ và lịch sử nửa phần thế kỷ sau có lẽ sẽ là của chúng ta. Nhưng sao lại ta với người nhỉ. Hình như một lần anh từng nói, ta với người không hề sai biệt.

Vào ngày rằm đó, tôi từ Vũng Tàu ghé vào chùa dự lễ cầu an. Lúc bấy giờ, lễ đã gần chấm dứt. Mọi

người đứng đầy trong chánh điện. Tôi thấy mẹ anh và vài người em đứng ở hàng đầu. Lời kinh tụng hòa vào nhau giữa tiếng mõ trầm trầm, trầm trầm như lời của các vị Phật tử muôn đời được lặp đi lặp lại. Vị sư bạn anh Thi đang quỳ ở nơi chủ lễ. Những lời kinh cao lên và chìm xuống quyện trong mùi hương trầm lơ lửng giữa không gian rồi tan đi theo từng ngọn gió nhẹ. Ở những hàng giữa là bốn chị em kia và thêm chừng mười thanh niên, thiếu nữ nữa, tất cả đều mặc tràng xanh. Những hình dáng gầy, thanh mảnh như những cánh hoa thường được ép vào những trang kinh để giữ thơm cho chữ. Và bây giờ thì khi lịch sử cần đến, những cánh hoa ấy đã rời những bộ sách trang nghiêm kia để giữ thơm cho đời. Trong mắt tôi, những thiếu nữ và những cậu bé kia chính là những Nga Mi nữ hiệp, chỉ còn thiếu những thanh kiếm đeo choàng sau lưng áo tràng thôi.

Khi buổi lễ chấm dứt, tôi đến chào vị sư, mẹ anh Thi, các em của anh và những người tôi quen. Người chị lớn trong bốn chị em bước đến gần tôi:

- Thưa anh, thầy Nguyễn Ân có vài lời nhắn với anh.

Chúng tôi bước ra sân, đứng bên một bụi trúc. Người con gái mở sách lấy ra một tờ giấy quyển vàng óng đưa cho tôi và nói:

- Trong lần thăm nuôi vừa rồi, tôi đại diện chùa đây đi thăm, thầy có gởi được tờ này ra cho anh.

Tôi nhìn người thiếu nữ trang nghiêm đó:

- Gặp được cô ở đây, tôi an tâm vô cùng. Thầy Ân có nói chuyện với tôi về các cô. Và tôi thực sự lo ngại về những chuyện xảy ra ở đây.

- Chúng tôi phải bất động hai tuần để chờ những tai họa dây chuyền, nhưng chẳng có gì cả. Và riêng bốn chị em chúng tôi cũng hết sức lo ngại cho anh vì chúng tôi biết rằng anh có làm một số thơ phổ biến hạn chế.

Tôi mở tờ giấy quyền gấp tư kia ra, những hàng chữ bằng bút chì của anh Thi viết vội ngả nghiêng hiện ra:

“Gởi nhà thi sĩ nhỏ của anh,
Đừng lo gì cho anh. Hãy quan tâm đến việc thay
ngói cho chùa”.

Tôi gấp lại cho vào túi và nói với người chương môn trẻ của các Nga Mi nữ hiệp:

- Thực sự nào ai biết được. Niết bàn hay sinh tử, đường nào rồi cũng vô nhà tù. Cảm ơn cô nhé.

- Bây giờ anh hãy về đi, ở đây đang có một số người không tốt.

- Chúc các cô bình an.

- Vâng, cảm ơn anh. Chúng tôi cũng chúc anh bình an. Đó là những lời chúc cần thiết nhất giữa những giai đoạn này.

Một tháng sau tôi đến thăm Thầy ở Bình Dương để từ giã trước khi bước vào một cuộc vượt biên. Thầy đã biết tin về anh Thi ngay sau khi chuyện đó xảy ra từ bà mẹ của anh. Tôi không biết có viên ngói nào đã bể chưa, nhưng vách tường của chùa đã có nhiều vết nứt như màng nhện. Những sợi tóc ngắn của Thầy đã mọc lờm chớm trắng xóa. Buổi sáng, sau buổi công phu sớm, chúng tôi vẫn giữ thói quen uống trà chờ những tia nắng đầu tiên của mặt trời.

Và nói về người học trò của Thầy đang ở trong những song sắt. Tôi kể về những dòng chữ anh Thi nhắn ra.

- Thưa Thầy, ở trong xã hội này không ai có thể biết được chuyện gì năm phút nữa sẽ xảy ra cho mình.

- Cho phải thâm tín vào luật nhân quả. Những gì mình buộc thì chỉ có mình cởi được thôi. Thầy tin rằng Nguyên Ân đã có đủ vừng vàng để có thể tự liệu lấy một mình. Cho dù có đổ về mười ngàn trận

bảo một lúc đi nữa, thầy hy vọng rằng tâm hồn Nguyên Ân cũng sẽ bình lặng như mặt hồ. Vấn đề quan trọng nhất của Ân không phải là bước vào một nhà tù hay 10 nhà tù, mà là phải nhìn cho tới khi mây tan đi để thấy được mặt trăng tròn vằng vặc.

- Thưa Thầy, mặc dù rồi con sẽ rời nước ra đi, nhưng con vẫn tin rằng con sẽ về được Việt Nam trong thời gian gần.

- Thế thì con đi để làm gì?

- Thưa Thầy, con đi lo việc thay ngôi cho chùa.

- Con đừng bao giờ nghĩ rằng con đang làm một việc gì đó tốt đẹp cho một người hoặc nhiều người. Con cứ làm tất cả mọi việc trong trần gian, hy sinh cả chính sinh mệnh mình, cho tất cả những gì mình có, nhưng phải thấy rằng không hề có người đang cho và cũng không hề có vật nào cho.

- Thưa Thầy, thế nào để bước vào ngay được cửa của Thiên?

- Chỉ cần con đứng lại và buông xả hết thế là xong. Con phải thấy mình là đại dương chứ không phải là bọt nước. Phải sống như đại dương. Sống như bọt nước thì còn phân biệt giữa bọt nước này với bọt nước kia, chứ còn đại dương thì vô phân biệt...

Tôi trở về Sài Gòn giữa nắng chiều và lời nói của Thầy. Đây không phải là lần cuối tôi lên chùa. Thực sự tôi đã từng lên chùa từ muôn triệu kiếp và sẽ còn lên chùa mãi mãi. Tôi nhủ thầm: “Anh Thi, em tin rằng anh luôn vẫn bình an. Hãy chờ xem em làm việc. Em không phải là một thằng tòi. Kính thưa Thiền sư tóc trắng của anh và của em, Thầy thực sự là một người phù thủy già đã ngồi trên những đỉnh núi Bình Dương từ hằng triệu kiếp, đang đưa mắt nhìn những cậu bé con len lỏi giữa những cánh rừng đồng bằng tìm đường lên đỉnh núi. Hỡi người phù thủy tóc trắng đã biến những chồn hoang thành sư tử, đã thổi tan đi những đám mây để lũ bé con nhìn được trăng lên vàng vạc, đã đưa dài tay xuống quây nước sông Đồng Nai thành sữa ngọt. Con đang đi giữa những con mộng trần gian, làm tất cả những việc phải làm trong mộng mà không hề thấy có ai đang làm cả. Bọt nước rồi sẽ tan đi, tất cả chỉ còn là đại dương”.

BỆNH NƯỚC

Hai đứa ngồi chung một bàn từ những ngày đầu của năm Đệ Thất. Và đã trở nên thân với nhau dù thời gian qua đi chỉ tạo nên những sự trưởng thành càng lúc càng khác biệt. Ngay cả lúc hai đứa cùng khoanh tay trên bàn đưa mắt nhìn lên bảng thì vẫn có hai thế giới riêng đang mơ mộng càng lúc càng xa nhau hơn. Trong khi Dân chăm chú nhìn cô giáo và lắng nghe từng tiếng lách cách của vở trống bà Âu Cơ nở ra cả một dân tộc, thì Tới lại đang băn khoăn không hiểu tại sao cô chưa đưa tay gỡ lấy gỡ để vì những hạt mắt mèο hấn bóp vụn và trét đây trên bàn ghế cô. Nhưng tình thân đã càng lúc càng sâu hơn theo từng bước đến trường. Thời gian đã trôi qua với những mùa thay lá của hàng cây trắc bá trước cổng trường, thì hai đứa như đường đã chia nhau một cõi, đứa mặt trời, đứa mặt trăng để cùng nhìn về trái đất. Rồi những năm lớn hơn, trong khi Tới trốn học chỉ để ngồi nơi thềm cửa ngôi nhà thờ trước cổng trường chúι đầu vào quyển Buồn Nôn vờ như đang

tìm cách khám phá ra những ngôn ngữ mới, thì Dân lại đang say sưa theo dõi từng bước sa lầy của Napoléon trên bảng. Và Dân đã chỉ mỉm cười khi một lần Tới vụng về ngụy biện với một câu nói đã lượm được của một nhà văn:

- Tất cả sự bê bối của tao chỉ là để làm tăng thêm sự tốt đẹp mà mày và những đứa khác đang làm.

Và chỉ từ năm Đệ Tam trở đi, Dân mới thích thú trốn học với bạn từ khi hẳn khám phá ra Thư Viện Quốc Gia nằm khiêm tốn trên lầu Viện Khảo Cổ đường Gia Long. Tình thân của hai đứa không cần phải cùng chia sẻ những thú vui tẻ nhạt như vậy, nhưng rõ ràng là điều này đã làm chính đáng hơn cho những lý do của Tới khi phải đưa bạn Tới Thư Viện rồi đành phải lang thang đâu đó, chứ không thể trở về ngôi trường xa mút Chợ Lớn kia rồi trưa lại quay lại. Đôi khi vì nể bạn, chứ hoàn toàn không phải là ham mê mớ giấy mực vàng óng thời gian kia, Tới lại bước lên gian phòng khổng lồ ngồi đọc vớ vẩn một quyển nào dễ nuốt nhưng cũng phải mất ít nhất là mười lần bước xuống đường ngồi hút thuốc và ngó người qua lại.

- Lần đó – Dân giải thích cho bạn nghe – Tao lang thang trên những đường phố Sài Gòn và bất chợt nhìn thấy những bậc thang nhỏ hẹp của Thư Viện. Khi leo lên căn phòng khổng lồ và kéo ra những học tủ đưng đầy những tâm phích ghi tên sách thì cả một

vũ trụ đang mở ra trước mắt tao. Hàng triệu ông già đầu bạc kính trắng đang chui trong những ngăn kéo đó, và khi mình kéo ra xoạc một cái thì các ngài thò đầu ra, ông thì nháy mắt mắt với mình, ông thì mỉm cười mơ màng và cả những ông đang quạu quọ la hét âm ỉ. Thậm chí tao còn nhìn thấy có cả những ông được xếp nằm bên nhau cả gần trăm năm mà vẫn còn cãi nhau hung hãn. Đó là một vũ trụ tuyệt diệu mà những ông Thầy của mình chắc mới đi được nhiều lắm là một phần mười. Nhưng lão quản thủ không cho tao mượn mới chết, lão bảo nếu cậu chưa có bằng Tú Tài Một thì phải là ít nhất 21 tuổi. Sang tuần sau, tao “chơi một thẻ học sinh Đệ Nhất trên phòng Hiệu Trưởng” thế là ngang nhiên vào Thư Viện nghe cả triệu lão già đùa nghịch.

Buổi sáng, hai đứa gọi xe đạp nơi một quán cà phê gần trường, chờ Thầy Giám thị điếm danh xong mới tìm cách nhảy cửa sổ trèo công ra đi. Năm Đệ Tam là năm của vui chơi và những ông Thầy của Chu Văn An vẫn còn thói quen tự nghiêm khắc với chính họ hơn là nghiêm khắc với những mầm non của dân tộc. Được cái là tất cả các phòng của trường không còn một cửa sổ nào gọi được là nguyên vẹn. Nhưng Tới vẫn không chịu nổi cái không khí ẩm mốc của sách vở ấy. Gần như bao giờ cũng vậy, khi đưa bạn tới thềm của Thư Viện, Tới lại cảm thấy có một lý do nào đó để không phải bước vào, và ở trên đời thì có biết bao nhiêu lý do để cảm thấy mình không cần phải làm một cái gì đấy. Hoặc là ngày hôm ấy,

quyển sách của đời đã lật đến một trang đầy tình tiết ly kỳ gay cấn mà ngày nào của Tới lại chẳng hứa hẹn tới một trang đầy tình tiết ly kỳ gay cấn như vậy. Rồi những ngày chưa tìm được một lý do nào mới có vẻ hấp dẫn hơn, Tới lại rùng mình nhìn những bậc thang gỗ thăm thẳm mờ tối của Viện Khảo Cổ đưa lên Thư Viện Quốc Gia và nhún vai một cách rất xi nê:

- Trưa nay tao sẽ tới đón mày. Tao không ngờ nổi cái nhà mò chữ nghĩa này.

Có lẽ Dân chịu nhiều ảnh hưởng từ người cha của hắn. Và ngay cả những năm nghịch ngợm nhất đó của Tới, mỗi khi phải tới nhà rủ bạn đi chơi, Tới vẫn rụt rè khi phải tiếp chuyện với người mà hắn gọi theo Khổng Tử là “miếng thịt cắt không vuông không ăn” đấy. Ông cụ có một vẻ mặt phong trần và nhiều ưu tư của một thế hệ đã cố gắng làm một cái gì đó nhưng cuối cùng đã không làm được nổi. Ở trên lầu là một tủ sách lớn chữ Pháp và Việt về những đề tài vẫn thường gây bạo loạn trên thế giới và tất nhiên là rất xa lạ với Tới. Và chỉ cần chúm mắt vào đọc thoáng qua bất kỳ một trang nào đó thôi, cũng đủ cho Tới về nằm sốt mất mấy ngày. Hắn thường tỏ ý ngạc nhiên với Dân:

- Tao không thể hiểu nổi tại sao mày lại ưa thích vật lộn với những đề tài không phải của tụi mình ấy.

Nhưng Dân đã nhìn bạn với cách như dường còn ngạc nhiên hơn nữa trước câu hỏi đó:

- Đúng ra nó là đề tài của tất cả mọi người, mà tội mình chưa hiểu kịp hết thôi. Ông già ưa tâm sự về ba cái chuyện đó lắm và cuối cùng thì tao đã nhận ra là thế hệ của ông vào cái tuổi của tội mình đã sống hăng nồng hơn, đã đau khổ hơn và cũng đã hạnh phúc hơn tội mình nhiều. Không phải là họ đã sống trong một dân tộc, mà chính là cả một dân tộc đã sống trong chính họ.

- Đôi khi mình nghe vẫn thú hơn là đọc đấy.

Dân vẫn thường mỉm cười độ lượng với sự lười lỉnh của bạn. Nhưng những dịp hai đứa ngồi uống cà phê ở một quán vỉa hè nào và nhìn buổi chiều rơi dần xuống phố thị, thì Dân lại kể cho bạn nghe về điều gì đó hẳn đã đọc được về đủ thứ đề tài. Có lúc là chuyện Hitler đã xông vào từng quán nhậu, quán bia để dựng lên được Đảng Quốc Xã Đức thế nào, có lúc về chuyện ông Lạc Long Quân ngày xưa đã làm những câu thơ như thế nào để tán tỉnh Bà Âu Cơ và bây giờ đã bị lẫn lộn vào những dòng ca dao bất tử. Tội vẫn luôn luôn bất ngờ trước những hiểu biết đó. Một đôi khi, Dân lại kể về những chuyện không đến từ sách vở.

- Ông già mình có lần kể về những cuộc kháng Pháp và tranh chấp đảng phái ngày xưa. Gần như tất cả

các thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ đều đang làm một cái gì đấy và nếu không làm được hẳn là họ sẽ đau khổ lắm. Và ông kể về ông bác mình đã tử trận trong đoàn quân phục quốc của anh Nông Quốc Long khi về Lạng Sơn thế nào. Khi đó mình thích thú lắm và đã nói với ông Già mình: “Thưa cha, con tiếc là không sinh ra ở một thời nhiều chuyện vui đến như vậy. Nhưng cha còn chưa kể là khi đó thì cha đang làm gì”. Cha mình lúc bấy giờ đã cau mày lại, tay đang cầm chén trà mà vẫn làm sóng sánh ra ngoài, mình chưa bao giờ thấy ông già mất bình tĩnh đến vậy. Mặt cha mình tái nhợt đi, đưa dần tách trà xuống, một chập sau mới nói chậm rãi với giọng mà mình nghe được trong đó cả tiếng rạn vỡ của một con tim: “Cha nghĩ là con có thể làm được nhiều việc hơn cha. Con đừng bao giờ hỏi cha những câu hỏi như vậy, những câu hỏi đó thường chỉ được dùng để tự tra vấn mình thôi”. Và mình vẫn còn ân hận cho tới bây giờ...

Lần đó, Tới có một lý do hết sức chính đáng để bỏ bạn một mình ở Thư Viện dù là lúc ấy Tới cũng đang cần học thi Tú Tài Hai sắp tới, nhưng cách nói của hẳn đã làm cho người nghe thấy là chính hẳn cũng chưa tự thuyết phục được:

- Hôm nay tụi nó rủ tao lên Trung Vương chơi...

Dân vẫn không bao giờ thắc mắc dù là lý do nào đi nữa, và cũng chẳng cần nghe đến chuyện hôm nay

trời sập vào lúc 12 giờ hay 6 giờ... Buổi trưa khi Tới quay về đón bạn và lúng túng giải thích về những vết xây xát trên người là do cuộc đụng chạm thiếu nhẹ tay với anh em Võ Trường Toàn, Dân đứng thềm của Thư Viện nhìn xuống và nói nửa đùa nửa giỡn:

- Tao không nghĩ là những cậu học trò của nhà Nho Chu Văn An lại có thể thích thú với những người con gái của Bà Trưng chưa biết cỡi voi đó...

Ở trên phố buổi trưa thật vắng người đi lại. Những vạt nắng loang lổ khắp trên vỉa hè đường, lác rác một màn mưa mỏng lá me, Tới ngẩng lên nhìn bạn. Dân đứng giữa khung cửa đá chạm trổ cây kỳ của ngôi Thư Viện theo kiến trúc của Pháp nhìn xuống Tới dưới đường, trước mặt là ánh trưa hè rực rỡ, và sau lưng là bóng tối của ngôi hầm Khảo Cổ, trông như một pho tượng Hy Lạp biết suy tư. Hai đứa nhìn nhau như đang đứng từ hai tinh cầu cách nhau hàng tỷ năm ánh sáng nhưng cảm thấy trong người bạn kia có thể là những phần thân thiết nhất mà mình thiếu sót.

Khi lên Đại Học, Dân vào Luật. Rõ ràng là Tới không ưa những môn học mà hẳn gọi là để trở thành những lão già áo đen áo đỏ cãi nhau một cách trịnh trọng về một điều chương gì đấy đã ghi lại được trước đó mấy chục năm, sau một cuộc trịnh trọng cãi nhau của những lão già áo đỏ áo đen thời đó, đê kết

luyện là mình phải làm cái gì bây giờ. Dân không để tâm ba cái vụ chỉ trích đó vì hẳn biết là không có cánh cửa nào thích hợp mở ra cho Tới cả trừ ba cái môn học lắm cảm nhẹ nhàng của Văn Khoa:

- Trước khi mình muốn tạo ra một trật tự mới cho xã hội thì phải hiểu biết về những trật tự cũ của nó. Thế hệ của tụi mình phải là thế hệ của những người tạo dựng trật tự chứ không phải tuân theo trật tự. Có những người sinh ra vì lầm lẫn, tụi mình thì không như vậy.

Những năm này của Sài Gòn đã hiện lên vẻ gì không hợp lý của xã hội, nhưng hầu hết không biết phải làm gì hoặc là không đủ đờm lược, hoặc là chính mình lại là thành phần đang được ưu đãi. Ở những nơi khác của đất nước, tiếng pháo trận vẫn dòn dập không ngừng thúc giục hàng loạt người xông lên cản chân bọn Cộng sản, thì ở đây người ta diu nhau đi nhảy đầm mỗi đêm mà vẫn vờ quên rằng mỗi tiếng nhạc của họ là một bước khụy xuống của người anh em vừa chết đêm nay. Những nhà thi sĩ ưa mơ mộng của thế giới chính trị thứ ba, thứ bảy gì đó thì đứng lên kêu gọi một cuộc hôn nhân lãng mạn giữa Sài Gòn và Hà Nội. Nhưng lịch sử đã bỏ mặt những dòng thơ như vậy và vẫn xoay chuyển theo tiếng súng ngoài biên.

Khi Lệnh Tổng Động Viên năm 72 ban hành thì Dân phải nhập ngũ. Tới vẫn ngạc nhiên không nghĩ là

một tên nhiều ý thức phản kháng mãnh liệt như Dân lại có thể trở thành một sĩ quan coi ba cái xe phun lửa vớ vẩn của Thiết giáp.

- Tao vẫn tin là mày phải là một cái gì ngon lành hơn...

- Nước mình đang ở trong cơn bệnh lớn. Mình có thể làm được cái gì bây giờ và phải làm cái gì bây giờ bây giờ cho thực sự là tích cực nhỉ? Khó lắm. Để xem. Chớ để tắt ngọn lửa trong tim.

Thỉnh thoảng Dân lại về phép thăm Tới, và khi về đơn vị lần nào cũng ôm theo hàng chồng sách để đọc. Hắn trở nên trầm hơn theo cùng những nét phong sương trên mặt, nhưng những tư tưởng bộc lộ với Tới vẫn không ngưng cửu mang những chân trời mới cho một xã hội sắp tan rã. Mặc dù đôi khi hắn cũng có một chút trác táng như những thanh niên khác, với những lần hắn về rủ Tới “xuống xóm”, hắn gọi nhẹ nhàng như vậy. Nhưng mỗi khi bước ra những hàng động đó, Dân lại lầu bàu với Tới về hành động của mình.

- Rồi tao sẽ không bao giờ bước tới những nơi như thế này nữa. Nó làm hư người đi. Và chỉ gây cho mình thêm những đau khổ vì nhìn thấy chính sự bất lực của mình trước một xã hội đang băng hoại.

Một lần Tới đã đưa cho Dân đọc một bài thơ tình cảm lãng nhãng mới làm, Tới vẫn còn đủ ngây thơ để ưa ba cái vụ màu mè này. Dân đọc thoáng qua rồi xé tung bài thơ, rồi đưa tay sửa sửa cái mũ bê rê đen trên đầu như sợ có cái gì có thể làm lệch đi những cái đang ngay ngắn trong đầu hắn.

- Bài thơ này bốc lên cái mùi của một Trần Hoài Thương Thương hay Trần Thị Tới nào đó, chứ không phải của một Trần Văn Tới.

Tới đã trả thù bằng một câu độc địa:

- Nguyễn Du mà gặp mày, rồi cũng phải chửi thề thôi.

Dân nhăn mặt lại, trước giờ hắn vẫn không ưa những kiểu nói “thông minh” sỗ sàng như vậy. Và lại mấy ngày trước hắn vừa mua tặng Tới tập Tố Như Thi và còn chú thích cẩn thận những câu mà hắn cho là ưu hoài thời cuộc, chắc cũng là mong cho thằng bạn có lòng hơn một chút.

Vào năm 1975, Sài Gòn ở trong một hoang mang cùng cực. Có một sự chuyển mình mệt mỏi nào đó trên những khuôn mặt phố phường, như thể một cơn bệnh vừa dứt xong cơn bệnh ghê chóc lại bắt lấy một chứng giang mai. Người ta dè dặt từng bước một ngoài phố vì sợ sập phải bẫy giăng trên từng phân vuông trên đường. Dân lại cuốn gói vào trại cải

tao. Nhưng ngay năm sau hắn đã trốn trại về Sài Gòn. Dân về ở nhà Tới khoảng một tháng, chỉ đến buổi tối hắn mới theo Tới ra quán cà phê hoặc đi vài nơi nào đó, thăm bạn hay tìm vài quyển sách. Trên căn gác nhỏ của Tới, hắn đọc nhiều khi đến suốt đêm mặc cho tên bạn đã lẫn ra ngủ tự hồi nào. Hắn đọc kỹ từng câu một, như một vị thầy trách nhiệm đối với luận án của người học trò, từ bộ Tuyển Tập Lê Nin mười mấy cuốn đến Từ Bản Luận của Mác. Đôi khi thấy Tới có vẻ trần trọc chưa ngủ được, hắn lại lay dậy bàn chuyện, mặc cho những sự cau mày có thể xảy ra.

- Mà đã đọc hết ba cái cuốn lý luận văn học của Việt cộng tao đem về chưa. Trước tiên đây phải là cuộc chiến giữa những cái đầu và con tim, và mình phải biết tất cả những gì bí ẩn kín trong đầu trong tim tụi nó. Sau đó mới tới phương pháp hành động, kỹ thuật tổ chức này nọ. Rồi tao sẽ trở thành một tay bác sĩ chuyên trị bệnh hoa liễu...

Có lúc hắn lại tâm sự với Tới về mấy chuyện trong tù.

Chỉ ở những nơi cùng cực đau khổ vậy mới biết thằng nào có thể làm việc được hay là không. Nhưng nói nhiều thì bi thảm quá. Trong đó có thằng còn đòi dạy tao ngồi Thiền để giữ lòng bình an là chuyện vô lý. Tụi nó lại đua nhau giảng đạo, nói về ba cái phép lạ của các vị Phật với Chúa và Đức Mẹ vân vân.

Không phải tao muốn xúc phạm, nhưng rõ ràng đó không phải là chuyện của tao. Tao có bực bội phang một câu, ngay đến một thầy bùa, thầy bắt rắn ở Miền Tây còn biết làm phép lạ, vậy thì đó không phải là chuyện để cho mình thần phục. Tụi nó suýt đập tao một trận khi tao dứt điểm là, đức tin chỉ dành cho những kẻ thiếu tự tin... và không thể đốt nhang mà đuổi được Việt cộng.

Hắn vẫn thường nói chuyện thiếu nề nang như vậy, mặc dù Tới có nhăn mặt mấy lần trong một câu đi nữa.

Sau đó, Dân về ở với một bà chị ở Bảy Hiền. Một buổi sáng, hắn đạp xe đi rất sớm đến tối mịt mới về, như tất cả những người làm ăn lương thiện đã gồm thêm nhiều nghĩa khác như “chạy mách” hay “chụp giựt” vân vân. Dân giải thích cho Tới là hắn đang đi bỏ mồi hủ tiếu khô từ Lái Thiêu về Sài Gòn và hướng ngược lại cũng là bỏ muối gì đó. Ba cái chuyện này thì Tới đâu có cần nghe đến, mà chỉ muốn nghe chuyện gì khác mãnh liệt hơn, nhiều chất tiếu thuyết hơn.

- Từ từ, lúc nào có gì tao tin tưởng được, tao sẽ gọi.

Đừng sợ không có việc làm, chỉ sợ mình thiếu can đảm thôi. Mà còn khá ngây thơ nên tao phải lo cho mày kỹ hơn tao nữa. Tao không ưa kiểu anh hùng Lương Sơn Bạc hoặc là vô tổ chức. Thế nào rồi tụi

mình phải làm được cái gì đó, nếu không thì tự tử ngay bây giờ còn tốt hơn. Nhớ gọi tao là Quang nhé, một cái giấy mới kiếm được...

Tới là dân Sài Gòn chính cống nên không thể phát âm phân biệt giữa Quang và Quan, đôi khi vì trí nhớ lầm lẫn lại gọi bạn là Giang hay Hoan gì đó, nhưng vẫn chưa hề gì. Ngay đến cả Công an còn biết rằng mỗi người dân bây giờ xài ít nhất là mười tên cơ mà. Buổi tối, thỉnh thoảng hai đứa lại ngồi tới khuya ở một quán cà phê quen thuộc chỉ để nhìn phố đêm tối mịt dưới ánh đèn điện ngày có ngày không, và có lúc thì trao cho nhau những lời tâm sự.

- Tao thấy là những tay thi sĩ Liên xô như Maiakovsky hay Essenine cuối cùng rồi phải tự tử bằng súng thôi. Một nhà thơ phải có can đảm tự xử như vậy khi thấy mình chỉ viết những điều tầm bậy cho một xã hội còn triệu lần tầm bậy hơn...

- Một nhà thơ không có nghĩa là phải nhìn về một mảnh quần hồng hoặc là cái đầu nhà lãnh tụ, mà phải là người dám sống dám chết dù là có áp úng không nói được thành lời tới một câu. Tụi mình bây giờ làm việc thực là khó, nếu mày tỉnh một tí thì sẽ thấy công an đầy đầy cả, còn ba cái thằng điếm chỉ bệ rạc ngồi bán thuốc lá hay trà đá ở ngoài đường nữa. Không hiểu làm sao những đứa con của tụi nó có thể chịu đựng vì có những thằng cha kinh tởm như vậy.

Một đêm, Dân về nhà Tới ngủ và cho biết là hôm sau hắn sẽ vào chiến khu. Trên căn gác nhỏ, hai đứa nằm uống cà phê và đốt điếu thuốc tới tận khuya. Giọng Dân vẫn mãnh liệt và đôi khi thì cộc cằn như những ngày trước.

- Thật ra tao biết tới vài chỗ làm việc cơ. Vấn đề là mình nên làm việc với nhóm nào. Mình nên tự đánh giá mình trước, mình có đủ bản lĩnh để làm cái gì, cỡ Quận trưởng hay Tỉnh trưởng hay cao hơn nữa! Và sau đó thì tìm những cái đầu tinh vi hơn cấp Trung Ương của Việt cộng mà làm việc. Nhưng để nhận rõ hết tất cả những điều đó thì thật là khó, bởi vì chỉ có qua việc làm mới thấy được thôi. Cuối cùng cũng phải bước liều nào đó, vì tao thuộc loại người không thể sống bình yên nổi. Mà cứ bình tĩnh chờ tin tao. Tao biết cách làm việc...

Tới gồi đầu lên mở sách ngôn ngữ nhìn bạn, đêm nay Tới chỉ muốn nhìn và nghe thôi, thật sự thì lời nói lúc này không còn cần thiết nữa, cuộc đời đã có quá nhiều điều kinh khủng và cũng thật có quá nhiều điều tuyệt diệu. Ở ngoài phố kia hẳn là đang có những bước tuần của công an và cả sự sợ hãi của những người dân về cận giờ giới nghiêm, nhưng trong này, trong này là người bạn thiết thân kia và cũng là hiện thân của những gì tinh anh nhất của dân tộc. Tới muốn nghe hết giọng nói của bạn mình, chỉ nghe thôi, và nhìn bạn và cười với bạn, và muốn

nghe cả sự im lặng của bạn, sự im lặng của những tâm bão...

- Mình phải sống như thế nào để tụi Việt cộng phải ân hận vì đã hy sinh cùng thời với tụi mình...

Từ đó, lâu lâu Tới lại thăm bà chị họ của Dân. Nhiều tháng đã qua nhưng vẫn chưa có tin gì của Dân. Tới vẫn mong một đêm nào đó, khi hắn đang ngồi trầm tư nơi quán cá phê quen thuộc, cũng chỗ ngồi quen thuộc, ở ngoài đường từ ngày Dân đi không có gì đáng để nhìn nữa, và khi bất chợt ngẩng lên thì người bạn kia đang đứng lừng lững trước mặt, có thể là bụi đường bám nhiều hơn trên áo, có thể là có vài sự tóc bạc đến sớm, nhưng vẫn là nụ cười đó và vẫn là kiểu nói sâu sắc lẫn với cộc cằn đó. Nhưng Dân vẫn chưa về như vậy. Đôi khi Tới thấy bứt rứt lạ, ngày tháng chỉ còn là chờ đợi, và Tới không muốn như vậy. Hay là một đêm nào, Tới leo về căn gác nhỏ và thấy tên bạn đang nằm cũng giữa sách vở ngổn ngang...

Một buổi chiều, Tới đến nhà bà chị của Dân và gặp bạn đang đi lững thững trong sân với hai tay chấp sau lưng. Tới gọi bạn và quăng vội chiếc xe đạp vào gốc cây. Dân ngẩng lên nhìn, đôi mắt vẫn sâu thẳm ưu tư nhưng có cái gì như hơi ngơ ngác, như hơi ngây thơ của trẻ. Chấp sau Dân mới nói thông thả:

- Tới hả? Thôi vô nhà nói chuyện đi.

Tới vào theo bạn, và ngạc nhiên vì thoáng bắt được chút ngờ nghệch của bạn. Dân kể sơ lược lại cho Tới nghe những ngày làm việc của hắn, giọng nói không còn sự mãnh liệt và cộc cằn như xưa, mà mang một vẻ từ tốn, bình an và cả hạnh phúc, và lạ là cả một chút ngỡ ngàng nữa. Dân về Sài Gòn được một tháng rồi, hắn không để ý tới sự ngạc nhiên của Tới khi nghe điều này, như muốn bạn giải thích tại sao lại không tìm nhau trước. Dân và anh bạn Thiếu Tá Biệt Động đã bị bắt ở Long Khánh. Công an xã đập mấy ngày để khai thác, nhưng họ vẫn giữ lời cung là hai người đi làm than trên rừng. Việt cộng đã quen với những lời khai kiểu này, nhưng không có chứng cứ gì mặc dù có nhiều yếu tố để nghi ngờ. Hai người bị nhốt riêng ra để đối chiếu lời cung nhưng trò này vẫn vô ích. Cuối cùng, Công an quyết định xử bắn họ đêm đó.

- Đây là cái đêm lạ lùng nhất của đời mình. Lúc đầu thì hoang mang và đau khổ, nghĩ là mình chưa làm được trò gì ra hồn, trong khi công việc còn quá dài, nghĩ đến những người bạn đang chờ tin mình ở trong kia. Gì nữa nhỉ. Để tao nhớ coi. Ừ, đại khái là như vậy. Hoang mang và đau khổ lạ lùng. Nhưng cuối cùng thì mình quyết định cho cái chết. Tao gọi tên tất cả những sức mạnh thiêng liêng mà tao nhớ, xin cho mình không phải đau đớn nhiều. Ừ, đại khái là vậy và mình gọi mà không lựa chọn gì hết, một vài vị Phật mà mình nhớ tên cũng không chính xác,

cả Chúa Jésus, cả Đức Mẹ Maria. Chỉ gọi không thôi. Không có xin cho dân mình được hạnh phúc nữa. Người mình ở trong một trạng thái lơ lửng, nhẹ nhàng, như chân không hề chạm đất, và mình biết là mình đang mỉm cười với cái chết, một cách bình an. Tao không kể rõ được, bởi vì ba cái chuyện này không phải của tao. Nửa đêm, một tên công an mở cửa vào, nó thì thầm hỏi tao nhớ nó không. Nhớ chứ, tao nhận ra ngay chiều đầu tiên bị đưa vào đồn mà, ngày xưa nó là đệ tử tao coi xe phun lửa đấy. Nó bảo tao chạy đi, tí nữa sẽ bắn anh kia. Thế là tao về đây. Thực sự cho tới bây giờ vẫn còn ngơ ngác, và đôi khi lên cơn nhưc đầu nữa, nhưc đầu khủng khiếp. Bà chị bảo trong những cơn nhưc đầu đó tao đã gào thét và lăn lộn mà vẫn không nhận biết. Có nhiều người thân tao vẫn không nhận diện được mà phải đợi nhắc mới nhớ. Và thường khi cái cảm giác lơ lửng bình an vẫn đến...

Tới không biết nên nói điều gì với bạn. Những điều Dân kể thật hết sức lạ lùng và những cảm giác mà Dân đã trải qua và cả cái chuyện mất đi phần nào trí nhớ đó nữa.

- Bây giờ cứ mỗi lần bắt chợt nghĩ đến hoặc nghe ai nhắc đến chuyện nước mình, thì tao lại lên cơn nhưc đầu, một đôi khi, ừ nhỉ, cũng mấy lần rồi, tao lăn lộn ôm đầu đến kiệt sức thì lại lên cơn sốt, người run rẩy như đang nhìn thấy những sức mạnh thiêng liêng.

Còn những lúc thế này thì người lại nhẹ nhàng, lơ lửng như chân không chạm đất.

Tối đau khổ nhìn bạn, thà là Tối chịu mười lần con ngò nghếch điên dại đó để cho người bạn kia còn tỉnh trí làm việc. Người bạn kia, cũng là niềm hy vọng của Tối, bây giờ lại đang ngây ngất trong một thế giới kỳ lạ đó, bây giờ lại đang hiện diện như một đứa trẻ, dù là đã có lần đã sống như một người đàn ông.

Truyện này có một đoạn kết cục kỳ bi thảm. Nó có thể thiếu những tác dụng cần thiết để cho vòng tròn một cuộc lý luận văn học, và cũng thiếu cả những gút thắt mở đầy kịch tính để đưa tới những cảm xúc thẩm mỹ. Tuy nhiên vì tôn trọng một người đã sống mãnh liệt như Dân, chúng ta chỉ nên ghi lại đúng như những gì đã xảy ra. Thần kinh con người có những giới hạn của nó, và chàng, chàng đã vượt quá những giới hạn đó. Nếu viết sai đi, sau này khi nước mình tự do, trong những cơn tỉnh táo khi nào đây của trí tưởng, Dân có thể ngạc nhiên tại sao người ta có thể nói không thật về những điều đã thực sự gây cho chàng đau khổ như vậy. ■

CẬU BÉ và HOA MAI

Khi tôi viết những dòng chữ này thì cậu bé vẫn còn ở trong trại. Nghĩa là bạn có thể gặp cậu bé ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó. Buổi sáng chẳng hạn, không chừng bạn sẽ gặp cậu bé đang lang thang trên một đoạn đường vắng và rủ rê cỏ cây cùng chiêm ngưỡng ánh mặt trời mới nhóm. Tôi chỉ đoán thế thôi, vì thường thì buổi sáng tôi không hay dậy sớm. Và buổi chiều, điều này tôi cho là thường hơn, cậu bé đi học tại khối giáo dục phổ thông. Trừ trường hợp cậu bé đã được chuyển giao Galang 2 vì rơi vào diện quá “đạt”. Nhưng đến buổi tối thì có Trờì mới kiểm soát nổi bước chân của cậu bé. Bạn có thể gặp ở bất cứ nơi nào trên đảo chỉ trong vòng nửa giờ thôi, từ lớp bóng bàn của Hướng đạo đến thư viện trẻ em, đến việc đứng chồm lên cao để học được bảng thông báo của “World Relief,” và cả đến việc ngồi chống tay lên cằm ở “Playground” để làm thơ.

Và bạn cũng có thể bị khùng bố bằng một cách nào đó do sự tò mò của cậu bé. Nói một cách nghiêm trọng hơn, như chúng ta thường nói với nhau, là hoàn toàn chỉ do lòng yêu mến tri thức thôi. Bạn có

thể đang quanh quẩn bối rối ở đâu đó để chờ một cô con gái nhỏ đang học ở Thư viện CVC. Và trong khi bạn đang băn khoăn với những lời dụ dỗ sắp nói đêm nay, thì cậu bé cũng đang điên đầu không kém với những câu thần chú nào đó và có thể sắp nín áo bạn để hỏi ý kiến. Câu hỏi đó có thể thổi biến đi hết những đám mây hồng mềm mại trong tư tưởng bạn và thay vào đó không chừng là hình ảnh một con voi khổng lồ từ dưới đáy biển lừng lững bước lên bờ cát Galang mà cậu bé đang thắc mắc. Tôi gọi những ý nghĩ của cậu bé là thần chú không chỉ vì nó có sức mạnh kỳ quặc như vậy. Nhưng rồi bạn sẽ biết.

Có một lần, tôi đã bị gây khủng hoảng gần như vậy. Tôi dạy Việt văn tại lớp phổ thông của em. Tôi tin rằng tôi đã không dạy tồi lắm mặc dù hoàn toàn chưa có chút kinh nghiệm nào về khoa sư phạm. Ít nhất thì tôi cũng đã cảm thấy các em viết được một câu chúc trong thiệp Giáng Sinh năm rồi có vẻ hay hơn một vài người lớn trong trại. Nếu bạn có vì phép lịch sự mà phê bình tôi là thiên vị, tôi cũng xin nhận lỗi. Nhưng chắc chắn là các em đều đồng ý với tôi, chắc chắn vậy.

Trong một giờ ra chơi, cậu bé đã nín áo tôi lại và hỏi:

- Thưa thầy, cho phép em hỏi một chuyện...
 - Được, em cứ hỏi.
-

Bạn phải biết là tôi chưa từng sợ một câu hỏi nào trong các giờ Việt văn của tôi. Nghĩa là nếu em muốn, tôi có thể nắm tay em và đưa đi dạo khắp thế giới văn chương từ chuyện 2.000 năm trước của Lão Tử cỡi trâu xanh đi vào sa mạc tìm người yêu, cho đến chuyện 500 năm nữa, nhà văn nào của thế giới sẽ còn tên tuổi. Nói chung là tôi chưa từng sợ một câu hỏi nào đại loại như vậy. Đến nỗi chính các em, tôi xin nhắc lại là chính tất cả các em, đã cùng đồng ý với nhau rằng thực sự tôi là nhà phê bình văn học vĩ đại nhất của Việt Nam bây giờ và có thể là của cả mai sau nữa. Ít nhất thì có một lần tôi đã loáng thoáng được nghe như vậy. Và như bạn cũng thừa biết, tôi có đủ lòng khiêm tốn để từ chối danh hiệu đó hoặc là phần sau của danh hiệu đó. Nhưng tôi đã không bao giờ đấm chính thẳng thừng với các em chỉ vì sợ làm buồn lòng những người học trò đáng yêu nhất của tôi. Thế là vào giờ kế tiếp, tôi đã giảng một mạch về tính hư vô dòn mỏng của con người và cả của sự nghiệp con người. Tôi đã viện dẫn đến những câu trong Thánh Kinh để chứng tỏ rằng chúng ta chỉ là hạt bụi và còn nhân mạng rằng thực sự chỉ là hư không trước ánh sáng chói lòa của Thượng Đế. Sợ là các em chưa đủ tin tưởng vào lòng khiêm tốn của tôi, tôi phải khệ nệ vác thêm kinh Phật ra để nói về Tánh không trong bản chất của chúng sinh. Đến khi cảm thấy các em sắp đi đến chỗ không hiểu, tôi đành phải ngưng lại chỉ vì sợ gây thêm một tin tưởng sai lầm khác là tôi có thể đại diện cho một bộ Bách Khoa Tự Điển chưa xuất bản.

Thế đấy, kiến thức tuy cạn cợt, nhưng tuổi trẻ vẫn tưởng mình là đỉnh cao. Và cậu bé đã hỏi:

- Thưa thầy, em muốn biết chữ “Trứng con bò cạp” trong tiếng Anh nghĩa là gì?

Tất cả mọi người trên đảo nay đều biết là tôi không bao giờ có đủ chữ để chào buổi sáng hoặc buổi chiều bằng tiếng Anh. Có thể là cậu bé chưa biết được điều này chăng. Hoặc là riêng đối với em, uy tín của tôi đã quá lớn để có thể vươn tới các những lãnh vực tôi chưa dám nghĩ tới việc thám hiểm.

- Tại sao em lại muốn học chữ đó nhỉ. Thầy nghĩ là chữ đó không có chút gì là quan trọng.

- Thưa thầy, em đang muốn dịch một câu trong thì present perfect. Và chữ đó rất là cần thiết.

- Em có thể cho thầy biết em đang dịch câu nào không?

- Thưa thầy, câu đó là “Tôi chưa bao giờ thấy được trứng con bò cạp.”

- Thầy nghĩ là em nên đổi câu đó thì hay hơn. Thí dụ như “Tôi chưa bao giờ thấy được trứng chí”.

Tôi hết sức khoái trá với sự nhanh nhẹn của tôi. May mà đã học được chữ “trứng chí” trong một bàn cờ

“scrabble” nào đó tuần trước. Nhưng vẫn chưa ổn, vì tôi đã cảm ngay rằng trứng chí thì ở đâu cũng có cả.

- Thưa thầy, em đã thấy được trứng chí, rồi ạ.

- Ô, tiếc thật. Thầy rất muốn giúp em nhưng sợ thầy Anh vẫn có thể phiền lòng vì giẫm chân lên nhau chẳng. Hẳn là thầy Anh vẫn sẽ rất vui nếu được em hỏi như vậy. Chết mắt, tới giờ rồi em ạ.

Mặc dù tôi biết cậu bé có thể mất ngủ cả đêm nay vì chữ đó, tôi vẫn gọi các em vào tiếp tục giờ học. Và tôi giảng cho các em về sự ngắn ngủi của những giờ Việt văn ở đây và ý thức tôn trọng tiếng mẹ đẻ.

- Các em thân mến, có thể là một ngày nữa, một tuần nữa, hoặc một tháng nữa, các em sẽ rời nơi đây để đi. Chưa chắc gì qua nước thứ ba, các em sẽ có cơ hội để nói hoặc là để học tiếng nói của dân tộc mình. Những ngày ở đây cực kỳ quý giá đối với các em. Các em hãy biết trân trọng từng giây, từng phút trong giờ Văn, giờ Sử chẳng hạn. Thầy sẽ đưa các em đi hái những nụ hoa đẹp nhất của văn chương Việt Nam. Và thầy muốn rằng các em phải biết tôn trọng những giây phút ngắn ngủi của chúng ta. Đừng nên có những thắc mắc trong giờ Văn đại loại như “Trứng bò cạp” hoặc “Trứng chí” trong tiếng Anh nghĩa là gì. Điều đó các thầy Anh vẫn sẽ lo. Thầy xin phép các em để nghiêm cấm trong giờ Văn tuyệt đối không được nói tiếng Anh hoặc viết tiếng Anh...

Tôi lại tiếp tục bài giảng hôm đó. Tới giờ tan trường, khi tôi ra khỏi lớp đã gặp cậu bé chờ sẵn ở ngoài đường.

- Thưa thầy, em xin hỏi thầy về vụ Trứng bò cạp hồi nãy.

- Em đừng ngại. Thầy không bao giờ buồn vì có những học trò thông minh như em. Bây giờ ra khỏi lớp rồi, em có thể hỏi về những chuyện như vậy.

Tôi đã chuẩn bị sẵn câu trả lời đơn giản nhất là “Thầy không biết”. Nhưng cậu bé không hỏi như vậy nữa mà chỉ cắn môi, hai tay ôm tập vòng trước ngực và đi bên tôi. Vàng trán ngậy thơ hình như có hơi một tí cau lại. Từng nhóm học trò tung ra trên đường, trên cỏ như những cánh chim nhỏ. Những tên học trò hơi lớn một chút đi rụt rè bên những cô bé học trò trạc cỡ tuổi dường như đang thử cố gắng bàn về cách nào có thể kéo dài được con đường về “barracks” hay không. Nhưng cậu bé vẫn lẻo đẻo theo tôi. Trên trời từng đám mây trắng bay, qua đi và qua đi.

- Thưa thầy, hôm trước em có đọc một đoạn trong Bích Câu Kỳ Ngộ tới câu: “Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông.” Người ta thường nói mai nở về mùa xuân, chứ sao lại mùa đông được nhỉ.

Chúng tôi quay ngược lại để có thể lang thang cho dài câu chuyện. Tôi có hơi ngạc nhiên không hiểu có một liên lạc luân lý nào không để cho trứng con bò cạp nở ra những bông mai.

- Chắc chắn là có nhiều loại hoa đẹp trên đời em ạ. Có người thì thích hoa huệ, hoa hồng vân vân. Nhưng có vài người thì thích hoa mai. Không phải là thích nữa, thực sự phải nói là trân trọng. Thí dụ như, thầy có thể nhắc lại câu thơ của Đào Tấn: “Nhất sinh mê thú bách hoa,” nghĩa là suốt đời chỉ cúi đầu chào hoa mai. Hẳn là phải có nhiều lý do...

Tôi chấp tay sau lưng lưng thững nhìn về phía trước. Nắng chiều đã rơi nhẹ xuống vùng đồi Galang. Có từng nhóm sương mù xa xa lơ lửng trắng nhẹ như nhữnbg giải lụa trải dài ra phơi mình trong ánh vàng còn sót lại.

- Hoa mai chính là lời tiên báo cho mùa xuân. Thật sự là có nhiều điều tiên báo cho mùa xuân lắm. Có thể một lúc nào đó em nhìn thấy những cánh chim én nhỏ chờ nhưng tươi mát của trùng dương bay về nội cỏ. Hoặc là khi nào đó em nhìn thấy được những trong sáng của hồn em đang xua đi những góc tối trong hồn. Ngay lúc bấy giờ, chính những lời của em cũng sẽ là những lời tiên báo cho mùa xuân. Dường như đó là lý do mà nhà thơ đã nói mai chào gió đông là vậy.

- Em chưa được thấy hoa mai bao giờ cả...

- Thầy tin là sau này em sẽ thấy. Bây giờ cũng sắp qua đông rồi. Nhất định là em sẽ thấy kể cả khi em đang nhắm mắt.

Cậu bé đưa mắt nhìn xa hơn những đám mây. Có những mùa xuân nào đang bay tới chẳng...

- Em hãy tin như vậy. Ở phương đông của mình, hoa mai còn là hình ảnh của người quân tử, hình ảnh của sự tinh khiết có thể đem hạnh phúc cho trần gian, cũng như mùa xuân đem đến hạnh phúc cho hoa cỏ và con người.

- Thầy có bao giờ nhìn thấy hoa mai?

- Thầy đã thấy được mai vàng và mai hồng. Nhưng còn loại trắng thì chưa được thấy. Chắc chắn đó là loại hoa cao quý nhất chỉ những cơ may hiếm có mới gặp thôi. Khi thầy còn đang cải tạo, có những lần vào rừng và đã gặp được những rừng mai vàng. Những cành mai vàng hết sức khẳng khiu đứng ngả nghiêng trước những trận gió vùi dập nhưng không bao giờ gãy cánh. Và dù là vào những lúc mùa xuân đã qua đi, những cành khẳng khiu đó với những chiếc lá xác xơ vẫn vững vàng toát ra một vẻ đẹp cao quý. Còn mai trắng thì cực kỳ tuyệt diệu. Thầy chỉ được nghe nói thôi. Đó là sự cao quý trên tất cả những sự cao quý. Hoa mai, thật mảnh mai và đơn

sơ, nhưng thật là tinh khiết. Bây giờ mình có thể tạm chia tay em nhi. Hãy tin rằng rồi em sẽ thấy.

Tôi đi về hướng các dãy barracks và vẫy chào. Cậu bé vẫn còn đứng trên thảm cỏ xanh nhìn theo, Bầu trời đã xuống thấp hơn, trên vai cậu bé là những đám mây vàng bao phủ. Tôi thoáng thấy mắt cậu bé long lanh theo nắng nhạt, hay phải chăng là một chóp mai vàng rơi gập... Tôi vẫn không tin là cậu bé có thể hiểu hết những gì tôi muốn nói. Nhưng những gì tuyệt diệu nhất đâu có phải để nói bằng lời.

Cuộc sống ở Galang có vẻ phức tạp hơn ở Việt Nam. Thời gian ở đây đối với một số người thì quá dài và đối với số khác thì quá ngắn. Đối với một số thì không biết làm cách nào để nuốt hết khoảng thời gian trống trải và đối với số khác thì hoàn toàn không kịp để học hay làm những gì cần thiết. Riêng tôi, nếu không làm việc cả ngày hẳn là sẽ điên mất. Sự tự do được đền bù ở đây không đủ để che lấp những đau khổ của tôi khi nghĩ đến những người bạn thân thiết đang miệt mài chờ đợi ở trại cải tạo. Còn những đứa em của tôi nữa. Trời ơi! Có lúc tôi đang đi giữa đường hốt nhiên gọi to thảng thốt khi nghĩ đến những hình ảnh trên. Làm thế nào có thể chia xẻ những trận chiến âm thầm của bạn bè mình nhi. Đôi khi, không một ai biết để có thể khóc những lúc cần khóc.

Vài ngày sau đó, tôi được biết thêm cậu bé đến đây với một bà chị. Cả ba phái đoàn đều từ chối sự định cư của họ. Ở trên đảo này chuyện đó không có gì đáng ngạc nhiên cả. Hình như là hai chị em cũng ít có dịp gặp nhau, may ra thì trong bữa cơm thôi. Bởi vì tôi có thể gặp cậu bé suốt ngày khắp nơi trên đảo trừ khu nhà barracks. Còn cô chị thì, dĩ nhiên là tôi không bao giờ tò mò để dò hỏi, theo tôi đoán cũng dễ dàng được mời đón tìm những cuộc vui ngoài các barracks như những cô gái khác. Đôi khi tôi mong rằng điều đó thì sai lầm, cũng như tôi thường mong cho những cô gái khác vậy. Tôi cũng có những ích kỷ và ưa phóng đại nó lên, chẳng hạn như, tôi không muốn chúc ai vui trong khi 50 triệu người anh em đang đau khổ. Đôi khi họ có tiền và thường khi thì không, cũng như tôi. Nhưng tôi không bao giờ thấy mắt cậu bé có vẻ vương bận tới những tiếng rùng rợn của các đồng “rupiah”. Tôi thích điều đó bởi vì tôi cũng thế.

Vào một ngày Chủ nhật, tôi cùng vài người bạn đi ra biển. Chúng tôi dự trù sẽ trèo qua một ngọn núi để tới biển. Trên núi đã có một lối mòn do Hướng Đạo mở rùng sẵn từ hồi nào. Đôi khi, cũng nên hành hạ mình thêm một tí nữa cũng vui. Trên đường ra biển, tôi có thể cảm thấy hơi nóng sẽ chuyển dần ra mát và những ngọn gió sẽ càng lúc càng lạnh hơn. Tôi bắt gặp cậu bé đang một mình ra biển, gần lối rẽ lên núi.

- Ê! Nhỏ, tới đây chơi với thầy.

Cậu bé quay lại và chào. Mắt có vẻ vui hơn. Có thể là tôi đã có thành kiến là tất cả các cậu bé nào gặp tôi cũng cảm thấy vui hơn chẳng. Tôi tới nắm tay cậu bé và dắt vào ngã rẽ lên núi.

- Đi lên núi với thầy nhé.

Mấy tên bạn tôi leo trước. Còn tôi thì leo song song bên cậu bé. Những hốc đào sẵn vào sườn núi làm cho dễ đi hơn. Có những lúc chúng tôi phải bò, có những lúc phải bấu tay vào những mỏm cheo leo để đu mình lên. Thường thì tôi phải lên trước để nắm tay cậu bé leo lên.

- Tại sao em đi một mình ra biển nhỉ. Thầy chưa thấy ai ra đây một mình cả. Hoặc nếu có thì không còn bé như em.

- Có lúc em đã tin rằng, như thầy bảo phải biết tin tưởng, em có thể đi bất cứ đâu mà không cần có thêm người bên cạnh.

Cậu bé trượt trên hòn đá lăn tụt xuống một chút. Tôi chop lấy được cổ áo và kéo lên. Cậu bé mặt hơi tái đi.

- Thế em có thấy lúc này có thầy là cần thiết không?

- Vâng, thưa thầy. Bây giờ thì cần ạ. Nhưng khi em lớn thì em có thể tự đi được.

Các bạn tôi đã bỏ chúng tôi quá xa. Một người bạn đứng trên đỉnh núi gọi to vọng xuống:

- ...Nhanh lên cậu ạ.

- Các cậu đi ra trước đi – Tôi thét to trả lời – Tôi còn phải lo thêm cho một thế giới mới.

- Thế thì gặp nhau nhé.

Cậu bé ngược mắt lên cao nhìn và bò theo tôi với trán lấm tấm mồ hôi và lưng áo ướt đẫm. Gió tung mái tóc lên.

- Thế nào, mệt chứ em hả...

- Vâng, mệt thật. Đây là lần đầu em leo núi.

- Rồi em sẽ thích hơn là đi đường bằng. Mình sẽ biết được về mình nhiều hơn. Nếu có lúc nào em gục ngã thì hãy tạm ngồi nghỉ và tự nhủ, mình chỉ là thằng tôi nếu không qua được ngọn núi này. Là một người đàn ông thì không bao giờ được phép ngồi xuống.

- Thầy có tin là khi mình lên đỉnh núi thì sẽ gặp hoa mai không nhỉ.

- À, hoa mai... Con đường này thầy đã đi nhiều lần rồi. Còn câu trả lời em nên tự tìm lấy thì hay hơn.

- Tự nhiên em tin là có đấy.

Tôi quay lại nhìn cậu bé và trả lời hết sức nghiêm chỉnh, giọng chậm rãi. Cậu bé ngược nhìn chờ đợi.

- Thế này, em hãy nghe nhé. Nơi nào có con người thì nơi đó sẽ có hoa mai. Nhất định phải là như vậy.

Chúng tôi đã lên tận đỉnh núi. Rừng cây xanh hơn và cao hơn, mát rượi. Những cành khôn ngổn ngang trên lối mòn, đập lên nghe dòn tan giữa những tiếng gió rít lồng lộng trên cao. Bây giờ cũng sắp qua đông rồi, nhưng ở đây chẳng có cành mai nào cả. Chỉ có những bóng tối xa hơn và vùng sáng của biển trước mặt. Tôi chỉ lên một bãi cỏ bên lối đi xuống và nói:

- Chúng ta có thể nằm đây nghỉ mệt một tí em ạ. Mình đã thấy bờ biển ở xa kia rồi đấy.

Chúng tôi nằm xuống bãi cỏ và nhìn về bờ biển, những chấm người li ti ẩn hiện trên dải cát trắng và sau những hàng cây xanh rì. Bờ biển phẳng lì không một gợn sóng bạc đầu. Và trên cao thật cao, từng đám mây tan ra rồi hợp lại. Có định mệnh nào cho những đám mây không. Và cả của mình nữa. Tôi vẫn thường ngạc nhiên hỏi như vậy...

- Em hãy nhìn những người trên biển kia. Không mấy người biết được niềm vui mà chúng ta vừa mới trải qua. Và cũng không mấy người dám trải qua. Trèo qua ngọn núi, chuyện thật mệt nhọc, nhưng cũng thật đơn giản em nhỉ.

- Vâng, thưa Thầy. Nếu mình qua được.

- Em phải tin là mình sẽ qua được. Nếu không thì chỉ xin đừng sinh ra đời thì hơn.

Cậu bé vùi đầu xuống cỏ và ngủ. Những lá cỏ lượn sóng theo chiều gió và che phủ trên vầng trán nhỏ kia màu xanh của cỏ. Tôi tin là đôi mắt vừa khép lại ngủ vùi quên đó đã đem vào giấc mơ của cậu bé hình ảnh cầu ngọn núi thật cao vừa vượt qua, những rànhg cây xanh bí mật, những lối đi chưa có người lui tới và cả những hoa mai chưa tìm thấy...

Chiều cận Tết, tôi bắt gặp cậu bé đang ngồi trên những bậc tam cấp “playground” và gặm bánh mì. Trời đã trở lạnh hơn và đêm tới nhanh hơn. Màu nắng nhạt hòa vào màu trắng trắng xanh xanh của đèn “néon” trở thành những làn sương mỏng bay là là quyen vào người đi đường, làm mát lạnh cả những bước chân. Tôi tựa vào dây rào gỗ ngã nghiêng của “playground” và gọi:

- Chào em nhỏ... Em làm gì thế.

- Thưa thầy – cậu bé quay lại và đứng lên tọng vào miệng mẩu bánh cuối cùng – Em đang ăn và nhìn vào cô. Em cảm thấy nếu mình cứ nhìn vào cô và tin tưởng, tới một lúc nào đó mai sẽ mọc lên giữa cô...

- Thầy nghĩ rằng nếu chỉ ngồi nhìn không thôi thì chưa đủ để thấy mai em ạ. Nếu em muốn, ngay bây giờ thầy sẽ đưa em lên chùa nhìn mai.

Chúng tôi cùng đi về hướng chùa. Tôi nhận thấy lúc về sau này, cậu bé có vẻ ít nói đi, chăm học hơn mặc dù đã gần tới những ngày dài nghỉ Tết. Hay phải chăng là do ảnh hưởng của mùa Xuân sắp tới. Cậu bé có vẻ ngạc nhiên nhưng không hỏi gì cả khi nghe tôi nói lên chùa nhìn mai.

- Em hãy nghĩ rằng mình đang trên đường đi tìm những vẻ đẹp của con người và vũ trụ. Hãy nhìn quanh đây kia... Có những người cùng chiều và cũng không ít người ngược chiều. Nhưng mình phải biết tôn trọng tất cả mọi người. Mặc dù nếu cần thì mình vẫn phải chống lại tất cả những tin tưởng sai lầm.

- Thưa thầy, em không hiểu nhiều lắm. Em chỉ ngạc nhiên tại sao trên đó có mai mà em không biết.

Vào giờ này, không mấy người lên chùa. Những bậc thang lên chùa lẫn vào trong bóng đêm đang tới. Phía trên cao là ngôi chùa vuông vắn, đơn sơ và

trang nghiêm vẫn luôn luôn sáng rực nhưng vẫn không soi tỏ được những bậc thang hiem dốc. Chúng tôi nắm tay nhau dò dẫm đi lên.

Trong chính điện không một ai cả. Hoàn toàn không một ai cả, trừ hai thầy trò chúng tôi. Những cây hương quỳện lên những làn khói thơm nhẹ lền vào giữa những hàng chữ Tàu viết theo lối triện cổ kính và trang trọng như thể đang ướp hương những tư tưởng người xưa. Tôi nói thật khẽ với cậu bé, sợ là các vị Phật có thể nghe được chăng:

- Em có cảm thấy gì không. Ở ngoài kia đã sắp qua đông và mùa xuân đang tới. Thời gian đến rồi đi, sẽ tới lúc ném lên đầu chúng mình những vàng mây tóc trắng. Nhưng ở đây... thì không có thời gian. Khung cảnh như đã xảy ra từ hàng triệu triệu kiếp về trước và như sẽ còn mãi mãi hàng triệu triệu kiếp về sau. Kỳ lạ nhỉ. ở đây chính là sự bất tử. Suyt! Em nói khẽ nhé, coi chừng mấy ông Phật gõ nghe đấy...

- Nhưng thưa thầy, mai đâu nhỉ?

Tôi đưa tay chỉ vào cành mai giả để đón xuân ở một bên chính điện. Cành mai khẳng khiu không một chiếc lá xanh, dán vào những bông giấy vàng đầy khắp.

- Đây là cành mai giả, em ạ. Họ làm để đón xuân.

Mặt cậu bé nhạt đi, nắm chặt lấy tay tôi, giọng như khàn lại:

- Thưa thầy, đây chỉ là hoa giả...

- Hoa giả đấy em ạ. Tôi cũng không dám nhắc đến tên loài hoa ấy vào lúc này, sợ tổn thương đến sự cao quý kỳ diệu đó. Người ta có thể gặp được ở bất cứ nơi nào và ở bất cứ lúc nào. Dễ lắm, chỉ cần một phút đồng hồ loay hoay với vài mẫu giấy là xong. Rất nhiều khi, họ làm mà hoàn toàn không hiểu họ đang làm điều gì. Cái giá để trả cho vẻ đẹp sẽ không dễ dàng như vậy đâu em ạ. Mình không thể hình dung được sự thật qua những cái giả.

Cậu bé kéo tôi ra ngoài, mặt đăm chiêu:

- Thưa thầy, không đẹp tí nào cả. Em không muốn phải nhìn thêm.

Tôi cúi xuống nhìn thẳng vào mắt cậu bé. Hình như có những đám mây đen đã bay vào đôi mắt sáng thơ ngây đó:

- Đừng khóc em nhé. Thầy xin em đừng khóc.

Cậu bé nhìn xa vắng về những vùng tối chung quanh thì thầm:

- Nhưng ở đây có mai không thầy?

Tôi quỳ xuống ngay giữa sân chùa, ôm lấy hai vai cậu bé để có thể nhìn thẳng vào mặt nhau, giọng thì thâm ân hận:

- Đừng khóc em nhé. Thầy vẫn luôn luôn tin là ở đâu có con người thì ở đó có mai. Thật đấy.

Cậu bé ôm chầm lấy tôi, mắt vẫn nhìn xa vắng vào bóng đêm:

- Em xin Thầy đừng nhắc đến những bông giấy kia nữa...

- Nơi đây là bóng đêm em ạ - Tôi xiết chặt cậu bé hơn – chung quanh mình là bóng đêm. Và trong ngôi nhà kia là ánh sáng, là sự bất tử. Ở đây người ta có thể lầm lẫn, có thể che giấu tất cả. Nhưng ở trong kia, không một sự giả mạo nào có thể che giấu. Mình được sinh ra chỉ để phải bước vào nơi không còn thời gian nữa, em ạ...

Ngoài trời, gió Đông rít lồng lộng đưa hơi lạnh từ xa ngấm vào tận thịt da. Vài sợi tóc của cậu bé vương vào má tôi, cậu bé đã ngã đầu trên vai tôi. Chỉ có bóng tối chung quanh. Và trên cao là vài chòm sao nhỏ thật xa. Vẫn còn thoang thoang mùi hương trầm từ trong ngôi nhà trang nghiêm kia...

Vào buổi sáng Chủ nhật áp Tết, trong khi tôi đang xếp mùng mền thì cậu bé bước tới. Tôi đứng nghiêm dậy và đưa tay lên chào theo kiểu quân đội:

- Chào ông Tướng nhỏ bé của thầy. Hôm nay trông em như một ông Tướng nhỏ ấy, quần Jeans, áo sơ mi ngoài lại khoác áo khỉ hóa trang nữa. Kính quá. Còn đôi giày kia nữa. Em tính đi đâu thế?

Cậu bé đứng nghiêm trả lời với nụ cười nhỏ nhắn:

- Thưa thầy, em đi tìm mai.

- Hay lắm. Tôi ngồi lên mớ mùng mền, nghiêng đầu nhìn cậu bé, trả lời với nụ cười bằng môi và bằng mắt. Thầy nghĩ là mùa Xuân sắp tới rồi đấy và mặt trời thì đang lên. Hay lắm, thầy bắt đầu thích lối nói chuyện của em.

- Thưa thầy – cậu bé vẫn đứng nghiêm với nụ cười – Em vẫn luôn luôn trên đường tìm mai đấy.

Cậu bé móc trong túi lấy ra hai điều thuốc lá Ardath đặt trên bàn. Thứ này trên đảo hiếm lắm.

- Thưa thầy, em có hai điều thuốc mời thầy.

- Thôi chứ, ông Tướng nhỏ. Hôm nay sao bày lắm trò thế.

Cậu bé đưa tay lên chào và quay người chạy ra khỏi barracks... Những ngày thường thì tôi rất bận rộn. Còn những ngày thứ bảy và Chúa nhật thì thật khủng khiếp. Rất nhiều khi tôi phải vật lộn với cả Tráng đoàn từ sáng cho đến tối mịt. Nhất là những ngày cận lễ như hôm đó. Luôn luôn tôi có cảm giác là chỉ cần vài phút nữa thôi, tôi sẽ ngã lăn ra xỉu mất. Thế nhưng kỳ lạ thật, chưa bao giờ tôi xỉu cả. Mà chỉ có sự mệt đừ và hạnh phúc.

Hôm đó cũng là một trong những ngày khủng khiếp đó. Từ sáng cho đến tối tôi chưa có dịp về nhìn lấy khu nhà một chút. Khoảng mười giờ đêm, tôi cùng mấy người bạn mới có thể kéo vào quán cà phê để nghỉ ngơi. Đôi khi chúng tôi cũng cần có đôi chút cà phê và thuốc lá ngoài sự cơm nước và làm việc chứ. Tôi ngồi không lâu lắm thì chợt thấy cậu bé đang đứng ngay cửa quán nhìn vào. Ánh sáng chỉ lờ mờ nhưng tôi nhận ra ngay thôi ông Tướng nhỏ ấy.

- Xin lỗi các bạn nhé – Tôi đứng lên bước ra ngoài.

Tôi nắm lấy tay cậu bé, cổ tay lạnh giá. Khuôn mặt em nhợt nhạt một cách kỳ lạ.

- Vào uống nước tí, em nhé.

- Không, em muốn thầy đi với em một chút.

Cậu bé kéo tôi ra ngoài và đi về phía “playground”. Ngang qua dưới ánh đèn néon đầu đường, tôi thấy áo quần cậu bé tả tơi và rách nhiều chỗ. Đôi giày và gấu quần Jeans bết đầy bùn. Có những vết sướt gai trên mặt và một bên má rướm máu. Nét mặt nhợt nhạt kỳ lạ. Và bàn tay thì vẫn lạnh giá.

- Em sao thế nhỉ. Em mới lội đâu về đấy.

Cậu bé nhìn xuống đất, giọng chậm như nghẹn lại:

- Em không nghĩ là thầy đang ngồi quán trong lúc em đang cần thầy. Em đã tìm thầy ở khắp nơi, ở các barracks, ở Đạo quán Hướng Đạo, ngoài đường...

Chúng tôi vào “playground” và ngồi xuống ghế. Bóng tối vây chặt chung quanh. Bất chợt, cậu bé ôm chầm lấy tôi và khóc nức nở. Tôi đi tay vuốt tóc cậu bé, mái tóc đầy những cát.

- Sao thế này em. Thầy vẫn chưa hiểu được.

Cậu bé vẫn khóc nức nở một chập mới ngưng lại, giọng nói nhỏ xa vắng như từ một tinh cầu lạ.

- Em đã đi tìm mai, thầy ạ.

- Thầy vẫn chưa hiểu hết.

- Buổi sáng, em mua hai ổ bánh mì và vào rừng đi tìm mong là sẽ gặp được cành mai nào đó.

- Kỳ lạ nhỉ - Tôi xiết chặt cậu bé vào lòng, lấy tay che vàng trán nhỏ của em – Thầy tin là em chưa vào rừng một mình bao giờ.

- Vâng. Đây là lần đầu tiên em vào rừng một mình. Còn lần trước thì em đi với thầy qua núi. Em đã vượt qua ba ngọn núi, qua hai hoặc ba thung lũng và chắc cũng là qua mấy con suối. Còn rừng thì thật nhiều, có rừng cây cao và có rừng cây thấp. Có nơi có cả rừng sim, em đã ngủ một giấc buổi trưa thật ngon. Nhưng em không gặp cây mai nào cả.

- Làm sao em có thể tìm được trong khi em chưa biết cây nai thế nào cả.

- Em tin là em sẽ nhận ra ngay nếu em gặp được. Em đã gặp thật nhiều cá và con rùa bên bờ suối. Cây rừng thì nhiều thật nhưng mai thì có vẻ thật là ít, thầy nhỉ. Cuối cùng thì em lạc, và đi cả trong bóng đêm cho đến giờ này. May mà em về được.

- May mà em về được.

Tôi cúi đầu sát xuống cậu bé và nói:

- Em hãy nhìn. Quanh mình chỉ là bóng tối. Và bên trời thì không một vì sao. Nhưng chúng ta vẫn luôn

luôn đi về phía ánh sáng. Không được phép ngừng lại em ạ. Dù có bị thương dù có bao nhiêu bất trắc và tả toi. Phải đi em ạ. Rồi sẽ có lúc mình sẽ gặp được mai em ạ...

Cậu bé ngả người trong lòng tôi, nhìn lên bầu trời đen xa thẳm, đôi bàn tay bé bỏng và lạnh giá xiết chặt lấy tay tôi, tay đầy những cát. Tôi xiết chặt tay hơn nữa nghe giọng nói nhỏ nhẹ, chậm rãi và yếu ớt của cậu:

- Vâng, thưa thầy. Em vẫn luôn luôn tin như vậy. Mặc dù em gặp phải một rừng gai, hai rừng gai hoặc mười rừng gai, xin vẫn luôn luôn tin như vậy. Mặc dù em không gặp thấy dấu hiệu nào có mai trong rừng, em vẫn luôn luôn tin như vậy. Thầy có biết, em đã chui qua cả rừng gai, đã đi nhầm xuống nơi sinh lầy lên tới tận đầu gối, đã chạy và nhảy nhót trên đồi cỏ xanh, đã lội nước có nơi tới tận cổ. Nhưng vẫn không hề gặp mai. Có những lúc em sợ hãi vì đã mò thật lâu trong bóng tối, nhưng em vẫn tin là càng lúc em càng đi gần tới thầy hơn. Và có những lúc em đã rất hạnh phúc khi tới được đỉnh đồi phía xa kia và nhìn thấy ánh sáng dưới này của trại... Em đã nghĩ, dưới này là thầy, thế là em hạnh phúc.

- Ôi, thầy rất hạnh phúc khi được ôm em trong giây phút này, với người em lạnh giá. Thầy sẽ xiết chặt em hơn mong rằng em có thể ấm hơn một tí. Chắc em không bị thương chỗ nào cả chứ?

- Vâng, em không bị thương chỗ nào cả. Những vết sướt của gai, những vết cắt của đá, áo quần thì rách nhiều nơi, nhưng nào có gì cho em phải bận tâm. Kể cả những bận đói nữa. Những sự lồi cuồn của hoa mai đã làm em quên đi tất cả, thầy ạ.

- Đúng vậy em ạ. Người ta sẽ quên hết tất cả, tất cả những gì vớ vẩn trong cuộc đời khi nghĩ đến vẻ đẹp cao quý của hoa mai. Ước gì mọi người có thể nhìn thấy được vẻ đẹp đó nhỉ. Nhiều khi người ta nhìn nhưng mà không biết, người ta nghe nhưng mà không hiểu, người ta đứng ngay kề bên ấy nhưng vẫn như cách xa hàng triệu năm ánh sáng. Chao ôi, chỉ cần một thoáng bắt gặp vẻ đẹp cao quý và tinh khiết đó thôi, người ta có thể mừng đến nhảy múa và ca hát cho đến ngày cuối của đời, có thể đi lang thang khắp tận cùng thế giới chỉ để ca ngợi vẻ đẹp bí ẩn đó của vũ trụ...

- Em đang nằm trong lòng thầy và nghe những lời thầy nói như trong một giấc mơ. Hay đây có phải là một giấc mơ, hay cuộc đời chỉ là giấc mơ dài. Ngày hôm nay em đã gặp rất nhiều loại hoa trong rừng, có loại hoa vàng, hoa tím và cả hoa trắng nữa. Có nhiều loại hoa rất đẹp. Và có cả loại hoa rất giống với những cành hoa già hôm trước. Em đã tới nhìn từng cánh hoa, từng nhụy hoa, từng chiếc lá. Nhưng em biết ngay, ngay tức khắc, đó vẫn chưa phải là mai. Kỳ lạ thật, hẳn là có một sức mạnh đã hướng dẫn

em, đã cho em phân biệt được rành rẽ như vậy, mặc dù em chưa nhìn thấy hoa mai bao giờ. Ôi, trên đời có biết bao nhiêu là hoa giả, kể cả trong rừng.

- Thầy cũng đang nhìn em, nhỏ nhắn và can đảm, lạ lùng và thân thiết như trong giấc mơ. Hay tất cả những gì ở trên đời đều có vẻ hư ảo như thế. Nhưng chắc chắn là vẻ đẹp cao quý và tinh khiết của hoa mai hoàn toàn không có chút gì là hư ảo, mà chính là sự thật, thật hơn cả những hình ảnh ta đang nhìn thấy. Rồi sẽ có lúc em gặp được mai em ạ. Em sẽ ngạc nhiên trước vẻ đẹp mỏng manh kia, còn mỏng manh hơn cả những cánh nhỏ của nó. Đơn sơ thật đơn sơ, không một chút đom đóm như các chị hoa khác trong rừng hoa. Tinh khiết như tất cả các điều luật của tôn giáo, dù tất cả các trận bão giông có xô về một lúc cũng giữ được vẻ tinh khiết đó một cách vững vàng và trung thành. Dù từng cánh hoa có bị nát đi và tung lên cuốn theo những trận gió hung bạo đó, vẻ tinh khiết đó vẫn không hề tổn thương mà chỉ càng làm tăng thêm sự cao quý trong những cành lá xác xơ. Rồi em sẽ thấy, khi nào em trở về được với sự tinh khiết chói lòa. Em sẽ thấy được mai. Lúc đó ngay cả dưới những bước chân em đi cũng sẽ mọc lên những rừng mai với cả mùa xuân em mang tới.

Cậu bé đã ngủ thiếp đi trong tay và trong lời tôi nói. Tôi phải vác cậu bé về đêm đó. Hẳn là đang có những giấc mơ đẹp trên vai tôi...■

CÂU ĐỐI TẾT

Lần nào cụ Tú đạp xe về ngang Lăng Ông thì trời cũng đã về chiều. Hàng đoàn xe đạp đang chen chúc xuôi ngược về khắp ngã phố thị dưới những dãy đèn đường ngọn vờ ngọn mờ. Ánh đèn xanh nhạt lẫn với ánh chiều còn sót lại hắt lên khuôn mặt những người dân vẻ lơ láo lạ. Cụ Tú vẫn luôn luôn khoan thai dù đêm có đến nhanh hơn hay người trên đường giục giã. Bao giờ cũng vậy, cụ nhìn vào Lăng Ông và cúi đầu nhẹ một cái. Thói quen này cụ có từ những ngày thơ ấu dù đối với chùa hay nhà thờ, hay đi ngang qua một miếu nhỏ bên đường. Lần mà Văn bắt chợt tình cờ khám phá ra thói quen kín đáo này, chàng đã hết sức ngạc nhiên.

- Thưa thầy, con không nghĩ là một ông sư hay một ông cha cũng thích chào nhiều nơi như vậy, kể cả những bàn Thiên chơ chững Thầy đã chào.

Người Thầy dạy Văn châm cứu ấy đã cười bí mật, những nếp nhăn hai bên mép làm già thêm những sợi râu bạc lưa thưa, nhưng đôi mắt thoáng ẩn hiện vẻ tinh nghịch trẻ trẻ đôi khi, giọng thì thâm như đang nói lên những lời muốn giữ kín:

- Tôi còn muốn chào cả thế giới, dù là với một lá cỏ dưới chân.

Nói gì tới Lăng Ông, nơi những người dân thành Gia Định có thói quen khi nói lên lời nghiêm trọng là đưa nhau đến chính điện vắn cổ gà, là nơi cụ Tú đi qua hàng ngày, và mỗi năm khi xuân đến cụ lại vào ngồi viết câu đối cho người thiên hạ.

Nhà cụ Tú ở sau chợ Bà Chiểu, trong một ngõ hẻm lầy lội gần Lăng Ông. Túp nhà nhỏ hẹp không đủ cho mười con chuột phá... được đây lại dưới những cơn gió lớn. Trong nhà vừa chứa được chiếc giường cây ọp ẹp, vài ghế ngồi ngả tới ngả lui, và cái bàn gỗ mà mọt đã làm lệch mất một chân, phải dựa sát vào vách và kê thêm cục gạch cho vững. Trên vách là những tấm ván sần sùi xám xịt, ghép vào nhau với đủ kích thước và hình dạng, như được hình thành từ người thợ mộc lười biếng và vụng về nhất thế giới. Đôi khi Văn tới đóng lại một cây đà, hoặc leo lên trét lại những lỗ đinh trên mái tôn trước khi mùa mưa tới cho Thầy. Tự chàng phải nhìn thấy những việc ấy để làm vì cụ lơ đãng với mọi việc, cả việc mở một lời cảm ơn Văn sau những sửa chữa đó, mà

chỉ mỉm cười gật đầu nhẹ một cái. Văn cũng đắm la với những cái mỉm cười gật đầu ấy. Ngay cả hồi kẻ trộm rút mất hai tấm tôn sau bếp, đến mấy ngày sau cụ mới biết nhưng chẳng hỏi môi gì cả. Khi Văn khệ nệ vác hai tấm tôn méo mó khác tới đóng lại, cụ chỉ cười:

- Tôi đi châm cứu cả ngày có biết gì đâu. Mà có bắt tận tay rồi cũng phải tha nó thôi, xã hội này vậy đấy. Mình đã không chấp nhận xã hội này thì cũng không cần để cho nó giải quyết những việc của đời sống mình. Hồi trước lắm khi quên đề cửa cả ngày có mất gì đâu. Giờ thì dép nhựa đứt quai nó cũng lầy – Như đường cảm thấy biện hộ cho kẻ trộm chưa đủ, cụ lại nói như tự kết án – Và lại trong khi dân mình nằm lê lét ngoài đường mà mình nằm được trong nhà cũng là có tội rồi đấy...

Văn dựng đứng tôn vào vách, đưa tay lên mặt vuốt lất mề hôi nhễ nhại, rồi nhìn Thầy nháy mắt nghịch ngợm:

- Cứ kiêu quân tử ăn không cầu no, mặc không cầu ấm, con nghĩ là Thầy đã bắt gặp và bảo tên trộm ấy “Này chú kia, sao lấy có một tấm nhỉ, chắc không đủ xài đâu, tôi cho chú cả hai tấm đấy”. Xong rồi Thầy lên giường tự nhủ: “Thế cũng là may, suốt cả ngày hôm nay mình chưa làm được viện thiện nào cả, đúng lúc đấy”.

Những người lớn tuổi đôi khi gọi cụ với tên là cụ Tú Anh. Nhưng hầu hết mọi người gọi đơn giản và kính trọng là cụ Tú, như cả Việt Nam bây giờ chỉ còn một đại diện duy nhất ấy cho những triệu nho gia của mấy ngàn năm Đông phương. Cụ bước vào xã hội với nghề châm cứu từ mấy chục năm nay, với người bạn trung thành là chiếc xe đạp đón ngang từ thời Tây, lâu nay vẫn kêu to phản đối âm ỉ mỗi lần cụ nhắc chân hành hạ nó. Hồi trẻ, cụ bị một chứng bệnh tim, đã đi khắp thuốc Tây, thuốc Bắc mà không xong, nên phải nghiên cứu về châm cứu để tự chữa cho mình, mà dai dẳng đến giờ chưa hết. Văn bắt gặp cụ từ năm, bảy năm nay và đã đâm ra mê cái ông cụ ngây thơ làm gì cũng với trọn lòng say mê ấy. Văn theo cụ học môn châm cứu, nhưng chàng thích hơn vẫn là thái độ trân trọng với từng giây phút của đời sống của cụ, cả sự nghịch ngợm của cụ.

- Tôi thực sự chỉ là một lão lang băm, lang vườn thôi. Ngày tôi bước vào nghề châm cứu là với cả một trời ngã mạn sụp đổ. Tôi đã cười mấy lão lang già thời tôi ấy, sao không chịu đi cứu mấy chục triệu người mà cứ lo tỉ mỉ tần mần với dăm cây kim để suốt đời cứu được có mười người. Cuối cùng thì tôi phải đầu hàng sự bất tài của tôi, sự vụng về của tôi, không dụ dỗ nổi một mục già ngốc nghếch hướng chỉ cả một dân tộc. Chắc là phải có định mệnh nào đó cho những người làm việc lớn nhỏ, nhất là dưới cái thời ma quỷ này.

Văn không đọc nhiều, nhưng từ khi sống với cụ Tú thì chàng tin là sau những dòng chữ của Khổng Tử chắc cũng ẩn hiện những nụ cười lúc nghiêm trang, lúc ngây thơ và lúc nghịch ngợm mà cụ Tú học được. Cách dạy châm cứu của cụ cũng có vẻ thiếu khoa học, không theo một phương pháp nào cả, phần nào giống những vị thầy dạy võ ngày xưa. Cụ bắt Văn xách kim theo hầu suốt tháng đầu tiên chỉ để nhìn và nghe thôi.

Người xưa có câu là Vạn bệnh nhất châm. Nhưng trước tiên phải học được cái thần của nó và học cả đời may ra mới đạt được. Chỉ tới khi nào mình thấy được là đời sống cực kỳ tuyệt diệu và thiêng liêng mới có thể thành thầy châm cứu xuất sắc được. Bây giờ chỉ cần nhìn thoáng qua khí sắc, có thể biết được bệnh của năm năm sau, hay tệ lắm thì bắt lấy mạch có thể biết được cả những tư tưởng thâm kín nữa.

- Cứ theo kiểu nói của Thầy, khi mình đạt được cái thần rồi, có thể nắm cổ tay một người mà biết được năm năm sau cô ta sẽ sinh con trai hay gái chẳng.

Cụ Tú hơi ngần người ra rồi lại cười rất ngây thơ:

- Cái đó Thầy chưa đạt tới được. Mà Hoa Đà, Biển Thước biết có tới được chưa. Nhưng ngày xưa, người ta chần mạch phụ nữ bằng cách cột sáu sợi dây vào cổ tay bệnh nhân và thầy thuốc chỉ được cảm sáu sợi dây ấy để chần sáu mạch...

Những lúc ấy, Văn lại thấy Thầy mình có một vẻ lảm cẩm của một thứ chủ nghĩa thần bí để có thể tin cả vào những câu nói đùa của Văn.

Cứ mỗi lần Tết đến, cụ lại vào sân Lãng Ông ngồi viết câu đối. Những năm này, số người viết câu đối không còn nhiều nữa. Người ta không giữ được thói quen trân trọng với vẻ đẹp của giấy mực dưới sự ru thảng của nón cối và dép râu. Số người mua câu đối càng lúc càng giảm đi với sự lạm phát càng lúc càng tăng của tiền và lòng gian trá. Cho đến năm ngoái, chỉ còn cụ là người duy nhất ngồi viết trong sân những dòng chữ chúc mừng mùa xuân, mà không một ai chịu dừng lại để đọc. Hay là không một ai chịu tin là nước mình có thể hiện đến một mùa xuân mới chẳng, dưới những mùa băng giá ấy. Người ta chỉ đi lướt qua và vào gian chính điện để rút những lá xăm xin số thêm tiền cho năm mới. Những ngày ấy, Văn mỗi chiều đều vào ngồi chơi với cụ. Hai thầy trò ngồi trên mảnh chiếu nhỏ, bày trước mặt là giấy đỏ, mực tàu, bút lông. Quanh trời còn sót lại những trận gió bắc cuối mùa lướt qua và thả xuống từng trận lá vàng trong sân điện, lá bay rải rác và nằm xuống trên những vuông đá xanh và trên cả giấy mực. Cụ vẫn thân nhiên trước sự thờ ơ của người đi lễ và cây lá, cặm cụi cầm bút đồ từng trên giấy. Có lúc phải đưa tay nhặt bỏ ra ngoài chiếc lá vừa rơi xuống vương vào đầu cọ, nghiêng đầu cúi xuống sát vào nét chữ thổi đi tí bụi rơi vào. Cụ cần

trọng, dịu dàng từng cử chỉ một như sự động đến những hồn xưa trong chữ. Văn đôi khi tìm những chuyện gì vui đây để nói đùa với Thầy. Chàng không muốn những cơn xúc động xảy ra làm vỡ đi quả tim vốn bị thương tổn của Thầy. Rồi khi những tia nắng chiều cuối cùng đổi màu trên giấy, hai thầy trò lại lúi húi thu dọn, ôm mớ giấy điều ấy về. Hai mái đầu một trắng một đen ôm giấy mực lừng thững bỏ lại đám người đi lễ trong sân và chợ chiều phía ngoài.

- Con cũng lạ, sao Thầy hay nhiều người viết chữ đẹp thế. Con cứ bị chê là viết chữ xấu hoài thôi, may mà không biết chữ Hán đấy.

- Chữ không cần đẹp. Chỉ cần có cái gì ở trong chữ thôi.

- Con nhớ có lần Thầy bảo người xưa họ học cả phép viết chữ nữa.

- Đúng vậy. Ngày xưa, một người con trai phải là một kỳ vọng của xã hội, nên phải học nhiều thứ lắm. Cầm, Kỳ, Thi, Họa, Xạ, Ngự, Thư, Pháp, Y, Nho, Lý, Số này nọ. Tôi lỡ bị bệnh mê viết chữ đẹp chứ thật lòng không xem nó là quan trọng. Nước mình ngổn ngang thế này, chữ này mà không làm được gì thì cũng vô ích. Tôi lúc nào cũng băn khoăn là từ nhỏ tới giờ chưa làm được gì tốt đẹp cho dân mình, trong khi nước mình khổ cả trăm năm rồi.

Thế là Văn quyết định tới đón giao thừa với ông cụ, sau buổi trưa ngày ba mươi ngổi với cụ đốt sạch hết câu đối ấy. Hai người cầm que khơi lên những mẩu giấy và đợi nó cháy tan thành tro. Những vuông giấy đỏ với chữ kim nhũ, tờ thì với chữ đen, khi những ngọn lửa đỏ liếm dần tới, đã cong người lên, quần quai rồi biến dần thành những mảnh tro, đen đen, xám xám, rạn vỡ, nứt nẻ. Văn muốn ngỏ đôi lời nào có thể làm cụ vui dù trông cụ vẫn có vẻ an nhiên như mọi lúc.

- Tôi nay con xin phép tới đón giao thừa với Thầy nhé.

- Ủ, được thôi. Đừng nghĩ là tôi buồn đâu. Quen sống một mình lâu rồi đấy. Còn mấy câu đối này thì... cũng vậy thôi. Mình chỉ muốn đem cho người niềm vui và tin tưởng. Nhưng thôi...

- Thế hệ của Thầy có một cái gì làm cho con thích, nhưng chắc rồi cũng chẳng còn ai nữa. Lịch sử có sự tàn nhẫn của nó. Thời này không còn là thời của chữ, mà là thời của súng đạn.

Cụ Tú ngẩng lên nhìn vào mắt Văn, người học trò những năm cuối đời của cụ, vẫn thường chứng tỏ được sự lanh lợi cần thiết, trái ngược với cụ trong đời sống. Ngọn lửa đã thu nhỏ dần, chỉ còn lại vài

mẫu giấy đang ngun ngún cháy. Cụ mỉm cười với thế hệ mới kia:

- Thường khi người ta cầm kim vẫn thấy nhẹ hơn đấy.

Vẫn nhìn Thầy cười rồi cúi xuống tiếp tục khơi những tàn tro giải trí của những thế hệ cũ.

- Vâng, cầm nhẹ hơn nhưng lòng lại nặng đi. Và khi người ta cầm nặng hơn nhưng lòng lại thanh thản an vui. Con học được Thầy những điều này đấy, dù Thầy không nói rõ ràng hết, như trong từng nụ cười, từng cái nhìn, con vẫn đọc được. Thầy không nói, nhưng khi Thầy cầm kim chữa bệnh cho một người, con nhìn thấy trong mắt Thầy cả một tấm lòng thiết tha chữa bệnh cho cả cuộc đời.

Vẫn lại ngẩng lên nhìn Thầy, giọng chậm hơn:

- Chính Thầy, vâng chính Thầy đấy, đã muốn nói với con là chúng ta phải có trách nhiệm với cả thế giới này, ngay cả với một tiếng trẻ khóc ảm ức ngoài đường. Và điều tốt đẹp nhất của con người là không một phút giây nào lơi ra trách nhiệm đó.

- Thật ra, lúc nào tôi cũng ân hận với ý nghĩ là những trò cầm kim này, cả cái trò viết chữ này chỉ là để an ổn phần nào lương tâm mình, chỉ để vơi đi chút khổ đau của mình. Ít nhất thì mình cũng đang

làm gì đó, chứ không phải vui chơi. Và khi nghĩ vậy, mình càng bị dày vò. Đòi tôi, tôi đã từng hai lần đứng trước bàn thờ Tổ quốc phát lên những lời thề nghiêm trọng. Thế nhưng cuối cùng lại tự an ủi mình với mấy cái lật vạt này.

- Con thấy cả đấy, Thầy ạ. Và con biết cách sử dụng đòi mình sẽ tới một lúc con bỏ kim đấy...

... Văn mở hộp mút bày một ít ra đĩa, rồi rót trà mời Thầy. Ngoài trời, đêm xuống đã lâu. Chợ Bà Chiểu chỉ còn vài người bán hoa đang thu dọn vôi vàng để về kịp chuẩn bị đón giao thừa. Lác đác vài tiếng pháo trẻ đùa trong xóm. Đường một lúc một vắng hơn. Trong nhà không có vẻ gì là Tết, chỉ trừ trên chiếc bàn gỗ xin màu là trà với mút. Từ nhiều năm rồi, cụ Tú không ưa những dịp vui như vậy dù cụ còn giữ nhiều nền nếp cổ truyền. Có năm nào đó, cụ đã giải thích với Văn. Tết là dịp để để tổng kết những hoạt động năm cũ và vạch phương hướng cho năm mới, nhưng đòi cụ có làm được gì có ý nghĩa đâu mà phải tổng kết với vạch phương hướng chưa. Nhưng Văn vẫn nhìn thấy trong vẻ cố ý thờ ơ của Thầy phảng phất nhiều vẻ ưu tư...

- Này cậu. Bây giờ hai thầy trò mình nói chuyện giải trí đi.

- Thầy muốn nói chuyện nhĩ châm, diện châm gì chẳng?

- Giải trí gì với mấy thứ ấy. Tối nay để cho có vẻ, mình nói chuyện đất nước, dân tộc gì đi. Nói nhiều mà không chịu làm gì thì giải trí chứ còn gì nữa.

Văn nhìn sâu tận mắt Thầy và mỉm cười:

- Con thấy Thầy cũng ưa đùa giỡn với cả những đau khổ của chính Thầy. Riêng năm nay, con thấy Thầy có nhiều vẻ ưu tư hơn năm trước nên đã quên treo câu đối. Con muốn nhắc Thầy hồi sáng, nhưng thôi, vì đoán Thầy cũng muốn vậy...

Cụ Tú cười gượng nhìn ra ngoài trời. Những sạp chợ ngổn ngang còn vương vất đầy rác của một chiều bận rộn nhất trong năm. Vài vũng nước lầy lội của con hẻm trước nhà lấp lánh ánh đèn đường xanh xao như muốn hiện lại những khuôn mặt lo âu của người kẻ chợ sáng ngày lo Tết. Giọng nói cụ Tú cũng yếu hơn, không còn mấy sự hồn nhiên của ngày thường:

- Tôi nhớ đấy chứ. Đối với ngẫu gì nữa... Người xưa bảo là “văn dĩ ngôn chí”, lấy văn để bày tỏ chí mình, mà tôi thực sự có chí gì để bày tỏ đâu. Mấy đêm trước, tôi đã ngồi trước giấy mực, cũng bên bàn này và suy nghĩ tìm câu nào để viết, không phải để ngôn chí, mà chỉ vì thói quen thôi. Sau nghĩ lại thấy giấy mực thiêng liêng quá, đòi mình chưa đủ hùng tâm để làm chuyện gì và lòng mình thì chỉ làm túi hồ thêm giấy mực, nên gượng với người xưa. Càng suy nghĩ

càng chịu không nổi, đến phải gục đầu lên giấy, như muốn là một cử chỉ xin lỗi. Cụ Tây Hồ thấy chuyện không phải thì nói ngay cho dân mình biết, cụ Bội Châu thấy nước nguy thì mộ quân về cứu, còn mình thì tự trấn áp lương tâm bằng mọi cách. Có lúc tôi tự bào chữa, mình già rồi, chẳng làm gì được nữa, để mấy thằng nhỏ hăng máu nó làm, có lúc lại nghĩ chắc chẳng còn ai lo chuyện nước cả, thời này vậy đấy, mình không nên tự dày vò, và cuối cùng tôi quy lỗi về Định Mệnh, rồi Định Mệnh sẽ giải quyết bằng cách nào đó... Nhưng khi ngồi trước giấy mực, tôi mới thấy sợ khi cầm bút, mình có thể chạy trốn tất cả, nhưng không thể trốn được lòng mình và tôi đã nghĩ là mình chẳng cần gì viết cho mình, mình phải ra ngồi giữa chợ, giữa sân Lãng Ông đấy, để viết những câu chúc mừng cho những kẻ còn tin vào mùa xuân sẽ tới. Nhưng cậu thầy đấy, chẳng ai ngừng trước mặt tôi cả. Hay là lòng mình chưa đủ chí thành chẳng...

Con nghĩ là chữ nghĩa không tác dụng như xưa nay nữa. Đứng trước những đau khổ thế này của dân mình thì những dòng chữ xưa cũ đó như đã trở nên xa lạ. Dân mình bây giờ là những đứa con đau khổ của lửa và máu, và để không che giấu những đau khổ đó, lời thật nhất phải được viết từ máu và lửa. Chắc là con không có chữ đẹp nên không ưa cầm bút...

Đêm đã gần giao thừa. Thấp thoáng ngoài sân dăm nhà, người ta dọn bàn nến hương đèn cúng giao thừa. Tiếng pháo xa gần nổ nhiều hơn và liên tục hơn. Xa tận ngoài đường, không còn một ai đi lại. Văn đứng dậy, bước ra cửa nhìn và hỏi Thầy:

- Đêm nay Thầy cũng cúng giao thừa?

Cụ Tú mỉm cười, theo Văn ra đứng nhìn. Tất cả các nhà đều đang mở cửa, lui cui xếp mâm trái. Dăm đứa trẻ thập thò sau cửa nhìn mẹ đang làm, cũng đã trở nên nghiêm trang hơn ngày thường. Áo quần những đứa bé của hẻm nhỏ lao động dù có sửa soạn lạnh lặn nhưng cũng thiếu vẻ hồn nhiên tươi mới như chàng khi nhỏ, không che được hết vẻ nhớn nhác lo âu mà xã hội đã đem tới quá sớm cho tuổi nhỏ. Hay phải chăng sự ngây thơ bây giờ dường như không còn ở nơi con người nữa, có chăng là nơi những người già như cụ Tú. Cụ Tú nắm vai Văn kéo vào nhà:

- Các vị Trời cũng không cần đến bàn cúng giao thừa của tôi đâu. Mình vào đi. Tôi sợ nhìn thấy những niềm vui không thật của người khác.

- Thầy có muốn khai bút không. Có thể Thầy sẽ vui hơn khi viết cái gì đó mà Thầy thích... Chẳng hạn như là gì đấy...

Văn đưa tay ra trước để diễn tả vụng về điều chàng muốn nói mà không tìm được lời để diễn tả.

- Tôi đã viết ngoài kia rồi đây, rồi lại đem về đốt. Nhưng thôi, nể cậu tôi viết vậy. Đúng ra, không viết thì lại bản khoản.

Cụ Tú mở tủ, bày ra bàn hai vuông giấy đỏ, lọ mực tàu và bút lông. Cụ xếp ngay ngắn những thứ trên bàn, rồi chống tay vào cằm, nhìn vào giấy suy nghĩ. Văn ngả lưng vào ghế, đốt thguốc và nhìn Thầy. Khi cụ Tú ngồi trước bàn suy nghĩ, dáng dấp đầy tự tin và trầm mặc, với giấy mực trước mặt, như một vị Tướng đang dăm chiêu nhìn vào đám sương mù buổi sớm tìm những lối đưa quân vào trận. Cụ cầm đứng ngọn bút lông, chấm vào lọ mực tàu – hình như mấy thỏi mực kia cụ đã ném đâu tự hồi chiều, chỉ còn lô mực tàu ngày thường vẫn xài này thôi. Cụ miết đầu bút lông vào mép lọ rồi lại chấm mực, rồi lại miết vào mép lọ cho mực khỏi đọng. Vàng trán vốn sẵn nếp nhăn cau lại, cụ hết nhìn vào giấy, vào bút, lại ngẩng lên nhìn về phía trước dáng xa xăm. Cụ Tú lại chỉnh vuông giấy đỏ trước mặt, tay trái đưa lên phẩy nhẹ trên mặt giấy tinh khôi ấy. Cụ Tú lại thẳng lưng lên, ngẩn người ra suy nghĩ một chập, rồi lại chống cằm nhìn vào giấy, như đang muốn nghe chuyện một người bạn không còn thích nói chuyện nữa. Cuối cùng, cụ nâng tách trà lên hóp một nhấp, đưa mắt nhìn Văn hỏi:

- Tôi chẳng biết viết điều gì mà mình hài lòng được. Chịu thua thôi. Cậu thích tôi viết gì nhỉ. Người nó cứ làm sao ấy...

- Con chẳng biết tới một chữ Hán, làm sao gợi ý cho Thầy được. Con nghĩ là Thầy sẽ vui khi viết, thế thôi.

- Thôi cắt đi nhé.

Cụ Tú xếp hai vuông giấy vào góc bàn, đẩy lọ mực lại, nét mặt vẫn xa xôi. Cụ kéo khay trà ra giữa, rót thêm trà cho hai người, tay vụng về đổ ít nước ra ngoài. Vẩn lấy khăn chấm những vệt nước ở ngoài ấy, nhìn Thầy an ủi:

- Con nghĩ là Thầy nhiều chữ, nhiều câu hay lắm đấy. Mà có được nét chữ đẹp như Thầy chắc không còn mấy người nữa. Người xưa có những thú vui tao nhã thật.

Cụ Tú cười gượng:

- Chính vì lúc này tôi nghĩ nó chỉ là thú vui, là trò chơi nên không viết nổi. Thật sự, người xưa không xem là trò chơi đâu. Họ viết bằng máu tủy của họ đấy.

Khi nhìn Thầy ngồi trước giấy mực, con có cảm giác là chính cả nghìn xưa nho sĩ về cầm tay Thầy viết đấy.

- Thôi để lúc khác viết cũng được.

- Thầy có mệt thì Thầy nằm nghỉ, Thầy ạ.

Cụ Tú lắc đầu, nhưng vẫn đứng lèb, dáng như muốn về giường nằm, nhưng rồi lại đi đi lại lại, tay chấp sau lưng. Đôi mắt lúc thì nhìn xuống đầu mũi chân, lúc lại ngẩng lên nhìn xa vời, vói mớ tóc trắng lác lư trên đôi vai gầy guộc. Cuối cùng, cụ lại vào bàn ngồi, bày giấy ra, quả quyết cầm cọ...

- Bây giờ tôi viết đây nhé.

Cụ Tú cắn môi, cầm đứng bút lông chấm mực, cẩn thận đưa từng nét mực tàu trên giấy đỏ. Túm lông đầu bút theo từng nét mác, nét sô, lúc nhòe ra, lúc thu gọn lại, như thể tự bút cũng muốn làm đẹp hơn cho chữ. Mắt cụ Tú nhìn thẳng vào từng nét, gởi hết cả ưu tư vào chữ, có lúc lại nghiêng đầu nhìn chữ vừa xong rồi hơi gật gù như có chút hài lòng, bây giờ mới đưa cọ chấm mực để bắt đầu chữ tiếp. Mái tóc trắng rũ xuống, lòa xòa trên trán, nhưng cụ không để ý đến, cả đến dăm sợi râu bạc phát nhẹ theo hơi gió sớm. Cụ Tú viết quên cả Văn đang ngồi trước mặt. Chàng không dám nói lời nào sợ làm mất hứng ông cụ, chàng ngồi hút thuốc và cũng không

dám có cử chỉ mạnh hoặc gây tiếng động, nhưng lòng thì rất vui vì thấy Thầy làm việc với từng động tác nhỏ nghiêm trang, trân trọng với từng nét một như sợ những nét chữ kia có thể chui mất vào giấy nếu có chút gì thô bạo thoáng hiện đến. Khi xong chữ cuối, cụ Tú đặt bút nằm trên bàn, thở phào rồi cười với Văn:

- Xong đây, cậu biết chữ nào không?

- Thừa thầy, con chẳng biết tới nửa chữ nói chi là một chữ. Nhưng con vui vì con biết Thầy vui.

Giọng cụ nhỏ lại, trầm hơn, đầu hơi ghé tới trước.

- Câu này là “Cộng sản chi họa, quốc phá gia vong, thù nhân bất hận”, cái họa của cộng sản là nước mất nhà tan, ai người mà không giận – Cụ lại có giọng thích thú như thơ trẻ - Tôi vừa nghĩ ra một trò chơi hay lắm...

Văn hơi ngạc nhiên:

- Hình như đôi không chính lắm, Thầy ạ.

- Ô, văn với chương gì nữa. Tôi chỉ viết sự thực thôi.

Bây giờ thì tôi vui đây. Tôi sẽ dán ngay trước nhà.

- Đừng đùa với Công an, Thầy ạ.

- Tôi đã sợ đủ thứ cả đời tôi rồi, phải có lúc nào mình dám là mình chứ. Tôi sẽ dán trước nhà trong ba ngày Tết. Mấy thằng công an xã hội chủ nghĩa rất thông thái ấy cứ quen nhìn chữ Hán ra chữ Ả Rập cũng chẳng thắc mắc gì đâu. Mà có gì thì chịu thôi. À, khoan nhé, tôi phải ký tên vào góc, mình phải có trách nhiệm với chữ của mình.

Cụ lại cầm bút lên chấm mực, miết cẩn thận và mẹp lẹp, đưa lên không phác phác vài nét rồi ngoạch mấy nét mạnh vào giấy. Trông cây cọ lông trong tay cụ như hình một ngọn giáo đang múa những đường thảo giữa trận quân bình.

- Xong đấy, người nào biết đọc họ sẽ thấy chữ Tú Anh này rất là xuất sắc, mạnh mẽ. Tôi đã nổi tiếng gần trăm nay cơ mà. Tôi không biết rồng bay phượng múa làm sao như thế này thì tuyệt diệu. Cậu xem chữ chỉ này cứ như một võ sĩ đang thủ quyền xuống đỉnh tấn, còn chữ quốc này chẳng khác gì bốn hào lũy súng gươm đang dựng lên bảo vệ cho dân mình, còn nét chấm này nữa, trời ơi, tôi cứ ngỡ như là một giọt lệ long lanh rơi xuống trước những cảnh nát lòng của dân tộc. Không, nhất định là sáng nay tôi sẽ đem dán ngay gian thờ của Lãng Ông đấy. Mặc cho mọi chuyện xảy ra. Thôi, tôi ngủ tí cậu ạ, mệt quá. Dán ở nhà phí đi. Đây đúng là một trò chơi thú lắm đấy.

Cụ Tú về giường nằm, nét mặt hài lòng thấy rõ như một cậu bé vào giường chờ những giấc mơ hàng đêm. Văn thấy thầy có vẻ rất chân thành, cả ngày thơ nghịch ngợm, không có chút gì của tính kịch nhưng vẫn thoang thoảng vẻ gì của kẻ muốn dàn xếp với lương tâm trước khi đi ngủ. Chàng băn khoăn không biết sáng mai, ông cụ sẽ đem dán ở trước nhà hay ở Lãng Ông. Dù cụ Tú không ký tên đi nữa, Ban Quản Trị Lãng Ông cũng sẽ nhận ra ngay nét chữ của cụ, nét chữ mà cả thành Gia Định đã từng tự hào ấy. Văn phải làm gì nhỉ. Trò chơi này kỳ lạ thật. Đi theo cụ Tú dán lên, thế nào công an cũng sẽ “tóm” ngay cả hai thầy trò. Con không theo thì không được, một người trò không có quyền bỏ thầy trong những việc làm như vậy. Nhưng rõ ràng cụ Tú muốn chơi một kiểu rất “ngây-thơ-ông-cụ” mà chàng thấy không ổn ngay từ câu nói đầu tiên. Có thể là cụ Tú sẽ không cho Văn đi theo vì không muốn chia trách nhiệm cho Văn với những gì cụ viết. Dù sao đi nữa, thì cụ cũng bị kẹt. Thế nào cụ cũng bị đập mềm xương. Văn không thấy sợ bất kỳ một kiểu chơi nào cả, nhưng kiểu này thì hơi lạ. Chàng hút hết điếu này tới điếu khác, nhìn những nét chữ bay lượn trên giấy. Nếu cụ Tú dán trước nhà thì may ra những thằng ngốc sẽ không đọc được, không chừng còn nghĩ là lời ca tụng đôi mắt bò cầu của Bá Hồ. Tới mừng ba gõ xuống cũng có thể an toàn được. Ở giường, cụ Tú đã ngủ vùi với hơi thở nhịp nhàng, mặt hốc ra, còn giữ được nét thoả mãn ban đầu. Lâu lâu cụ Tú lại nghiêng răng nghe trọ trọ, hẳn là đang nhấm đi

nhằm lại câu đối kỳ lạ ấy, mặc cho tên học trò đang vò đầu bần khoản về sự nghịch ngợm ngày Tết của cụ. Văn lại nghĩ, hay là mình dấu biệt đi nhỉ, hoặc là xé đi càng tốt, sáng ra đám cụ Tú cũng quên mất là đêm qua đã viết gì đấy. Mà có nhớ ra cũng nổi giận tí rồi thôi, chắc cũng chẳng viết tờ khác nữa, vì tìm một con húng bắt thường như vậy cũng không dễ. Nhưng Văn vẫn ngồi đấy, hút thuốc và nhìn vào những hào lũy sừng gươm mà ông cụ đã dựng trên vuông giấy... Tay vẫn không dám động đến như sợ những nét chữ sắc bén như giáo gươm kia vụn gãy trong tay chàng.

Khi Văn giật mình tỉnh dậy, những tia nắng đã tràn ngập vào phòng. Vuông giấy vẫn còn giữa bàn, lấp lánh nắng trên chữ đen, giấy đỏ. Chàng đã ngủ gà ngủ gật một giấc khá dài, chiếc gạt tàn trên bàn đầy những tro và mẩu thuốc. Trên giường, cụ Tú vẫn đang nằm, nét mặt vẫn những nét hài lòng hồi khuya, nhưng lồng ngực không còn phập phồng như lúc mới nằm. Trên môi cụ Tú vẫn còn giữ được nụ cười, nhưng khí sắc có vẻ gì làm Văn thấy không ổn. Chàng chồm tới, tay trái nắm lấy mạch cổ tay cụ Tú, tay phải đưa áp vào tim cụ Tú. Mạch không còn nhẩy nữa, quả tim vốn bị thương tổn kia cũng đã câm lặng. Niềm vui đêm qua đã đến và đã ngưng lại những nhịp đập của tim. Nhưng nụ cười vẫn còn lại... ■

NOI MỌI NGƯỜI ĐỀU LÀ ÁNH SÁNG

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe về một trong những người mà tôi yêu thương nhất. Bởi vì ngày mai, có thể chúng ta sẽ không có dịp gặp nhau nữa. Thật đấy, trong cõi đời này, chúng ta luôn luôn có cảm giác là sắp vĩnh biệt nhau, không biết tên bạn mình sẽ biến đi lúc nào và không biết mình cũng sẽ biến mất lúc nào. Dù là chúng ta đã nhiều phen cố gắng không tin vào cảm giác đó, nhưng cảm giác là cái gì chợt hiện, làm sao kiểm soát được...

Cảm ơn các bạn thật nhiều vì đã bảo bọc tôi trong nhiều ngày qua. Cùng một hoàn cảnh mà các bạn vẫn tìm được những cách để che chở tôi thì thật là kỳ lạ. Còn bây giờ thì nếu tôi đã mang ơn một người bạn nào đó, nhất định là tôi sẽ nhân món nợ đó lên năm mươi triệu lần để nhớ tới. Hãy gương buồm

lên, và ơn trên sẽ đưa mình tới nơi nào để làm việc một cách tốt nhất cho cuộc đời.

Thời tiểu học của tôi đã trải qua trong một trường của các sư huynh dòng La San. Tôi không là một tín đồ Công giáo, như các bạn cũng biết. Dòng họ tôi là Phật tử sợ là có tới hơn một ngàn đời. Thế nhưng cha tôi lại tin vào các thầy dòng hơn tất cả các cơ sở giáo dục nào khác, và hơn cả những nhà sư mà cha có dịp quen biết.

Một lý do nữa, là một thầy giáo trong trường lại là bạn của cha tôi. Ông ta là một ông thầy cũng kỳ lạ như các ông thầy khác trong trường. Ông ta có vẻ thương tôi, như cha tôi có lần giải thích, nhưng luôn luôn theo dõi tôi một cách nghiêm ngặt từ một sợi giây giầy lơi ra khi bước vào cổng trường, cho đến một nút quần quên cài vì lơ đãng.

Mỗi kỳ đi xe lửa về - vì cha tôi là nhân viên Hỏa xa - thế nào cha tôi cũng ôm một bó roi mây tới làm quà cho ông bạn cố tri này, và đôi khi là vài quả mít không lồ để cho trường đủ vỏ mít để hăm he đầu gối lũ nhỏ. Đó là một thế giới hạnh phúc như cổ tích, và họ là một thế hệ thực sự hạnh phúc, cũng như tôi và các bạn cũng đã trải qua một thời kỳ thực sự hạnh phúc. Tất cả mọi người đều rất ngây thơ, ít nhất cũng là trong thế giới tuổi thơ của tôi. Tất cả những khuôn mặt đó không còn là thịt da nữa, nhưng chính là pha lê.

Tôi đã sống trong ngôi trường nghiêm khắc đó tới 5 năm, không là một học sinh tồi nhưng cũng không là một học sinh giỏi. Tôi đã thuộc rất nhiều đoạn trong Kinh Thánh vì hồi đó cũng được xếp vào các bài học thuộc lòng mà bây giờ tôi đã gần như là quên sạch trừ vài đoạn trong bài giảng trên núi. Dĩ nhiên là thói quen dùng các chữ cổ của tôi cũng bắt nguồn từ các bài thơ xuôi đó. Và trong trí nhớ hỗn độn của tuổi thơ tôi, hình ảnh chúa Jesus cũng là một vị Phật nghiêm nghị giữa rất nhiều các vị Phật trên bàn thờ của mẹ tôi, ít nhất cũng là trong rất nhiều giấc mơ của tôi hồi nhỏ. Nói cách khác, là một vị Phật có tóc đang chơi giỡn giữa các vị Phật không để tóc.

Các bài Kinh tôi cũng không còn nhớ một cách đầy đủ, dường như bây giờ cũng đã được đổi lời mới thì phải. Đoàn Hùng Tâm của tôi cũng chẳng chút chi giống với với Thiếu Nhi Thánh Thể bây giờ thì phải. Nghĩa là tôi hít thở một không khí rất là cổ kính. Điều đó cũng hoàn toàn thích hợp với năng khiếu bẩm sinh của tôi. Đến nỗi sau này chính các em tôi cũng đã phải thốt lên, thật sự anh là người của thế kỷ thứ 16. Nhưng chính người thầy năm lớp Nhất của tôi -- bây giờ gọi là lớp Năm -- đã mang chúng tôi về tận ngọn nguồn của một dòng suối còn cổ xưa hơn nữa. Và tôi không bao giờ có thể quên được ơn sâu đó.

Một buổi sáng, sau khi cả lớp đọc một bản kính Lạy Cha để bắt đầu buổi học, thầy đều dành ra mười lăm phút để giảng về một câu nào đó của Khổng Tử thật cặn kẽ. Chúng tôi đều biết rất rõ là giờ học này không nằm trong chương trình, nhưng chúng tôi đưa nào cũng thích cả. Có lẽ lý do đầu tiên là trong giờ này không có bài học nào phải trả hay bài làm nào phải lo, nghĩa là chẳng dính dáng gì đến cây roi mây ba tôi tặng đang nằm ngay ngắn trên bàn thầy. Và lại càng chẳng dính dáng gì tới chiếc vỏ mít khổng lồ mà ông thầy bạn cũng chẳng dính dáng gì tới chiếc vỏ mít khổng lồ mà ông thầy bạn của cha tôi trải vuông vắn trước cửa phòng giám thị, lúc thì trông như chiếc đệm quỳ của người võ sĩ đạo Nhật, lúc thì trông như bàn chông của một thầy phù thủy Fakir Ấn Độ.

Thầy đã giữ gìn chúng tôi thật kỹ lưỡng ngay đến một nếp gấp của trang giấy hoặc một đường kẻ trong vở cũng không được phép lệch ra khỏi con đường phải học của một Nho Sĩ. Mặc dù chúng tôi gàn như hoàn toàn không biết về chữ Hán, nhưng cũng có thể hiểu được rõ ràng những lời thầy dạy. Không những vậy mà lại còn có thể hình dung một cách rõ ràng trong đôi mắt ngây thơ của chúng tôi một chiếc cổng tam quan cổ kính sơn son thiếp vàng và một lối đi bằng những vuông đá xanh rêu mọc đưa vào nhà Văn Miếu.

Khi thầy se sẽ lật nhẹ một cách cung kính từng tang Minh Tâm Bảo Giám hoặc Tam Tự Kinh, thì chúng tôi lại nhìn thấy từng đám bụi của quá khứ 2.000 năm trước nhẹ tung lên và trở thành những đám mưa mịn vàng tung lên khắp phòng học. Mỗi khi tiếng sột soạt của giấy vang lên, chúng tôi lại ngẩng mặt nhìn lên vì ngỡ rằng đó là tiếng tà áo lát phát của các Hiền Thánh đến thăm chúng tôi. Và khi thầy gấp sách lại sau mười lăm phút trang trọng đó, chúng tôi lại bất chợt nhìn ra ngoài theo dải cho tới bãi cỏ xanh và tin đó là những đám rêu thời gian đang phủ lên những dấu chân Hiền Thánh. Tôi có thể nhớ thật chính xác những xác những hình ảnh đó mặc dù tôi đã trả lại cho thầy thật nhiều những chữ thầy dạy, và chỉ còn nhớ đủ chữ để có thể hù tụi con nít mới lớn sau này.

Cuối năm, sau khi thi Tiểu học xong, thầy vẫn tiếp tục dạy để chuẩn bị cho chúng tôi thi vào Đệ Thất, bây giờ là lớp sáu. Chương trình trở nên căng thẳng hơn, tuy nhiên, giờ học của các chú Nho Sinh với các vị Hiền Thánh vẫn được duy trì đều đặn và còn trân trọng hơn nữa vì chúng tôi đã sắp tới ngày xa nhau.

Bắt đầu khóa Luyện Thi Đệ Thất, lớp tôi được thêm một học sinh mới, đó là cô con gái của thầy. Đây là cô học trò duy nhất trong lớp và cũng là duy nhất trong trường bởi vì trường tôi chỉ dành cho các nam học sinh. Đó là một cô bé nhỏ nhắn, xinh xắn và dĩ

nhiên là cũng nghiêm nghị như những khuôn mặt nghiêm nghị bé con của chúng tôi.

Bốn mươi cậu bé chúng tôi cùng nhìn về cô bé một cách nghiêm nghị và lạnh nhạt như ông Huyện Thanh Quan nhìn về bà Huyện Thanh Quan ngày đầu mới gặp. Nhưng thật sự chúng tôi đều biết rằng đây là một cô bé đẹp nhất trên thế giới. Tôi không thể nào nhớ chính xác về cô bé, nhưng đúng là vậy. Chúng tôi đã rất hạnh phúc và thực sự là hạnh phúc vì có một người bạn đồng môn nhỏ nhắn và xinh xắn và cũng nghiêm nghị nữa cùng bước vào cửa Khổng song song bên cạnh chúng tôi trong bộ “robe” hồng của trường Thiên Phước.

Chắc chắn là các vị học trò của thầy Khổng Tử đã không hề được chia sẻ niềm vui này của chúng tôi, vì chúng tôi biết rất tường tận rằng trong 72 vị Đại Đệ Tử của Ngài và 3.000 Nho sinh theo học không hề có một ai là con gái cả. Điều duy nhất mà tôi nhớ rõ nhất là cô bé không bao giờ cười, dù là mỉm một nụ cười nhẹ, khi ngồi trong lớp. Nhưng tất cả những quả tim của chúng tôi – tôi tin là tất cả - đều cùng mở ra một thế giới kỳ lạ, thế giới của những cậu bé Nho sinh đứng thập thò bên mái hiên Nhà Văn Miếu chờ đợi những cụ già nghiêm nghị trong những bộ phẩm phục uy nghi xưa cổ với mũ cánh chuồn trên đầu và những bộ râu bạc dài chấm bụng bước ra vuốt đầu chúng tôi, nhưng người bước ra từ ngôi nhà

son son thép vàng ấy lại là một nàng Tiên bé nhỏ và dĩ nhiên là nàng không vượt đầu chúng tôi.

Cô bé được ngồi bàn đầu của dãy giữa, và tất nhiên là ngồi một mình. Bàn thứ nhì kế tiếp, thầy bắt bỏ trống. Thật ra, nếu tôi được ngồi bàn sau nàng, tôi cũng không bao giờ dám nghĩ tới việc tìm một trò chơi nào phá phách chỉ vì sợ cô bé tan ra thành khói trước khi trò chơi kết thúc.

Ngày đầu tiên cô bé vào học, thầy dạy chúng tôi câu “Nam nữ thụ thụ bất thân.” Nhưng làm sao những cậu bé Nho sinh như chúng tôi lại có thể dám nghĩ đến việc thân với nàng được nhỉ, bởi vì chúng tôi đều tin rằng nàng là hóa thân của những hạt bụi vàng bay lên từ những trang giấy Minh Tâm Bảo Giám.

Một đôi khi, chúng tôi lại sợ là nàng có thể có cảm giác đã đi lạc vào một sa mạc của 40 tên cướp bé con. Điều này có thể xảy ra lắm chứ, vì trong thư viện nhỏ của trường La San chúng tôi, có tới 3 bộ sách Nghìn Lẻ Một Đêm và nàng thì ưa đọc sách. Và lại chúng tôi cũng lo ngại là bốn mươi khuôn mặt bé con của chúng tôi dường như không chứng tỏ mình có điều gì khác với bốn mươi mặt mũi của bọn cướp Ả Rập kia đâu. Chúng tôi sợ là nàng sẽ nghĩ, lúc bọn cướp còn nhỏ chắc cũng có những khuôn mặt y chang như vậy. Những lúc đó, chúng tôi lại càng ra vẻ nghiêm nghị hơn nữa, cho có vẻ là những

Nho sinh quân tử sẵn sàng bảo vệ nàng dù là chống lại với bốn triệu trên cướp của một đảng lớn hơn chứ nói gì tới bốn mươi tên cướp chui ra từ thế giới của Ali Baba.

Những khi nàng cúi xuống cặm cụi với những con số bí mật của một bài toán, thì chúng tôi lại cho rằng nàng Tiên bé bỏng của chúng tôi đang đo lại những khoảng cách của những ngôi sao trong thế giới mà nàng đang ngự trị. Và chúng tôi chỉ mong là có một lúc nào đó nàng sẽ tính nhầm về các đường bay của các tình hệ đề rồi nàng sẽ không bao giờ có thể bay trở về thế giới kỳ lạ đó. Và chúng tôi thì sẵn sàng cả đời ngồi sau lưng nàng chỉ để chiêm ngưỡng cô bé nghiêm nghị học trò của Khổng Tử đó. Có bao giờ nàng bỏ quên đôi cánh ở một nơi nào đó của trần gian và không thể tìm lại được rồi phải ở mãi với chúng tôi không nhỉ.

Mỗi khi thầy quay lên bảng để chép bài thì tôi cùng các bạn tôi lại bỏ bút xuống và chống tay lên cằm nhìn về cô bé cho kịp giờ kéo tiếng trống tan trường có thể làm nàng hoảng sợ và chui trở lại vào những trang giấy. Và khi thầy quay xuống, chúng tôi lại cầm bút và tiếp tục trên bài viết. Những tiếng động bỏ bút xuống và cầm bút lên cứ đều đặn vang khẽ trong suốt những giờ học.

Và nếu có khi nào cô bé rụt rè khẽ cất tiếng hỏi thầy về một vài điều gì đó thì tất cả chúng tôi gập như nín

thở để nghe một cách trân trọng từng tín hiệu từ một thế giới bên kia dãy Ngân hà. Nhưng không bao giờ chúng tôi có thể hiểu được ô bé đã hỏi những điều gì, bởi vì trong những giây phút đó chúng tôi hoàn toàn biến mất khỏi thế gian này. Nói một cách chính xác hơn như người lớn mình có thể nói, là chúng tôi đã bị những tín hiệu bí mật kia làm hư-vô-hóa đi. Đó là những giây phút im lặng thiêng liêng của toàn bộ chúng tôi, dù là cô bé đang đứng giữa lớp nói lên những ngôn ngữ rõ ràng không phải là ngôn ngữ của chúng tôi. Nếu có tên nào bất chợt ho lên một tiếng hay ách-xì gì đó, thì toàn bộ chúng tôi – trừ nàng Tiên bé bỏng kia – đều quay lại nhìn kẻ bất bình kia đang bối rối ân hận, mà ngạc nhiên là tại sao người ta lại có thể gây nên những tiếng động trần gian giữa lúc đang nghe những tiếng vọng về của thượng lưu sông Hoàng Hà thuở cách đây hai ngàn năm. Nhưng nàng vẫn đứng đó, nghiêm trang và trân trọng nói lên những tiếng nói kỳ lạ ấy, dù bao nhiêu biến động của trần gian. Bao giờ thì chúng tôi có thể hiểu được những tín hiệu thiêng liêng ấy nhỉ.

Vào những giờ ra chơi, tất cả chúng tôi đều ra khỏi lớp vì đó là luật chung của nhà trường. Dĩ nhiên là nàng vẫn ngồi trong lớp bởi vì hình như tất cả mọi người – không riêng gì bốn mươi cậu học trò chúng tôi – đều cùng tin rằng nàng ở ngoài sự chi phối của tất cả các định luật trong thế giới này. Rất nhiều người bạn của tôi tìm cách giả vờ đi qua trước cửa lớp để có thể nhìn vội nhìn vàng vào cô bé đang cúi

đầu vẽ nguyệt ngọc những hình kỳ hà khó hiểu lên những trang giấy nháp. Có nhiều lần, tôi đã chờ cho cả lớp đi về, rồi tôi làm như thud ợn giấy tờ sách vở, mới tới chỗ nàng thò tay vào học bản lấy những tờ ấy ra xem, thì đúng là những đường nét không hề nào hiểu được, hay phải chăng đó là những đồ bàn chỉ đường vào một cung điện bí mật nào đó của nàng Tiên nhỏ của chúng tôi.

Cũng có đôi lần, tôi bắt gặp được những trang giấy phép phạt của nàng, không, làm sao mà giấy chép phạt được nhỉ, đó là những trang giấy chép đi chép lại những câu nói, những mệnh lệnh thiêng liêng của Không Tử mà thầy đã dạy để nàng có thể học thuộc lòng, không, nàng có cần gì phải học nữa vì nó đã chính là máu tủy của nàng rồi mà, hẳn là để cho tôi có thể nhớ lên và nhớ lấy. Nhưng điều mà tôi nhớ nhất, không phải là những mệnh lệnh thiêng liêng đó, mà chính là những dòng chữ thơ đại vụng về đẹp nhất trong lịch sử. Thư pháp ấy. Riêng tôi, trong những giờ ra chơi ấy, thì tìm một góc cây xa hơn để đứng và nhìn qua cửa sổ để có thể bắt gặp một lúc nào đó nàng sẽ bay lên khỏi mặt đất.

Một đôi khi, chúng tôi lại nhìn thấy thầy trở thành một vị Thần uy nghiêm đứng trên những bệ cao bằng vàng khối và chiếc roi mây trong những bó mà cha tôi đã trang trọng tặng cho nhà trường cũng đã biến thành chiếc gậy bằng ngọc. Những lúc đó, chúng tôi đều tin rằng nàng Tiên bé nhỏ của chúng

tôi chỉ là một trò chơi mà vị Thần uy nghiêm đó đã cho hiện ra từ chiếc gậy thần tinh quái đó. Và chỉ cần Thầy bẻ gãy cây gậy thần tinh quái đó, nàng sẽ từ từ thu nhỏ lại giữa một màn sương khói và biến mất đi. Và những lời dạy của thầy cũng chính là những mệnh lệnh thiêng liêng được ban ra từ thế giới của những vị Thần nghiêm nghị trong những bộ phẩm phục uy nghi với mũ cánh chuồn và chòm râu bạc.

Tất cả chúng tôi đều tin rằng chỉ cần hoàn tất những mệnh lệnh thiêng liêng đó dành cho những Nho sinh quân tử -- cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ -- chúng tôi cũng sẽ biến thành những vị Thần uy nghiêm bay vào thế giới kỳ diệu trên, và mới có thể hiểu được những tín hiệu bí mật của nàng Tiên bé bỏng của chúng tôi.

Rất nhiều khi, giọng nói từ tốn sang sảng của thầy vang lên làn cho khắp người chúng tôi run rẩy nhìn thấy những hình ảnh dần hiện ra trong không gian lung linh mơ hồ ấy, từ một chàng thư sinh ngồi bên cửa sổ dùi mài kinh sử binh pháp mặc cho hoa bay gió thổi ngoài trời hết bao nhiêu mùa trăng tròn lại khuyết, rồi tới lúc giặc đến biên thùy chàng lại khoác áo chiến bào lên ngựa ra đi, khi giặc tan lại vỗ về khắp cõi an dân, rồi lại cởi sạch áo mũ nhà quan trở về dòng sông thơ đại ca hát nghêu ngao đùa với trẻ bên đường hóng gió mát ban chiều. Làm sao chúng tôi có thể trước cái lo của người và vui sau cái

vui của người nhĩ. Chúng tôi kính sợ uống từng câu nói và nghe những lời, “uy vũ bất năng khuất” ngấm dần vào máu tủy mình...

Vào ngày cuối khóa, tôi được chọn đứng lên nói lời tạ ơn thầy – ngày xưa ở Việt Nam vẫn còn tục lệ tốt đẹp đó – đơn giản vì tôi là Trưởng lớp. Tôi gần như quên hết tất cả những lời đã ghi sẵn và chỉ lắp bắp được một đôi lời mà bây giờ tôi còn nhớ loáng thoáng:

“Thưa Thầy... chúng con cảm ơn Thầy về tất cả những lời Thầy dạy, đặc biệt là cảm ơn Thầy mỗi ngày đã đưa dần chúng con vào một thế giới kỳ lạ mà nơi đó mọi người đã trở thành ánh sáng...”

Chắc chắn là tôi đã không nói đúng như vậy vì tôi đã hết sức bối rối và bất chợt nói đến cái gì như là một vị thần uy nghiêm nào đó, hay một nàng Tiên bé bỏng hiện thân của ánh sáng gì đó hoặc là một cái gì đó đại loại như ngôi nhà mái cong rêu phủ phẳng phất màu trắng bạc râu nào đó. Nghĩa là tôi đã bối rối nói lên một bài diễn văn ứng khẩu hết sức vụng về, không đầu không đuôi, câu chẳng ra câu, lời chẳng ra lời, mà toàn là những hình ảnh chập chờn ẩn hiện trong trí nhớ thơ ngây của tôi. Và đôi mắt của thầy đã chứng tỏ là thầy chẳng hiểu gì cả. Tuy nhiên, tôi tin rằng tất cả những cậu bé nghiêm nghị kia và nàng Tiên bé nhỏ đó đều hiểu rõ ràng và sợ còn hiểu rõ ràng hơn cả tôi nữa. Chúng tôi hoàn toàn

không có một chút vui vẻ nào trong giờ chia tay này, dù là thầy đã cố làm cho chúng tôi vui bằng cách làm đủ trò, kể chuyện, ca hát và bắt chúng tôi nhảy múa với thầy nữa.

Tôi đã nhìn thấy những giọt lệ long lanh trong đôi mắt của bốn mươi tên cướp bé con kia hình ảnh nhạt nhòa của một nàng Tiên sắp biến mất. Tôi chỉ cúi mặt xuống và nhủ thầm: “Vĩnh biệt người Thầy yêu quý của con. Vĩnh biệt nàng Tiên bé bỏng đến từ một thế giới ba ngàn mặt trời kia, em chính là tinh chất của một dòng suối chữ nghĩa tuyệt diệu nhất. Rồi chúng ta sẽ gặp lại.”

Nhưng, nhiều năm sau, tôi vẫn không hề có dịp được gặp lại. Thực sự, tôi vẫn chưa bao giờ nghĩ tới việc bước vào nhà thăm thầy và nàng Tiên bé bỏng đó một cách nghiêm nghị như những người lớn thường làm. Bởi vì tôi luôn luôn tin rằng thầy và nàng đang ở trong một ngôi nhà bí mật với mái cong rêu phủ, với cổng tam quan đồ sộ và lối vào bằng những vuông đá xanh khổng lồ, dọc theo hai bên là ba ngàn pho tượng của những cửa những Nho gia hai ngàn năm trước.

Sau năm 75 vài năm, tôi được tin là thầy đã bị bắt vì một lý do nào đó. Bạn cũng biết là ở nước mình, người ta có thể ở tù không vì một lý do nào cả. Dễ lắm, chỉ cần một trận cười không kèm hăm được buông ra giữa quán cà phê trong lúc đài phát thanh

đang oang oang bài diễn văn nào đó, hoặc tiếng thờ dài không đúng chỗ. Và một người quân tử chân thực như thầy không còn một chỗ nào khác để ở hơn. Còn nàng Tiên bé nhỏ của chúng tôi đang là giáo viên khoa Sử của một trường trung học. Tôi không hiểu tại sao nàng lại chọn một môn dạy khó nhai như vậy. Hay phải chăng vì lòng từ tâm, nàng muốn chịu nhiều đau khổ hơn để có cách nào làm voi đi những lầm lạc của trần gian. Tôi hiểu được tình cảm này lắm, nàng thuộc loại người sẵn sàng bước lên giàn hỏa thiêu để làm sáng hơn những vẻ đẹp của trần gian. Tôi tin là nàng đang rất đau khổ. Bởi vì khi dạy về những kỷ niệm của một dân tộc những chiến thắng và những thất bại của các vị anh hùng, những hạnh phúc và khổ đau của một giống nòi, nàng Tiên bé nhỏ của chúng tôi trong những mệnh lệnh thiêng liêng từ thế giới kỳ diệu của ánh sáng không được phép nói sai sự thật. Bởi vì chính thịt da nàng cũng đã từ sự thật mà ra. Tôi không hiểu lũ học trò của nàng có nắm được giữa những lời giảng của nàng là vị mặn của nước mắt hay không.

Và có bao giờ kể lại chuyện này một lần nữa, hẳn là tôi sẽ bắt đầu rằng: “Ngày xưa, ngày xưa, có một nàng Tiên bé nhỏ của một thế giới ánh sáng vĩnh cửu đã bị đày xuống trần gian đau khổ, cho đến ngày...” ■

ĐÔI GIÀY VẠN DẠM

*Yêu gian trường kiếm quả thu phong
(thơ Nguyễn Du)*

Cách đây vài năm, tại thành phố Nha Trang, có một chàng thợ giày ngồi làm việc ở một góc phố nhỏ bên đường Lê Đại Hành.

Con đường trước mặt chàng hàng ngày đó cũng nhỏ và cũ kỹ như những con đường nhỏ và cũ kỹ khác của nước mình. Những ngôi nhà trên đường cũng có vẻ nhỏ và cũ kỹ hơn bao giờ hết với những cánh cửa thường đóng kín im ỉm và trời nhạt trước sơn với thời gian, với những bờ tường loang lổ tróc vôi không còn ai để tâm tới, và với cả những khuôn mặt gầy gò nhợt nhạt đôi khi thò ra nhìn quanh trên

phổ rồi thụt vội vào. Đôi khi họ có điều gì phải nói với nhau, chẳng hạn như phải mua thêm một ít gạo để có thể sống thêm được một hai ngày, hay phải đi họp tổ dân phố vào mỗi cuối tuần, bấy giờ họ mới chịu bước ra đường, đi vội vã tới nơi phải đến và thì thầm những điều phải nói. Thường khi thì họ vẫn im lặng những cánh cửa sổ không bao giờ mở ra của những ngôi nhà của họ, dù là để lấy ngọn gió biển mỗi chiều vẫn đến. Cũng như những người dân khác của nước mình vào những vào năm này, và bây giờ vẫn vậy, họ tin là sự im lặng đã có một ý nghĩa nào khác hơn là sự im lặng, hay ít nhất thì cũng là sự lương thiện duy nhất mà người ta có thể giữ được trong hoàn cảnh khốn khó đó. Chàng thợ giày đến đó làm việc mỗi ngày, ngồi xuống bên thùng đồ nghề xiêu vẹo sút mẻ, cặm cụi với những chiếc dép há mõm tuột quai, và đôi khi lại bất chợt ngừng đầu lên để nghe những tiếng thờ dài len lỏi qua những khe cửa trên phố.

Chàng thường mặc bộ đồ xanh công nhân đã bạc hằn màu, nhưng bám đầy những bụi đen mài ra từ những đế giày, và cũng đầy những bụi đường do các trận gió lốc từ biển cuốn vào phố thị. Công việc của chàng dường như không nhiều lắm, vì đôi khi người ta lại thấy chàng ngồi thừ ra, chống tay lên cằm với đôi khủy tay trên thùng đồ nghề, đắm chiêu nhìn ra phố, cặm lặng như một chiếc giày khổng lồ bất động giữa những mớ giày cũ ngổn ngang. Nhưng cũng có những ngày may mắn, người ta thấy chàng bận rộn

suốt ngày với những cây kim to đã cong queo, lo khâu những chiếc dép đã cũ đến ba mươi lần vá. Những ngày ấy thì không nhiều lắm. Chàng cũng trầm lặng như con phố buồn đó, mặc dù chàng vẫn ưa mỉm cười chào những người qua lại trên phố mà chàng quen hoặc là sẽ quen trong những dịp hư giày hỏng dép nào sắp tới.

Những ngôi nhà bên chỗ chàng ngồi làm việc vẫn luôn mở ra, dù ngày hay đêm, dù tất cả các cửa sổ trong thành phố đều khép lại. Một cậu bé vẫn thường thò đầu ra nhìn những người đang lầm lũi đi ngoài đường, hoặc nghiêng tai tò mò lắng nghe tiếng đập xe cót két trên phố, và có khi thì nhìn chăm chú từng cử chỉ và giày của chàng. Khuôn mặt nhỏ nhắn của cậu bé có vẻ gì xanh xao vì không thường ra nắng, hiện giữa khung cửa sổ, vẫn ưa lộ vẻ ngạc nhiên dù là có chút lạ gì trên phố, hay một thoáng bất gặp nét trầm tư của chàng thợ giày, hay chợt nghe một câu nói nào vang lên trong phố mà không có vẻ gì như một lời thăm thì vẫn có.

Một hôm, chàng thợ giày trong một lúc ngưng tay, chợt ngẩng đầu lên và bất gặp được cái nhìn của cậu bé. Lúc bấy giờ, cậu bé đang nhìn chàng với cách tò mò và ngạc nhiên như người ta vẫn thường nhìn về một sinh vật lạ bỗng nhiên hiện lên trong nhà mình dù là chàng đã làm việc ở đó từ nhiều ngày trước. Khuôn mặt cậu bé lộ vẻ bối rối vì bị bắt gặp như

vậy. Nét bối rối đó làm chàng thợ giày nghĩ là cậu vốn không có thói quen giao tiếp.

- Chào em bé.

Chàng thợ giày đưa tay lên chào và mỉm cười với cậu bé. Cậu bé cũng mỉm cười chào và tỳ cằm lên thành cửa để nhìn ra. Chàng thợ giày nheo mắt đùa với cậu bé:

- Sao hôm nay em không đi học?

Cậu bé ngập ngừng một chút rồi trả lời:

- Em không đi học từ nhiều năm nay rồi.

Chàng không ngạc nhiên gì khi nghe câu trả lời đó, vì những tuổi nhỏ không được đi học đã trở thành chuyện thường xảy ra ở nước mình bây giờ. Mặc dù là có nhiều lý do để các cậu bé phải bỏ học, và dù lý do gì đi nữa, chàng cũng biết là người ta không nên hỏi thêm về những điều như vậy. Cậu bé im lặng một hồi rồi rụt rè hỏi chàng:

- Anh đang làm gì đấy nhỉ?

- Anh là thợ giày, anh lo đóng giày dép hay vá vớ vắn.

- Vá vớ vắn là gì anh nhỉ?

Chàng thợ giày đưa cao hai tay lên vắn người cho những khớp xương tay và vai kêu lên răng rắc, giả vờ nghiêng đầu suy nghĩ một tí về công việc mình đang làm hàng ngày, như cố gắng tìm lời đơn giản hơn để có thể giải thích cho cậu bé hiểu. Chàng nhìn thẳng vào đôi mắt to tròn của cậu bé và trả lời với vẻ như cũng không hài lòng về câu trả lời của mình. Thường thì khi người ta tìm cách để giải thích về một điều gì càng hết sức đơn giản, thì lại càng thật sự là khó. Hoặc giả lúc đó chàng nghĩ rằng đáng lẽ ra cậu không cần hỏi như vậy, mà phải biết hết những chuyện như vậy.

- Bởi vì người ta không thể đi chân trần được em ạ. Không, nếu họ thích thì cứ việc đi chân trần. Nhưng ở trên đời có biết là bao nhiêu đoạn đường không bằng phẳng, thường khi cũng lắm gai chông. Và người ta cần có một đôi giày nào đó để bước qua. Dĩ nhiên, nếu họ thích ngồi một chỗ và nhìn thì họ không cần đến giày em ạ. Và đôi chân của họ sẽ không bao giờ bị thương dù là họ đang ngồi đó, nhìn những người khác đang bước đi, đang chạy nhảy đang cố gắng vượt qua những gai chông hầm hố, vì họ không hề chịu nhắc lên đến nửa bàn chân, và cũng có thể vì họ đã quen ngồi nhìn nên không thể chỗi dậy nổi. Công việc của anh là đóng giày cho những người dám bước đi. Anh tin là em cũng thích bước đi và chạy nhảy, phải không em nhỏ?

- Em không hiểu nhiều lắm. Nhưng em không thích đi...

Khuôn mặt xanh xao của cậu bé thụt vội vào sau khung cửa và biến mất đi.

Chàng thợ giày ngạc nhiên nhìn khung cửa sổ trống vắng và mờ tối. Trước giờ, chàng vẫn không tin là có một cậu bé nào trên trần gian lại không thích đi hoặc chạy nhảy. Chàng đã tưởng là cậu bé sẽ chồm người lên hẳn khung cửa để hỏi thêm chàng về một câu gì đó, có thể là hỏi về những chân trời vạn dặm sẽ hiện ra trước mũi những đôi giày hay về những người ưa thích bước lên gai chông hầm hố mà chàng vừa nói. Chàng lại cầm lên những chiếc giày méo mó dùm dó đã cũ đến hơn ba mươi lần vá, và tiếp tục khâu lại. Chàng vừa làm việc vừa nhớ tới khuôn mặt xanh xao nhưng có vẻ thông minh của cậu bé:

- Hẳn là tí nữa khi mình ngẩng lên một lần nữa, sẽ thấy cậu bé đang ngồi vắt vẻo trên thành cửa sổ, và cậu bé sẽ hỏi mình về điều gì đấy, chẳng hạn như mình có thích đóng giày mới hay sửa giày cũ. Tất nhiên là mình sẽ không trả lời mà chỉ hỏi ngược lại tại sao em lại không thích bước đi hoặc chạy nhảy, hay là mình sẽ kể một chuyện cổ tích nào cho hứng thú hơn, lấy đại chuyện nào cũng được, đôi hia bảy dặm cũng được. Ở thời buổi này, tìm một cánh cửa sổ chịu mở ra để nói chuyện cũng thật sự là khó. Phở xá lúc nào cũng cứ đóng im ỉm, họ sợ là chỉ mở

hé hé thôi cũng đủ cho những trận gió đại dương cuốn họ bay đi. Và mình lại ưa nói chuyện với những cậu bé lúc nào cũng thích mở toang cửa để nhìn thẳng vào những trận gió đại dương đó.

Nhưng hôm đó cậu bé không hiện ra nhưng chàng nghĩ. Chàng vẫn ngồi đó bên đường và tiếp tục làm việc. Ở ngoài đường lúc nào cũng vẫn trống vắng như mọi ngày. Thành phố Nha Trang trước kia là một trong những trung tâm du lịch lớn nhưng bây giờ chỉ còn là những con đường trống vắng và những cánh cửa khép lại. Vẫn còn một vài nơi đông người và ồn ào như nhà ga, chợ búa nhưng người ta đã đến những nơi đó với vẻ hốt hải, họ vội vã làm những điều phải làm và nói những điều phải nói, rồi lại chui hấp tấp vào những cánh cửa lúc nào cũng đóng im ỉm. Một đôi khi, bọn Công an Phường đến cạy cửa một căn nhà trống nào vừa bỏ đi, chở hết những đồ đạc trong nhà đi và dán lên cửa tấm giấy niêm phong. Và thường khi vào nửa đêm, họ đến đập cửa một ngôi nhà nào đó, còng tay một thanh niên dẫn đi, vì người đó đã làm một điều gì đó hoặc là đã không làm một điều gì đó, và có khi chỉ vì lý do họ tin là đương sự đang suy nghĩ về điều gì đó. Chàng thợ giày vẫn đang ngồi làm việc dưới thời tiết đó, ngày thì nóng gay gắt đỏ lửa vì mặt trời hắt lên từ nhựa đường và cát bỏng, đêm thì lạnh buốt của kính hoàng.

Trong vài ngày sau, thỉnh thoảng cậu bé lại thò đầu ra và nói chuyện với chàng thợ giày. Họ đã trở thành bạn nhau một cách dễ dàng. Chàng đã biết cách nói chuyện để cho cậu bé không phải thụt đầu vào và biến mất đi nữa, chẳng gọi cho cậu bé nói trước. Chàng biết là cậu bé đang sống với mọi người cha. Mỗi ngày, ông đạp xe xích lô đi từ lúc mờ sáng và trở về lúc trời đã tối mịt. Chàng nghĩ có lẽ ông không có điều kiện để cho cậu bé tiếp tục học nếu vậy thì những khi rảnh rỗi mình sẽ dạy cho cậu bé vậy. Chàng nghe cậu bé huyền thuyên về những chuyện của cha cậu, ngoài những chuyện đó ra, cậu bé có vẻ không biết nhiều dù là về những con đường im vắng trong thành phố hay là lùm cây trồng dọc theo bãi biển.

- Bãi biển của mình có gì vui không anh?

- Bây giờ thì vắng lắm em ạ. Nhìn quanh quần thì chỉ có vài tên Liên Xô nằm phơi nắng chia những bộ ngực đầy lông thoi. Hôm nào đấy, nếu em muốn, anh sẽ đưa em ra biển chơi. Em sẽ thích mê được chạy trên những bãi cát trắng rồi mình sẽ chơi một trò gì đấy, như rượt bắt chẳng hạn.

- Không, em không thích chạy anh ạ.

Chàng nhìn thấy có vẻ gì bối rối hiện trên khuôn mặt ngây thơ của cậu bé. Cậu bé đưa tay lên chào chàng rồi lại thụt đầu vào biển mất đi.

Một hôm, trong khi chàng đang ngồi thờ người nhìn con đường hoang vắng trước mặt, bỗng nghe tiếng gọi của cậu bé.

- Chào anh thợ giày, anh đang làm gì thế?

Chàng ngẩng lên trả lời cậu bé ngây thơ đó:

- Chào em, anh chẳng đang làm gì cả. Anh chỉ đang ngồi và nhìn thôi, và chợt nhớ đến lời hình như hôm nào có nói với em. Ôi, ước gì anh không phải đang ngồi đây nhỉ. Anh thèm muốn một lúc nào đó, anh sẽ đứng lên lưng thưng, phanh ngực áo ra hứng tất cả những ngọn gió dữ của trùng dương, anh sẽ lấy chính bộ vai gầy của anh đỡ lấy cây thập giá của dân mình mặc cho tất cả những lão già khôn ngoan ngồi nhìn sự vụng về trên bước anh đi. Anh ngồi đã quá lâu và anh không chịu đựng được nữa, chỉ cần chờ thêm một ngày nữa anh sẽ trở nên tê liệt mất. Dân mình thì đang khổ như vậy đấy. Một đôi khi, như hồi nãy chẳng hạn, anh nhớ tới người bạn thân đang ở Sài gòn. Hắn có hứa sẽ viết thư gọi anh vào đó để làm việc khi có dịp thuận tiện và anh đang chờ lá thư đó. Anh đang ngồi nhìn những tia nắng trong ngày và ước gì anh xoay được mặt trời quay nhanh hơn để cho ngày ngắn lại.

- Anh tính vào Sài gòn làm gì?

- Anh sẽ đi may giày cho cả nước.

- Lạ nhỉ, anh lại thích đọc thư...

Cậu bé đưa tay lên chào chàng rồi lại thụt đầu vào biển mất đi. Chập sau, cậu bé thò đầu ra và đưa chàng một lá thư. Chàng đón lấy với một nụ cười, rồi mở tờ giấy ra. Cậu bé tì cằm lên cửa sổ nhìn chàng cười, gió thổi lật phát mở tóc rối xòa xuống vàng trán gầy và xanh đỏ. Chỉ có vài hàng chữ bút chì non nớt trong lá thư đó:

“Kính gửi anh thợ giày của em,
Làm thế nào người ta có thể đi được anh nhỉ”

Chàng kinh ngạc đứng dậy bước tới khung cửa sổ và cậu bé. Ở bên trong khung cửa, cậu bé đang ngồi trong một chiếc xe lăn. Trên môi cậu bé vẫn là nụ cười, nhưng vẻ mặt thì bối rối ngượng ngập. Chàng vỗ vỗ nhẹ vào vai cậu bé:

- Không hề gì em ạ. Rồi anh sẽ tập em đi. Thật sự thì không có gì là khó. Hoàn toàn không có gì là khó để làm tất cả mọi việc trên trần gian này. Mỗi ngày em chỉ cần tập một tiếng đồng hồ thôi. Chúa có mối là với một lòng tin chắc thật, người ta có thể dời được núi. Và bây giờ em phải nói là với ý chí và nghị lực của em, sẽ tới một lúc em đi được, chạy được, nhảy được và cả bay được. Nếu cần, em phải tin là sẽ tới một lúc, em chỉ tay vào núi, núi sẽ tan,

chỉ tay vào sông, sông sẽ cạn. Thật là đơn giản em ạ. Điều quan trọng duy nhất là em phải muôn đi. Thế nào, đồng ý chứ?

Cậu bé gật đầu nhẹ một cái với ngón lệ trên mắt. Chàng thợ giấy bóp mạnh thân mật vào vai cậu bé, chàng nhìn thẳng vào đôi mắt đen lánh của cậu:

- Rồi anh sẽ tập em đi. Em sẽ thấy biết là bao hạnh phúc vì được bay nhảy, vì chinh phục những miền đất mới, và hạnh phúc là bao khi đưa dài những bước chân mãnh liệt trên quê hương mình. Em sẽ hít thở những ngọn gió mát lạnh từ những đỉnh cao nhất cầu cao nguyên, và sẽ ngạc nhiên là tại sao trước giờ mình lại ưa thích ngòì bó tay trong những ngòì nhà tù túng. Em sẽ thấy là quê hương chính thật là một người mẹ mà em thương biết là bao nhiêu. Chỉ cần em đứng thẳng lên, đưa mắt nhìn về các niên trời quê hương nói một cách quyết liệt “Tôi sẽ đi”, thì tất cả các tầng trời đều sẽ vui mừng hạ thấp xuống dìu lấy bước em đi. Với một tấm lòng trong sạch, anh tin là ngay cả đại dương cũng sẽ ngăn lại cho em bước. Chỉ cần em nghĩ là nước mình đang cản những bước chân dũng mãnh thì em sẽ đi được. Thế nào, em nói gì đi...

Cậu bé ràn rụa nước mắt, đôi tay nhỏ nhắn nắm chặt lấy tay chàng:

- Em sẽ tập đi, nhưng em sợ người ta nhìn thấy đôi chân nhỏ dị thường của em. Em có đôi nạng, nhưng em không dám ra phố vì sợ những tiếng động đó làm người ta thương hại.

- Anh kính tởm những tên chỉ thích ngồi nhìn ra phố và chế giễu những bước tập đi của em. Em không may mắn vì đã sinh ra với đôi chân tàn tật, nhưng còn những kẻ kia, chính họ đạ tự làm tàn tật tâm hồn của họ. Anh xin lỗi em, đừng khóc nữa nhé, đôi khi anh hơi nóng. Ngày mai, em bắt đầu tập đi nhé.

Chàng trở về thùng giày và lại khâu vá những chiếc giày đã cũ đến hơn ba mươi lần vá. Ở ngoài đường cũng vẫn trống vắng không mấy người qua lại. Những cơn gió đầy bụi thỉnh thoảng lại lướt qua trên phố. Chàng nghĩ đến những bài tập đi hàng ngày sẽ dành cho cậu bé:

- Ngày mai, mình sẽ coi cỡ chân của cậu bé để đóng một đôi giày vừa vặn và đẹp đến nỗi tất cả những tên thợ giày trên thế giới đều phải ghen tức. Ôi, em bé đi, làm sao em biết được nước mình đang cần những bước đi mãnh liệt là đường nào.

Ngày hôm sau, cậu bé lại thò đầu ra chào hàng:

- Chào anh thợ giày.

- Chào em nhỏ. Hôm nay mình bắt đầu nhé. Anh sẽ dạy cho em biết cách rời bỏ xe lăn và đôi nạng. Trời ơi, mở cửa ra đây, chứ em cứ tỳ cầm lên cửa sổ thế kia thì làm sao.

- Mình tập đi trong nhà đi anh.

- Không, em phải ra ngoài này tập với anh. Không ai cười gì đâu. Em nhìn xem, ngoài đường lúc nào cũng trống vắng cả, họ đã chui vào nhà vì sợ cả rồi. Anh sẽ vịn cổ những tên nào dám thò đầu ra cười em. Còn những người đang bước đưng cựa với gió bụi và cô đơn sẽ đón mừng em đấy. Nào, tới mở cửa ra đây với anh chứ. Chỉ cần em nghĩ, không ai sinh ra mà biết đi ngay được. Mau lên chứ, đừng để mất đi một phút giây nào của hạnh phúc cả.

- Vâng, anh chờ em tí.

Cậu bé tới bật những khóa cửa và đẩy cửa ra. Chàng thợ giày đã đứng đón sẵn ở đó. Chàng xách cậu dậy và ẵm cậu rời khỏi chiếc xe lăn. Chàng nắm lấy đôi nạng nhỏ ở góc nhà ra theo. Chàng đặt cậu bé ngồi trên thùng giày rồi nói:

- Anh ngạc nhiên là người em lại nhẹ hơn cả một chiếc giày.

Cậu bé trả lời với nụ cười sung sướng:

- Đôi khi ba em cũng bảo, chỉ cần một con chim đập cánh cũng đủ cho em ngã.

- Rồi sẽ tới một lúc em phải nói ngược lại, bây giờ thì tôi phải dè dặt bước đi của tôi chứ không quá dặt võ măt. Nào, bây giờ mình bắt đầu nhé.

- Vâng ạ.

- Trong ba ngày đầu em được phép đi với đôi nạng. Từ ngày thứ tư em sẽ không cần đến nó nữa, em sẽ đi tựa vào tường. Khó khăn thế nào em cũng phải tập. Khi nào đau chân thì em ngồi nghỉ một tí, rồi tự trách mình rằng, thực sự thì tôi chưa làm hết sức của mình, tôi chưa làm được những gì mà mọi người mong đợi. Rồi em đứng dậy tiếp tục, nếu chân em vẫn còn run rẩy thì hãy ngẩng mặt cầu nguyện với cả lòng thành: “Trời ơi, nếu thực sự con không làm được những điều mà mọi người đang mong đợi thì xin cho con chết ngay tức khắc, còn hơn là nhìn sự thất vọng của mọi người”. Lúc bấy giờ em sẽ đi được dù là trên vai em có là gánh nặng của cả dân tộc. Sau đó, em sẽ phải trả rời tường mà đi. Không có gì khó cả. Rồi anh sẽ dạy cho em chạy nữa.

Chàng thợ giày tập cho cậu bé đi ngay trên hè phố. Cậu bé quá yếu để có thể làm đúng chương trình của chàng. Nhưng ngày nay qua ngày kia, họ vẫn kiên nhẫn tập. Cậu bé đã thích thú với việc tập đi, không phải chỉ một giờ mỗi ngày như chàng thợ giày đã dự

tính mà là nhiều trong ngày. Cậu đã đi được với tay chắm nhẹ vào tường. Chàng thợ giày không còn phải theo bên cạnh để đỡ như những hôm đầu cậu mới bỏ nạng. Chàng ngồi trên thùng giày nheo mắt cười với cậu bé hay là nói đùa những câu gì đấy, và đôi khi là những câu nói khích nữa. Cậu bé vẫn kiên nhẫn đi từ bờ tường này tới bờ tường kia, mặc cho những bấp thịch chân vẫn quen đau mỗi, mặc cho những trận gió mạnh đôi khi xô tới làm cậu muốn ngã. Đôi khi cậu bé đứng không nổi nữa, hai cẳng chân mệt tới run rẩy, cậu lại ngồi phệt xuống đất, lưng tựa vào tường, nhìn chàng thợ giày ra giấu xin nghỉ mệt. Nhưng rồi khi những giọt mồ hôi trên trán chưa kịp nhỏ, cậu bé lại nghiêng răng bám tay vào tường đứng dậy. Nhưng cậu vẫn chưa rời tường được. Dầu vậy, cậu đã thấy hạnh phúc thật là đơn giản, cậu đã nói với chàng thợ giày với hơi thở ngắt quãng vì bị mệt, với những giọt mồ hôi đang chảy ròng ròng trên mặt, và với cả bầu trời sáng ngời trong mắt:

- Thật là sung sướng anh ạ. Em thấy là chỉ cần được hít thở những trận gió hung bạo này cũng đủ để hạnh phúc rồi. Ôi, biết đi sướng là bao nhiêu nhỉ.

- Đúng vậy em ạ. Mình phải luôn luôn tin là tất cả các chân trời đều được tạo ra chỉ để riêng cho bước chân của em thôi. Khi người ta nhắm về các chân trời và bước đi thì tất cả các chuyện nhỏ nhặt của cuộc đời đều không đáng gì để nghĩ tới nữa. Người ta chỉ

cần đấng nhau khi họ chỉ thích ngồi ở trong nhà và soi mói vào kẽ chân của nhau.

Đôi khi chàng bận rộn với những chiếc dép người ta đem tới, chàng chỉ cho phép cậu bé đi những bước gần và đơn giản vì không thể nhìn từng chút nữa. Những lúc đó, cậu bé cũng thích ngồi nhìn chàng khâu từng mũi kim trong khi chờ những bấp thịt chân bớt mỏi. Chàng vừa cặm cụi làm việc vừa kể cho cậu bé nghe về những chuyện chàng thích thú khi còn tuổi nhỏ. Cậu bé ngồi mở to tròn mắt ra nghe rồi lại cười dòn tan vào những câu nói đùa của chàng.

Và mỗi buổi chiều trước khi dọn dẹp về chàng lại công cậu bé lên chạy năm bảy vòng hè phố trước mặt để thưởng một ngày tập đi của cậu. Hai chân khăng khiu của cậu bé lắc lư theo bước chạy của chàng nhưng cậu không ngưng nữa. Cậu bé nắm hai tai chàng như làm cương ngựa, miệng hét lên những tiếng giục ngựa rồi lại cười phá lên.

Chàng vẫn còn nhớ đến ý định đóng một đôi giày đặc biệt để tặng cậu bé, nhưng chàng không bao giờ có đủ tiền để mua miếng da mà chàng thích. Vì chàng cũng nghèo như tất cả những kẻ có lòng trên trần gian này. Chàng đã để dành tiền nhiều ngày, nhưng vẫn không đủ để mua đến phần mười miếng da ấy.

Một hôm, cậu bé bước ra và thấy chàng sậu nảo hơn một ngày. Chàng đang ngồi úp mặt vào tay thần thờ, không thiết gì đến việc bày những chiếc giày há mồm lên mặt thùng nữa. Cậu bé rụt rè đặt nhẹ tay lên vai chàng:

- Có chuyện gì vậy anh?

Chàng ngẩng đầu lên nhìn cậu bé và cười, nhưng nụ cười không còn tươi như những ngày trước nữa:

- Vài ngày nữa anh vào Sài Gòn em ạ.

- Chắc anh nhận được thư bạn rồi?

- Nhưng không phải lá thư anh mong đợi. Đây là lá thư từ một người bạn khác, cho biết là anh kia vừa bị tù.

- Vụ gì vậy anh?

- Em không biết đâu. Và rồi em cũng sẽ không biết tới nữa, vì đây là chuyện của thế hệ bọn anh. Bọn anh sẽ không cho phép những chuyện này kéo dài tới thế hệ của các em.

- Bạn anh ở tù thì anh vào làm gì?

- Anh không thể chịu đựng được khi những kẻ ngay chính phải ở tù tới rụng răng, lòe mắt. Rồi Trời sẽ cho anh biết phải bắt đầu như thế nào.

- Em không hiểu nhiều, nhưng em buồn vì anh sẽ đi.

Cậu bé tập không còn hào hứng nữa. Cậu không còn chăm chú vào những bước chân mà cứ nhìn về chàng thợ giày. Chàng cố gắng làm cho cậu bé vui nhưng chính chàng cũng không còn nhớ được những câu nói đùa trước kia ưa nói. Ngay khi chàng cố gắng mỉm cười, chàng cũng nhìn thấy được trong mắt cậu bé hiện lên sự ái ngại. Cuối cùng chàng quyết định bỏ về sớm. Cậu bé đưa hai bàn tay lạnh giá nắm chặt lấy tay chàng:

- Ngày mai anh tới nhé.

- Khi nào anh chưa đi mỗi buổi sáng sẽ tới tập cho em. Tiếc là em chưa rời được bờ tường đi.

- Em tin là vài ngày nữa thôi anh ạ.

Chàng thợ giày lang thang qua những khu phố. Những con đường lớn như Độc Lập cũng không mấy người qua lại. Người ta cúi đầu làm lúi đi vội vã, tới những nơi phải tới, làm những điều phải làm, nói những điều phải nói, rồi lại háp tập chui vào những nơi trú ẩn nào đó. Ở mỗi ngã tư đường là một tên Công an áo vàng đứng ngó từng

người đi trên phố và thích thú nhìn sự luống cuống trên chân người qua lại. Chàng vẫn đi giữa phố, bước qua những sự đe dọa đó và cả sự sợ hãi kia.

Buổi chiều đó, chàng đem bán tất cả những gì chàng có, một chiếc xe đạp cũ, và cả chiếc đồng hồ tay mỗi ngày phải lên giây đến ba lần. Còn thùng đồ nghề chàng sẽ tặng cho ông lão trong xóm mà lâu nay chàng đã dạy nghề. Chàng ra dò la mua về miếng da mà lâu nay đã nhắm cho cậu bé. Chàng bỏ ra suốt đêm đó ngồi dưới ngọn đèn dầu đầy khói, đóng đôi giày cho cậu bé theo cỡ mà chàng đã biết và theo kiểu mà chàng đã tính. Chàng mài kỹ từng mép da một là sợ là chỗ nào đau chân cậu bé, kéo chặt sợi chỉ một vì nghĩ tới lúc cậu bé sẽ tập chạy. Ngoài trời, gió biển gầm thét luồn qua những khe cửa làm chàng lạnh buốt từng ngón tay, nhưng chàng vẫn ngồi kiên nhẫn kéo cho tới sợi chỉ cuối cùng.

Hôm sau, khi chàng đến, cậu bé đã ngồi chờ nơi ngưỡng cửa từ sáng sớm. Chàng thò đôi giày sau lưng ra đưa cậu bé. Cậu bé thì hơi thoáng ngạc nhiên chứ không nhiều vui mừng như chàng chờ đợi.

- Ngày mai anh sẽ đi đấy.

- Anh đi bằng xe gì?

Chàng ngồi xuống lấy ra đôi vớ trắng vừa mua buổi sáng và đỡ chân cậu bé lên thử ngay:

- Anh sẽ đi bằng xe lửa cho rẻ em ạ.

- Máy giờ xe chạy anh nhỉ?

- Năm giờ sáng. Nào, xong rồi đấy, đứng lên coi.

Khi chàng nắm tay cậu bé đỡ dậy, nước mắt cậu đã trào ra từ hờn nào. Cậu bé vẫn đứng ngẩn mặt nhìn chàng qua màn lệ, giọng như nấc lên:

- Em ra tiễn anh nhé.

- Bước đi thử coi giày làm sao đi em. Mà đưa tiễn anh làm gì, không vui đâu. Bước đi chứ, bám tay vào tường coi. Ngoài ga đông người lắm, em sẽ không tìm được anh đâu.

Cậu bé lần tay vào tường và bước nhưng vẫn nhìn thẳng vào chàng, nước mắt đã lăn dài trên hai má.

- Bao giờ anh về lại Nha Trang nhỉ?

Chàng tránh không nhìn mắt cậu bé:

- Giỏi lắm, em đi giày trông đẹp lắm. Hà, em mới hỏi cái gì nhỉ. A, thế nào rồi anh cũng sẽ về để mở bung tất cả những cánh cửa sợ hãi này ra.

Chàng đã cảm thấy là thực sự chàng cũng đang bối rối, nói lên những điều mà cậu bé không hiểu được. Mặc dù lòng chàng đang ngổn ngang, chàng vẫn ngồi chơi với cậu bé suốt buổi sáng đó, cố gắng đùa nhưng cậu bé không còn cười được nữa. Cậu bé chỉ ngồi thu gọn người nhìn chăm chăm đôi giày mới dưới chân mặc cho những dòng nước mắt cứ trào ra...

Tối hôm đó, cậu bé đã kể cho người cha nghe về chuyện chàng thợ giày. Cậu đã kể lại theo thứ tự riêng của cậu với giọng xúc động của trẻ dại, từ chuyện đôi giày vừa vặn và đẹp đẽ mà chàng đã tặng với lời chúc chinh phục những chân trời vạn dặm, và những bước đi đầu tiên chập choạng của cậu trên hè phố, cho đến cách ngồi trầm lặng của chàng nhìn ưu tư những chiếc giày cũ ngổn ngang... Người cha ôm con vào lòng, đưa những ngón tay sần sùi vì lao động vuốt tóc cậu vỗ về. Ông nhìn đôi giày hiện những nếp da bóng lưỡng với mép cổ cao gọn gàng mà cả đời ông chưa dám mơ ước tới. Những ngày làm việc của ông không bao giờ đủ để hai cha con no bụng trọn ngày thì nói gì tới thay một chiếc quai dép cho ngay ngắn một tí. Nhưng điều làm ông ngẩn ngơ nhất là việc cậu bé có thể đi trên phố mà chỉ cần chạm nhẹ vào tường. Với ông, điều này không khác gì ông có thể một lúc nào mọc được cánh mà bay. Cậu bé ngẩng lên nhìn cha với giọng nài nỉ:

- Sáng mai ba đưa con ra ga tiễn anh thợ giày nhé.

- Ừ, sáng mai, sáng mai mình đi, đó cũng phải là việc của ba nữa. Với lại ba cũng phải ngó coi mặt mũi nó làm sao.

Sáng sớm hôm sau, khi ngoài trời còn tối đen và gió buốt, người cha đã lay nhẹ con dậy. Ông chọn bộ đồ có vẻ mới nhất mặc cho cậu bé và mang đôi giày kia vào chân cậu. Ông đẩy xích lô ra và chở tới nhà ga. Con đường thì khá xa, gió thì mạnh và lạnh buốt. Cậu bé ngồi co ro ôm chặt cặp nạng vào lòng không hé răng một lời, mắt nhìn xa về những con đường trước mặt mà trước giờ cậu chưa quen.

Khi họ tới nhà ga, tiếng còi đầu tiên đã hú. Trước cửa ga người ta chen nhau, xô đẩy và leo cả lên cổ nhau để vào một chiếc cửa hẹp vừa đủ một người vào. Nơi đây, một tên Công an đứng khoanh tay nhìn từng người vào xem có khuôn mặt nào quen thuộc cần được moi về đồn. Những gánh hàng rong bày dài trên những bậc thềm kê ọ ọ những lời rao khó nghe. Dọc theo các hè phố gần ga, người ta vẫn còn nằm ngủ la liệt quán mình trong những tấm chăn đen xit và hôi hám. Có đến khoảng một trăm người ăn mày ngồi thứ tự bao quanh nhà ga nắm lấy chân người qua lại khóc lóc nài nỉ dưới những cọt đèn vàng mờ.

Người cha vừa kéo thẳng lại, cậu bé đã phóng ào xuống xe chống lấy cặp nạng lên lối vào đám đông.

Người cha gọi cậu chờ nhưng cậu đã biến vào những đám đang xô đẩy ấy. Ông vội vã khóa xe và gởi ở một xe cà phê quen thuộc rồi chạy vào tìm cậu bé.

Cậu bé chạy khập khiễng trên cặp nạng, cúi đầu chui vào những kẽ hở giữa những cẳng người, đoàn người cứ ủa tới bên này rồi lại xô về bên kia. Một hai lần cậu vấp ngã, nhưng lại nghiêng rãnh thở hào hển gương dậy. Cậu chỉ nhìn thấy quanh cậu những chân và những móng với móng. Lần thứ ba khi cậu bé gương dậy được thì cặp nạng đã rơi ở đâu rồi. Cậu bé bấu hai tay nhỏ nhắn vào chân và móng những người chung quanh lần nhanh vào mép tường. Hai bàn chân cậu không thôi đau với những nếp da mới và những bước cố gắng mãnh liệt của cậu. Những gót chân tê cứng lại, đau thối theo từng cử động, nhưng cậu không để chậm tới một bước. Khi cậu tựa lưng được vào tường nhìn về đám đông thì biết ngay là không thể chen lấn để vào cánh cửa kia được nữa. Đôi nạng đã mất và người cậu thì mỏng như một tờ giấy không thể đứng vững vàng được dù là có đang ở giữa một cánh đồng. Cậu bé nhìn quanh quẩn và thấy ở bờ tường xa thật xa kia, nơi không có mấy người đi lại, có vài đứa bé đang trèo lên chỗ tường thấp nhất đó để nhảy vào sân ga. Cậu bé lần chạy theo bờ tường về phía đó, những bước chân khập khiễng đau buốt vội vã hấp tấp đạp trên những viên đá xanh to nhiều phen làm cậu trượt ngã, nhưng cậu bé lại chồm ngay dậy nhìn về phía trước phóng tới. Có lúc cậu bé muốn ngồi xuống để

cởi đôi giày chưa quen đó để có thể chạy nhanh hơn, nhưng tiếng còi lần thứ nhì đã giục lên làm cậu sợ trễ giờ. Và lại, cậu biết là cậu phải quên cơn đau đó vì nếu cởi giày ra những viên đá bén có thể làm chân cậu bị thương. Cậu bé phóng ào ào qua những đám đá xanh rồi qua một đám cỏ dại tới gần đầu gối, mồ hôi tuôn đẫm cả lưng và trán, nhưng cậu vẫn nghiêng rặng chòm dậy sau mỗi lần vấp ngã mặc cho tất cả những cơn đau dưới chân. Khi tới bờ tường thấp đó, cậu bé phóng mình lên bấu vào mép tường đu lên. Có những lỗ hồng bông trẻ đã đục sẵn vào tường để leo, cậu bé lũng lảng bằng hai chân yếu ớt, cố gắng tỳ mũi giày vào đó vào đó để lên nhưng cũng phải nhiều lần trượt chân mới lên nổi. Từ trên bờ tường đó cậu bé đu người qua nóc một thùng conex và ngồi trên đó nhìn. Tàu đã bắt đầu chạy và cậu biết không có cách nào tới sân ga kịp để bắt tay chàng thợ giày lần cuối cùng. Và nếu may mắn cậu có thể bay tới ngay đó được thì cũng không biết tìm chàng ở toa nào nữa. Cậu bé ngồi trên nóc conex đưa tay vẫy đoàn tàu đi ngang qua trước mắt cậu, nước mắt chảy dài xuống lẫn vào những giọt mồ hôi trên mặt. Ở ngoài xa kia, những tia nắng đầu tiên đã lóe lên và đoàn tàu chạy xa dần mất hút vào vùng trời sáng đó.

Người cha công cậu về xe, trên tay ông là cặp nạng mà ông đã tìm lại được. Cậu bé gục đầu lên vai cha và khóc thốn thức, hai chân đau buốt trong đôi giày đã nặng trĩu theo từng bước đi của người cha. Trời đã sáng hẳn ra. Ông đặt cậu bé nằm trên xích lô

và vuốt những giọt nước mắt và mồ hôi trên mặt cậu bé. Cậu bé mặt nhợt nhạt vì mệt ngã đầu lên nệm xe thì thào với cha.

- Ba cởi giày giùm, con đau chân quá.

Cậu bé bặm môi chịu đau khi cha tuột đôi giày đẹp để đó ra.

- Chân con chảy máu rồi con ạ. Trầy da cả hai chân đấy.

Cậu bé trả lời cha rồi nhắm mắt lại để tìm giấc ngủ:

- Không sao đâu ba. Hôm nay con biết chạy và cả leo được rồi đấy.

Và cậu bé ngủ thiếp đi trong ước mơ là có một lúc nào đó sẽ gặp lại chàng thợ giày.■

CHỊ TU

Hồi nhỏ có những năm tôi đã thương chị Tư hơn là thương mẹ. Đó là sau này mẹ đã kể lại cho tôi như vậy. Những lúc đó mẹ nhìn tôi và chúm chím cười: “Hồi đó mày chỉ biết tới con Tư chứ đâu có thèm biết đến tao”. Bấy giờ thì tôi cũng khá lớn rồi. Tôi có thể nghe được trong giọng mẹ một tình cảm hạnh phúc lẫn với chút ghen tị. Mỗi lần nghe vậy tôi chỉ nhìn mẹ và cười không nói. Tôi vẫn luôn luôn như vậy, luôn luôn vụng về trong cách bày tỏ tình cảm. Đã có lần đi học về tôi đã nghĩ về trong cách bày tỏ tình cảm. Đã có lần đi học về tôi đã nghĩ đến chuyện nắm lấy vai mẹ và sẽ nói: “Mẹ, con thương mẹ lắm”, như một lần vừa đọc xong *Bông Hồng Cài Áo*. Nhưng vẫn chưa bao giờ tôi làm được vậy. Tôi đã quăng cặp vào gầm giường và chạy vào bếp tìm mẹ. Mẹ đang ngồi quạt lò than vừa nhóm, khói bay lên mù mịt. Tôi đi tới đi lui đi quanh đi quanh và băn khoăn là cậu bé Nhất Hạnh hồi đó có từng bôi rôi như tôi không. Tôi sợ là khi tới gần có thể ho lên sặc sụa và quên ngay mất lời êm dịu sẽ nói. Nhưng ngay khi thấy cuốn truyện võ hiệp *Kim Dung* của dì tôi nhô ra một góc tận trên đầu tủ, tôi đã nhón chân kéo nó xuống và nằm vật ra giường đọc mãi miết quên hẳn cả việc nói một câu gì đó với mẹ. Tôi không thể nhớ hết được những ngày nhỏ dại mà đôi khi mẹ vẫn kể lại. Đó là một thế giới ẩn hiện giữa sương mù, những khuôn mặt chợt đến, hiện ra rồi lại tan đi.

Con chị Tư kia, người mà mẹ từng kể rằng tôi đã thương chị hơn thương mẹ, thỉnh thoảng sau này tôi cũng thường gặp và đến thăm, cho tới bây giờ vẫn chưa biết tên thật của chị là gì.

Nhưng hẳn là mẹ phải biết tên chị, tôi đoán như vậy. Thử đó không ai đi mượn một người giúp việc mà chưa nhìn thấy căn cước của người đó. Thử đó ba tôi đi hoài, ít khi ông có mặt ở nhà. Mẹ tôi dạy ở một lớp mẫu giáo trong xóm. Tất nhiên là mẹ có quyền làm việc đó chẳng ai cấm cản cả. Trường chẳng có một ông Hiệu Trưởng nào hung dữ để cho các cô giáo và học trò phải sợ cả. Gọi là trường cho ngon chứ thật ra chỉ là hai lớp sáng chiều mà mẹ là cô giáo và cũng là tất cả những nhân viên chức việc trong trường. Mẹ không thể để tôi lê la bò giữa lớp hay tập đi vịn vào bàn ghế học trò giữa lúc những đứa trẻ kia đang đánh vần i tờ hay tập hát. Và biết đâu đó, sẽ không chừng có một trò nào lâu lâu lại cộc vào đầu tôi một cái để thử xem mẹ sẽ dỗ tôi nín khóc thế nào hoặc là chỉ để trả thù cô giáo cứ ưa bắt học trò tập phát âm những tiếng kỳ lạ chưa gặp trong đời bao giờ.

Còn đi tôi thì đâu có thể nào coi ngó tôi được. Dì phải đi học ở một trường trung học ở một trường. Trung học hơi xa một buổi, còn buổi kia thì như những tờ báo Tuổi Ngọc, Tuổi Hồng ngày ấy ưa nói là để mộng bướm mơ hoa. Sau này đi kê là có một lần tôi đã thoát ra khỏi tay dì lúc nào không biết,

thực sự điều này tôi rất là ngờ vì chưa bao giờ tôi nhớ được là có lần nào tôi ở trên tay di cá, tôi đã chập chững ra tận sau ao nhà và ngồi dưới vũng nước cạn chơi giỡn với cặp ngỗng không lò. Khi mẹ ghé về trong giờ ra chơi của lớp, mẹ vẫn thường như vậy để lâu lâu lại khám phá ra một trò gì mới đây của cô em nhỏ của mẹ, thì bắt gặp tôi đang bết đầy bùn sinh bò đuôi theo cặp ngỗng. Mẹ đã bảo rằng tinh thần trách nhiệm của cặp ngỗng thì cao hơn của di tôi thật, nhưng không thể nào hai người bạn già ấy có thể giữ tôi sạch sẽ được, thế là vài hôm sau chị Tư về ở với chúng tôi.

Mẹ đã tìm được chị Tư ở bên binh chợ Bến Thành vào một ngày cuối tuần. Vào những năm chiến tranh ở những miền quê bắt đầu lan rộng. Người ta không thể ở một nơi cho yên ổn mà ngày là quốc gia và đêm là của du kích. Nhất là ở lứa tuổi thanh niên, con trai hẳn nhiên là phải có quyết định rõ ràng nếu không thì cũng có người quyết định giùm, còn con gái thì chỉ có cách rời quê lên tỉnh. Mẹ đã bắt gặp chị đang ngồi ở một bệ đá bên binh, mắt ngơ ngác nhìn quanh, cảm lặng trước mấy tên con trai bụi đời lảng vảng chung quanh. Ở bên chị là một gói nhứt trình phòng lên chắc là gói theo một hai bộ quần áo gì đó. Hẳn là khuôn mặt chị có vẻ gì ngây thơ lạ lẫm nên mẹ mới có can đảm bước tới gạt lũ con trai kia ra để hỏi thăm chuyện. Và mẹ đã quyết định thật nhanh để rời chị lui thủi theo mẹ tôi về một nơi mà chị chưa từng biết đến, để coi sóc một thằng bé chỉ

thích vật lộn với ngỗng, và để cho dì tôi... có Trời mới biết hết được những trò gì dì tôi đã bày ra hồi đó.

Mẹ đặt tên cho chị là chị Tư. Như vậy là tình cảm lắm, cả xóm ai cũng biết là mẹ tôi rất thương người. Ở miền Nam mình, người ta rất tôn trọng thứ tự. Trong xóm người ta gọi mẹ là cô giáo Ba. Còn dì tôi thì theo thói quen những người con gái mới lớn rất ghét bị kêu theo thứ tự, nếu thế thì những cái tên đẹp trong giấy tờ để làm gì nhỉ, không thể để chỉ bắt buộc riêng cho một chàng trai nào gọi, mà dì tôi thì chưa tới tuổi để có cái uy quyền như vậy. Mẹ có thể gọi chị là thứ Tám, thứ Chín gì cũng được, rồi cũng êm tai và dễ thương như con người của chị. Nhưng không, mẹ đã trao cái thứ tự của dì tôi quạ quọ vì bị gọi là con Tư. Còn với một đứa bé chưa biết nói như tôi thì chẳng hề gì cả, tôi đoán như thế, có lẽ lúc đó tôi chỉ nhận ra rằng mình vừa rời một vấp ngã ưa giỡn để ôm vào một con voi ưa chiều chuộng, hẳn là thế.

Tôi không thể nào nhớ được khuôn mặt của chị hồi đó. Nhưng hẳn là phải dễ thương và có vẻ gái quê vô tội lắm vì sau này mẹ cứ nói về những nét na của chị rồi lâu lâu lại nhắc rằng tôi đã thích gần chị hơn mẹ. Nhưng hẳn nhiên là cha tôi không được phép có chung một sở thích đó với tôi dù là cha cũng giàu lòng thương yêu mọi người như tôi. Nếu không thì mẹ chẳng bao giờ kể chuyện về chị một cách thoải

mái như vậy. Sau này trong những lần gặp lại chị đã gia dân đi với thời gian.

Mẹ tôi là người trước tiên khám phá ra rằng chị là người chia sẻ một cách nghiêm trọng tình thương của tôi. Vào những giờ mẹ sắp tan trường chị thường ẵm tôi ra đứng trước cửa để chờ mẹ. Và khi mẹ bước tới để chiếc giỏ xuống bên cửa sứa soạn ôm tôi vào lòng thì tôi quay lại úp mặt vào bộ ngực khổng lồ của chị. Và khi mẹ xúc nách tôi lên để ẵm thì đôi tay nhỏ bé của tôi lại nắm chặt lấy áo chị và khóc thét lên. Những lúc như bấy giờ thì không có cách nào làm tôi calm lặng được nữa, mẹ kể lại, tôi đã rống lên không thôi vào vai mẹ và méo miệng măm măm những lời dụ dỗ đi tới đi lui trong sân. Hẳn nhiên là những lúc ấy tôi chưa thể nào nghe được những lời nào với lời nào cả, nhưng hẳn là phải phân biệt được sự khác hẳn nhau giữa đôi tay gầy và bộ vai xương xẩu của mẹ với sự êm ái trong vòng tay của chị. Mặc dù chị đã trốn biệt hẳn xuống bếp để nấu cơm hay làm gì đó, đúng hơn là để xa hẳn tầm mắt của tôi may ra thằng bé sẽ chịu yên ổn trong tay mẹ chăng. Nhưng tôi vẫn ồn ào khóc đòi chị không thôi vì rõ ràng là tôi hình như chẳng bao giờ chịu phân biệt mọi chuyện trên đời bằng mắt cả mà lại phân biệt bằng cảm xúc của đôi tay.

Mẹ lại ẵm tôi ra quán tạp hóa của bà Sáu Thôi ở đầu ngõ, đúng ra đây chỉ là một sạp hàng xén nhỏ, mua cho tôi một cái bánh bích qui hay là một cái lục lạc

gì đấy. Mặc dù tôi đã nắm chặt được cái bánh trong tay hay cái lục lạc lắc các reo vui, tôi vẫn đập tay khóc đòi chị mà đôi nắm tay chẳng tội gì buông ra ba cái của quý kia. Thế là mẹ phải gọi chị Tư lên và trao thẳng bé cho chị. Và mẹ lại kèm thêm một lời với chị cho chị đỡ băn khoăn:

- Nó giống ba nó lạ, tính quái dị lắm, muốn gì là đòi cho bằng được mới thôi. Để nữa lớn coi, tha hồ mà lì...

Nhưng tôi biết chẳng giống gì đâu. Tôi biết cha tôi lắm, nếu lúc đó không đang đứng bên cạnh hẳn là sẽ tùm tùm cười khi nghe nói vậy, nếu ông muốn điều gì thì ông sẽ chẳng bao giờ khóc lóc đòi ồn ào như vậy.

Ở trước nhà tôi có cây ổi lớn, nơi đó thỉnh thoảng dì tôi vẫn gọi thêm vài người bạn học và lấy cây hái ổi. Dì không được phép leo cây như tôi sau này vẫn thường làm. Hình như điều đó là một lệ cấm cho con gái thời đó. Có những chòm trái cao ưa ngả nghiêng trước gió thì dì và những người bạn gái không thể nào đưa cây hái tới được. Thỉnh thoảng những lúc mẹ tôi không có nhà, chị Tư lại biểu diễn tài leo cây hái ổi cho những cô bé kia nhìn theo mà thần phục. Ở quê nhà chị, chị đã leo đủ thứ cây mà nào có ai cấm đâu. Chị đã kết luận với dì rằng ở thành phố thực sự là có quá nhiều lệ cấm vô lý. Tất cả những người con gái leo cây ở quê nhà mà chị biết đều

chẳng hề gặp tai nạn nào cả, như chị nói là họ có Bà đỡ. Bà này cũng thiên vị lắm vì tai nạn lại thường xảy ra cho con trai leo cây. Và chị lại dạy cho dì leo cây. Nhưng những cơ hội này cũng hiếm hoi lắm vì trong xóm ai cũng biết là mẹ tôi cấm tất cả lũ học trò của mẹ làm đủ thứ trò phá phách mà trong đó trèo cây hái trái lại là một tội không nhẹ. Và lại trong xóm ai cũng có thói quen nói nhiều về những lỗi lầm của người khác mà không loại trừ con nít hay con gái. Và mẹ sẽ nghe được đủ thứ chuyện đó mỗi lần ghé quán tạp hóa bà Sáu Thôi hay là trên những con ngõ vào khu chợ Chồn Hổm của xóm vì mẹ vẫn không được coi là kẻ sẽ nghiêm trị tất cả những lỗi lầm của con nít trong xóm. Ngay cả khi những đứa con nít kia có lớn lên thì mẹ cũng phải nghe đủ ba điều bốn chuyện về nó. Và ngay cả cho nó có học ở một lớp nào ngoài xóm đi nữa thì mẹ cũng lại được thở than về cả những đứa không hề là học trò mình. Cuối cùng thì mẹ đã tập được một đức tính là phải chịu trách nhiệm về tất cả những rối rắm của trần gian mà trong đó dĩ nhiên lại thường là nạn nhân của những điều tiếng trong xóm. Chẳng ai hiểu làm sao cả mà dĩ nhiên lại càng chẳng hiểu gì cả. Mà nào có sao đâu, chẳng qua là lũ con nít trong xóm lại ưa đi theo dì đủ chỗ đi đi. Cho tới khi đi vào tuổi trung niên tôi vẫn còn nhận thấy điều này. Và dĩ nhiên khi một lũ con nít kéo qua một nơi nào đó thì thế nào cũng có chuyện. Và dĩ nhiên luôn luôn có đủ sáng kiến bày ra trên con đường lũ nhỏ ấy đi. Hoặc là ngày hôm ấy con chó Vện già đến lòa mắt hiền

lành đang cần được mặc một cái áo cũ rách để chạy lảng quăng của ngạc nhiên vì thấy mình cũng bắt đầu khệnh khạng áo mũ như người. Hoặc là những ụ cát được vun lại giữa đường cặm cờ lá chuối để thử xem những người lớn đang đi xe đạp bồi rối tới đâu. Hôm nào mà tệ lắm thì mới tạc hình, đánh đũa... Chẳng ai hiểu được làm sao cả. Sau này thì tôi tin rằng những người lớn ưa phàn nàn đó chỉ vì họ thấy không còn đủ tuổi để xin tham dự những trò chơi ấy thôi.

Và chị Tư ngoài việc hấp dẫn cả tôi lài còn hấp dẫn cả dì nữa. Chị đã bày thêm những trò chơi đồng quê mà chị biết cho dì. Đương nhiên dì lại chẳng hề từ chối trò chơi nào cả. Thế là có một ngày tất cả lá chuối trong xóm bỗng nhiên bị xé te tua cả. Và dì tôi dẫn một đàn con nít đi điếu trong xóm mỗi đứa cầm thoi một cái còn lá chuối. Có đứa nào biết quẩn còi lá chuối trước đây đâu, cho tới ngày chị Tư chỉ mới biết thôi. Nhưng dĩ nhiên là con đường của đoàn quân ấy phải xa ngôi trường của mẹ lắm. Nhưng buổi chiều hôm ấy thì thật kinh khủng. Trên đường mẹ về hình như đã được đón bởi những lời rí tai có trách nhiệm.

Nhưng tôi đoán là những lời vô trách nhiệm thì sẽ nhiều hơn vì người trong xóm tôi hình như ai cũng giàu tưởng tượng cả. Thậm chí đến có thể nghe được cả những lời ưu tư lo ngại dì tôi sau này trở thành một nữ tướng cướp chẳng hạn. Và khuôn mặt họ sẽ

trở nên rầu rĩ khi nói những lời như vậy với mẹ tôi nhưng tia mắt thì sẽ sáng lên khi thấy mặt mẹ tôi khẽ cau lại. Sau này mẹ cũng kể lại những chi tiết đó mà mẹ đã ghi nhận được. Nhưng lúc đó mẹ đã trả lời trấn an bà con trong xóm, những người tốt bụng có những đứa con em một buổi thì ngồi dưới cây thước kẻ của mẹ còn một buổi thì chạy theo tiếng còi lá chuối của dì.

- Được rồi tôi sẽ liệu...

Chiều hôm đó mẹ bắt dì đi từng nhà vòng tay xin lỗi những người lớn vì tội xúi con nít làm ồn trong xóm và xé lá chuối, tội mà ai cũng từng mắc phải khi còn nhỏ. Nhưng đây đúng là một hình phạt quá cực cho dì. Khi dì về thì ngồi vào một góc khóc nức nở. Chị Tư phải toi ôm dỗ hoài mới thôi. Mẹ chẳng nói thêm gì thêm cả, kể cả trong bữa cơm chiều mà dì bỏ ăn. Hẳn là mẹ cho rằng dì cũng đã khá lớn rồi, đang học Trung Học Đệ Nhất Cấp chứ ít gì, nghĩa là vài năm nữa sẽ có thể cạnh tranh được với mẹ trong việc cầm thước kẻ đe dọa con nít. Chị Tư cũng bỏ ăn chiều đó để ngồi ôm dì thủ thủ đủ chuyện.

Sau đó thì chị bắt đầu đổi cách bày trò chơi cho dì. Những buổi trưa ngồi với dì và một bầy con nít trong xóm bu quanh dưới gốc cây ổi mát mẻ ấy, chị hát những lời ca dao dưới quê chị và tập cho mấy đứa nhỏ hò theo. Những lúc đó hẳn là chị say sưa lắm vì hình như đứa nào cũng bị lây cái say mê đó.

Trò này có hiệu quả tốt ngay vì mẹ đã khen dì khi bắt gặp dì hò ơ khi đang đưa vông cho tôi ngủ. Cả đến sau này khi tôi đã khá lớn thì mẹ vẫn thường kể lại chuyện này và cho đó là tính thuyết phục của thi ca, đã làm cho dì tôi từ một đứa con gái nghịch ngợm trở nên mơ mộng và đảm thắm. Và mẹ kết luận rằng dì phải mang ơn chị Tư nhiều lắm. Chẳng ai biết ra sao cả. Cho tới bây giờ tôi vẫn không đồng ý điều đó. Mặc dù nghe đã nhiều nhưng nghe thì còn tạm được chứ còn bắt tôi hò thì chịu thua, vả lại tôi vẫn còn giữ được thói xấu của thời nằm vông ấy là mỗi lần nghe cái gì như vậy thì lại ngáp và có thể ngủ được. Tôi chỉ có thể phân biệt được một điều duy nhất giữa các điệu hò lơ là cảm giác buồn ngủ nhiều hay ít thôi. Mẹ và dì không đồng ý với tôi điều đó mà chỉ đồng ý về các câu vọng cổ của chị Tư thôi, đúng là tới đây thì hoàn toàn không thể chịu đựng được. Nhưng chắc là chẳng ai nữ nói ra với chị như vậy. Mẹ chỉ than phiền với tôi là tới thế hệ của mẹ thì tính dân tộc có vẻ đã nhạt đi rất nhiều mà ngay tới vọng cổ cũng đã chịu không hiểu nổi. Tôi chưa bao giờ chia sẻ những nỗi lo âu đó của mẹ vì hỏi tính dân tộc là gì thì chịu thôi chẳng trả lời nổi. Chuyện đó chắc phải để một tuổi nào khác.

Có một thời tôi bị ghẻ đầy người, ngay đến trên đầu chóc lở mọc cũng lung tung đến mẹ phải cạo sạch đến trọc đầu. Mẹ kể là đã đưa đủ bác sĩ rồi tới các thầy thuốc Bắc thuốc Nam mà cũng chịu, chẳng thể nào hết được. Đủ thứ thuốc xanh, đỏ, tím, vàng đã

bôi xước trên da tôi từ đỉnh đầu cho tới ngón chân trong nhiều ngày. Tôi đã trở thành đứa bé lòe loẹt nhiều màu sắc nhất trong xóm, cứ mỗi lần đổi thuốc lại mang trên da một màu khác. Tôi gần như khóc suốt ngày vì đau đớn. Chị Tư cũng cần như phải ẵm tôi suốt ngày vì chỉ trong tay chị tôi mới đỡ khóc. Cả đến ban đêm tôi bị ghẻ hành trở khóc nhiều phen làm chị cũng phải thức dỗ không thôi. Cuối cùng thì mẹ mới cho rằng đây là bệnh nghiệp mới dai dẳng như thế, đành phải ẵm tới một thầy pháp ở xóm ngoài để làm phù phép cột dây ngũ sắc vào cổ thể nào đấy. Đây phải là một nhượng bộ hết sức lớn lao của mẹ vì bà con trong xóm, tôi đoán mẹ sẽ nghĩ thế, chẳng ai mong đợi thấy cô giáo đầy uy tín của họ bước vào nơi có cả lên đồng lên cột gì đấy. Nhưng rồi ông Thầy ấy cũng phải chịu thua thôi. Cũng đến cả một hai tháng sau ngày đeo dây ngũ sắc mà ghẻ vẫn không chịu đi. Cả ngày tôi cứ phải trên tay chị Tư khóc đủ thứ giọng và làm cho đôi cánh tay của chị cũng lấm đủ thứ màu thuốc. Chị mới nói với mẹ về một phương thuốc đồng quê là phải cho thằng nhỏ tắm lá ổi. Thế là dì phải có nhiệm vụ leo cây hái lá ổi, cuối cùng thì mẹ phải đồng ý điều này khi gì quả quyết cam đoan là việc đó chẳng có chi là khó và dì đã từng leo rất nhiều phen mà mẹ chẳng hề biết. Giữa lúc mẹ còn đang ngần ngừ thì dì đã vội vàng ra góc ổi biểu diễn ngay một màn đứng sách vở của chị Tư với những tư thế lạ đời lung lẳng phóng qua phóng lại đến mẹ phải bật cười. Thế là xong, mỗi ngày dì phải đi hái lá ổi cho tôi tắm. Cây ổi

trước nhà hết sạch lá chỉ còn trơ những cành khẳng khiu lia chia thì đi lại được phép đi các nhà trong xóm để xin hái lá ổi. Cứ tắm vậy gần một năm mới hết. Không biết có phải lá ổi trị được ghẻ hay không nhưng đúng là hôm nao được tắm lá ổi thì giấc ngủ tôi trở nên êm dịu hơn.

Nhà tôi lại ở gần Thành Nhảy Dù. Thường mỗi ngày vẫn có những anh lính mũ đỏ đi ngang qua nhà tôi vì cái hàng rào sau trại, nơi những người lính ấy thường nhảy qua, lại là lối vào trong xóm. Mỗi sáng sớm sau khi tiếng kèn đồng trong trại thúc lên thì lại có những người lính ra sân chạy đều nhịp, tập thể dục và la hét những cái gì đấy mà chúng tôi không bao giờ nghe kịp được. Lần đó mẹ về và bắt gặp được chị Tư đang đứng nói chuyện dưới góc ổi với một anh áo rằn mũ đỏ. Hẳn là chị phải nể nang anh ta lắm vì biết là sắp tới giờ mẹ về mà chị đã mất hết những ý niệm về thời gian rồi chăng. Mẹ chẳng nói gì cả lúc đó, nhưng chị đã vội vàng chạy vào nhà. Tính mẹ tôi thì ưa nói, hình như bà mẹ nào cũng vậy cả dù cho có là một bà giáo hay không. Nhưng sau này mẹ đã kể lại là mẹ chẳng bao giờ nói điều gì với chị về sự tình cờ bắt gặp ngày hôm đó. Mẹ đã kiếm cách kể những chuyện gì trên đời ấy cho chị nghe để hiểu rằng cuộc đời có nhiều bất trắc thế nào đấy. Và mẹ cũng không có lời nào như là không tán thành điều đó cả. Chỉ có tôi thực sự là kẻ có lợi nhất trong những chuyện này vì lúc bấy giờ thì tôi đã quen rồi tay chị rồi và anh chàng kia thì luôn luôn đến với

quà cho tôi, kẹo, bánh hoặc đủ thứ gì đấy để tôi có thể ngồi một chỗ mà giỡn. Cho tới lúc tôi vào được lớp của mẹ thì đám cưới hai người xảy ra. Sau này thỉnh thoảng hai người vẫn đến thăm mẹ tôi và mẹ vẫn gọi anh là thằng Tư một cách thân mật và đương nhiên mặc cho anh ta tên gì và thứ mấy.

Nhà chị và anh Tư ở không gần xóm tôi lắm. Tôi giai đoạn tôi phải đi giao báo buổi sáng thì phải đạp xe qua nhà chị luôn. Mỗi sáng sớm tôi đạp xe với hai túi báo sau xe và một túi báo trước đòn xe chạy giao báo thảng và cũng phải rao đủ thứ chuyện trên đời mà chính tôi cũng chưa hiểu hết. Tôi phải đạp xe phóng ào ào qua các xóm giải quyết cho xong mớ báo để còn kịp đến trường. Chị lại phải mua báo thảng của tôi. Tôi thực sự không muốn điều này vì biết rằng anh Tư đi trận cả năm, bảy tháng mới về một lần còn chị thì hồi ở với mẹ có đủ thứ báo mà chỉ có chị đọc đâu. Hình như chị đọc chữ cũng rất là mệt nhọc nữa thì phải. Còn hai đứa nhỏ của chị thì chưa tới tuổi để đọc báo. Chị đã phải thề thốt đủ thứ lời rằng cả Sài Gòn chưa có ai mê đọc báo như chị cả, khi đó tôi đã phải bật cười vì nhận ra đây đúng là kiểu nói của mẹ tôi, chỉ khác là mẹ chẳng bao giờ thề thốt cả. Đến khi chỉ bảo thêm rằng chị thích nhất là những màn rao vặt vớ vẩn nào đó thì tôi nhận ra rằng đây chính là sở thích của dì tôi. Nhưng thôi, tôi cũng chẳng biết rằng chị sẽ tiêu thụ những mớ báo của tôi thế nào. Chị thường để cửa sổ rất sớm để tôi đi ngang qua là có thể nhét tờ báo vào

một cách dễ dàng. Và luôn luôn tôi cũng lờ đi không bao giờ nhắc tiền mỗi tháng chị phải trả cả. Tôi đã nghĩ, nếu chị có quên luôn cái này thì cũng chẳng hề gì. Nhưng chị chẳng bao giờ quên cả và luôn luôn trả tiền báo tháng sớm hơn hạn một vài ngày. Còn những đứa nhỏ của chị thì thích tôi lắm vì thỉnh thoảng tôi vẫn gói vào một phong kẹo giữa tờ báo. Chị cứ trách tôi về điều này luôn, cho là việc này dễ làm hư tụi nhỏ, nhưng tôi đã nghe được cả những sung sướng của chị trong lời trách đó. Tôi lại cứ phải phân trần hoài thôi, chưa có đứa trẻ nào trên thế giới này hư vì kẹo cả và nhắc rằng nếu có thì anh Tư đã làm tôi hư rồi. Bây giờ chị mới bảo, tôi chẳng khác gì mẹ tôi cả. Tôi đã chẳng biết giống với khác chỗ nào.

Khi anh Tư tử trận thì tôi mới biết được tên đầy đủ của anh. Mẹ và dì lại đến nhà chị. Mẹ bày ra đủ thứ trò cúng kiến gì đây trong khi chị cứ ngồi khóc sụt sùi cả ngày thôi. Tôi ở lại canh thức quan tài anh đêm cuối cùng. Hai đứa nhỏ kia thì cứ rụt rè cầm lạng mắt đỏ hoe đi lại giữa căn nhà nhỏ sáng rực đèn nến và nồng mùi khói hương. Tôi thức đêm đó ngồi giữa một bàn các bạn thân của anh, chạy mua những gói thuốc cho họ và nghe kể về người anh ấy đã sống tốt đẹp với bằng hữu thế nào. Tôi bắt đầu nghe được những địa danh xa lạ ở miền Trung khó nhớ còn hơn cả tên của những ông Thầy dạy toán của tôi. Ở đó người dân nghèo đến lạ. Khi gần đến sáng thì những anh lính ấy trở nên trầm lắng xuống và ngồi

phì phèo liên tục những điều thuốc đen đưa mắt nhìn xa xôi. Ngày mai, họ sẽ không còn được ngồi bên cạnh bạn họ nữa.

Sau đó chị Tư vẫn tiếp tục buôn bán gì đấy ở chợ, nhưng lợi tức tôi đoán không còn khá gì lắm theo tình hình kinh tế chung của thời đó. Chị vẫn nhận báo tháng của tôi dù tôi nói rằng bây giờ chắc chị không có thì giờ để đọc những mục rao vặt mà chị thích. Chị trả lời mấy đứa nhỏ biết đọc rồi cũng cần tập cho tụi nó một thói quen đọc chứ. Từ đó lâu lâu tôi lại kèm thêm vài tờ báo thiếu nhi hoặc dăm cuốn truyện cổ tích để tặng các con chị thay vì kẹo bánh. Thói quen này tôi vẫn còn giữ cả đến sau khi bỏ nghề giao báo. Tôi vẫn ghé thăm thỉnh thoảng, kể cho chị nghe về mẹ và di, những chuyện này chị thích nghe lắm để rồi chị sẽ nói rằng mẹ chẳng bao giờ khác cả, còn di tôi thì bao giờ cũng thế, chỉ có điều bây giờ thì ai cũng già đi cả rồi. Sau đó tôi lại quay ra đùa với lũ nhỏ và thò ra một cuốn xì trum hay cao bồi Lucky gì đó.

Năm 76 chị đi Kinh Tế Mới. Ngày hôm chị đi, mẹ ra tận nơi tập trung để tiễn. Tôi phải chạy ra chạy vào khiêng đồ đạc và buộc ràng đóng gói đủ thứ đồ không xài được mà chị vẫn muốn đem theo. Vả lại thực sự thì nhà chị có gì đâu. Đứng ra là tôi cũng muốn chị chẳng nên bỏ lại cái gì cả. Mẹ buộc tôi phải nhảy lên xe theo chị tới tận nơi sắp xếp đồ đạc rồi mới được về.

Chị được đưa tới một nơi ở xã Minh Long đâu đó ở Sông Bé. Tôi, chị và hai đứa nhỏ khiêng đồ vào một ngôi nhà tranh mới dựng còn thơm mùi gỗ rừng, quanh nhà những đám tranh cao ngang bụng tua tua lá. Sau khi dọn đồ xong, tôi thờ thần ra đứng ngó bờ rừng sau nhà. Tiếng chim kêu thảng thốt buồn đến lạ, buồn hơn các điệu hò lơ và vọng cổ của chị nhiều lắm. Hai đứa nhỏ ra đứng ôm lấy tôi thút thít khóc. Tôi phải hứa là thỉnh thoảng sẽ ghé thăm dù biết rằng rồi sẽ không mấy khi có dịp, chẳng ai biết được cái gì chờ đợi họ và cả tôi nữa. Tôi đã chỉ siết chặt hai đứa vào lòng thôi, nói bâng quơ là ở đây nhiều chim quá và im lặng, thật ra lòng tôi còn muốn nói thêm rằng anh cũng chỉ là một đứa nhỏ như các em thôi, chỉ khác là tuổi lớn hơn, và anh thì chẳng biết gì hơn các em cả.

Một thời gian sau mẹ tôi mất. Sau đám tang tôi lại phải lên ghé thăm chị để tin cho biết. Bây giờ những đám tranh quanh nhà đã được bạt sạch cả rồi và nhô lên những đám mì khăng khiu chưa đủ lá cho nắng. Đã có những con đường mòn đưa vào rừng hẳn thín bước chân. Tiếng chim không còn kêu nhiều như trước nữa, đúng ra là tôi không còn nghe được tiếng chim nào nữa, chúng đã đi đâu vào thuở nào đấy. Chỉ còn lại tiếng gió đùa quanh xao xác những chòm lá. Hai đứa nhỏ đen thui vì nắng đang đi ôm củi về chạy tới mừng rỡ. Chị đi rẫy chưa về. Tôi có xách theo một giỏ cá khô, bánh, kẹo với đủ thứ gì

đấy mà dì tôi đã nhét vô. Hai đứa đã nhiều ngày không hề biết tới bánh kẹo là gì, tôi nhận được điều đó qua cử chỉ của chúng.

Chị trông già đi nhiều lắm, tóc lắm chám bạc rồi, Chị quăng khúc củi dài ngoằn không lồ trên vai xuống sân cái rầm khi thấy tôi đứng nơi cửa với hai đứa bé. Chị đã gầy đi nhiều lắm và thêm nhiều nếp nhăn trên mắt. Bộ quần áo vá nhiều nơi với những đường chỉ mà tôi đoán là chị chẳng thiết tha gì lắm. Chị trách cứ tôi một chập khi thấy giỏ đồ của dì tôi đã mở vương vãi để lấy ra những phần của hai đứa nhỏ. Chị bảo là tội hai đứa nhỏ quá nhưng cứ để quen đi rồi cũng chẳng sao. Khi tôi nói mẹ đã mất, chị òa lên khóc nức nở. Giọng chị nghẹn lại vừa khóc vừa kể lể mà tôi nghe tiếng được tiếng mất. Tôi chỉ ngồi bối rối đưa mắt nhìn lên những kèo nhà loang lổ vỏ cây rừng khô khốc khô khiu. Chị hỏi giây phút cuối của mẹ có đau đớn gì không. Tôi đáp là chẳng đau đớn gì lắm, mẹ rất tỉnh táo, còn giống với dì nữa chứ trước khi nhắm nhủ ra đi. Thật ra thì tôi nói dối, làm sao mẹ không đau đớn được vì mẹ đã mất vì ung thư cơ mà. Chị lại hỏi về tôi:

- Tội em quá. Em có tính làm gì bây giờ không?

Tôi chỉ nói bâng quơ, tôi đã tập được kiểu nói bâng quơ của cha tôi mỗi khi ông phải nói chuyện gì ngay ngắn với mẹ:

- Ở đây chắc buồn lắm chị nhỉ?

- Tội nghiệp em quá. Em giống cô Ba ở chỗ hiền lành quá, chẳng chút nào giống ông già cả. Làm sao mà sống nổi ở cái thời này. Chẳng biết bao giờ nước mình mới hết khổ.

- Thôi chị, em sắp nổi điên rồi đây...

Tôi bước ra sau hè ngắm những trái mướp lủng lẳng trên giàn. Chiều đó tôi ăn với gia đình chị bữa cơm dọn khoai mì, dĩ tôi đã quên mua gạo làm quà cho chị. Những thức ăn dĩ tôi gói lên làm lữ nhỏ vui hơn nói chuyện ồn ào tíu tít. Nhưng chị chỉ ngồi đó lâu lâu đưa vạt áo lên chặm nước mắt.

Khi tôi về trời cũng gần tối rồi. Tôi phải đi bộ mấy cây số để tới bến xe lam đưa ra Chợ Thành. Tôi đi ngang qua những ngôi nhà bỏ hoang, có những người đã trốn từ vùng Kinh Tế Mới về lang thang ở thành phố. Ngang qua một, hai quán cóc lưa thưa vài ông già ngồi trầm lặng buồn bã ngắm bầu trời đêm đang xuống, những quán này hình như chẳng bán gì cả chỉ trừ vài cây kẹo đậu phộng và một thứ nước mà họ gọi là cà phê. May còn chuyến xe lam cuối cùng.

Khi lên xe ngồi, bất chợt tôi úp mặt vào tay, tôi vừa nhận ra tôi đang khóc. Đó là lần cuối cùng tôi gặp chị Tư. ■

ĐƯỜNG MAI

Chàng vẫn ngồi dưới mái hiên nhìn xuống sân, từ khi đêm vừa tới và trăng chưa mọc. Bây giờ, trăng đã lên cao lay động trên những trùm lá ngọc lan và rơi nằm rải rác trong sân. Từng ngọn gió khuya đưa tới lạnh hơn bao giờ hết. Chàng nhìn cội ngọc lan già xù xì gốc rễ đã vững chãi che mát cho chàng từ những ngày thơ ấu. Còn chiếc sân kia, với mặt cát mịn trắng cứng cáp đã đỡ chân chàng từ những ngày chập chững. Đáng lý ra thì mình chẳng có gì băn khoăn để phải thức đêm nay cả, chàng nghĩ, mình thực sự là tệ, đáng ra phải quyết định ngay từ hôm qua rồi. Mình vẫn chưa bao giờ là thép được như mình đã nghĩ. Đêm nay mình cần ngủ đấy, vậy mà giờ này vẫn không thôi nhìn gió đêm. Biết bao nhiêu đêm mình đã ngồi nhìn chiếc sân này, cội lan kia. Những người bạn thân đó mỗi đêm lại thì thầm những lời bí mật mà từ những ngày còn bé đôi khi

chàng lại bắt chợt thức dậy ngẩng đầu lên nhìn ra sân để nghe và kinh ngạc. Nào thôi, đi ngủ chứ. Nhưng chàng vẫn ngồi đó, nhìn dòng thời gian chậm rãi đi trong đêm.

Chàng nhớ tới những ngày mới lớn, cũng vào những lúc chớm sáng, anh Ngọc ở nhà bên vẫn thường leo vào sân, rón rén bước đến gần cửa sổ, thò tay vào nắm vai chàng lay khẽ. Chàng vẫn thường để cửa sổ ban đêm. Những lúc đó, cậu bé lại chồm dậy, len lén đẩy cửa bước ra sân để học những bài quyền anh Ngọc dạy. Hai người đứng giữa sân cát trắng mịn, dưới những trận gió đêm xào xạc mát rượi, và chàng đi những bước tân đầu tiên. Anh đã chỉ cho chàng từng cách nắm tay quyền, từng cách tập mắt nhìn, từng phép thở dài theo mỗi bước chân... Cậu bé đã đi những bước nhỏ từ bài Phong Vũ Quyền đến Mai Hoa Quyền... Thực sự thì những ngày hạnh phúc đó mình đã quá vụng về để học võ. Hẳn là mình không có năng khiếu. Sau này, khi chàng đã lớn hơn, có lần gặp anh Ngọc, chàng nhắc tới những ngày học võ và cả sự vụng về ngày trước. Anh Ngọc với thêm nhiều vẻ phong sương trên mặt, đã trầm ngâm một chập rồi nói: “Không hề gì em ạ. Đôi khi anh cũng nghĩ, chúng ta học võ không chắc gì trong đời đã phải dùng đến đôi lần, có bao nhiêu lần phải dụng võ trong đời nhì. Minh có thể cứu được đôi người trong đôi lần dụng trận. Nhưng hẳn là bây giờ mình phải học cái khác hơn, cái gì có thể đánh gục mấy triệu tên mà cứu được cả dân tộc”. Những câu cuối giọng

anh nhỏ lại, sắc đánh hơn, không còn cái vẻ ưa ồn ào chất phác của người miền Tây.

Nhưng cậu bé đã bỏ tập võ ngay từ ngày anh Ngọc phải về Long Xuyên, giấc ngủ thơ trẻ đã mạnh hơn là sự rèn luyện dài ngày. Minh cũng tệ, chàng nghĩ, khi còn anh Ngọc thì mình tập say mê lắm, khi anh đi thì mình lại quên ngay hạnh phúc, hạnh phúc mà anh Ngọc ngày đó thường gọi là cái hạnh phúc đứng và thở và vận chuyển cùng một nhịp với vũ trụ. Đứng ra thì mình vẫn chẳng bao giờ hiểu được tận tường điều anh nói; nhưng lười biếng thật sự là tệ. Biết bao nhiêu điều phải hiểu cho tận tường trong đời sống mà mình lại quá thờ ơ dễ hiểu. Và bây giờ thì chàng thấy cuộc sống càng lúc càng đơn giản ra thì lại có vẻ càng bí mật hơn.

Hồi đó, khi mùa bài Mai Hoa Quyền tới thế Đổng Tử Bái Quan Âm, chàng đã thắc mắc tại sao anh lại bảo chàng phải mỉm cười mỗi khi tới thế này:

- Nhưng tại sao ở thế Đổng Tử Bái Quan Âm lại phải mỉm cười anh nhỉ?

Anh Ngọc chỉ trả lời đơn giản:

- Sau này em lớn hơn anh sẽ trả lời rõ hơn tại sao phải mỉm cười ở thế võ đó. Cuộc sống là một bí mật và chính con người chúng ta cũng là một bí mật. Hẳn là em không hiểu hết những lời này đâu. Võ

học cũng là một cách để nhìn thấy được khuôn mặt thật của mình và vũ trụ. Tại sao ở bài Phong Vũ Quyền em phải thấy mình trở thành giông bão, cũng như tại sao ở Mai Hoa Quyền có lúc em phải thấy mình như cành mai nghiêng trước gió, có lúc cảm giác mình như nụ hoa mai đang nở. Rồi tới một lúc em sẽ thấy tất cả các tinh tú đều cùng đang xoay vần theo tay quyền của em và lúc đó em sẽ thấy được em...

- Thật sự thì em không hiểu, ở thế này biến chiêu rất là độc...

- Đúng vậy, biến chiêu rất là độc. Đó là cậu bé trong sách chào vị Thánh Quan Âm, nghĩa của nó chỉ đơn giản là vậy. Nó có thể đánh gãy cổ và bẻ ngực đích thủ. Nhưng anh muốn là khi em cung hai tay lên chào, em phải mỉm cười với trọn lòng trong sạch và cung kính của em. Còn Quan Âm chỉ có nghĩa là vị Thánh đi cứu khổ cho trần gian...

Sau khi đã tập đến mệt nhoài người ra, hai anh em lại ngồi dưới mái hiên nhìn ra sân chờ buổi sớm mọc lên. Khi ngọn gió sớm thổi khô mồ hôi trên người đi, thì anh Ngọc lại leo cổng ra về để lại cậu bé lui cui xuống bếp chuẩn bị đốt lò nấu cơm cho mẹ. Đôi khi cao hứng, anh lại cho phép chàng tháp tùng theo ra ngồi quán cà phê cóc đầu xóm. Hai anh em ngồi nhìn ra đường bên ly cà phê sáng đen ngòm bốc khói. Trong quán, những người phụ xích lô già ngồi

chồm hồm trên ghế rót cà phê vào đĩa, sì sụp thổi cho nguội. Những em bé ôm chồng báo sáng trên tay chạy rao những tin giật gân như người lấy trần hay ma vú dài ở Chí Hòa. Những tay xích lô máy sau cũ cà phê sáng lại lừng lững đứng lên, nổ máy ầm ầm, rồi lại vọt đi các ngã chợ, để lại sau lưng những cuộn khói trắng xóa mặc cho các chị bán xôi ngồi bên đường gỡ nón lá quạt khói tan đi. Những ông già ngồi nhăm nháp buồn bã bàn với nhau về tình hình chiến sự khẩn khoản về những người con đang đương cự với Việt cộng ngoài chiến trường. Những buổi sớm đó, hai anh em thường ngồi yên lặng nhìn tất cả những nhịp sống vận chuyển chung quanh, nghe được nhịp tim khẩn khoản của những ông già đang chúí đầu vào những trang báo, thấy được sự ồn ào sáng khoái của anh xích lô máy và tất cả trong hơi gió lạnh buổi sớm như một cái gì đang ngoi lên, đang lướt tới, đang mỉm cười với hai anh em. Họ cảm được thời gian như đang trôi qua trên làn da của họ, như nhìn được, như sờ được, như nắm bắt được. Hai anh em im lặng cảm nhận hạnh phúc.

Đôi khi trong những buổi sớm, anh Ngọc lại kể về nơi anh đã sinh ra, nơi những cánh đồng lúa bạt ngàn, nơi những con sông lớn ở miền Tây hướng về mà anh gọi là rồng châu chín cửa. Nơi đó, dân mình chất phác đến lạ, chất phác và đơn như đã nằm sẵn trong máu họ, anh Ngọc nói, ngay cả anh nữa, dù là anh đã lớn lên ở miệt chợ vẫn không nhạt đi niềm tin mà lúa, mà cỏ, mà dòng sông Cửu đã trao cho con

người. Anh vẫn tin vào những điều mà lý trí ngờ vực, rồi anh kể về những niềm tin đó, anh tin là núi Cẩm một ngày nào sẽ nứt ra và một cung điện vàng sẽ trôi lên, một vị Thánh Vương sẽ bước lên từ những bãi phù sa chín cửa mà tâm lòng của Ngài còn cháy bỏng hơn cả mặt trời nhiệt đới, anh tin là các vị Phật sống sẽ tái sinh về Việt Nam cho những ngày mới đó. Chàng đã hỏi anh Ngọc với trọn lòng kính trọng của một cậu bé hỏi người thầy dạy võ, tại sao như thế. Anh đã chỉ nói, anh tin vì đức Thầy đã dạy như vậy. Đó là lần đầu tiên chàng nghe được về người mà anh gọi là Đức Thầy. Im lặng một chập, anh mới giải thích thêm như cảm thấy lời anh vừa nói không đủ cho thằng bé Sài Gòn kia tin, có những người đã sống được Sự Thật, toàn thân họ đã trở thành Sự Thật, thì một lời đơn giản cũng sẽ trở thành một mệnh lệnh cho Sự Thật.

Trong những năm sau, chàng thỉnh thoảng vẫn tìm cách về Long Xuyên thăm anh. Bây giờ anh đã là một Đại Đội Phó của Tổng Đoàn 3 Hòa Hảo. Những lúc đó, anh lại đưa chàng đi dạo phố An Giang, qua những con phố tĩnh lẻ buồn đến không mấy người dám đứng lại ngó, tới những phố chính rộng quanh Chợ Mới. Chàng vẫn luôn luôn nhìn phố chợ và người Long Xuyên như một bí mật không bao giờ có thể hiểu được. Những ông già râu dài quắc thước mặc bộ đồ bà ba trắng búi tóc đi vững chãi trên đường. Những cô bé nữ sinh mặc áo dài trắng thướt tha giấu mặt sau những chiếc nón lá đỏ về làm trắng

xóa khắp phố chợ trong giờ tan học. Hai người lại tới ngồi vào một quán rượu nhỏ ở Chợ Mới, gần bên là một anh Ba Tàu bụng phệ mồ hôi nhễ nhại đứng sau những tảng thịt heo quay không lò.

- Cũng lạ anh nhỉ, em đi cũng khá nhiều nơi nhưng chỉ thấy ở nơi đây mới thực sự bình an. Sự bình an đó có ở khắp nơi, ở phố, ở chợ, sự bình an đó như đang bay lơ lửng ở trên đường và chạm vào người mình. Nó hiện rõ cả trên nét mặt nghiêm trang của những cụ già râu trắng, trên cả sự ngây thơ của những cô bé học trò. Mặc cho tất cả những hỗn loạn đang xảy ra khắp nơi trên nước mình, mặc cho tất cả những người khác đang trở nên láu lỉnh gian trá hơn, ở đây, em thấy tất cả từ người cho đến cả phố chợ vẫn điềm nhiên đi tới một nơi mà mọi người đều tin đó là cái gì toàn bích hơn.

Anh Ngọc ngửa cổ nốc cạn ly để rồi cười nói:

- Anh có nên nói tốt đẹp cho nơi đã sinh ra anh không. Anh thấy em bây giờ đã trưởng thành hơn nhiều lắm. Anh vui vì điều đó – Anh đưa bàn tay không lò vò đầu chàng thật mạnh ngay giữa chợ mặc dù bây giờ chàng không còn là một đứa bé như ngày xưa – Đúng là có sự bình an đó, sự bình an của những người thẳng thắn đơn giản dù là họ có phải đang đối phó với bao nhiêu bối rối lo toan của đời. Anh tin vào điều đó.

Khi những chai rượu vơi đi, đêm đã bắt đầu tới, giọng anh lại trầm xuống ưu:

- Nhưng ở đâu cũng có những lượn sóng ngầm cả em ạ. Mới đây nghe ông Thiệu mới bắt anh Hai Tập Tổng Đoàn Trưởng của Hòa Hảo và ra lệnh trả súng để giải tán. Ông ta nói là hãy trả quyền đánh Việt cộng cho quân đội chính phủ, nghe thật là cảm động. Nước mình rồi sẽ mất về tay những thằng cha như vậy. Anh Hai Tập, anh Tuấn đều đang nằm tù ở Cần Thơ. Nhưng lính của Đức Thầy đâu có phải cầm súng vì người Tổng Đoàn Trưởng, đâu dễ gì có được hai mươi ngàn tay súng cầm tử giữ đạo an đời ở thời này. Bọn anh đã vì sự thật mà chiến đấu thì dù còn một người đi nữa cũng phải cầm súng. Trong khi đó, em thử nghĩ coi, Phước Long mất rồi đó, rồi sẽ tới đâu nữa...

Giữa những náo nhiệt của khu chợ và quán nhậu, lời anh trầm lắng ưu tư xa lạ như chính thế ngồi của anh dù là bên bàn nhậu, thế ngồi của một người thầy dạy võ, vũng vàng như một ngọn núi nhưng đầy sức mạnh như một con cọp đang thu mình. Chàng vẫn còn quá trẻ để nghĩ nhiều đến những lời anh nói. Nhưng chàng biết, đúng là có những điều không ổn đang xảy ra trên nước mình, một tinh đã mất đi hình như không đáng gì để nghĩ tới, bọn Tướng Lãnh đã nghĩ rằng cách phản ứng tốt nhất của họ là đóng cửa các nơi ăn chơi trong ba ngày thế là đủ an ổn lương

tâm, còn những sức mạnh sinh ra từ lương tâm quần chúng họ lại tìm cách đoạt vũ khí đi.

Hai anh em lại lững thững đi về khi những loa phóng thanh bắt đầu ê a những bài kinh của Phật Giáo Hòa Hảo. Đường về nhà anh đi ngang qua Tây An Cổ Tự, ngôi chùa cổ khổng lồ với mái đỏ rêu phong, với người anh hùng Nguyễn Trung Trực khi hóa thân vẫn chưa nguôi nổi giận. Trên đường về, anh vẫn nói với chàng giọng đầy nghiêm trang tin tưởng, dù là đang nói về những nỗi chán chường nào đó:

- Em thử nhìn ông Nguyễn Trung Trực coi, có những người đã mất cả trăm năm mà vẫn còn ưu tư cho dân tộc, em sẽ cảm thấy ngay được điều đó khi đứng trước ảnh tượng của Ngài, cái tấm lòng đó hình như không nhạt được với thời gian. Bây giờ được mấy người như vậy. Anh đã được lệnh là phải bán thẳng cha Lê ngay khi nào nó dám về đây, bán trước báo cáo sau. Nó đã lấy mười lăm ngàn giấy hoãn dịch của Hòa Hảo bán cho tụi Ba Tàu Chợ Lớn. Mọi chuyện đang càng lúc càng tệ hơn, nhưng anh vẫn linh cảm là nhiều người trong chúng ta càng vững vàng hơn, càng trong sạch hơn dù là cũng đau khổ hơn.

Chàng không biết uống rượu nên những buổi đó, con đường về nhà anh như dài hơn dù nó chỉ nằm ở đầu một ngõ lồi vào xã Long Kiến. Hơi rượu bốc lên

nóng bừng cả mặt, chàng đi loạng choạng nhìn thấy tất cả hình ảnh, màu sắc trước mặt như xô cả vào nhau, qua những mảnh ngọc, những lạch nước nhỏ bốc hơi mát rượi. Anh vẫn đi vững vàng dù đã uống mười lần hơn chàng, vẫn nghiêm trang nói về cuộc đời, vẫn bản khoăn nói về những ngày sắp tới của dân tộc, và cũng vẫn chế giễu thằng em chỉ mới người thấy hương rượu cũng đủ say ngả say nghiêng:

- Người ta bảo là An Giang đi dễ khó về đây. Mà em uống rượu tẹt thế này thì thế nào cũng bị đuổi cổ về Sài Gòn cho coi. Ở gần nhà anh có một chị người ta gọi là chị Mười Lít chỉ vì trong một buổi chiều chị đã uống tới mười lít để Chợ Mới. Còn mấy nhỏ khác thì chẳng kém gì.

Lần đó chàng cũng đã cãi lại anh, tất nhiên đó là rượu cãi, vì trước giờ chàng không bao giờ nghĩ đến việc nói gì ngược với anh, bước chân vẫn xiêu đi nhưng lòng thì rất hào hứng.

- Uống rượu mà như vậy thì cũng như trâu uống nước có gì mà hứng thú được... Phải như em mới được... mới đã...

- Ha ha... phải như em mới đã... Nhưng này hãy nghe anh nói – Giọng anh to hơn vang vang trên con đường quê vắng – Nếu em không uống được tất cả những men rượu mạnh trên đời, anh nói là tất cả những men rượu mạnh trên đời thì sẽ không bao giờ,

chính em sẽ không bao giờ tự trở thành được men rượu mạnh của đời...

Trong gió đêm có mùi lúa mới quyện vào, chàng thở được những hơi thở mát rượi với cả hương rượu mạnh trong lời anh. Những đêm như vậy, chàng cảm thấy thực sự hạnh phúc. Cái hạnh phúc được đi bên cạnh người thầy dạy võ thời thơ ấu, được chia những ly rượu với tâm hồn đơn giản và sâu sắc đó, được đi say ngả nghiêng giữa đồng ruộng quê mình và nghe những lời chế giễu của người đàn anh nghiêm chỉnh.

Tháng tư năm 75, chàng chạy từ Ban Mê Thuộc về Sài Gòn. Giữa tất cả những hỗn loạn của Sài Gòn, trải qua những cuộc tử sinh ở các chặng đường miền Trung, chàng băn khoăn nhớ tới anh, nhớ tới sự trăn trối và can trường của anh mà chàng vẫn thấy mình chưa có đủ. Những đức tính đó không phải cứ bước vào những cuộc tử sinh là học được, chàng thấy đúng như anh có lần nói, trước hết phải tự học ở chính mình, nhưng để thấy được mình cho tới nơi tới chốn cũng là vấn đề. Chàng lo ngại cho anh, ở dưới đó họ sẽ làm gì với những người lính quyết liệt của Đức Thầy. Chàng đã biết sự tàn nhẫn của họ, những tên mà mỗi buổi sáng đứng dưới cờ đều hát lên lời thề phan thây uống máu quân thù, dù đó là một quân thù đáng kính, vì chính họ những tên hát lên lời thề đó, vẫn không bao giờ trở thành được những chiến sĩ đáng kính. Họ là những đứa con

được sinh ra từ lồng kính cấm thù giai cấp của phòng thí nghiệm đỏ.

Hai tháng sau, anh Ngọc lên Sài Gòn có việc và ghé thăm chàng. Anh vẫn đi đứng vững chãi với vóc dáng không lờ nhưng trên nét mặt đã vương nhiều ưu tư hơn, mắt nhìn xa vắng hơn. Anh đã bỏ nhà về một người bà con ở sâu hơn trong miệt ruộng, anh nói với chàng như thế. Ở đó người ta không biết tới anh. Anh đang nằm ở một chòi chẵn vệt và thỉnh thoảng sẽ về bán trứng ở chợ Bình Tây. Trông mặt anh có vẻ già hơn cần thiết, điều này làm cho anh đi đứng dễ dàng hơn:

- Mặc dù anh phải trốn vào đó, nhưng anh vẫn tin là không một người dân nào muốn bán những người lính Đức Thầy cho tụi nó cả.

Chàng mừng vì thấy anh bình yên:

- Thực sự thì em lo cho anh. Em biết tính anh. Em đã không nghĩ là mọi chuyện đã xảy ra đơn giản như vậy.

Anh trầm ngâm, đốt một điếu thuốc hút vài hơi rồi mới nói:

- Chính anh cũng không nghĩ là mọi chuyện sẽ đơn giản như vậy. Nhưng em hãy biết rằng Long Xuyên vẫn còn giữ được tới hai tuần sau ngày ba mươi

tháng tư. Lúc đó anh đang điều quân ở xã Mỹ Luông, không một tên Việt cộng nào tiến lên được. Khi ông Minh tuyên bố đầu hàng thì anh Hai Tập từ nhà tù Cần Thơ đi ghe về Long Xuyên để chỉ huy Tổng Đoàn. Tất cả anh em đều chuẩn bị để quyết tử. Việt cộng từ hai mũi đánh vào. Bảy giờ là hai tuần sau ba mươi tháng tư. Anh itn là nếu ông Tường ra lệnh tử thủ thì trong hai mươi bốn giờ tất cả cây rừng An Giang đều được chặt xuống để chặn đường tiến của họ. Nhưng Đức Thầy đã bảo hòa, thế nên...

Chàng kinh ngạc, chàng biết là Đức Thầy đã mất tích từ lâu rồi:

- Anh muốn nói là Đức Thầy...

- Ừ, đúng vậy. Sau đó, anh biết là trước khi mất tích Đức Thầy có để lại một cẩm nang dặn là gặp trường hợp tử sinh của Giáo Hội thì mở ra, nếu không thì đúng ngày giờ mới được mở. Bảy giờ là trước thời hạn đó hai tháng. Ông Tường và Bộ Chỉ Huy Tổng Đoàn đóng ở Tây An Cổ Tự quyết định mở cẩm nang để xin lệnh. Em hãy nhớ là lúc đó tất cả các nơi khác của nước mình đã vào tay Việt cộng cả rồi. Anh nghe kể lại nửa đêm đó mở cẩm nang ra chỉ có một chữ Hòa duy nhất. Vậy là ông Tường tuyên bố đầu hàng.

Chàng băng khuâng:

- Đức Thầy để lại chữ Hòa ư? Em ngạc nhiên...

- Anh không biết. Anh chỉ biết là khi đọc xong thì anh Hai Tập, anh Tuấn ôm Tường khóc suốt đêm đó. Còn anh thì ra lệnh từng trung đội chôn súng rồi thay áo quần mà về nhà. Anh đã nằm ngoài Chợ Mới uống rượu mà khóc suốt cả ngày hôm sau.

- Nhưng thực ý của Đức Thầy là gì?

Anh ưu tư hút hết điều thuốc rồi nói:

- Bây giờ thì anh tin là chữ đó có nghĩa tôn giáo hơn là chính trị. Hòa ư, có lẽ nó có nghĩa là hòa được tất cả những điều ngổn ngang trong lòng mình, có thể là một nghĩa với chữ an tâm của Thiền. Nhưng anh không biết, thực sự không biết – Anh ngừng một chập rồi nói thêm điều mà chàng cũng không ngờ - Nhưng bây giờ là chuyện của tụi mình, chuyện của tụi mình thì phải do tự ý của chính tụi mình.

Chàng đưa tay xiết chặt lấy tay anh, đôi bàn tay gân guốc vạm vỡ ấy. Chàng nhìn thấy anh không còn vẻ gì như chàng thanh niên trước kia vẫn trèo công lay chàng dậy học võ. Ở đây là một sức mạnh mới hơn, chín chắn hơn toát ra từ con người đó làm chàng cảm động. Chàng đọc được trên những nếp trán của anh nhiều hơn lời anh nói. Chàng nói và nhận được những sức mạnh trong lời mình như đường dây

không phải là chuyện hai anh em là chuyện của cả dân tộc:

- Nơi nào có anh thì nơi đó có em.

Thỉnh thoảng cứ vài tháng, anh lại ghé thăm chàng. Những lần vậy, hai anh em lại rủ nhau về một quán cà phê vắng vẻ ở đường Trương Minh Ký ngồi cả đêm. Anh kể chàng nghe về những đổi thay ở nơi anh đã sinh ra. Anh nói tới những vườn dừa được chặt hàng loạt để phản đối việc đánh thuế từng góc của Việt cộng, nói tới những bầy heo giết vội để khỏi bán cho Nhà nước, nói tới những người lính năm xưa của anh đang đạp xe lôi. Anh thương lính của anh và anh muốn tổ chức lại, phải làm việc có quy mô, có tổ chức.

- Đây không phải là những hành động tuyệt vọng để muốn làm gì thì làm. Người ta nói là ông Tường đi vô núi tu, anh Hai Tập thì mất tích. Anh không biết và anh ngạc nhiên về những điều như vậy. Anh sẽ đi lượm lính Tổng Đoàn lại, không phải anh nhưng là một số anh em nữa. Súng vẫn còn nằm dưới đất. Nhưng trước hết phải quy tụ được một số cán bộ đa năng đầu tiên, những người có thể hoạt động độc lập được, tự do mỗi người phải quây được một đại đội. Núi Cẩm không thể tự nhiên mà nút ra được, chính tiếng súng của anh em mình sẽ chở đôi nó ra. Khi nào Đức Thầy về, anh không có điều gì để phải hổ thẹn cả.

Chàng biết là đã có nhiều thay đổi ở dưới đó. Những cô bé học trò đi học không còn mặc áo dài nữa. Những ông già râu dài quắc thước hẳn là vẫn còn đi lại trên đường với búi tóc nhưng đã không còn gì là bình an nữa, không còn nơi nào là bình an nữa vì chính tự trong lòng người đã không còn bao giờ được ê a công khai nữa. Chàng không hỏi anh nhưng chàng biết là mọi chuyện đã xảy ra như vậy. Còn những con phố buồn tỉnh lẻ kia hẳn là bọn áo vàng đã đi đứng âm ỉ rồi đấy. Chàng cảm thấy thèm hương rượu Chợ Mới lạ, nhưng bây giờ hẳn là đã đắng hơn rồi đấy.

Hôm qua anh lại đến với chàng. Anh có vẻ trầm hơn bao giờ hết, dù là trong tia mắt có thoáng nhiều nét tươi vui. Anh đưa chàng đến quán ngòi vào góc thật sâu. Anh hỏi về đời sống chàng ở trên này, dù anh biết trước cả những câu trả lời. Anh hỏi về những đổi đời ở Sài Gòn, nghe những câu trả lời về những chuyện ở vỉa hè, nghe kể về những chuyến xe lửa mà hành khách phải xúm lại đẩy mới nổ máy được, về tờ báo Tin Sáng vừa được đóng cửa sau khi hoàn thành nhiệm vụ lịch sử thỏa hiệp của nó... Hai anh em lại ngồi trầm ngâm hút những điếu thuốc đen. Anh hỏi chàng về đứa cháu bệnh thân kinh:

- May mà thằng nhỏ bệnh nhẹ đấy, em phải chú ý buộc nó ngủ đúng giờ giấc hy vọng sẽ đỡ.

- Anh yên tâm, bà già nó lo chuyện này kỹ lắm.

Anh nhìn thẳng vào mặt chàng cười cười:

- Nhưng này, nếu hôm nào anh gọi em theo anh về dưới làm việc, em có thể thu xếp được không?

- Chàng nhìn anh hơi ngạc nhiên, trả lời với giọng chậm rãi:

- Anh muốn nói là việc đó? – Khi thấy anh nghiêm trang gật đầu, chàng nói – Được, anh muốn nói bao giờ?

- Ngày mai chẳng hạn.

- Được, em thu xếp được – Ngưng một chập, chàng nói thêm – Ngày mai gặp anh ở đâu?

- Em ra bến xe Miền Tây, bảy giờ gặp ở quán cà phê chỗ đám xe Cần Thơ. Anh chờ ở đó. Em nhớ mặc áo quần thật đơn giản, áo bỏ ngoài quần, không cần đem theo gì cả... Anh đã tính sẵn một công việc hết sức hứng thú, thích hợp với em. Vậy là xong nhé.

Chàng nhìn anh cười:

- Xong.

- Em có muốn đi uống tí rượu bây giờ không?

- Không anh ạ. Em chỉ muốn uống rượu đời bây giờ.

Hai anh em xiết tay nhau thật chặt và không nói thêm lời nào nữa. Chàng đạp xe lang thang một vòng Sài Gòn, qua những con đường vắng của những cặp tình nhân, qua những phố lớn sáng ánh đèn đêm quen thuộc, qua những quán cà phê đôi lần trong đời chàng đã đến... Chàng muốn nhìn tất cả. Chàng cảm thấy lờ mờ dường như chàng vẫn chưa đủ sẵn sàng. Và chàng tự trách, thật sự là tệ, đa cảm chẳng đưa tới được cái gì cả. Mình đã từng biết cảm sung, vậy mà đêm nay lại muốn say mướt như một mù đàn bà. Chàng đến rủ người bạn thân còn trong thành phố đi uống cà phê. Chàng im lặng nghe hắn nói về những chuyện hắn đã kể cho chàng đến lần thứ hai mươi. Chàng nghe đủ thứ chuyện tào lao trên đời, về chuyện tượng Đức Bà Quan Âm ở Chợ Lớn bỗng dung đưa tay lên chào khách thập phương, cho đến chuyện lão già Bảo Đại sau mấy chục năm ăn chơi bây giờ lại muốn làm lãnh tụ du kích chiến. Chàng nghe và thấy hạnh phúc. Chàng nhớ tới anh và thấy hạnh phúc. Chàng không thể hình dung được có thể làm được gì ra trò bên người anh đó trong cuộc chiến đấu gian nan, nhưng chàng biết hạnh phúc đang thở căng trong người chàng. Chàng lơ đãng đến không nghe kịp cả những câu hỏi của người bạn.

- Ê, mày không nghe tao hỏi gì à?

- Hả, cái gì? Không, tao chỉ thích nghe mày nói thôi.

Và chàng về ngôi nhà của bà chị, ngôi nhà ở những ngày thơ ấu và học võ với anh. Chàng ôm lấy đứa cháu bệnh thần kinh hôn và bảo nó đi ngủ sớm. Chàng quay qua nói với chị là ngày mai sẽ theo bạn đi làm rẫy. Bà ngạc nhiên về chuyến đi sớm bất ngờ đó. Và chàng ngồi nói đùa với bà cũng đủ thứ chuyện tào lao cho tới khi bà phát chán đi ngủ.

Trăng đã tròn thật sáng và hơi sương thật lạnh. Chàng nhìn chiếc sân cát trắng và nghĩ đến những ngày tập võ với anh. Chàng tiếc là sau này không chịu tập nữa. Những bài quyền thật đẹp. Nhưng bây giờ hẳn là sẽ không bao giờ còn có thì giờ để tập nữa. Dù sao đi nữa, không có cái gì là vô ích trên trần gian này, chàng nhớ một hôm nào anh có nói như vậy. Chàng hít những hơi thở thật sâu và dài. Những luồng điện chạy lăn tăn trong người và hướng đến các đầu ngón tay. Chàng nghĩ tới các thế võ và ý nghĩa mà trước kia anh có giải thích. Mỗi một tư thế em múa đều có ảnh hưởng tới cuộc đời. Em đừng suy nghĩ về ý nghĩa của nó mà hãy sống trọn vẹn với nó. Không đâu anh Ngọc, đôi khi em nghĩ rằng, chàng buột miệng nói thầm, nó có thể là một phương tiện để tự vệ hay để cứu người. Và chàng nghe rất rõ lời anh nói khi hôm nào hai người đứng giữa sân, em học võ tới lúc nào đó sẽ thấy thực sự nó không là phương tiện mà cũng không là cứu

cánh, nó chính là em, sinh tử trong tim em, học võ chính là sự thành tựu chính mình, không phải em múa mà chính là cả vũ trụ múa trong em.

Chàng bước ra sân và bắt đầu bài tổ. Chàng đi quyền và thấy sức mạnh tràn ngập trong người, những luồng điện chạy trong người và trải dài theo các tư thế. Khi vào thế Đồng Tử Bái Quan Âm, chàng mỉm cười hai tay cung lên, mặt ngược lên và chột nhìn thấy vàng trắng sáng rực trước mặt. Và chàng ngưng lại đứng ở tư thế đó, hai tay cung lên, chân mặt chồm dậy, mỉm cười và kinh ngạc như thấy vàng trắng vàng vặc không gợn mây kia như mọc từ tim mình ra. ■

GIỌNG NÓI TRONG TIM

Những ngày Hưng còn nhỏ, thỉnh thoảng ba vẫn thường dẫn cậu bé đến thăm ông cụ Hoàng ở một biệt thự vùng Bà Chiểu. Trong khi Hưng nằm ngửa ngoài sân cỏ vật lộn với con chó nhỏ, hoặc đuổi theo cặp ngỗng bên ao nước, hoặc dạo khắp kính cẩn trước những kệ sách gỗ nâu ngấm những gáy sách da không lồ đang ngồi nghiêm trang nhìn các thế hệ mới lớn, hai người lớn nói chuyện với nhau khề khà suốt cả buổi chiều, có khi nuốt cả buổi tối ngủ gà ngủ gật của Hưng. Câu chuyện thường xoay quanh những kỷ niệm về Nguyễn Thái Học, những trận đánh họ được tham dự dưới lá cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng chống Pháp và Việt Minh. Phía trên cao hai bên tường, là hai chân dung phóng lớn của cụ Phan Bội Châu và Nguyễn Thái Học với những vầng trán ưu tư và đôi mắt sâu thẳm bóng cháy nhiệt tâm nhìn vào những ngày sắp tới của dân tộc. Khi trở về, với cậu bé, ngôi biệt thự đã trở thành lâu đài của những thần thoại bi tráng và hào hùng được bao quanh bên ngoài là sân cỏ của thế giới loài vật và trẻ con, còn ở trong là những pho sách kèn càng quốc sử và thế giới sử.

Phảng phất trong làn gió chiều lật nhẹ tấm màn cửa sổ, là giọng nói thì thầm của cụ Hoàng mang theo

tiếng kèn của ngày xung trận Yên Bái, tiếng gào thét của gió rừng Thái Nguyên và cả những trận xung phong đẫm máu giữa người quốc gia và cộng sản.

“Những người đã chết, một đôi khi tôi nghe được họ hỏi tôi, những người còn sống sót, này chú Hoàng, chú đang làm gì thế, nước mắt tôi lại ứa ra. Đảng đã chia năm xẻ bảy. Tôi chẳng đang làm gì cả, viết báo cũng chẳng viết nữa...”

Ba Hưng cho biết, ông cụ Hoàng đã từng học Chấn Võ học hiệu ở bên Nhật, từng là một sĩ quan trong quân đội Trung Hoa Quốc Dân Đảng, từng viết báo ở Quảng Châu, Hà Nội, Sài Gòn, nhưng bây giờ đã gác súng, gác bút. Các con đang ở bên Pháp cả. Đôi khi Hưng nhớ lại cử chỉ nào đó ông cụ hay làm, như vuốt đầu Hưng và nói: “Cháu còn quá nhỏ để hiểu lịch sử. Tới khi hiểu được, chỉ sợ lại không dám bước vào. Đừng như thế nhé. Hãy nghĩ một cách đơn giản. Lịch sử là một trò chơi nghiêm chỉnh để trở thành đàn ông. Là một men rượu mạnh hiếm có trên đời khi đã nhấp vào dù là chút phần ngàn của giọt, cháu sẽ ngây ngất say suốt đời và cảm thấy những ngày tháng khác đều trở nên vô nghĩa. Đàn bà, danh lợi, than ôi, còn nhạt hơn cả một lon bia...”

Năm 75 đến, ba Hưng đi cải tạo như mọi sĩ quan khác. Ngày tháng đến trường của cậu bé trở nên lạnh lùng hơn, như có chút gì của gió Đông chen vào bước nhỏ và cả lời nói học trò với nhau, làm họ dè

dặt hơn. Mùa xuân đến rồi đi, nhưng vị đắng trên lưỡi vẫn chưa tan. Nhà Hưng ở Chợ Lớn giữa một khu phố Tàu. Lần lượt nhiều người biến mất đi, từng ngôi nhà trong phố bị khóa lại và niêm phong. Không ai muốn tìm hiểu lý do của những biến đổi chung quanh, vì cả những biến đổi áp đặt trên đời họ, họ còn chưa kiểm soát được. Đôi khi Hưng chợt nhớ tới lâu đài của ông cụ Hoàng, cậu lo ngại cho ông cụ, lo cho những kệ sách khổng lồ và cả con chó, cặp ngỗng và sân cỏ. Ngực cậu hơi nhói lên khi hình dung đến những đôi dép râu giẫm lên những lá cỏ mềm mại. Và hai khung hình nghiêm trang của cụ Phan Bội Châu và Nguyễn Thái Học sẽ bị giật ra một cách thô bạo. Lúc đó, cậu nhắm mắt lại ngăn những giọt nước mắt sắp ứa ra và lẩm bẫm: “Nguyện xin cho tất cả mọi người được bình an”.

Vài tháng sau đó, cậu tình cờ gặp cụ Hoàng ngồi trước cửa tiệm chạp phô Tàu. Cụ đã trở thành một ông cụ Trung Hoa chính cống với bộ đồ cài nút bằng giấy, thêm bộ râu bạc mới đẻ. Hình ảnh đó thật lạ lùng, nhưng cậu làm sao quên được con người đã bước ra từ hào quang của những liệt sĩ đang nằm nghiêm nghị trên đồi Hoàng Hoa Cương. Chính ông cụ chào Hưng trước và dẫn lên lầu ngồi.

“Bây giờ thì gọi bác là A Xây nhé. Chủ nhà này là một người bạn làm chung hội ở Quảng Châu, để cho bác xài giấy của một người anh xa xôi nào đó đã vượt biên. Thỉnh thoảng cháu cứ giả vờ mua đồ rồi

lên chơi với bác. Có thể là đôi khi bác cũng cần tới cháu để giúp một việc gì đó. Đừng ngại nhé, đơn giản thôi...”

“Cháu không ngại gì cả. Chỉ sợ Bác không cho cháu làm việc. Cháu đã lo ngại cho Bác nhiều lắm...”

“Đúng vậy. Bây giờ thì chưa đâu. Chỉ vì cái năm 75 vợ vản này, bác mới lên con thèm cái men rượu hung hiểm này”

Hưng kể cho ông cụ nghe về ba cậu và các bạn của ông đã kéo nhau vào trại cải tạo, hoàn cảnh của các gia đình đó và cả ý định của mẹ Hưng muốn cậu con duy nhất vượt biên. Ông cụ hơi nhíu mày lại:

- Nếu cứ vào trại cải tạo và vượt biên cả thì ai ở lại làm việc. Ở ngoài đã quá nhiều rồi. Đủ để mở 100 trường Chấn Võ học hiệu ở bên Mỹ. Bác tin rằng mấy tên bạn và đàn em bác đang lo việc mở trường đấy. Có tên mời bác đi vượt biên, nhưng bác từ chối ngay. Có hạnh phúc nào hơn là nhìn tận mặt quân thù mà chiến đấu”.

Ông cụ được dành riêng một căn phòng trên lầu. Những người trong nhà, kể cả bạn ông, đều nói chuyện với ông cụ bằng tiếng Tàu. Ai cũng tin ông là người Tàu, dĩ nhiên trừ bạn ông ra. Họ tôn trọng cụ đặc biệt vì bạn ông nói rằng cụ Hoàng (tức A Xây) là vị ân nhân mây phen cứu mạng bạn ông

trong những trận đánh nào đó ở mạn Nam Sông Dương Tử.

Hung thường giả vờ mua đồ để đến thăm ông cụ. Và sau khi nhìn quanh quẩn ngoài đường không chút bóng dáng ngờ vực, cậu nhanh chóng bước lên lầu nói với cô bé Tàu bán hàng là lên đánh cờ tướng với A Xây. Tất nhiên là bàn cờ chỉ bày ra để đi mấy nước vớ vẩn thôi, còn thì họ nói chuyện về thời cuộc.

Rất nhiều khi Hung tới, cô bé Tàu cho biết cụ A Xây đã đi – cụ có quyền dùng xe đạp và Honda của chủ nhà – đi từ sáng chưa về, như thể một tên thanh niên xài phí sức khỏe và thời gian của mình. Thế là cậu phải ngồi nói chuyện lai rai với A Muối – tên cô bé – cho đúng thủ tục ngoại giao. Trong khi ngồi nói chuyện như vậy, cậu chỉ sợ cụ Hoàng sẽ không bao giờ trở về ngôi nhà này nữa vì lý do nào đó. Và từ ngày mai, cậu sẽ đánh cờ tướng với ai, sẽ nói chuyện với ai. Cậu bé tự nhủ, hẳn là mình sẽ cầm cả đời vậy. A Muối kể là ông cụ A Xây và ba cô bé ưa kể chuyện cổ tích dù cô bé cứ ngáp lên ngáp xuống. Hung lơ đãng hỏi:

- Chuyện cổ tích gì nhỉ?

- Đại khái như chuyện trong khi A Xây về Hà Nội thì ông già tui đưa quân về Trùng Khánh, hay là

những cuộc ám sát hai ông tham dự ở Thượng Hải chẳng hạn.

Cậu kể lại cho cụ Hoàng nghe và cẩn thận nói là chữ “cổ tích” cô bé dùng không chính xác. Ông cụ chỉ xoắn xoắn bộ râu:

- Nó không hiểu tiếng Việt lắm. Nhưng ngay cả người mình cũng lảm tên thường ưa lảm lẫn như vậy.

Có một lần, cậu đã sơ xuất chiếu bí ông cụ. Thường thì cậu hay giả vờ thua để làm cụ hào hứng. Nhưng lần này, cụ ngăn người ra nhìn ván cờ suốt 10 phút đồng hồ rồi thở dài:

- Theo luật thì ông tướng không được rời khỏi cung, hễ quân chết cả, rời Tướng cũng chết theo. Bác chột nhớ tới ván cờ chính trị, dân mình đang tham dự. Bao nhiêu ông Tướng rời nước ra đi nhỉ. Thế hệ Bác đã chơi một ván cờ thật tồi. Xe mã còn cả thế mà thua. Không hề gì lịch sử sẽ ở trong tay thế hệ trẻ các cháu thôi.

- Thưa Bác, ván cờ sắp tới tụi nó sẽ thua Bác cháu mình đây. Tuy nhiên mình còn mất rất nhiều thời gian.

- Sẽ nhanh thôi cháu ạ. Bác không tin là lâu. Bác và anh em đã làm khá nhiều việc rồi. Chỉ cần tổ chức

và thống nhất lại các lực lượng chống cộng mà thôi. Hai năm rồi, đủ thời giờ để tin nhau hơn. Không biết anh em Hải Ngoại đã làm được gì...

Một lần đến, chàng gặp cụ đang nói chuyện với một cô bé Việt Nam cỡ tuổi cậu. Họ tin nhau lời giới thiệu của cụ Hoàng: “Nói chung, tụi bay đều là con của những người đã từng làm việc với Bác”. Tuy nhiên, cậu đâm ghen với Sương – tên cô bé – khi biết cha cô còn lẩn trốn ở Sài Gòn, nhất là thời gian sau, khi biết được cô biết là một hộp thư sống của cụ Hoàng với nhóm của bố cô bé. Sương có một khuôn mặt ngây thơ hơn là công việc bất thường đó. Hưng thấy cô bé dễ thương và mỗi lần đến với cụ Hoàng, cậu đều mong gặp được “cô-bé-cũng-thích-nghe-chuyện-cổ-tích”. Đôi khi Hưng bị cắn rứt, chuyện lớn chưa lo được, cả đến nhân một việc nhỏ trong chuyện lớn đó cũng chưa được, lại thêm một bậc tâm mơ nữa. Nhưng những lần gặp gỡ ít ỏi đó luôn luôn làm Hưng hạnh phúc.

Hai cháu có tin vào hồn thiêng sông núi không. Bác tin là có đấy. Trên đời nếu có những kẻ bị quỷ ám như các cháu đang nhìn thấy, tất nhiên là phải có những người đang bị cái đẹp của Chân Thiện Mỹ dẫn dắt. Các cháu phải là những người bị hồn thiêng sông núi dẫn dắt...

- Vâng, thực sự thì cháu không ăn ngon, ngủ không yên, cứ bước ra đường thấy dân mình nheo nhóc khổ

đau là người cứ muốn điên lên. Hẳn là phải có cái gì như hồn nước...

Sương thích nghe hơn là nói, có lẽ là do thói quen làm việc, cậu bé nghĩ thế. Hưng còn nhớ một lần vào đầu năm 78, ông cụ đã hào hứng nói với cậu và Sương:

- Thế là sắp xong rồi. Bác đã lo xong thống nhất các hệ phái Việt quốc, ông già con Muối đã nối được các đường giây anh em Trung Hoa. Đại Việt và Nhân Vị Cần lao, ông già con Sương đã bắt tay lại dài từ Quảng Nam tới Cần Thơ. Hòa Hảo, Cao Đài và các linh mục dòng Tên hoàn toàn sẵn sàng. Còn cảnh sát đặc biệt và quân nhân chưa quen với tổ chức bí mật nên hơi chậm. Rồi sẽ xong thôi. Rừng núi chiến khu cũng chuẩn bị rồi, chỉ cần một hội nghị Diên Hồng là phát cờ thôi. Chắc là ở Hải Ngoại, việc thống nhất các lực lượng chống cộng đã hoàn tất từ đời nào rồi. Ở ngoài thì làm việc dễ hơn... Riêng bác cảm thấy ở đây thì hạnh phúc hơn. Bác sẽ đau khổ lắm, nếu bây giờ bị bệnh liệt giường nằm nhìn người khác làm việc. Tới ngày nào đó mỗi phường có một chi bộ thì kể như xong.

- Cháu mong được bác giao cho một việc gì dễ làm.

- Khoan đã, rồi sẽ có lắm việc. Bây giờ thì chờ mấy ông già tụi tao lo việc thống nhất đã, mình phải đi

từng bước. Rồi sẽ gửi cháu theo một khóa huấn luyện...

Vào năm đó của Sài Gòn, những tin đồn đến dồn dập. Người ta nói là tướng Ngô Quang Trưởng đã nhảy dù xuống miền Tây, tướng Bùi Thế Lân đã dẫn lính về Pleiku. Ông cụ vẫn lạnh lùng với những tin đồn như vậy. Lần đó, chàng bắt gặp ông cụ ngồi thừ ra, xoắn xoắn bộ râu bạc lưa thưa.

Thế là thêm một thằng em bị bắt ở Long Khánh. Cháu không thể hiểu được những lúc này bác đau khổ thế nào...

Chàng quay sang nhìn Sương, người mang tin dữ, đôi mắt cô bé rơm rớm nước mắt. Căn phòng chìm đi trong yên lặng. Chàng muốn an ủi hai người, nhưng không biết nói lên lời nào cả. Và lại, lời nào có thể an ủi được khi nhìn thấy bạn mình sắp chết và có thể là đã chết rồi.

Vài hôm sau đó, khi Hưng đạp xe từ trường về, Sương từ một ngõ nào đó chờ sẵn phóng lên đi song song với chàng, giọng khàn đi:

- Anh đừng bao giờ ghé thăm ông cụ nữa nhé. Có vài đơn vị ở Sài Gòn đã bề. Ông cụ và ông chủ người Tàu đã tìm chỗ khác để ở. Thế thôi. Có gì cần, ông cụ sẽ nhắn anh.

- Sương có cần Hưng giúp đỡ gì không?

- Không cần gì cả. Chỉ tiếc là anh không có dịp nghe chuyện cổ tích nữa.

Khi nhìn cô bé phóng xe sang một ngã rẽ khác, chàng cảm thấy câu nói có chút gì vô tình xúc phạm. Ôi, chuyện cổ tích của cụ Hoàng không có những nàng tiên với chiếc gậy thần kỳ diệu, nhưng đầy những cạm bẫy hiểm nguy và cả hạnh phúc. Chàng thèm được nhấp men rượu mạnh đó, dù thịt da có tan vào tro bụi. Chàng thèm được lao vào trận chiến đấu dù sẽ có lúc chàng phải lết về để chết gục trên sân cỏ trẻ thơ kia, mà trong lâu đài còn thăm thẳm cái nhìn của cụ Phan Bội Châu và Nguyễn Thái Học vào suốt tận cõi của thời gian. Sách vở cầm chỉ thêm nặng tay. Làm cái gì đây nhỉ. Thêm một ngày hoang phí trong đời là thêm một lần đau khổ trên vai. Đã bao nhiêu ngày rồi, chàng chưa làm được gì cả. Hưng tin là, với tuổi 17 của chàng bây giờ, quá nhỏ để làm được chuyện gì, nhưng đã quá lớn để có thể ngồi yên nhìn dân tộc đang đau khổ nổi trôi.

Một thời gian sau, Hưng được một người bạn đưa vào làm việc ở một nhóm Phục quốc ở quận Tư. Chàng chỉ mới học về Cương lĩnh và các kỹ thuật hoạt động bí mật. Được một tuần, thì đơn vị bẽ, người bạn bị bắt, chàng phải về Biên Hòa ở với ông bác một thời gian, khi mọi chuyện yên ổn, mới dám

về với mẹ. Bà phải gấp rút tính chuyện vượt biên cho con.

Từ sáng đến tối, Hưng đạp xe lang thang khắp đường phố Sài Gòn, chỉ mong lúc nào đó tình cờ gặp được cụ Hoàng và Sương. Những buổi trưa nắng đỏ xuống đầu hừng hực, nhưng lòng chàng còn cháy bỏng hơn bao nhiêu lần thế nữa. Từng người bạn ra đi và đến Mỹ, thư từ rời rạc dần và mất tăm. Chàng tin là họ đã vào một trường Chấn Võ nào đó. Nhưng Hưng hoàn toàn không muốn ra đi trong lúc cụ Hoàng còn ở đây. Chàng tưởng tượng khi gặp ông cụ đang đạp xe ở một ngã đường nào đó, chàng sẽ phóng ào ào đuổi theo và níu vai áo lại:

- A Xây, nếu A Xây không kiếm được việc cho cháu làm ở đây, cháu xin phép A Xây để vượt biên tìm việc.

Nếu như ông cụ buông ra một tràng tiếng Tàu để trả lời, hẳn mà chàng muốn ôm mặt mà khóc được. Mặc kệ cho những người ngoài phố và cột đèn đứng nghe. Có điều gì khác nhau giữa người ngoài phố và cột đèn không, nếu không ai hiểu được tiếng khóc của Hưng.

Thế nhưng, do tình cờ, chàng đã gặp không phải ông cụ mà là bé Sương. Cô bé lấy mũi xe húc vào xe Hưng. Chàng quay lại. Họ cười với nhau.

- Chào cô bé.

- Chào từ giã anh nhé – cô bé cười bí mật – Sương đang tìm cách qua Mỹ để làm vài việc cho ông cụ và ông già.

- Tiếc quá nhỉ. Tôi muốn làm việc có cô bên cạnh đấy.

Chàng nói nghiêm trang như thể một ông Chủ Tịch Mặt Trận nói với cô Thư Ký đang có việc làm. Cô bé cười dòn tan quay ngược mũi xe lại và biến mất vào bóng đêm. Những ngày của chàng trở nên dài hơn. Chàng muốn bước vào thế giới của cụ Hoàng và Sương. Tới lúc đó, chàng nghĩ, mình chỉ cần ăn một buổi mỗi ngày, và thức 24 giờ mỗi ngày làm việc. Khi nào mệt thì ngủ chừng ba tiếng thôi. Ngủ nhiều hơn nữa là có tội với cụ Hoàng, và ăn nhiều hơn nữa là có tội với chính ba của chàng. Thế nhưng, trong vài năm sau đó, chàng vẫn chưa tìm ra việc làm. Có lúc, Hưng nghĩ là tự mình phải tìm bạn và tổ chức lấy một phong trào. Chỉ cần mỗi phường có một tổ vài người. Khi giờ hẹn đến, nhóm vài người trẻ đó sẽ bắn tên công an khu vực. Nếu các tỉnh đều liên kết được như vậy, kể như xong hai phần ba công việc. Chàng tự nhủ: “Mình phải làm việc trong tinh thần như thể là tất cả những người lớn tuổi hơn mình đều đã bỏ cuộc, để tập mình có một khả năng hoạt động độc lập. Cuộc cách mạng nào bao giờ cũng bắt đầu một người hoặc vài người

cả, bao giờ cũng vậy. Lịch sử thuộc về những kẻ dám bắt đầu từ số không”.

Nhưng Hưng vẫn chưa tiến hành được điều gì, mẹ chàng đã xô chàng lên một chiếc ghe. Hưng không thấy chút gì là vui hay buồn, nào ai biết được những ngày sắp tới của mình thế nào. Chàng cảm thấy ân hận khi nghĩ tới ông cụ Hoàng với chòm râu bạc lưa thưa ngụy trang lặn lội hết ngày này qua ngày kia. “Thật ra thì ông cụ đang tìm việc cho mình đấy, mà tìm chưa ra thôi. Thế mà mình đã bỏ đi rồi”. Khi bước lên đảo, chàng hy vọng một cách mong manh sẽ gặp lại Sương. Hân là cô bé đã qua trước chàng lâu lắm rồi. Làm cách nào gặp được nhỉ. Nhưng nếu gặp được, dám cô bé sẽ chế giễu mình. “Chắc là cậu đã chán nghe A Xây kể chuyện cổ tích”. Và ngày sau đó, sẽ ôm mình khóc đấy. Hoặc là có thể gặp nhau ở một thành phố Mỹ nào, cô bé sẽ nói qua màn nước mắt: “Lại thêm mấy năm rồi, chỉ thương cho A Xây chưa tìm được việc cho anh làm”. Hưng vẫn không gặp được cô bé trên đảo, nàng đã qua từ năm nào rồi đấy.

Chàng mong mỗi sẽ gặp được một đường dây tuyển sinh cho trường Chân Võ học hiệu, nhưng vẫn không thấy. Ở đây người ta có vẻ lạnh nhạt với điều đó. Chàng lao mình vào tất cả những việc thiện nguyện có thể làm được, mình không thể ở yên quá năm phút được. Người chàng có thể nổ tung lên vì đau khổ. Khi Hưng bước vào thư viện, chàng phám

khá qua báo chí Hải ngoại là sự thống nhất các lực lượng phục quốc Hải ngoại vẫn chưa đến một phần mười con đường. Trong khi đó, ở quốc nội, A Xây đã nối tay với biết bao nhiêu tổ chức ở các thành phố lớn mặt cho biết bao nhiêu thiếu thốn và hiểm nguy. Hàng loạt người đi tù, hàng loạt đơn vị tan ra, rồi lại tìm cách kết hợp lại. Hưng còn nhớ một lần, ông cụ đã nói giọng thì thầm như kinh sợ chính những tư tưởng của mình: “Trước tiên là phải thống nhất lại để đánh tan tụi nó ra. Sau đó có thể sẽ có nhiều vấn đề xảy ra. Sợ là anh em sẽ chia năm xẻ bảy vì cách thức xây dựng kinh tế hậu chiến nào đó. Điều đó sẽ xảy ra và tiên liệu được. Phải chấp nhận thôi. Lúc bấy giờ, ai sẽ có thể trở thành một Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh? Bác tin là có những tên Sứ Quân chỉ mang nỗi tâm hồn của một tên giặc cỏ. Công việc của bác cháu mình chỉ là chuẩn bị cho vị Vạn Thắng Vương đó”. Bây giờ chàng chỉ cần một công việc đơn giản nhất thôi cũng đủ để an ổn tâm hồn, chẳng hạn như đánh xe ngựa cho Vạn Thắng Vương. Than ôi, thất nghiệp gần nửa đời người rồi. Nhưng không, may mà có được một tuần lễ làm việc nghiêm chỉnh đảng hoàng hạnh phúc.

Chàng kinh ngạc đọc đi đọc lại những câu thơ và dòng nhạc rất phổ biến ở hải ngoại. Làm thế nào người ta có thể viết một cách đậm đặng thế nhỉ. Chàng còn đủ ngây thơ để hiểu lầm chữ đậm đặng như là xa lạ với những đau khổ của dân tộc. Họ không thể nào nhớ được là họ còn đang có những

người bạn đang ở tù, còn những người bạn đang chiến đấu. Chàng thềm sau này gặp lại cụ Hoàng ở Sài Gòn, cụ sẽ vuốt đầu chàng như ngày còn bé với một câu nói khen ngợi: “Cháu khá lắm. Cháu đã không dâm đấng lắm vậy”. Nhưng bao giờ nhỉ. Và mình phải bắt đầu công việc như thế nào.

Chàng thềm được gặp cô bé ở một nơi nào đó trên đất Mỹ. Ít nhất thì cũng có một người con gái cũng đã nghe kể chuyện cổ tích như chàng. Nàng đang ở đâu nhỉ, hồi vàng trán ngây thơ và nghịch ngợm đó. Nàng đã gặp được những người cần gặp chưa. Nếu cô bé ôm chàng và khóc, cho biết là ở đó không hề có trường nào giống như Chấn Võ học hiệu của cụ Phan Bội Châu ngày xưa, thì mình phải làm gì nhỉ và nói gì nhỉ, cho ra vẻ là người có thể cứu mạng cả chính đời nàng nữa. Nhưng làm thế nào gặp lại nàng giữa nước Mỹ mênh mông. Hẳn là mình sẽ lang thang khắp các ngã tư, dạo khắp các ông viên, đi cùng các trạm Metro hết đêm rồi ngày để tìm nàng vậy. Nhưng biết nàng có mơ hồ chờ mình không, hay là cũng đang chuẩn bị môi trường Chấn Võ một cách đơn độc để khỏi phụ lòng cụ Hoàng và cha nàng. Hẳn là nàng cô đơn lắm. Lạy trời, đừng có một tên kỹ sư điện tử nào mang xe hơi tới dụ dỗ nàng. Rồi em sẽ đi vào lịch sử, nhưng bằng chính tay của ta. Chàng nghĩ đến ngày sau qua Mỹ, sợ phải mất tám giờ mỗi ngày cho cuộc sống. Làm thế nào có thể dành toàn bộ cuộc đời mình cho việc phục

quốc nhĩ. Trong 8 giờ, đã có hàng trăm anh em bị bắt ở nước nhà kia mà.

Ôi, men rượu kia, dù chỉ mới nhấp được có một tuần lễ, đã quay quắt cả một đời. Sẽ tới một lúc chàng nổi điên lên nếu hàng ngày chỉ dành được có vài phút để nhớ tới cụ Hoàng và ba chàng, mỗi khi cầm lên tờ báo và nhai vội mẩu bánh, để đọc những bản tin về Việt Nam. Chàng tin và hy vọng, chàng sẽ mất ngủ suốt cả đời, nếu thực sự là có hồn thiêng sông núi. Nếu không, thì tại sao ở đây, mình đã chảy nước mắt bao nhiêu lần. Nhưng dĩ nhiên, chàng biết, không phải là với ai, hồn thiêng sông núi cũng ám được. Lúc đó, mình làm thế nào nhĩ?

Chàng mơ hồ nghe từng trận gió thời gian, xô về hơi lạnh của hư vô, chín năm rồi đấy, thoang thoang giọng nói của cụ Hoàng lẫn trong tiếng kèn ngày xung trận Yên Bái, không, chàng còn thấy cả đôi mắt sâu thẳm của Phan Bội Châu và Nguyễn Thái Học từ trên tường nhìn xuống ông cụ và cậu bé năm xưa:

“Những người đã chết, một đôi khi tôi nghe được họ hỏi tôi – Kỳ lạ thật, bây giờ lại vắng theo giọng nói của thằng bạn tù của mình nữa – này kẻ sống sót, này thằng nhóc, cậu đang làm gì thế”. ■

TÁNG TREO

Những rặng cây xanh thẳm của vùng cao nguyên xô qua ngã lại dưới trận gió bạo tàn mỗi đêm gởi về những lời nói thì thầm khó hiểu chạy lướt trên đường mòn ngoằn ngoèo từ tận sâu kia đến với chàng. Đôi khi chàng nghe được trong đó là tiếng kêu thảng thốt kinh hoàng của con người một khi nào chợt mở to mắt và nhìn thấy được sự hư vô của thời gian. Đôi khi là tiếng thở than của những người đã vắng mặt trên trần gian, một hôm nào đã sinh ra rồi một hôm nào đã mất đi mà vẫn hoàn toàn không hiểu hết những biến cố đã xảy ra cho đời mình. Và bây giờ thì đôi khi là tiếng cười cao ngạo từ nơi xa của người bạn kia. Y Yut. Có những người bạn mà chàng muốn quên như quên một thói xấu trong đời. Nhưng có những người bạn mà sự hiện diện của họ có thể làm cho cả trần gian này xấu hổ, với chàng. Y Yut là một trong những người như vậy.

Năm 76, chàng đã tới đây, ấp Tân Lạc, xã Tân Châu huyện Di Linh trong chương trình Kinh tế mới. Chạy dọc theo con đường đất đỏ mới mở từ ngoài vô là những vườn trà ngút ngàn hoang phế, rồi những vườn cà phê cần cỗi sau những mùa chinh chiến, rồi những đồi cỏ tranh cao lút đầu như chưa từng có dấu chân người, và nơi đây, nơi những rừng cây cao vút mà hai mẹ con chàng đang ở, xa những người cùng ấp hơn nửa cây số. Núi rừng là những người bạn mới lạ lùng và đầy bất trắc. Y Yut cũng có lần hỏi:

- Tại sao mày không ở gần người ta cho vui, lại chui vào cái hẻm hóc này mà ở. Đùng tưng ở đây là xa được tụi nó đâu.

Chàng đã trả lời người bạn đó:

- Bây giờ chẳng có chỗ nào là vui cả. Và lại dường như con người bao giờ cũng xấu. Có lẽ chỉ có mỗi thiên nhiên là đẹp thôi.

- Tao chỉ bảo là vào đây thì sẵn cây làm nhà, khỏi mất công vác đi xa cho mệt. Và lại cứ ở gần tụi công an con dễ nổi điên lắm, thế nào cũng có ngày có chuyện. Bã thì bao giờ mà chẳng nghe tao.

Chàng vẫn còn nhớ con đường nhỏ Phan Đình Phùng dọc tới dọc lui dọc xuôi dọc ngược từ căn gác xếp chàng đã lớn lên, đưa tới những bậc thang lên

chợ Hòa Bình, nhớ ngôi chùa Linh Sơn đồ sộ với những cánh cửa gỗ không lồ đầy bí ẩn của thế giới tuổi thơ và những đồi cỏ sân Cù xanh ngát thời thơ ấu. Rồi những ngày cùng học bậc Trung Học với tên bạn Thượng Y Yut đen như cột nhà cháy, nhưng hào sảng như vừa đi lạc từ thế giới của Kin Dung qua. Một thằng bé có nhiều sức mạnh bí mật mà ngày đó có một đôi lần chàng đã gọi đùa là Tên Tù Trưởng cuối cùng của Việt Nam. Và một đôi khi chàng gọi là hấn là con voi đực thông minh của núi rừng Lâm Viên. Hấn được gọi lên Đà Lạt học trọ nơi nhà một người bà con nào đó đang làm việc ở Bộ Sắc Tộc. Với người Thượng, như vậy là đáng sợ lắm. Mà hấn đáng sợ thật, học không thua bất kỳ một tên Kinh nào. Suốt cả đời Trung Học, chàng đã thân với hấn một cách tự nhiên, như thể là những kẻ được sinh ra chỉ để làm bạn với nhau. Chàng đã bá vai hấn đi ngoài phố không tha một chỗ nào cả. Rồi những ngày lớn lên tập tễnh uống cà phê, len lén chuyền tay nhau điều thuốc trong giờ học, tới những đêm lang thang dọc theo bờ hồ tập vô hàng sữa đậu nành ngồi phệt xuống góc khách qua đường, khoan khoái cầm ly sữa bốc khói nghe cái lạnh của đêm ngấm dần vào người.

Mỗi lần thầy giáo Việt văn lớp 10 giảng Chinh Phụ Ngâm tới câu “Chí làm trai dặm nghìn da ngựa”. Sau khi thầy nhắc lại các phương pháp văn học tưởng tượng, nhấn mạnh hay cường điệu gì đó, rồi mới nói tới da ngựa bọc thầy:

- Người ta có nhiều hình ảnh đẹp trong văn chương để tôn lên sự hy sinh cao quý của người chiến sĩ bảo vệ dân tộc. Một trong những hình ảnh văn chương đó, là cái chết da ngựa bọc thây cho ta thấy sự hào hùng của những người ném cái chết trên lưỡi hàng ngày để thấy sự mong manh của chính đời sống của họ, mà vẫn lao mình vào dù cho có chết giữa rừng tên để rồi thân xác được vùi dập xuống đất trong tấm da ngựa, cũng là trong sự ôm ấp của người bạn ngày xưa cùng chiến đấu...

Tên Tú Trưởng rụt rè đưa tay đứng tên:

- Thưa Thầy, cho phép em có ý kiến. Em còn nhớ thầy có nói chiến trường của người Trung Hoa thường là những bãi sa mạc vùng biên thùy. Cho nên em tin rằng, ở những nơi đó chỉ có cát với cát và khi một người lính chết, bạn của họ có thể bày tỏ tình cảm tôn trọng bằng cách bọc thây họ trong những tấm da ngựa để chôn xuống cát. Chứ không hoàn toàn là văn chương...

Khi đó chàng không thắc mắc nhiều như vậy, dù đó có là một hình ảnh tưởng tượng của văn chương như ông thầy đã giảng hay có là một sự hiển nhiên như Y Yut đã tin. Những năm thơ dại của chàng đã trôi qua bình an như mặt hồ Xuân Hương bên cạnh đóa con nhỏ của núi rừng kia. Hồi đó, Y Yut đã kể chàng nghe về cách phân biệt giữa dấu chân của nai và heo

rừng, về sự khác nhau giữa loại lá ăn được và không ăn được, kể về những con suối lạ lùng không ai biết bắt nguồn từ đâu, cả đến cách nghe tiếng nai kêu làm sao phân biệt được con đực hay con cái... Có những điều kỳ lạ đến nỗi bây giờ chàng cũng không biết là có thực hay không. Nhưng không hề gì, chàng đã lớn lên với những bước chân tù túng quẩn trong thị xã Đà Lạt, nhưng trí tưởng thì để tận trên những cánh chim của bà phù thủy đỉnh Núi Voi mà Y Yut có lần thì thâm kinh hãi kể lại.

Khi chàng đến đây thì chỉ nhớ mang máng Y Yut ở đâu đó vùng Di Linh này. Núi rừng bây giờ không còn mơ hồ như hồi nghe kể nữa. Nhưng chàng vẫn chưa đọc hết được những điều hẩn dầy. Và lại chàng không có thì giờ để trác nghiệm lại những bài giảng của hẩn thí dụ như về việc nhìn đống phân nai mà biết được con vật đó bệnh rụng lông hay là cảm cúm. Nhưng chàng biết hẩn còn quên một bài học chưa giảng tới, đó là làm cách nào để no bụng dưới chính quyền Cộng Sản. Dù là sống ở thành phố hay núi rừng, chàng cũng không trốn được bài học đó. Một tuần phải đi ba ngày làm lúa cho tập đoàn dưới những trũng nước kia, tới ngày gặt du kích keo sủng vào cân đo đong nghĩa vụ, còn lại chia ra không đủ để nấu cháo năm ngày.

Sau này khi gặp lại Y Yut, chàng có hỏi về chuyện tại sao họ đã trồng lúa không trúng như dân Thượng

ở đây cũng đất đỏ, giống đỏ, hẳn đã nhìn chàng cười một cách bí mật:

- Khác chứ, giữa một người bị lưu đày về đây với một người bản xứ ở đây khác nhau rất là xa. Giữa một người làm việc một cách tự do với một người làm việc dưới những nhát roi khác nhau hoàn toàn. Khi mày cầm lên một hạt giống với lòng uất hận thì mầm sống đã cháy mất trong đó rồi. Mày không thấy cả nước đang mất mùa à.

Còn bốn ngày kia chàng phải làm đủ trò để sống. Chàng phải bắt chước người Thượng đi tận chục cây số trong lũng sâu để làm rẫy bắp. Làm ở ngoài này nó biết được thì cũng mất toi. Còn làm trong đó hơi được là phải hái non chứ không thì khỉ lại phá. Nói chung thì ở đâu cũng gặp phải những động vật tương cận như vậy. Mùa khô chàng lên núi làm than, tuy mệt nhưng còn kiếm ra tiền được, hoặc đi sâu tận những buôn Thượng đổi cá khô lấy gạo. Nhưng khi những trận mưa bắt đầu đổ xuống, những con đường mòn đất đỏ trở nên lầy lội và trơn trượt, những dòng suối mọc ra từ khắp các ngõ ngách của núi rừng cuốn đi phẳng phẳng tràn trên cỏ, trên rẫy, trên đường đi xuôi về sông Đa Dung, thì chàng không biết cách nào mà sống. Những lúc đó hai mẹ con chỉ biết ngồi nhìn ra những hạt mưa bay về đan trắng xóa khắp cả những lũng đôi chập chùng. Có lần mẹ chàng thấy con cực khổ quá nên cũng khuyên ra làm

giáo viên miền núi cho nhẹ nhàng hơn, cái bằng Tú Tài không xài cũng uống.

- Con không muốn xa mẹ một tí nào cả. Và lại, con phải lúng túng lắm nếu bây giờ phải tập nói dối.

Một buổi chiều, khi chàng từ rẫy về, đã thấy Y Yut ngồi trong nhà tự hồi nào. Hắn đứng lên lắc mạnh tay chàng, và vỗ vào vai vào lưng chàng bôm bốp. Cũng vẫn những trận cười năm nào, mạnh mẽ rõ ràng. Hai vòng tay khổng lồ xiết mạnh vào người chàng làm những khớp xương vai kêu lên răng rắc, đứng như vậy hắn cao hơn chàng tới nửa cái đầu.

- Ha ha... tao lên Đà Lạt nghe tụi nó nói mày về đây, đi hết ấp tìm hoài đâu có ra. Sau có một thằng nhỏ nó chỉ hướng này mới tìm được.

Hắn buông chàng ra và chỉ về một gùi đầy bắp dựng ở xó nhà.

- Tao biết trên này đói lắm nên cho mày một gùi bắp. Bà cụ mày cứ bảo là không cần. Làm sao mà không cần được, tao biết hết cả chứ, đây là đất của tao mà. Nhưng sao lại về đây?

- Cả thành phố mình điêu tàn, không có tới một con chó nhỏ nào mà không bị làm thịt, tao tìm việc làm hoài không ra, thế là tụi nó lừa lên đây. Mày tưởng

tao mê những câu chuyện cỡi voi săn cạp của mày, hờ con voi đực này.

Từ đó, thỉnh thoảng Y Yut lại tới thăm chàng. Hắn ở trong một buôn Thượng xa hơn đi từ phía ấp Tân Dân, thuộc bộ lạc còn nhiều thói quen huyền bí, nhưng cũng từng có vài người ra làm công chức hoặc quân nhân, có người còn nói được tiếng Pháp với giọng của các linh mục Bồ Đào Nha. Và cũng như người ta nói, đó là một trong những nơi phát sinh ra những đứa con ngỗ nghịch nhất của nước Việt Nam, suýt, đây là nói theo kiểu chính quyền Cộng Hòa ngày xưa đấy. Chứ còn bây giờ thì mấy tên Việt Công không có lỗi dùng chữ lịch sự như vậy, mà chỉ gọi một cách thô lỗ là bọn Fulro thỏ phi. Nhưng cũng chẳng ai biết sự thực ra sao, vì có người quả quyết là trong những lần đi đổi gạo, có lần họ đã thấy những người lính năm nào của Tiểu Khu Tuyên Đức ẩn hiện trong buôn.

Mỗi lần Y Yut tới đều đem theo một ít hoặc bắp hoặc gạo hoặc một, hai con gà cho hai mẹ con chàng. Với màu da đen trên một vóc dáng khổng lồ, những bộ quần áo cũ kỹ bác phếch không làm mất đi vẻ uy nghiêm như một Tiểu vương Ấn Độ của hắn. Và chỉ cần nhìn thấy khuôn mặt tươi tắn đầy tự tin của tên tù trưởng cuối cùng đó chàng không bao giờ giấu được niềm vui. Trên vai hắn lúc nào cũng là chiếc gùi và trên tay là chiếc xà gạc lưới bén ngọt, dài ngoằng, cong vòng một đầu lại. Đôi khi hắn cho

thằng em đi kèm theo, một thằng nhỏ khoảng 15 tuổi luôn luôn nở nụ cười hiền hậu trên môi, nhưng chiếc xà gạc trong đôi tay, ngậy thơ đó chẳng có hiền hậu tí nào. Thằng nhỏ thuộc loại ít nói. Có lần chàng nghĩ chắc nó không quen nói tiếng Việt như thằng anh, nên thử đùa với nó bằng một câu tiếng Thượng. Nó cũng chỉ nhăn răng ra cười thôi. Y Yut thường tiếc là thằng nhỏ không có điều kiện hưởng một nền học vấn nghiêm chỉnh như hấn. Có những đêm Y Yut ngủ lại nhà chàng, những lúc đó hấn luôn luôn tới rất trễ và không bao giờ đem thằng em theo. Hai đứa lại ra kéo ghế ngồi ngoài hàng hiên uống cà phê và trà, bập bập những điều thuốc vấn bằng ngón tay cái, nhìn về những cánh rừng đen kịt oằn người dưới trận gió đêm của cao nguyên.

- Khi tao mới về đây thì buồn thật, dần dần rồi cũng thấy nhẹ nhàng hơn. Núi rừng có một vẻ đẹp lạ lắm mà bây giờ tao mê đấy. Nó đẹp bí mật như một người con gái mình mê mà chẳng hiểu tại sao, hoặc như khi nghe một bản nhạc mình không hiểu nhưng vẫn thích. Ở đây người ta còn nói là có ma nữa, thỉnh thoảng bà già tao vẫn thấy. Họ gọi là ma bó đuốc thì phải, vì nó thường sáng lập lòe theo hình bó đuốc...

Y Yut mỉm cười:

- Mày tin vào những điều đó không. Rồi tao phải kể thêm một chuyện cho mày nghe. Người Thượng tuy

tao trước giờ vẫn ưa sống thẳng thắn, có thì nói có, không thì nói là không. Gặp chuyện gì không biết điều thì kéo nhau vào rừng lập trận, cũng là mong cho dân có một đời sống đỡ khổ hơn. Dù là phải lội suối băng rừng với chiếc xà gạc hoặc khẩu Carbine mà lòng vẫn còn nhớ tới vò rượu cần và bếp lửa dưới nhà sàn. Trong những người đi chiến đấu như vậy, khi có một người bạn nào ngã gục thì gần như bình thường dễ bị cọp moi lên ăn lăm. Họ sẽ chọn một khu rừng âm u nhất, bỏ xác người bạn người bạn tử trận đó trong một chiếc mền và đưa lên buộc nằm chặt vào một cành cây cao nhất. Và những người chết như vậy đôi khi đã trở về như một bó đuốc để soi đường cho những người bạn không ưa chuyện bất bình trên những đoạn đường nguy hiểm...

- Kỳ lạ thật, đây là lần đầu tiên mình nghe chuyện này đây.

- Có gì đâu mà ngạc nhiên, đây chỉ là một nghi thức đơn giản và bình thường. Không ai muốn cho bạn mình bị cọp nhai xương cả. Cũng đơn giản và bình thường như chuyện ngày xưa da ngựa bọc thây. Hồi đó tao tin vào chuyện văn chương đó có thực vì tao biết còn có những nghi thức tương tự như vậy.

- Kỳ lạ thật, tao vẫn còn ngạc nhiên đây. Thực sự thì cũng không có gì khác nhau giữa tấm da ngựa và một chiếc mền cả, có khác là ở cái gì kia thôi.

- Có những chuyện đang xảy ra hằng ngày mà mày không biết hoặc là không muốn biết. Không lẽ phải bảo là tao đã từng thấy nghi thức táng treo này rồi mày mới tin à. Chuyện không phải là khác hay giống gì cả, mà chỉ là mày có da ngựa bọc thây không thôi...

Chàng đứng dậy vươn vai mà nói:

- Thôi ngủ đi. Tao muốn ngủ ngay lúc này, để còn kịp giữ lấy cái cảm giác về những cái chết đẹp như vậy.

Y Yut cũng đứng lên nhìn thẳng vào mắt chàng vừa cười vừa nói:

- Có nhiều người thích có những cảm giác đẹp, nhưng lại không dám sống cho điều mình tin tưởng. Nhưng thực sự cũng có những người biết chắc là họ sẽ bị táng treo, và ngay khi còn sống tự thân họ đã trở thành bó đuốc. Thôi đành phải chúc mày ngủ ngon vậy...

Ở ngoài trời, gió vẫn thổi ào ào không ngừng, tiếng những cành cây vẫy người làm cho lá cây kêu lên xào xạc lẫn vào những tiếng hú của gió rơi lại khi qua lũng sâu. Hấn vẫn vừa mỉm cười vừa nhìn thẳng vào mắt chàng, làm chàng phải quay người đẩy cửa bước vào nhà. Hơi lạnh ủa vào theo bước chân,

nhưng hắn vẫn đứng đó, dáng đứng cao sừng sững ngạo nghễ giữa hơi lạnh của đêm cao nguyên.

Một đôi ngày Chủ nhật, Y Yut rủ chàng ra Di Linh chơi. Họ thường đi một vòng quanh chợ để nhìn những người dân lam lũ đang bán vôi bán vàng một cái gì đấy. Những tấm thân gầy gò của trẻ thơ và người lớn che trong những manh áo rách vá dọc vá ngang đứng lăm la lăm lét nhìn các hướng Công An, và gạ gẫm khách qua đường mua lấy một con gà cũng gầy đến còn lông và xương hoặc vài chục quả bắp còi. Những người ăn xin nằm dài trên đường chợ ướt sũng bùn, mình mẩy lở loét vì những ngày đói ăn, chìa những bàn tay gẻ chóc quơ quơ dưới chân người đi chợ và rên rỉ những điệu khóc kỳ lạ. Những người đàn bà Thượng quần mình trong bộ sà-rông cũ kỹ đứng ngơ ngác giữa chợ mong cho bán hết gửi củi ngo chặt lậu nơi những rừng cấm. Người cán bộ thu thuế chợ mập căng trong bộ đồng phục đi khệnh khạng qua từng sạp, vừa phì phèo điều thuốc lá cán vàng vừa quát tháo với giọng trợ trệ của người Nghệ Tĩnh. Tiếng mời chào, than thở, rên rỉ lẫn với tiếng chửi thề tục tằn quyện vào làm thành một bản hòa tấu kinh khủng, chàng không có thể hiểu được làm sao người ta có thể nghe được hàng ngày. Chàng không bao giờ có đủ can đảm nhìn kỹ một hình ảnh nào trong chợ, sợ là chỉ chậm thêm một giây nữa thôi chàng có thể bật khóc được hoặc là nổi điên lên. Nhưng Y Yut luôn luôn có vẻ mặt lạnh lùng, chỉ trừ vàng trán cau lại xa xôi. Trong

khi đi giữa những người ngồi đứng run rẩy ngơ ngác đó, chàng không dám mở miệng nói lời nào với bạn, sợ là hẳn nghe được lúc nào đó giọng mình nghẹn lại. Còn Y Yut ở những chỗ đông người hẳn rất ít nói. Và sau đó, luôn luôn hai người lại quán cà phê quen thuộc và vắng vẻ khúc gần Ngân Hàng Huyện ngồi trầm ngâm nhìn con đường đầy bụi tới trưa mới về.

Lão chủ quán có vẻ thân thiết và nể nang Y Yút lắm. Lão thường bóc nguyên một gói thuốc Đà Lạt mới ra để trên bàn mời hai người, rồi gạ chuyện hỏi thăm về giá cả cà phê hoặc trà ở nơi này nơi kia. Lão than thở về mấy cái ghế gãy chân và mấy cái bàn xiêu vẹo sắp tới ngày thay mới.

- Thời buổi này không có tiền mua gạo ăn thì lấy đâu tiền mà thay bàn ghế chứ. Bây giờ bán đâu có lời như ngày xưa. Nội cái thuế không cũng muốn sập tiệm rồi, giá “cà” cứ lên ào ào mà buôn bán nổi. Hai cậu nhìn chung quanh mà coi, riết rồi chỉ có tụi ăn trộm ăn cướp mới sống nổi thôi. Hôm nay thằng nhỏ không đi chơi hả.

Nói “cà” tức là “cà phê.”

Sau khi nói những chuyện trên trời dưới đất một chặp, lão nhìn quanh quần rồi trầm giọng xuống nói nhỏ:

- Y Yut đi nhiều có nghe chuyện gì mới ở Đơn Dương không, tôi mới nghe bà con kể là mới đụng nhau dữ dội ở đó...

Bao giờ cũng vậy, lão nhắc đến chuyện phần khởi như vậy một cách nghiêm trang như thể cần kiểm chứng nơi nguồn tin thẩm quyền là Y Yut. Hắn không bao giờ xác nhận hay phủ nhận những nguồn tin đó, mà chỉ mỉm cười nói rằng hiện nay ở Đơn Dương giá gạo đã tăng lên gấp đôi, và giá “cà” đã hạ xuống gấp rưỡi, như dường công việc kia đã có những phát ngôn viên chiến tranh lo cả.

Khi về chàng ngạc nhiên hỏi hắn sao có vẻ biết lắm chuyện, cả đến việc giá một viên Aspirin ở những nơi cách gần trăm cây số, đó có đáng để tâm gì với loại người như hắn đâu, và cả đến việc hắn có vẻ được nhiều người tin cậy giữa thời buổi hồ nghi hỗn độn này. Tên tù trưởng bật cười và vỗ mạnh vào vai chàng:

- Thịnh thoảng tao còn sống bằng nghề buôn cà phê hoặc thuốc tây hoặc bất cứ cái gì mà tao thích. Muốn có lời nhiều thường khi phải mang gùi cà phê lội rừng năm bảy chục cây số. Cho nên tất cả các vùng Đức Trọng, Đơn Dương, Quảng Đức đều hiện rõ trên lòng bàn tay tao. Vậy mà có người còn đồn là cả dòng họ tao mấy chục người đều là Folro. Vụ này nguy hiểm lắm...

Những ngày đó của chàng đã trôi qua một cách êm đềm giữa vẻ đẹp của núi rừng và những xao động của một xã hội không ai hiểu được đó. Những buổi trưa chàng nằm nghỉ trên đồi, nhìn xuống phía dưới là rẫy bắp, nghe những tiếng chim kêu lên từ bên kia núi, và hạnh phúc thấy được sự bình an trong hồn mình đang mở ra giữa một nơi hoang vắng không người. Ánh nắng trưa len lỏi qua những kẽ lá chập chòn bay nhảy một cách dịu dàng. Một vài con sóc nhỏ đang chuyển từ cành này sang cành kia chọt ngưng lại nhìn chàng với đôi mắt mở to ngạc nhiên và tò mò. Những lúc như vậy bất chợt chàng nghĩ đến: “Cuộc đời thật đáng sợ, mình đang sống giữa một thời của những kẻ điên loạn, người ta làm đủ trò để hại nhau, để tàn nhẫn với nhau mà tin rằng mình đang làm những bước thấp nhất của lương tâm mà vẫn tự hào đang ở tận đỉnh cao trí tuệ loài người. Hôm nay là những ngày của dốt nát và dối trá, nhưng còn ngày mai, ngày mai sẽ là những ngày gì nhỉ. Con người thật đáng sợ, chỉ có thiên nhiên mới thực sự là tuyệt diệu. Lời nói của con người đã trở nên những cam bẫy giữa người với người, nhưng còn tiếng chim kia, lời chim chỉ mang tới sự bình an, sự hạnh phúc, sự tin cậy”. Đôi khi chàng lưng thưng đi xuống dòng suối nhỏ dưới lưng để tắm rửa. Dòng nước trong veo uốn mình qua những chân đồi, vỗ vào những tảng đá nhẵn thín và tung lên bọt nước trắng xóa. Chàng ngồi đong đưa ngâm đôi bàn chân dưới nước để nghe sự mát lạnh ngấm vào thịt da. Có lúc chàng chọt nhìn xuống dòng nước và nhận ra

khuôn mặt tóc râu lười lỉnh của mình có một vẻ bình an đáng ghét so với nét mặt của Y Yut mà một đôi khi chàng nhận ra vẻ bất an, đau khổ hoặc ưu tư xa vắng nào đó thoang thoảng sau những nét cương nghị của hắn. Và cả những nóng nảy của hắn bộc lộ trong những cơn giận mà chàng cũng phải nhận là chính đáng. “Mình với hắn rõ ràng tương phản nhau hẳn thôi. Trong khi mình tìm hưởng sự trong sạch của lòng mình, giữa vẻ đẹp của thiên nhiên, tự hào với sự cách biệt của mình, thì hắn lại dẫn mình vào lửa bụi đem sự hào sảng vương giả chống trội với gian trá. Có phải mình đang tự nhốt trong một tháp nhà để chạy trốn chính sự hèn nhát của mình? Hình như ngay từ từ nhỏ, hắn luôn luôn có một điều gì đó để dạy mình, cả đến bây giờ nữa. Nếu mình không có trách nhiệm với mẹ già, mình có dám sống nghênh ngang một cõi núi rừng để cười tận mắt lũ điên loạn kia cho cạn hết máu me xương tủy như hắn không...”. Chàng không dám nghĩ xa hơn khi nhận ra có một chóm bồn chồn nảy sinh trong hồn mình...

Lần đó suốt một tháng Y Yut không tới với chàng. Khi chàng vào áp để mua thuốc rê và nước mắt, một vài người thì thầm với chàng là tuần trước Di Linh đã bị quân Kháng Chiến chiếm suốt 24 giờ đồng hồ. Khi họ ra chợ Huyện, những người dân sống trong thị trấn may mắn kia đã cho họ biết những chi tiết về cái ngày mà ai cũng chờ đợi đó. Một ông cụ kéo chàng vào ngôi nhà tranh xiêu vẹo

của ông và say sưa nói về những gì ông đã nghe, về những đoàn quân với y phục đủ kiểu cũ kỹ rách nát, ôm những khẩu súng đủ loại, chạy lom khom băng mình từ góc phố này qua góc phố kia giữa những lần đạn rít veo veo kinh người, và những đợt xung phong vào Đồn Công An Huyện dưới những đợt cối 60 ly và đại liên M.60 của đơn vị súng nặng phía sau như thế nào. Ông cụ lấy tất cả những thứ đang nằm trên bàn, cái ly, bình thuốc lào, gói thuốc... sắp lại thành đơn sơ đồ Huyện và lập sa bàn chiến trận cho chàng thấy. Chuyện như huyền thoại. Giọng nói yếu ớt của ông cụ nhưng dồn dập sôi nổi làm chàng vui vẻ lạ. Nhưng khi ông cụ bắt đầu nhắc tới những câu sấm từ đầu từ đầu thế kỷ và phân tích dài dòng về sự xuất hiện của Thánh Vương, thì chàng khéo léo xin phép ra về. Trên khuôn mặt những người dân trong ấp đã hiện lên vẻ vui tươi bí mật nào đó, người ta cười với nhau dễ hơn, truyền cho nhau những niềm vui bằng những cái nháy mắt, hoặc cử chỉ nào đó.

Khi về, chàng cảm thấy hoang vắng lạ lùng, một niềm vui đã đến và làm người chàng nhẹ nhẹ thênh thang, nhưng cùng lúc đó là một nỗi ân hận mệnh mông tràn ngập vào người, khi bấy giờ nhận ra rằng trước giờ mình vẫn thèm muốn có mặt trong hàng quân đó, mà vẫn luôn chạy trốn những suy nghĩ thực của mình”. Y Yut, bạn đang ở đâu bạn nhỉ, một tháng rồi đây, mình nhớ khủng khiếp, bạn đã quá độ lượng với mình, bạn đã không nói những điều phải nói với mình, đáng ra bạn phải nặng lời với mình,

thực sự mình chỉ là một thằng tòi, một thằng chết nhất”.

Chủ nhật đó, chàng ra chợ Huyện Di Linh và lại vào quán cà phê vắng vẻ của ông lão ưa than thở. Lão có vẻ ngạc nhiên khi thấy chàng chỉ đi một mình, nhưng vội đứng lên kéo chàng ngồi vào bàn trong cùng. Giọng lão thì thâm sôi nổi:

- Hôm nay Y Yut không ra ngoài này chơi hả?

- Hôm nọ mấy người anh em chơi một cú đẹp quá. Giờ này chắc tụi nó còn sợ toát mồ hôi đó. Không có một chỗ nào mà không nổ. Tôi còn nhớ rõ từng chi tiết một. Anh nhớ dặn hai anh em Y Yut đừng ra Di Linh nữa, người ta nhận diện rồi đấy. Hôm ấy tôi chỉ thấy thằng em thôi. Nó với một tên Thượng nữa leo lên nóc Ngân Hàng Huyện nằm chia sủng xuống đường gác. Trời ơi, còn anh em Kinh mình nữa, ấy sao tôi lại kể những nhện thế này nhỉ, không chừng hôm ấy anh đứng ở đâu đấy mà không ai thấy...

Chàng thoáng thấy chút hãnh diện cay đắng:

- Đừng nói tầm bậy, ông thầy. Thôi tính tiền để tôi đi.

Lão bút rút, nói lấp bắp:

- Ấy, sao tính tiền được. Lâu lâu gặp anh tôi mời mà
- Lão trầm giọng xuống – Nhớ cho tôi gửi lời thăm
anh em Y Yut nhé.

Chàng đặt vội tờ giấy bạc xuống và bước nhanh ra đường. Một toán Công An áo vàng đang chặn xe đồ chơi đầu phố vào Di Linh, mặt mũi quạu quọ bước lên từng xe, nhìn kỹ mặt từng người một rồi lục tung từng giỏ xách, ném qua cửa sổ những gì mà chúng thấy không vừa ý lẫn lóc xuống đường. Một vài thanh niên không giấy tờ ngồi co ro dưới gốc cây chờ bị giải di, phía sau là một tên Công An đứng chia lăm lăm khẩu AK mặt đanh lại. Xa hơn nữa là một tốp Kiểm Soát Quân Sự đứng nhìn người qua lại.

Dân chúng đi vội vã trên phố, mặt lạnh như tiền đứng dừng nhìn về phía trước, nhưng trong những đôi mắt nhẵn lại vì cơ cực đã không giấu được vẻ khoái trá. Trong không khí như dường có một luồng điện làm vui hơn những ngày của họ.

Vài hôm sau Y Yut đến với chàng, bây giờ đã khuya thật khuya. Hắn không mang chiếc gùi và cây xà gạc như thường lệ, mà mặc một chiếc áo field-jacket nhà binh bốc mùi cũ kỹ và xách khẩu M16 gọn gàng trong đôi tay không lờ. Hắn kéo chàng ra ngoài, ánh đèn dầu hắt ra làm hiện lên nụ cười muôn thuở, thân mật và hào sảng. Y Yut phát mạnh tay làm tắt đèn rồi thì thầm bảo chàng theo ra góc rừng nói chuyện.

Gió đêm thổi ù ù vào tai, hơi lạnh từ vách núi và cây rừng ngấm vào làm chàng se thắt cả thịt da. Tiếng côn trùng rả rích dưới cỏ vang lên khắp hướng. Họ dò dẫm đi trong bóng đêm và ngồi xuống một góc rừng gần nhất nhìn được về hướng ngôi nhà. Hấn còn nói nhỏ với chàng, giọng ân cần nghiêm trang, không còn giữ được tiếng xưng hô mày-tao trong lời và nhìn thẳng vào mặt nhau như thể bóng đêm không che được chân dung của bạn mình:

- Bây giờ, anh em đang cần tới bồ giúp chút chuyện.

- Được, mình không từ chối bất cứ điều gì bạn bè yêu cầu nói chi tới những việc đáng làm như vậy...

Chàng đã trả lời với giọng nhỏ và rõ ràng. Đây là lần đầu tiên trong đời, chàng và Y Yut nói chuyện với nhau và không giữ được tiếng xưng hô mày-tao trong lời. Hai anh em nhìn thẳng vào mắt nhau trong bóng đêm như đang nói chuyện với một con người mới vừa được sinh ra trong bạn mình. Giữa hơi lạnh cắt da của đêm cao nguyên, họ nghe được hơi ấm trong giọng nói bạn mình như dường được thốt lên từ những nụ cười.

Chàng bắt đầu công việc từ lúc đó. Với bộ giấy tờ nửa giả nửa thật từ một cơ sở trên chợ Hòa Bình, chàng trở thành một cán bộ của công ty dược phẩm Đà Lạt. Mỗi tuần chàng về chơi với mẹ ngày Chủ

nhật như những công nhân viên khác của chàng là những ngày để nhìn thấy tận mắt lòng can đảm của mình và cả nhiều khi là những tình cảm run sợ của mình. Sau vụ Di Linh, một số anh em bị lộ diện nên phải rút vào rừng. Điều này làm cho nguồn cung cấp thuốc tây bị ảnh hưởng. Chàng có nhiệm vụ từ các cơ sở còn lại chưa bị động từ Sài Gòn dọc lên Đà Lạt tổ chức lại đường dây này. Vấn đề quan trọng là làm sao trong trường hợp có người nào bẻ, chỉ có thể bị kết tội buôn lậu chứ không thể bị nghi ngờ xa hơn.

Chàng đi ra thảo nhiên như thường lệ, nhưng thực sự có chút gì lo ngại đã đến. Đụng nhau là chuyện thường thôi, nhưng với những người bạn mới người Rhadê ở đó mà đụng lớn là chưa nên. Còn Y Yut nữa, hắn đang ở đâu, lâu lắm chàng chưa có dịp gặp hắn. Hắn là hắn phải nóng ruột lắm, hắn không có thói quen bỏ một người bạn nào trong nơi nguy hiểm cả, huống gì tới anh em Rhadê vừa chiêu nạp về Buôn Hồ.

Một buổi tối Chủ nhật, lúc bảy giờ đã khuya thật khuya, đứa em của Y Yut tới chàng. Thằng nhỏ từ bóng tối hiện ra trước mặt, nắm lấy tay chàng và không nói không rằng kéo đi dò dẫm vào góc rừng. Nơi đây có một người đang chờ sẵn, hắn bắt tay chàng và siết chặt, đúng là một cái bắt tay của người Kinh ở thành phố. Thằng em Y Yut nắm lẩn ra cỏ, kéo khẩu M16 gác lên đùi chia về hướng ngôi nhà và con đường mòn.

- Y Yut đã chết rồi...

Gió vẫn thổi lạnh buốt cả tim. Chàng nắm chặt bàn tay lại, những ngón tay bấu chặt vào lòng đất siết lấy cỏ và cát. Thằng em Y Yut nấc lên một tiếng ở bên kia. Chàng cố lấy giọng bình thường, nhưng lời đã lạc hẳn đi và nghẹn lại.

- Xin anh cho biết rõ hơn.

Chàng nghe mơ hồ từng lời của người bạn kia. Có vì sao nào đã tắt đêm qua và tất cả các trăng sao đêm nay đã cùng nhắm mắt lại để không phải nhìn thấy nỗi đau đớn của mình. Người bạn kia vẫn kể lại, lời vẫn bay lên xa kia về khắp các chân trời đã trở nên xa lạ. Kỳ trước, Y Yut đưa anh em Rhadê từ Ban Mê Thuộc về Buôn Hô cho anh em sĩ quan mình huấn luyện rồi lại về Quảng Đức ở với lực lượng sắc tộc ở đây... Chàng đang nhìn thấy ngọn núi Voi chẻ ra làm đôi và gã tù trưởng lạ lùng đã lừng lững đứng lên rời cuộc chơi đi vào hang núi... Khi có tin tình báo từ Quảng Đức là ở đây tụi nó hành quân hỗ trợ cho một cuộc tấn công lớn vào Buôn Hô, Y Yut cấp tốc kéo một đại đội chạy về mong tiếp cứu anh em... Rồi ngọn núi Voi đã khép lại chỉ còn tiếng chiêng công từ các khe núi vang lên, rừng cây cũng mọc cao thêm nghìn thước để che lấy đứa con... Người ta kể là Y Yut nóng ruột lắm – giọng người bạn vẫn mơ hồ thoảng đi trong gió – bấy giờ tôi là người

huấn luyện ở đây. Y Yut đã tới kịp, anh ta đã cho quân chạy suốt khoảng đường không nghỉ, đức là một kỷ lục đáng sợ, chưa ai dám cho quân chạy trong rừng như vậy, người Thượng rất khỏe, vậy mà cũng có một hai anh em muốn lăn ra xỉu... Kia là một ngàn con voi đang quỳ xuống giữa rừng già để chờ con voi chúa rống lên tiếng trống cuối cùng, rồi hân hoan chạy sâu vào rừng thăm, ôi con voi chúa mà đôi lần chàng là bạn... Trận chiến diễn từ chiều đến tối, tụi nó xua quân vào nướng không hở một giây nào cả. Mình phải cận chiến, thật chưa ai chiến đấu như anh ta. Đêm xuống thì mình rút... Có trận cười hào sảng của hấn từ đỉnh núi vọng xuống, thật chưa ai cười được như vậy... Y Yut bị thương từ sợi tóc cho tới móng chân, khắp người là máu và máu nhưng không rên rỉ một tiếng nào cả. Chúng tôi phải thay nhau dìu anh đi... Chàng quay mặt nhìn ngang đi nghe từng giọt lệ ứa ra làm ẩm đôi gò má. Có tiếng nấc bên kia của thằng em... Anh ta hôn mê nhiều chập trên đường về, trước khi chết có chỉ lên một cành cây xin táng treo. Tôi xin đem anh về trại, nếu có chuyện gì thì sẽ táng bình thường như những người lính Kinh, nhưng anh lắc đầu từ chối. Tất cả những anh em Thượng quỳ xuống bên xác anh và khóc... Rừng cây dần biến thành sa mạc, vó ngựa cuốn tung bụi mù trời cát tiếng rống tìm người kỵ binh rồi mệt mỏi nằm xuống trên đôi cát giữa trận gió mùa xưa thổi về. Và da ngựa đã bọc thây, không một lời, không một lời của sa mạc... Khi buộc xác anh tất cả chúng tôi đều khóc, không ai dám ngừng

đầu nhìn anh đang từ từ lên cao. Tất cả các buôn Thượng đều đốt lửa lên, đánh chiêng cồng và gọi tên anh mà khóc, từ người già trán nhăn má hóp đến em bé vừa biết xách xà gạc theo mẹ vào rẫy. Chàng như không nghe được nữa. Biết anh là bạn thân của Y Yut nên...

Chàng quay qua ôm lấy đứa em của Y Yut, sương đêm buông xuống lạnh khắp lưng đời. Gió thổi ào ào như bất tận. Ngày rồi sẽ qua đi, đêm rồi sẽ qua đi, nhưng có những khuôn mặt sẽ mãi in đậm trong chàng. Có những người dù chỉ gặp được một ngày nhưng chàng sẽ không quên suốt một đời, dù chỉ nói một lời nhưng chàng sẽ mang ơn suốt một đời... Ở ngoài xa kia vẫn chưa có vì sao nào mọc lên, chàng ghì chặt lấy đứa em của Y Yut giữa bóng đêm. ■

NGƯỜI BẠN Ở TRẠI ĐẢO

Ở đây, đôi khi nhận được thư của Trân, tôi không biết nên trả lời thế nào. Những bức thư thường thì hết sức đơn giản, dài không hơn một trang, phần đầu kể sơ về tình hình trên đảo, phần sau hỏi về chuyện lớn bên này ra sao. Điều thứ nhất dễ khó trả lời là tôi không đang làm chuyện lớn nên chẳng biết gì để nói. Tôi vẫn tin là người ta không thể nào nói một cách nghiêm chỉnh đảng hoàng về bất cứ một vấn đề gì mà chỉ là một người quan sát chứ không là một người đang nhập cuộc. Khi chúng ta nhìn từ ngoài thì cũng dễ có chút khách quan, nhưng những thái độ đó hình như trước giờ chẳng thay đổi được chút gì của lịch sử cả, không may mắn nào cả. Nếu người ta cứ ngồi nhìn và nói suốt cả đời thì đó chính là tự nhiên thôi miên mình, có gì thay đổi chẳng là dễ thấy cay đắng để quay lưng. Và tôi vẫn tôn trọng những người dân thân hơn, dù là họ có chủ quan hay

ngay cả sai lầm lớn lao đến thế nào đi nữa, tất nhiên là trừ những vị xem việc làm chuyện lớn đó cũng không khác gì việc mở gánh hát xiếc. Khách quan, đó là việc của nhà khoa học chính xác. Còn chủ quan, đó là việc của nhà khoa học chính xác. Còn chủ quan, đó là việc của các nhà cách mạng hoặc các tay nghệ sĩ. Và tôi không thể nào trả lời Trân về điều gì mà tôi không biết rõ. Đôi lần tôi cũng viết cho hắn, đại khái như, nếu chúng ta không muốn vấp ngã hoặc sai lầm trong đời thì ở ngoài này sẽ toàn là những đứa con tòi của dân tộc mà không trải qua vấp ngã. Một con chim đại bàng đưa cả bầy bay vẫn đáng tôn trọng hơn một con gà vẫn ưa ngửa cổ phê phán về các đường bay.

Điều thứ nhì để lười trả lời là tôi hoàn toàn không có năng khiếu viết thư. Những bức thư nào gọi là được thì cũng chỉ dài bằng ba lần một bức điện tín. Điều này nhiều phần ảnh hưởng do tính ít nói của tôi. Thư hay nói chuyện chỉ có nghĩa là trao đổi những tin tức cần thiết. Mà tất cả những điều vớ vẩn trên đời, dù là bệnh nặng gần chết hay đụng xe tan xương, với tôi, lại dường như không có nghĩa nào cần thiết cả. Tất cả những tai nạn đó ngay cả dồn đến xảy ra cho tôi chỉ trong một ngày cũng không đáng bận tâm so với những triệu người đã chết đói ở Ethiopia hay năm mươi triệu người đang đau khổ ở quê nhà. Vậy mà hồi đó tôi đã hiên ngang nói với Trân, cứ bình tĩnh từ từ chờ thư của tao, tao qua đó sẽ dòm ngó mọi chuyện tới nơi tới chốn rồi anh em mình sẽ hú nhau làm việc. Nhiều tháng đã qua rồi, hình như hắn

vẫn kiên nhẫn chờ lâu lâu lại kèm theo những bức thư thúc giục chí tình thăm hỏi tình hình này nọ, và tôi lại càng ngại ngùng thư tín. Ngày tháng ở trại ty nạn, tôi biết, thường thì có vẻ như dừng lại vì người ta không biết bất cứ điều gì đang xảy ra ở ngoài cả. Có lần Trần còn viết, bây giờ mình là người ty nạn nhưng sẽ tới lúc mình là người đi làm cách mạng. Và sau những lần đọc như vậy, tôi lại càng thư tín ngại ngùng hơn nữa. Đối với những người em trong đời mình gặp thì việc trả lời tương đối dễ dàng hơn, viết cho đúng sách vở thì là, tuổi em còn nhỏ bây giờ cứ lo học đi đã, tới một lúc anh em mình sẽ kiểm việc gì để làm cho có ý nghĩa, ừ, để anh coi, đừng hấp tấp. Dĩ nhiên là khi viết như vậy, tôi cũng phải dặn dò thêm, nhưng em phải nhìn cho đúng cái việc học tập của một người ty nạn như em, phải thấy được là một vị Tiên Sĩ Không Gian cũng ngang với một chàng cắt cỏ vì tất cả đều đang trở nên xa lạ với những khổ đau của dân tộc, đều đang đứng ngoài các cuộc vận động cách mạng của dân tộc. Tất cả đều đang làm giàu cho nước người và dĩ nhiên là cho riêng mình nữa. Kể ra thì nhìn vậy có hơi hẹp hòi, nhưng lòng mình hẹp thì không nhìn rộng nổi. Nhưng với những người bạn thì khác hơn, tôi không thể khuyên như vậy được, vì họ cũng chính là phần nào của mình, cũng là một tấm gương soi mặt mình, chính mình phải thúc giục họ cũng nhiều như họ phải thúc giục mình. Đưa mình vào một lầm lẫn, không có gì phải hối tiếc nếu mình đã sống trọn với tâm lòng trong sạch của mình, nhưng nếu đưa một

người em vào nơi làm lần thì thật đáng ân hận, vì nhiều khi người ta làm việc chỉ vì tin vào một người anh nào đó. Nếu như Trân đang ở đây với tôi, hẳn là dễ nói hết lời hơn.

Trân lên đảo vào những ngày tôi sắp định cư. Lúc bấy giờ là mùa xuân hay hè gì đó, tôi thường không có ý niệm chính xác về thời gian, chỉ nhớ là lúc đó đêm thì lạnh hơn ngày một chút, và ngày thì nóng hơn đêm cũng nhiều. Ở trại, người ta đo thời gian bằng những đợt người đến và đi. Kiểu như tháng này bao nhiêu sẽ ít người đến, hay là sắp tới tháng ba bà già đi biển. Và cứ mỗi một tháng rưỡi là có một đợt ồ ạt bay qua Mỹ, chẳng hạn như vậy. Trân và tôi có nghe về nhau từ những người bạn chung lúc cùng một trường Trung Học. Tuổi trẻ hồi đó ưa nói về nhau theo những kiểu chơi chữ chưa có những quan tâm xa hơn. Thí dụ như thằng này chơi được, thằng kia du côn, thằng nọ văn nghệ, thằng khác chơi bản vân vân. Điều làm cho chúng tôi dễ gần nhau, nể nang nhau là những tên bạn thân của tôi lại là bạn thân của hắn. Duy có điều khác biệt là hắn thuộc loại thích sống hùng, tình nguyện vào lính từ rất sớm, còn tôi lại thích nói chuyện thơ thân lãng nhãng, dù là thơ tôi hồi đó không có báo nào chịu đăng. Bây giờ cả nước đều đang ở trong những xáo trộn lớn, người ta không thể làm một cái gì mà cảm thấy bình yên được. Hẳn là Trân đã đi lính theo bản năng của hắn, vì lúc đó hắn còn rất trẻ khi vừa xong Tú Tài, có tiếng nói nào đã giục giã không thể nào

không đi được. Còn tôi thì lại trốn lính một thời gian cho có vẻ thời thượng văn nghệ, điều này như có chút gì lãng mạn bất cần đời. Tuổi trẻ thường ưa thích phản kháng, mà những tên tự cho mình là thi sĩ lại biết cách phản kháng tất cả, kể cả những điều mà hẳn hoàn toàn không biết gì hết. Và lại lúc bấy giờ chủ nghĩa Mác đã được đưa vào trường Văn Khoa. Tôi tin đó là một thời nhiều hạnh phúc nhất cũng như nhiều đau khổ nhất trong tuổi trẻ bấy giờ vì hình như không bao giờ tôi nghe được một quan tâm nào về việc làm cả, mà chỉ có một quan tâm duy nhất là vận nước thôi. Hoặc tệ hơn nữa là quan tâm về việc làm thơ tán tỉnh lãng nhãng như tôi.

Một thời gian sau 75, đa số đều phải lặn ra via hè để kiếm sống, nhiều người lại không thể cư ngụ trong chính ngôi nhà của họ. Nếu ở nước nào khác, điều này hẳn là cả một vấn đề, nhưng ở nước mình thì chỉ là một tất yếu của lịch sử, nói theo kiểu Hà Nội. Khi Trần đi cải tạo về thì cũng vậy, tôi biết hẳn phải đi ngủ nhiều nơi khác nhau vì những lý do nào đấy. Đó là những chuyện nếu người ta không tự nói ra thì chúng ta cũng không nên mở miệng hỏi đến. Và lại, một chỗ ngủ, thực sự không còn là điều gì đáng bận tâm nữa, dù là nó đang xảy ra cho chính mình, giữa lúc nước mất nhà tan này, nếu có phải bận tận chẳng thì cũng là chuyện sau 9 giờ đêm. Những người ở ngoài này hoàn toàn không thể ý thức một cách rõ ràng về điều này, một người đang sống ở ngay trên đất nước mình mà mỗi đêm vẫn phải băn khoăn tự

hỏi có chỗ nào ngủ được cho qua đêm nay không. Đất nước thật mênh mông mà không có mấy chỗ an toàn để gói đầu. Tôi biết hoàn cảnh Trân lúc bấy giờ vì lần đó, Nhật, một người bạn khác của tôi và Trân đến nhờ tôi tìm chỗ ngủ cho Trân. Lúc đó là mười giờ đêm. Những lời nhờ vả như vậy hoàn toàn không cần một lời giải thích, ở nước mình có hàng trăm ngàn người tỵ nạn thường trực như vậy. Vả lại không ai có thể giải thích chuyện gì cho rõ ràng khi đứng trong bóng đêm nói chuyện vội vã như vậy. Nhật, tên này cũng quái lạ lắm, chưa bao giờ có thể chúng tỏ được sẽ là một nhạc trưởng dài 15 năm ở Ba Lê. Tôi không biết thật có khóa học nhạc trưởng dài 15 năm ở đó không hay là hẳn nghe tên nhạc sĩ nào vẽ chuyện, nhưng tôi nhớ là hẳn vẫn không thôi nói đến khóa học đó dù là lúc đang làm thợ hồ. Xi măng, cát gạch vẫn không thể nào làm chết đi được tâm hồn nhà nghệ sĩ đó. Cuối cùng thì Nhật đã trở nên một tay chuyên tổ chức các buổi recital bí mật hát nhạc chống Cộng. Rồi cũng tới một lúc, Nhật cũng đã phải tự đi tìm chỗ ngủ cho chính mình hàng đêm như vậy.

Gặp lại Trân trên đảo, chúng tôi nói nhiều chuyện về chuyện nước. Những tin tức đến trại qua thư bạn bè hay báo chí thường là những tin tức đã được chọn lọc. Khéo vậy. Hình như tất cả những người bạn ở ngoài đều thỏa thuận là không nên để bọn còn ở trại tỵ nạn bị quan. Những người tỵ nạn hình như đều có một bệnh chứng tâm thần nào đó, cứ từ từ nghỉ ngơi

đã, những con khủng hoảng chưa qua hết đâu. Thật sự thì rồi sẽ chẳng có cái gì là qua cả, nếu người ta không chịu bắt tay vào làm việc. Nhưng vấn đề lại đặt ra là làm cái gì bây giờ.

Khi thấy Trân có lúc bần khoản, tôi đã hiên ngang nhắc lại một câu nói của Baden Powell mà hẳn là nhiều người đã quên: “Nhiệm vụ của chúng ta là phải xóa đi chữ bất ở trong chữ bất khả.” Nói hung hăng, đó cũng là cái bệnh dù là nói thật lòng đi nữa. Điều tốt hơn hết vẫn là cứ làm mà chẳng nói gì cả. Nhưng hình như không có mấy người chịu làm mà chẳng nói gì cả. Nếu cứ như vậy thì làm thơ tình hẳn là có lúc có chỗ xài. Mà cũng nhiều hứng thú nữa. Đó là tôi đã nói với Trân trong một kiểu cắn đắng vậy thôi. Chứ đã là một người tỵ nạn thật sự có nhiều điều không thể quên được. Một người đã không thể tìm được chỗ nào an toàn ở quê nhà và rồi cũng sẽ không thể tìm được bình yên cho tâm hồn ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Quê hương, nơi chúng ta đã sinh ra, đã lớn lên, đã áp ủ chúng ta trong lời ca dao mật ngọt, nay đã trở thành những vòng kềm gai được tô son chuốc phấn. Làm sao quên được... Trân đã tâm sự với tôi như vậy. Người nẹ đã cho chúng ta thân xác, nhưng quê hương đã cho chúng ta tất cả những gì mà người mẹ không thể cho được. Và nếu chúng ta không thể quên được quê hương vì nó cũng đã hòa lẫn vào máu thịt tình cảm không thể bút rời được. Người ta có thể chạy trốn vào những cuộc vui chơi, có thể quay lưng để bước

vào tất cả những trò vớ vẩn trên đời, nhưng rồi tới một lúc cũng sẽ nhận thấy họ không thể nào bút rời được quả tim ra khỏi thân xác mình. Làm sao quên được... Ôi quê hương, những gì đã từng là hạnh phúc và cũng là những gì đã từng đau khổ của chính mình. Ôi quê hương, làm sao quên được những gì đã một thời là người mẹ và người cha, không, không phải một thời mà còn là suốt đời nữa. Nó vẫn không thôi thì thầm trong ta, khuyên nhủ, giục giã và cả khóc trong ta, mà chúng ta không nghe, không muốn nghe và sợ phải nghe.

Trân nhắc cho tôi vài chuyện quê nhà. Những người đi sau thường có thói quen này. Họ sợ những người đi trước họ dù chỉ mới vài tuần hay vài tháng có thể quên đi những chuyện đang xảy ra và sẽ còn xảy ra ở quê nhà. Họ cảm thấy phải nhắc nhở, phải nói lên, phải lay tỉnh nếu không thì những người đi trước quên mất. Trân nói và tôi kiên nhẫn nghe chính những chuyện mà tôi đã biết. Bạn cứ nói hết đi, nói cho cạn lời đi, rồi bạn sẽ thấy không có lời nào đủ cả. Vì những người đã có kinh nghiệm rồi có khi họ còn cảm nhận thâm sâu hơn hạn, còn những người chưa kinh nghiệm sẽ không bao giờ hiểu được, làm thế nào mà người lại sợ đến vậy. Không ai có thể hiểu được rõ ràng nếu họ không từng 11 giờ đêm đứng giữa những ngã tư đường quê nhà mà băn khoăn, đêm nay phải đến nhà thằng bạn nào ngủ cho may ra yên ổn được một đêm. Thật là khó để giải thích hết những chuyện của nước mình. Cũng khó

như phải giải thích sự khác nhau giữa các màu sắc cho người mù từ sơ sinh biết. Có những cảm giác khó nói lên được, thí dụ như cái cảm giác lạnh người khi nghe tiếng xe Honda 67 xà sát bên mình vào một đêm nào đó. Lúc bấy giờ lại phải dài dòng thêm là Công an thường dùng loại xe này, hoặc là phải giải thích thêm về phương pháp bắt người trên đường phố của họ thế nào. Thật sự là mệt giải thích thêm về phương pháp bắt người trên đường phố của họ thế nào. Thật sự là mệt để nói nhiều như vậy, mà chúng ta cũng chưa thể tin được là người nghe có thể cảm nhận hết được. Nhưng không nói ra cũng là một tội. Nhưng chỉ nói không thì rồi cũng vô ích. Và lại nếu nói không tới nơi tới chốn được thì người nghe đôi khi có thể nhún vai phê bình, vẫn còn thua mấy phim xi nê về bọn Đức Quốc Xã. Họ không thể biết là khác nhau nhiều lắm, Trân nói, không có sự sợ hãi nào giống được với sự sợ hãi nào. Phải làm sao cho họ thấy được sự sợ hãi đã gặm mòn tâm hồn những người dân gầy còm ở nước mình thế nào, tới cái độ họ phải nói lên một lúc nào tuyệt vọng đó, cùng lắm là chết thôi chẳng còn gì hơn đâu. Nhưng hình như ở đâu cũng vậy, người ta không dễ mà chết, dù là ngay cả đang ở đang ở trong tù cũng vậy. Người ta vẫn phải sống để nhìn thấy những khúc xương trong người lộ dần ra khỏi làn da. Có những lúc cảm giác sợ hãi như đã làm đứng lại mạch máu trong người mình, và đứng lại cả dòng thời gian trước giờ vẫn trôi trước mặt họ. Ôi quê hương, những gì mà chúng ta yêu thương bằng cả tâm hồn

và thân xác, lại luôn luôn là những gì mà chúng ta đau khổ hơn cả.

Tôi kể cho Trân nghe đôi chuyện ở trên đảo. Trước tiên là một số luật lệ của Cảnh sát Nam Dương để giữ trật tự cho trại. Họ cũng đã một thời bị khuy nh đảo với những âm mưu Cộng sản nên bây giờ còn biết sợ. May mà họ còn biết sợ. Nếu không thì cả một vùng biển không biết dân mình phải tấp vào đâu. Những người tốt bụng trên thế giới thường có đức tính dễ quên và dễ tha thứ, điều này có vẻ nhân bản và văn chương. Nhiều người tin đức tính dễ quên và dễ tha thứ của một con cừu có thể cảm hóa được một con cọp. Có thật vậy không. Có nhiều người có thể tin được điều đó nếu đừng đẩy họ vô chuồng cọp. Đó lại là một trong những căn bệnh bất trị. Để chống lại một căn bệnh, người ta không nên dùng một căn bệnh khác. Đáng lý ra họ phải thấy rõ là nếu vi trùng đỏ không thể đỏ đã không thể bẻ gãy được đôi chân chúng ta thì nó cũng đã len vào tim hàng triệu trẻ em ở quê nhà. Hẳn là cần có một phong cách làm việc nào đó thích hợp hơn. Nhưng cách làm việc khiêm tốn, âm thầm không có bao nhiêu người thích. Hình như người Cộng Sản không làm việc ồn ào gì lắm, và họ đã găm từ nước này đến nước kia.

Trân nói, tôi có nghe một thằng nói bạn có tư tưởng Việt cộng khi dám viết là trên đảo này không có hoa mai và gọi ám chỉ chỗ nào cũng toàn là trứng chí.

Tôi trả lời, tôi muốn biết sau này những tay như vậy họ qua tới Mỹ họ sẽ làm gì, có trở thành những nhà cách mạng trọn đời lo cho dân tộc không, hay rồi thăng nào đi rồi cũng trở thành những tên thợ điện hay cao hơn nữa là kỹ sư. Nếu vậy nước Mỹ hẳn là phải cảm ơn dân tộc mình lắm. Cuộc đời vẫn ưa như vậy, người ta không chịu nghe và hiểu hết những gì mà họ đang nói dù là họ không hiểu họ đang nói cái gì. Tôi lại kể cho Trân nghe về những báo cáo Cao Ủy về tỷ lệ phá thai, mãi dâm... trên đảo. Nhiều người thật sự kỳ lạ. Họ nghĩ là họ tỵ nạn, nghĩa là rời bỏ quê hương cũng là phải rời bỏ luôn cả những vẻ đẹp mà quê hương đã ký thác nơi họ, Họ không chịu nghĩ là để gìn giữ những vẻ đẹp đó mà biết bao nhiêu người con ưu tú của dân tộc đã làm việc, đã chiến đấu, đã hy sinh và đang còn hy sinh. Cái giá để làm mất đi vẻ đẹp đó thật sự là rẻ. Nhưng cái giá để tạo ra nó thật sự là vô giá. Nó còn là tượng trưng cho cả một nền văn hóa dân tộc đang lưu chảy trong người chúng ta. Một đêm nào về khuya đây, khi chúng ta về úp mặt vào gối, nhớ đến gia đình, nhớ đến đôi người bạn đang ở tù, nhớ đến những ngày thơ ấu chạy đùa trong nắng quê hương và tất cả những gì đã làm chúng ta trở thành chúng ta, đôi khi chúng ta còn nghe được những tiếng hú vang vọng từ những đỉnh núi Phong Châu của Lạc Long Quân từ 4.000 năm vẫn làm sôi lên từng cuộn máu trong người. Là người tỵ nạn nghĩa là không có cái gì là của mình hết, ngay cả chính sinh mệnh cũng đã từng không là của chính mình, nhưng cũng chính là người

đang mang đi, đang gìn giữ những vẻ đẹp quê hương mà những vẻ đẹp này đang bị xóa dần đi ở quê nhà. Sứ mệnh cũng thật là thiêng liêng, nếu chúng ta thấy được. Đó là chưa nói tới trách nhiệm gay go hơn mà dân tộc có quyền đòi hỏi nơi chúng ta. Trân nói, cứ để những người đã chết họ múa tự do trong nhà mồ của họ, còn chúng ta phải đi lo chuyện tìm một ngày mới cho dân tộc. Được lắm, nhưng chúng ta phải khởi đầu công việc như thế nào. Trân nói, bạn đi trước hẳn là phải biết rõ hơn tôi nhiều chuyện. Bây giờ thì tôi biết là, chẳng ai biết rõ mọi chuyện ngoài này cả, mọi chuyện đã xảy ra làm sao ấy, có nhiều phần khởi, nhưng cũng không kém buồn bã. Nhưng lúc ấy tôi nói với Trân, trước tiên là bạn vào tờ báo Tự Do ở đây mà làm việc, hẳn là có nhiều thích hợp và hứng thú. Công việc này trên đảo nhiều thặng bon chen lắm vì lương cũng khá cao. Sau nữa, tôi nhớ ngày xưa bạn ở Thiếu Đoàn Tây Hồ vậy thì chơi Hướng Đạo lại coi mấy đứa nhỏ sẽ nhẹ lòng hơn. Nói chung thì ở đâu cũng đang cần người làm việc cả, mà chịu làm việc thì không có mấy, mà người làm việc đàng hoàng lại càng hiếm hơn nữa. Còn nếu thích thì đi thông dịch cho phái đoàn. Bạn từng ở tù rồi thì biết người ta có thể giết nhau chỉ vì một cục đường tán, ở đây thì không tệ như vậy, nhưng những hình thức vẫn đang tiếp diễn trong họ mà chính họ cũng chưa nhận ra. Tôi tin là bạn cũng một ưu tư là phải làm sao cho trẻ em xa lìa tất cả những điều hư hỏng. May mắn thay cho những người từng có một thời thơ ấu tuyệt diệu. Tuổi thơ ở

nước mình bây giờ không còn có hạnh phúc đó nữa, tất cả đang được huấn luyện để trở thành đồ tể thiện nghệ. Nhưng ở đây mình phải nuôi các em bằng thi ca và âm nhạc, chẳng hạn như vậy, đó chỉ là một kiểu nói thôi mà người ta phải hiểu nhiều hơn nữa. Nghĩa là, đại khái như là, vấn đề không phải ở chỗ chỉ đơn giản xóa đi những bài ca căm thù nhảm nhí của Cộng sản trong trí nhớ các em, thay vào đó bằng các bài ca tuổi thơ vui tươi, yêu thương và nhân đạo; mà chính thật phải làm sao cho các em có thể lắng nghe và nhận ra những âm thanh chân thật từ trong tâm hồn yêu mến thiên nhiên, quê hương và con người, từ chính trong tâm hồn các em. Thế hệ của tụi mình phải trở thành lời chúc mừng cho những thế hệ hạnh phúc mai sau. Bạn tin là được không. Có thể được lắm. Mình phải làm sao cho tuổi thơ có thể nghe được trong chính dòng máu các em là những lời thiết tha, chân thật nhất của dân tộc. Không phải tỵ nạn có nghĩa là đứng lên rũ áo mà đi và quên thôi. Không, không phải vậy. Vẫn còn đuổi theo chúng ta và ngay cả các trẻ thơ là tiếng sóng Bạch Đằng cuộn cuộn giữa hai buổi triều dâng, dù là có chạy tới đâu đi nữa, người ta có thể trốn được tất cả, nhưng họ không thể trốn được chính mình. Tất cả những dòng thác quê hương vẫn âm ỉ trong chúng ta, nào, Trần ơi hãy làm sao cho trẻ thơ tỵ nạn có thể nghe được tiếng quân hò reo của chiều xung trận Đống Đa, hãy ngồi với các em bên ngày sắp lên quanh tiếng lửa đêm tí tách và kể chuyện nước mình, hãy cho những bước chân mới lớn trở thành bước chân của những

hiệp sĩ ngày mai. Và nhiều nữa, tôi nói về những ước mơ của tôi, về những việc phải làm... Và dĩ nhiên, nếu mình không chết bất ngờ vì những lý do nào đó, thì cuối đời, cỡ 60 tuổi chẳng hạn, thì phải khẩn cấp ngồi Thiền để thấy Tánh chứ không thì chẳng biết kiếp sau về đâu...

Ngày tôi định cư thì Trân làm một lúc tới ba việc. Ít người có thể gồng lắm vậy. Hấn vừa thông dịch cho văn phòng JVA, vừa là phóng viên báo Tự Do, và là một Hướng Đạo sinh. Để tìm một việc làm nào có thể gọi là có ý nghĩa cho dân tộc thật sự là khó trong thời đại này. Nếu có người nào tin là họ đang làm những việc có ý nghĩa nhất cho dân tộc, chúng ta có thể sợ là, họ đang làm hư hỏng cho những công việc kia, hay ít nhất cũng là sắp làm hư hỏng chính con người của họ. Làm cái gì cho có ý nghĩa, thật sự là khó. Có những công việc đem hào quang đến cho người làm nó, nhưng cũng có những người sẽ đem hãnh diện đến cho công việc. Làm sao từ những việc tầm thường nhất, chúng ta đều làm với cả một tấm lòng khiêm cung và tận hiến. Phong thái làm việc nhiều người ở các trại tỵ nạn hình như không mấy được như vậy. Tôi tin rằng, muốn làm ý nghĩa hóa sự hiện diện của mình. Có nhiều người họ chưa làm việc, chưa chạm tay vào bất kỳ cái gì gọi được là công việc, nhưng tiếng nói họ đã âm ỷ khắp nơi về sự đóng góp của họ, khuôn mặt họ đã hiện diện khắp chỗ mà người khác có thể nhìn tới. Dường như nếu không có ai nhìn thấy họ đang làm việc thì họ không

còn chút hơi sức đâu làm được, dù đó là việc họ mới dự tính sẽ làm. Vả lại, để làm vắng mặt đi cái sự có mặt của mình không phải là dễ. Tôi còn nhớ đã nói chuyện với Trân nhiều về những điều này, và đã ngạc nhiên thấy hẳn cũng cùng một suy nghĩ với mình nhưng từ một nguồn khác. Tôi nói như khi nghe thầy tôi giảng kinh Bát Nhã. Còn Trân nói theo từ một nguồn suối của một dòng thần bí Ki Tô. Hẳn là tất cả rồi sẽ gặp nhau ở trên những đỉnh cao nào đó. Bây giờ thì tôi đã tin thật vào điều đó. Nếu không, thì Thượng Đế, nếu có, đã lừa gạt con người biết là bao nhiêu khi đã cho hiện diện quá nhiều tôn giáo như vậy. Những lần nói chuyện về tôn giáo với các bạn tôi ở quê nhà. Hình như đau khổ đã hướng người ta nhiều đến tôn giáo đã mọc lên vững vàng hơn bao giờ hết trong tim đồng bào. Hình như rồi sẽ không có đau khổ nào là vô ích cả, không may mắn nào của đau khổ là vô ích cả nếu ta nhìn ở khía cạnh nào đó. Chắc chắn bây giờ dân mình sống thâm trầm hơn, sâu sắc hơn, cảm nhận bén nhạy hơn về cuộc sống rất nhiều. Và dĩ nhiên những mặt khác cũng trở nên tinh vi hơn, chẳng hạn như châm biếm cũng cay độc hơn, thí dụ như vậy. Tất nhiên là còn có những điều bi thảm hơn, nhưng đó lại là chuyện khác. Tôi tin là ở đâu cũng vậy, nơi nào có những tên đồ tể sinh ra thì phải có những ông Thánh hiện đến. Nếu không thì chẳng có ông Thánh nào đáng gọi là ông Thánh cả. Và các ông Thánh có thể làm được chuyện gì không thì cũng là một chuyện khác nữa. Vì ý nghĩa của công việc hình như không phải chỗ

có làm được việc không mà chính là ở chỗ có dám làm việc không và làm với một tâm hồn như thế nào. Đôi khi Trân có những bức bối với vài người trong công việc, và lại tâm sự với tôi. Tôi đã có quá nhiều kinh nghiệm về những chuyện như vậy. Nhiều người tưởng rằng họ là người tỵ nạn và có quyền nũng nịu với cả thế giới mà lại quên rằng họ còn phải trách nhiệm với cả dân tộc ở sau lưng. Vàng trán Trân cau lại, buột miệng chửi thề, Ngày còn đi học, tôi có nghe bạn bè nói hán cũng thuộc loại du côn có hạng. Nếu chúng ta không muốn gặp đụng chạm với những tên vớ vẩn, cứ việc nằm ngủ cả ngày, rồi sẽ chẳng có chuyện gì xảy tới cả. Nhưng nếu đã làm việc thì phải chấp nhận tất cả, bạn đừng quan tâm quá lắm những chuyện lật vật, đời mình không phải để lo những chuyện lật vật, cứ thẳng thắn mà làm, đôi khi phải sẵn sàng để nói chuyện bằng quả đấm nữa. Tất nhiên chuyện đó chẳng xảy ra, nội quy ở đảo cũng không hứng thú với điều đó. Tôi chỉ nói đùa thôi chứ lòng tôi vốn cũng đã ngôn ngang lắm chuyện lắm rồi. Ngày chia tay, chúng tôi bắt tay nhau, bằng tay trái và cả tay mặt. Trân nói, chúng ta đã sống quá đủ để bây giờ không còn bao giờ có thể thấy bình yên được nữa, sự bình yên chỉ có thể có được từ đôi bàn tay chúng ta thôi. Đúng vậy, tôi nói, thẳng nào đứng lại lừa địa ngục sẽ rơi trên người nó. Dù là sau này chỉ còn có một mình đi nữa, cũng phải kiếm cách làm việc gì đó...

Nhiều tháng qua rồi, tôi biết, Trân vẫn làm việc hăng say hơn bao giờ hết, mỗi ngày từ tám giờ sáng tới 10 giờ đêm. Có những người bạn khác vẫn không thôi khen ngợi tinh thần làm việc đó của Trân. Có lần tôi đã viết thư cho Trân, ít nhất thì ở trại, bạn có biết là đang làm việc cho đồng bào mình, nhưng còn ở đây thì cả lô vấn đề xảy ra, khó lắm. Tôi cũng chẳng giải thích gì nhiều cho hấn những chuyện ở ngoài trại ty nạn, khi nào hấn định cư rồi cũng sẽ biết. Tôi không sợ làm yếu đi tinh thần làm việc của hấn vì thực trạng ngoài này. Tôi vẫn luôn tin Trân thuộc loại người duy nhất còn đứng vững dù là tất cả đều đang ngã xuống. Lý do thật đơn giản, tôi không muốn nói những điều bi thảm, nhất là những điều gì có thể làm hư hoại lòng tin vào con người. Trân thư cho biết, hấn sẽ đi Úc. Tôi mừng vì điều đó. Ít nhất thì đồng bào mình ở Úc hình như có lòng hơn ở Mỹ, nơi đó còn có biểu tình hàng tháng lên tới số ngàn người để phản đối Cộng sản, còn có tuyệt thực nhiều ngày để yêu cầu chính phủ Úc từ chối du học sinh Việt cộng, vân vân. Đồng bào mình ở bên Úc làm chính trị còn với một tâm hồn lãng mạn, còn ở Mỹ, thì với quá nhiều tính toán thực tế. Làm việc, nghĩa là phải dâng hiến tất cả những gì của mình, tư tưởng, thân xác, lời nói, vân vân cho tất cả những gì mình tin tưởng một cách không ngần ngại. Cuộc sống hết sức là thiêng liêng và tuyệt diệu. Làm việc, có lẽ là cách duy nhất để sống trọn được những điều linh thánh đó.

Mới đây, có một người bạn khác cho biết Trân gặp bệnh phổi, và hẳn là phải chậm chuyển định cư tới sáu tháng. Hẳn đã gầy hơn lúc nào hết vì làm việc. Chỉ vì làm việc thôi, không vì thú vui nào khác, Trân không có thú vui nào khác ngoài làm việc. Tôi đã gấp thư cho hẳn yêu cầu giảm bớt công việc để thêm thì giờ nghỉ ngơi. Tôi biết khẩu phần ăn trên đảo ít ỏi tới mức nào và khối lượng công việc của hẳn nhiều tới mức nào.

Tôi gửi một ít tiền cho Trân hy vọng hẳn kiếm thêm được chút nào sức khỏe. Tôi lại không tin vào Bru Điện Nam Dương vì họ đã làm mất nguyên một thùng khổng lồ vật dụng Hường Đạo do mấy người bạn Virginia gửi về đảo, nên có dặn hẳn trả lời khi nhận được. Từ đó, tôi không nhận được thư gì của Trân nữa, ngay cả một dòng nhắn qua thư các người bạn mới định cư. Có người bạn mới định cư cho biết, Trân có nhận được. Và tôi đoán Trân không thư từ vì sợ tôi sẽ xoay sở - mà cái chuyện này tôi bắt lắm - để gửi thêm. Trân không muốn tôi phải bận tâm thêm những chuyện lật vật trong lúc hẳn tin là tôi đang làm chuyện gì lớn lao lắm. Cũng như trước kia tôi vẫn tin là đồng bào mình ở ngoài này làm việc ngon lành lắm, những người biết yêu sự thật và những điều chính đáng không bao giờ tự cho phép mình ngồi yên cả. Có nên nói chăng, hạnh phúc thay cho những người không thấy được tương tận, vì khả năng mơ mộng của con người hình như là vô giới hạn. Tất nhiên là vẫn còn có những người đáng kính

đang quậy trong phạm vi nhỏ nhoi nào đó của mình và mong đợi khi nào đấy, tất cả sẽ dồn về một bản hòa tấu lớn. Nhưng bao giờ thì qua được khúc dạo rụt rè mà dân mình đang chơi?

Hẳn nhiên là khi nào qua Úc, Trân sẽ thư cho tôi hỏi thăm nhiều chuyện. Và cuối cùng lại hỏi, tôi đã làm gì và sẽ làm gì. Có lẽ rồi tôi sẽ không biết phải trả lời thế nào vì tôi không thích nói kiêu quanh co. Hay là nên nói cho cay đắng hơn, để chờ tao kiếm cái bằng gì đã rồi tới ngồi trước thềm Tòa Bạch Ốc “canh me”, cái nghề này coi bộ khá nhàn hạ mà sẽ không bao giờ vướng phải bệnh phôi như Trân. Còn những người đang ngồi yên khác, không biết họ sẽ trả lời những câu hỏi ấy như thế nào khi được một người bạn thân hỏi như vậy, và nhiều khi với lòng mong đợi còn lớn hơn vậy. ■

HÔI CHUÔNG BUỔI SỚM

Đó là một ngôi nhà thờ nhỏ, nằm ở ngoại ô Sài Gòn về hướng Đông Bắc 15 cây số. Tên của ngôi nhà thờ sẽ được giữ kín trong truyện này vì lý do an ninh của những người liên hệ. Tuy nhiên, tất cả những người dân từng sống ở khu vực Đông Bắc Sài Gòn đều biết nhiều ít về chuyện này. Có khi họ kể lại chuyện này theo một hình thức nào đó, thì họ gọi là “Hương thơm của một vị thánh”. Có khi họ kể lại dưới hình một hình thức khác gọi tên là “Bí mật của chàng trai can đảm”. Nhưng tôi sẽ viết lại đây một cách trung thực những gì đã xảy ra và chỉ gọi đơn giản là “Hội chuông buổi sớm”.

Ngôi nhà thờ nhỏ đó với những vách bằng gỗ, lợp mái tôn và một tháp chuông cao khắng khiu, đơn sơ và cũ kỹ mà cha xứ thường mặc. Trước nhà thờ là một vuông đất nhỏ trồng một loại hoa mà không ai biết tên cả ông từ giữ nhà thờ và chăm sóc nó hàng ngày. Kể cả những cậu bé vẫn thường đến chiêm ngưỡng và đôi khi nghịch ngợm với loài hoa đơn sơ ấy, đến khi trở thành các nhà sinh vật học kính trọng về thăm nhà thờ với những chồng sách đồ sộ vẫn luôn luôn ngạc nhiên về loài hoa ấy. Có lần một

trong những nhà bác học đáng kính ấy đã thì thầm vào tai ông từ già một giả thuyết là có lẽ loài hoa đơn sơ và khiêm tốn ấy đã do những hạt giống ẩn kín nơi rừng sâu mà loài chim nào đó đã mang đến từ một mùa trốn lạnh. Sau đó, tất cả giáo dân đều cũng đã được ai đó rỉ tai như vậy. Và mọi người đều tin như vậy.

Quanh đó là những sân đất trắng nhẵn thín vì chân cầu người đi lễ và những cậu bé trong xứ đạo tới giỡn vào mỗi buổi chiều. Từng thế hệ bé con này rời xứ ra đi, lại lại có những thế hệ khác mới lên in thêm những bước chân bé con vào chiếc sân trước nhà thờ. Thời gian đã xô đến từng thế hệ chạy giỡn, đùa nghịch, nhảy múa trước sân vẫn bất động và trầm lặng như ngôi nhà thờ nhỏ và giòng sông cạnh đó.

Gần ngôi nhà thờ là nhà của hai chàng trai nhỏ. Người anh tên Hiến, người em tên là Nguyên. Mẹ của họ đã mất từ lâu. Người cha là một thiếu tá Thiết giáp, đôi khi mới về thăm nhà một lần. Mỗi khi chiếc xe Jeep của ông ngừng trước cổng và bấm lên những hồi còi tin tin thì hai chàng thanh niên lại ùa ra, cười nói và ôm lấy vị thiếu tá ấy với những món quà miền xa của ông kéo lên thăm cha xứ. Hẳn là những ngày thơ ấu của vị sĩ quan ấy cũng từng được chia sẻ như hai cha con những ngày yên ả trước sân chơi nhà thờ ấy.

Vào năm 75, Hiến được 20 tuổi, còn Nguyên thì 15 tuổi. Vị Thiếu tá kỵ binh đã vào trại cải tạo. Hiến phải bỏ dở năm thứ hai trường luật để xoay sang nghề sửa đồng hồ. Hai anh em phải sống khép kín hơn nữa, vì gần nhà họ và cũng là gần nhà thờ đã mọc thêm một đôn Công an phường.

Vào mỗi buổi chiều, sau khi đi làm về nhà và chờ Nguyên sửa soạn cho buổi cơm tối, Hiến ôm đàn ra ngồi chơi trên chiếc băng ghế bên sân nhà thờ nhìn xuống giong sông. Những tia nắng chiều vàng lấp lánh cuộn theo những gợn sóng lặng lẽ trôi đi dưới chân chàng một cách bình an. Ông từ vẫn thường ra ngồi nghe chàng đàn những bản nhạc cổ điển. Và đôi khi cha xứ cũng đến ngồi bên cạnh. Có một lúc, trái với bản tính trầm lặng, cha xứ cũng đã thốt lên lời khen ngợi tài đánh đàn của chàng:

- Cha thấy con đàn hay lắm.
 - Vâng thưa cha. Người ta cũng thường nói như vậy. Nhưng con không thấy hài lòng chút nào.
 - Cha tin rằng âm nhạc có một sức mạnh có thể làm con người tốt hơn.
 - Con chưa thấy con đàn hay lắm. Con đôi khi cũng tin là âm nhạc có thể làm con người tốt hơn, nhưng thường thì con thấy trần gian đang càng lúc càng xấu đi.
-

- Vào ngày cuối của lịch sử rồi con sẽ đồng ý với cha.

Cha xú đứng lên và quay vào nhà thờ. Dáng gầy gò của cha tô đậm thêm màu áo đen vẻ khắc khổ. Mái tóc trắng bay bay trong gió chiều như những lọn mây trắng một hôm nào đó đã vướng phải vàng trán thánh thiện của cha và không rời đi nữa. Ông từ già thì thâm với Hiếu:

- Cha là một ông Thánh đấy. Có đêm, bác giật mình thức dậy và ngạc nhiên khi thấy phòng cha sáng rực lên và như có tiếng nhạc thoang thoảng trong phòng. Khi bác đến thì chỉ thấy cha đang quỳ trước bàn thờ Chúa cầu nguyện trong im lặng của bóng đêm. Không còn chút ánh sáng hoặc âm nhạc nào cả.

- Cháu tin như vậy. Cháu vẫn nghĩ tới hình ảnh của Thánh Phan Xi Cô khi nhìn dáng dấp của cha. Có lần cháu đã thấy một đàn chim bay xuống quanh quần dưới chân cha.

- Và nó chỉ bay lên sau khi cha đã ban phép lành, phải không?

- Cháu không nhớ có điều đó hay không. Cũng không nhớ cha đã làm gì hay có nói gì với chúng không. Cháu chỉ nhớ là nắng buổi chiều hôm ấy rất

đẹp. Nhưng chắc chắn là loài chim không nhằm lẫn như con người.

Có lần Hiền đã kể lại chuyện đó cho Nguyên nghe. Cậu bé rất ngạc nhiên tại sao ông anh lại biết chuyện đó trẽ như thế.

Anh cũng biết là em mỗi buổi sáng đều đi lễ sớm. Ngay buổi sáng sau khi xảy ra chuyện ấy, ông từ đã kể lại cho em nghe rồi. Em cứ nghĩ là anh biết từ lâu rồi chứ.

- Làm sao anh biết được nếu em không nói.

- Em thấy anh lúc này như có vẻ ít nói và trầm tư hơn, nên em cũng ngại ngại. Có một đêm em bước vào nhà thờ và nghe rõ từng lời kinh Hòa bình của Thánh Phanxicô vang lên từ từng vuông gạch lát. Lúc đó em thấy cha đang quỳ nhìn lên tượng Chúa. Nhưng khắp bốn bên tường và dưới từng vuông gạch lát vẫn vang lên đều đặn và nho nhỏ từng lời kinh đó. Khi em bước ra ngoài sân thì lời kinh Hòa bình vẫn còn bay thoang thoảng trong từng cánh hoa trước sân.

- Anh thèm được như em hay ông từ. Có lúc anh mơ ước cả đời chỉ muốn làm người kéo chuông nhà thờ. Chắc là hạnh phúc lắm nhỉ!

Nguyên đi học một buổi và buổi còn lại tử đồng hồ phụ việc cho anh. Tử đồng hồ đặt gần một nhà ga xe lửa tuyến Nam Bắc nên có rất nhiều việc để làm. Thịnh thoảng có những bản học cũ của Hiếu tới thăm và họ kéo nhau ra một quán cóc cạnh đấy để uống cà phê. Chàng thường giải thích với em lý do chính của những cuộc nói chuyện đó là để tập cho em có thể quen dần với việc tự xoay sở trong công việc. Nhưng Nguyên không bao giờ hỏi thêm một điều gì khi nhìn thấy những nếp trán ưu tư với những khuôn mặt phong sương chóng già ấy. Chỉ có một lần, Nguyên hỏi những chàng sinh viên mới của vỉa hè đấy:

- Có lúc em tự hỏi bao giờ em sẽ phải nghỉ học như các anh nhỉ? Không biết em phải làm gì cho có hứng thú?

- Anh nghĩ – một người bạn của Hiếu trả lời với cái nhún vai – nếu anh phải ôm cái tử đồng hồ giữa các nhà ga bản thủ, hỗn loạn, cướp ngày cướp đêm thế này đến cuối đời hẳn là anh tự tử mất.

Hiếu xô người bạn ra:

- Các cậu về đi để tớ làm việc. Tớ thấy các cậu không biết cách nói chuyện với con nít tí nào cả. Đáng lý ra phải bảo thằng bé đừng đi tìm những lời khuyên vớ vẩn. Chỉ có một điều duy nhất có giá trị là phải vắt cho cạn máu của tim ra mà sống...

Nhưng những dịch vụ của Hiến đã đưa đến cho chàng đủ loại bạn bè. Những người bạn đến từ Long Khánh, Nha Trang, Quy Nhơn và cả những tay cán bộ Hà Nội muốn mua những đồng hồ ba kim, hai lịch từ những nước bên kia bờ Thái Bình Dương. Cả những kỹ thuật gia của Chợ Lớn chuyên làm đồng hồ “dòm”. Có những tay quen chửi thề trước khi mở miệng. Cũng có những tay lam lũ như vừa ngoi lên từ đồng bùn mà lại ăn nói văn hoa và lịch sự như vừa bước ra từ Viện Hàn Lâm. Trong những bữa cơm tối, Nguyên thường thích thú nhắc đến đủ loại người ấy. Có lúc, Nguyên bắt chước cả những dáng điệu đặc biệt nào đó.

- Kỳ lạ anh nhỉ. Có biết bao người đến với anh. Có người thế này. Có người thế khác. Có người ồn ào hơn cả đầu máy xe lửa, có người trầm lặng như phiến đá.

- Cuộc đời có biết bao nhiêu là điều kỳ lạ. Em có biết ông già chở than từ Chợ thành về Sài Gòn ghé thăm anh là ai không?

- Em có nghe anh và ông cụ nói với nhau bằng tiếng Pháp một cách khoái trá lắm.

- Đó là một giáo sư cũ của anh. Ông thầy bảo là khi ông còn ở Pháp, ông chưa thấy ai cảm nhận được sự hạnh phúc của lao động như ông khi đạp xe dưới

trời nắng và chờ về Saigon 70 ký than. Còn những thích thú và hồi hộp khi qua những trại Công an nữa chứ...

Đôi khi, người Công an khu vực đến thăm hai anh em và khen về sự làm việc siêng năng của họ. Sau đó lại lên giọng chê bai về các thể hệ hư đốn của thanh niên Saigon. Thường thì những lúc ấy, Hiến lại đưa tay nhắc lấy cây đàn dạo nhẹ những dòng nhạc rời rạc, để mặc cho Nguyễn nói chuyện. Luôn luôn cuối câu chuyện, gã Công an thế nào cũng hỏi thăm về vị thiếu tá đang cải tạo và luôn luôn cam đoan quyết chắc rằng ngay khi ông học tập tốt là sẽ được thả về, như thể y đã trở thành Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ. Có lúc y than phiền về những hồi chuông nhà thờ buổi sớm:

- Chuông nhà thờ đánh sớm quá. Đáng lý cha phải chọn giờ khác hơn là 4 giờ rưỡi. Nhiều khi gác cả đêm mệt nhọc, vừa mới nằm thiu thiu một tí đã bị chuông thức dậy. Ấy thế. Nếu mà dễ giấc ngủ nướng thêm tới sáng thế nào cũng gặp phải những giấc mơ khủng khiếp. Tại sao cha cứ thích thức vào giờ ấy nhỉ? Sao cha không ngủ đến 9 giờ cho khỏe.

Khi nói chuyện với giáo dân, bao giờ y cũng gọi cha xứ là cha một cách ngọt ngào. Thế nhưng có một lần, Nguyễn đã nghe y lỡ lời gọi cha xứ bằng tên tục ra. Cậu bé không thể nào hiểu được y đã moi tên cha ra từ ngõ ngách nào. Trong khi mọi người dân ở đây

đã quên hẳn tên cha, có người còn thì thào với nhau rằng Cha không hề có tên gì cả. Lúc đó cả hai anh em cau mặt lại và bước ra vườn, trong khi tên công an lúng túng vớ lấy nón và đi về.

Mỗi buổi sáng, hai anh em đều thức dậy ngay sau khi hồi chuông đầu mới đổ. Họ luôn luôn lắng nghe cho tới dứt hồi chuông mới ngồi bật dậy. Trong khi Nguyên sửa soạn để đi lễ sớm thì Hiến ngồi lại trong phòng đọc hết buổi kinh ban mai. Sau đó chàng pha cà phê và đọc sách và đợi cho đến khi mặt trời lên mới đạp xe ra khỏi chỗ làm. Chàng cũng thường ưa thích nói những mẩu chuyện ngắn với em khi hai anh em còn cuộn mình trong chăn.

- Em có nghe gì trong tiếng chuông không?

- Em cảm thấy người vui vui khi nghe chuông.

- Này, em chú ý nghe kỹ nhé. Từng hồi chuông chậm này, rồi từng chuông nhanh hơn. Hẳn là ông từ đang vui lắm khi kéo chuông. Chú ý kỹ hơn nữa nhé. Đó, đó là tiếng Thiên thần đang vỗ cánh bay từng tháp chuông đến từng nhà với những chuỗi chuông nhỏ mang trên hai cô chân.

Có buổi sáng chàng kéo em bật dậy và đẩy mạnh cửa sổ để nghe rõ hơn.

- Đó là tiếng lạc đà của Ba Vua đang đi tìm đến hang Chúa đây, tiếng chân hòa vào tiếng lục lạc reo vui. Hài chuông mang đến cả những mùi hương trầm mà Ba Vua dâng cho Đức Mẹ ướp thơm cho chúa Hài Nhi.

- Em tin là cha xứ đang nhìn lên tháp chuông và chúc phúc cho những âm thanh của Nước Trời đây.

Hiền đã nói với cha xứ về tiếng chuông kỳ lạ ấy:

- Con nghĩ là không phải tự nhiên mà Giáo hội làm ra chuông. Cha có bao giờ nghe tiếng chuông như vậy không?

Cha xứ vẫn luôn luôn trả lời với nụ cười bình an trên khuôn mặt rạng rỡ tự nhiên:

- Cha thấy rồi sẽ tới một lúc con nghe được tiếng nói của Chúa trong tất cả mọi âm thanh trong trần gian này.

- Có một buổi sáng, Con nghe cả tiếng Cha giảng dạy theo từng hồi chuông đến nỗi con không tin vào tai con nữa. Nhưng Nguyễn có cũng nghe thế.

- Cha muốn là buổi chiều đẹp như thế này, con nên đàn hơn là nói chuyện về buổi sáng con đã nghe được gì.

- Vâng, thưa cha. Con sẽ đàn cho cha nghe suốt cả đời con nếu cha thích. Nhưng nếu đúng là ngay đến mỗi sợi tóc trên đầu rơi xuống cũng không ngoài ý Chúa, thì hẳn là từng hồi chuông cũng có một ý nghĩa nào đó.

Và chàng ngồi im lặng đàn cho đến khi cha bước trở vào nhà thờ. Những lúc đó ông từ lai kể cho chàng nghe về những khó khăn mà nhà thờ đang gặp. Bọn công an bắt phải kiểm kê tất cả tài sản của nhà thờ. Thế nhưng ngôi nhà thờ nhỏ của vị cha xứ nghèo đó thì có gì đâu mà phải kiểm với kê chứ.

- Họ bảo phải đo từng thước vuông đất trong sân trong nhà. Chẳng biết ai biết được họ sẽ làm gì. Lại còn liệt kê gì những thu nhập bình quân hàng tháng của nhà thờ nữa. Bác có bảo họ rằng, cha xứ mỗi ngày ăn còn ít hơn cả một con chim nhỏ ở ngoài đồng. Nào có ai biết nhà thờ bây giờ có gì mà nhập với thu?

- Thế cha có nói gì với bác không nhỉ?

- Ôi dào, cha chỉ bảo hãy để sự phán xét cho Chúa. Nhưng giấc ngủ của Cha đã ngăn lại vì những buổi cầu nguyện dài hằng đêm của Cha. Có một lần bác rụt rè xin Cha hãy ngủ nhiều hơn nữa. Cha chỉ đáp rằng Chúa không thích nhìn cha ngủ. Và Cha nâng lên chén cơm với rau mà nói không phải riêng Cha

nhưng tất cả mọi người đều có thể sống không cần tới một hạt cơm...

- Bọn công an họ bảo là tiếng chuông ban sớm của nhà thờ quá rối bọn họ nhiều lắm đây. Tên khu vực bảo tiếng chuông mang theo những giấc mơ khủng khiếp đến với họ.

- Áy, hạnh phúc của bác bây giờ là khi năm giây chuông nhà thờ mà giật đây. Có nhiều đêm bác trần trọc không ngủ được, phải ra tháp chuông ngồi nhìn xuống dòng sông trong khi chia tay cứ mần mê giây chuông chờ tới giờ để gióng lên những lời của Nước Trời. Bác không hiểu tại sao bác lại thích cái tháp chuông cũ kỹ, khằng khiu ấy, như những ống sậy chấp lại với nhau, lung lay, cọt kẹt theo từng hồi, ván thì miếng sứt, miếng mẻ. Có lần, cha nhìn lên cái tháp chuông sắp bị gió thổi tung lên ấy mà lắm bảm với bác, rồi tới một lúc không cần tới con người kéo chuông nữa, mà ngay đến một cọng cỏ, một lá hoa ở ngoài sân nhà thờ cũng tự vang lên những hồi bất tử ấy.

Mỗi đêm trước khi đi ngủ, hai anh em đều đọc bài kinh Hòa Bình để cầu nguyện cho người cha kỵ binh của họ đang ở những nơi bất an nhất của trái đất, cho vị cha xứ già trầm lặng như một pho sách cổ la tinh, cho ông từ già yếu đuối và những hồi chuông kỳ lạ buổi sớm, cho những nụ hoa trong sân nhà thờ và giấc ngủ của họ. Đó cũng là thói quen mà hai anh

em có từ những ngày người cha còn xông xáo ngoài mặt trận. Nhưng với Hiến, lời kinh Hòa bình dường như có hương vị đáng hơn từ ngày người cha đáng kính đi học tập. Một đêm sau buổi cầu kinh thường lệ ấy, Nguyên đã ngạc nhiên khi thấy Hiến ngẩng nhìn lên bầu trời đen thẫm và xa vời vợi qua khung cửa sổ, thì thầm:

- Lạy cha, xin cha cất chén đấng này cho con, nhưng xin vâng theo Ý “con” chớ đừng theo Ý “Cha.”

Nguyên đã kinh sợ đến phải vùi đầu trong chăn và không bao giờ dám hở môi một chút để hỏi anh về những lời đêm đó.

Một buổi sớm, hai anh em không nghe hồi chuông đổ như thường lệ. Họ vẫn dậy đúng giờ và ngạc nhiên về điều đó.

- Mình có thể chờ một tí nữa. Em tin là ông từ dậy trễ.

- Nhưng cha không thể dậy trễ được.

- Hay chuông hỏng ở một chỗ nào đó?

Hiến không trả lời em, vẫn tiếp tục thói quen hàng ngày của chàng. Trong khi Nguyên đi nhà thờ thì chàng lấy sách ra nhưng không thể đọc được nữa. Những dòng chữ rời ra, gằn lại và xoay tròn trước

mắt, hình như không mang ý nghĩa gì, mà chỉ còn là những trò chơi xếp chữ vô trật tự nào đó. Khi Nguyên trở về, thì Hiến đã đứng bên ngưỡng cửa chờ từ hồi nào. Mặt cậu bé xanh mét trong bóng đêm với một ngón lệ còn in trên má:

- Cha xừ bảo từ ngày mai sẽ không có lễ ngày thường nữa. Còn chuông thì trừ ngày chủ nhật ra, sẽ không được rung lên nữa. Bọn công an đã giải thích với cha là để kéo dài hơn giấc ngủ của những người lao động cho năng suất lao động có thể tăng hơn. Vì không kịp thông báo cho giáo dân, nên cha phải làm buổi lễ cuối cùng sáng nay, mặc dù dây chuông đã được cột lại... Ôi, phải chi anh đến để xem các ông bà cụ khóc thút thít như thế nào. Còn ông từ thì khỏi nói. Nhưng cha xừ thì, hay thật, vẫn trầm lặng như ngày thường.

- Tất nhiên – Hiến nắm chặt lấy tay cậu em – rồi sẽ đến một ngày như vậy. Có gì đâu mà phải bán khoán. Em vào uống cà phê đi. Nếu anh, thì anh sẽ không khóc như em đâu.

Chiều hôm đó, cha xừ và ông từ vẫn đến nghe tiếng đàn của chàng. Buổi chiều vẫn lặng lẽ trôi theo tiếng đàn, khi ngang qua tháp chuông vẫn nhẹ lay động những giây chuông đã được cột lại từ đêm hôm trước. Dòng sông dưới chân vẫn lặng lẽ hiện lên bóng những hàng cây bên kia sông và lấp lánh ánh

mặt trời ngả về xa. Bất chợt, chàng ngưng tay đàn và hỏi cha:

- Thưa cha, thế là bây giờ con không được nghe hồi chuông buổi sớm nữa?

Cha xú quay sang nhìn chàng và mỉm cười:

- Vấn đề bây giờ của giáo dân không phải là chờ nghe những hồi chuông mà tự tình phải trở thành những hồi chuông – Vấn đề không phải là tìm đến những đền thờ, mà chính thân này sẽ là đền thờ linh thánh nhất.

- Nguyên nó thích nghe chuông lắm, hồi sáng nó đã khóc đấy.

- Con hãy nhìn xem những cánh hoa diu dàng này. Đến và đi mà không một lời, không một lời kiêu hãnh về nhan sắc của mình, không một lời nuối tiếc về những ngọn gió thanh xuân và ánh chiều vàng mật ngọt, và cũng không một lời oán trách khi từng cánh rời ra trên mặt đất.

Cha đứng lên và bước vào nhà thờ. Bước chân cha như đã cuốn đi những tia nắng vàng buổi chiều và trả lại bóng tối cho buổi đêm. Ông từ già nói với chàng, giọng nhẹ và hơn nghẹn lại:

- Thế là bây giờ bác chỉ còn có một niềm vui duy nhất là chờ tới ngày Chúa nhật để được kéo lên hồi chuông của Chúa. Thế thôi. Cả ngày bác cứ thờ thần chẳng còn biết phải làm gì nữa. Làm cái gì bây giờ cho có ý nghĩa nhỉ. Bọn công an thì cứ chõ mặt vào nhà thờ không rời một giây. Tuổi bác thì cũng già rồi. Những ngày cuối của cuộc đời cứ quanh quẩn chờ đợi thì có gì là đáng giá. Nhưng bác biết, bác chẳng làm cái gì được cả. Nhưng không lẽ chờ tới ngày Chúa từ bệ thờ bước xuống cầm roi làm sạch thế giới này như Chúa đã làm sạch đền Thánh Jerusalem trước đây hai ngàn năm. Bác nghĩ là...

Hiển không trả lời, chàng bắt đầu dạo một khúc cô điển với không chút lòng hứng thú. Khi chàng đứng dậy để về thì sương đã ướt đầm hai vai, ông từ đã vào tự hồi nào. Chàng không nhớ ông từ đã ngừng lại từ câu nói đó hay còn than thở đến khi sương đêm làm lạnh giá cả môi mới thôi.

Buổi sáng chàng đã dậy thật sớm và len lén ôm đàn bước ra ngoài trong khi cậu em còn cuộn mình trong chăn. Ngoài trời, gió đêm buốt giá hất vào mặt chàng. Chàng bước vòng ra sau nhà và leo lên mái nhà bằng một chiếc thang giác sẵn trước khi ngủ. Chàng chọn để ngồi ở một nơi cao nhất trên mái nhà, lưng tựa vào ống khói. Chỗ ngồi không có vẻ thoải mái lắm. Còn nửa tiếng nữa mới tới bốn giờ ba mươi. Chàng mò mẫm những nốt nhạc trên cần đàn khe khẽ như sợ đêm sẽ tan ra dưới những ngón tay

của chàng. Ở trên trời không một vì sao. Từng đám bụi trên ống khói dờn ra mỗi khi chàng hơi cử động. Nhưng chàng không thấy điều đó, cũng không nghe cả tiếng gió rít từng chập buồn vào ống khói.

Khi đồng hồ tay chỉ đúng bốn giờ ba mươi, chàng bắt đầu đàn một cách nghiêm chỉnh. Đầu cuối nhìn xuống cần đàn chăm chú, mặc dầu những ngón tay và phím chỉ thấy được lò mờ. Ngón tay di chuyển nhanh nhẹn chụp lấy những sợi dây, lại rời ra, nhảy qua ngăn này tới ngăn kia theo một dòng nhạc chàng mới soạn trong khi trần trọc đêm qua. Chàng đàn say mê những nốt nhạc mạnh mẽ như sợ không bao giờ được cầm đàn nữa. Bản nhạc chỉ kéo dài 15 phút. Khi chàng rời những hợp âm cuối cùng ra, thì đầu đã như gục hẳn xuống cây đàn. Chập sau, chàng mới lừng lững đứng lên leo xuống. Dưới chân thang, Nguyên đã đứng chờ sẵn:

- Em đang ngủ chột nghe từng hồi chuông vang lên. Em muốn kéo anh dậy để nghe, nhưng anh không còn đó nữa. Em chạy ra đây thì thấy anh với cây đàn trên này. Em không dám bước lên... Những tiếng chuông thật kỳ diệu.

- Vào nhà đi em, trời lạnh lắm. Em nghe có rõ không?

- Vâng, anh để em đỡ cây đàn vào trước. Trông anh có vẻ mệt. Tiếng chuông nghe rõ và vang lắm. Giống lắm. Em không ngờ là anh đàn hay đến thế.

Hai anh em vào nhà. Hiến nằm ngả lưng trên giường, trong khi Nguyên bật đèn và treo đàn trên tường.

- Anh tin là cha xứ và ông từ cũng nghe rõ tiếng chuông anh vừa đàn. Kể cả bọn công an nữa. Anh đã dùng đến kỹ thuật bấm dây để có thể đưa tiếng đàn đi xa hơn 100 thước. Tệ lắm cũng là 100 thước. Nhưng mắt sức lắm. Em có nghe đúng là tiếng chuông không?

- Đúng là tiếng chuông, anh ạ. Cũng từng hồi, từng hồi. Và thật sự, em nói điều này một cách nghiêm chỉnh nhé. Như có cả tiếng vỗ cánh của Thiên thần và mùi hương trầm của vùng Trung Đông nữa. Em sẽ pha cà phê cho anh uống nhé. Thật nhanh thôi.

- Nhanh nhé. Anh mệt lắm. Như mất cả lít máu đấy.

Bất chợt chàng gọi giật cậu bé lại:

- Nhưng này. Em có thể tự sống một mình được chưa, với cái nghề đồng hồ đó?

- Anh hỏi kỳ nhỉ - cậu bé quay lại nhìn anh chăm chăm – Làm thế quái nào bọn công an biết là anh

đàn được. Mái nhà mình thì cao. Gió thì cuốn tiếng đàn đi xa, lúc chỗ này, lúc chỗ kia, có trời mới tìm ra. Còn em thì sống một mình hay mấy mình mà chả được...

- Anh cũng tin như vậy...

Chiều đến khi chàng ngồi đàn ở băng ghế nhà thờ thì ông từ đến bên cạnh, mặt tươi hẳn lên:

- Cháu có bao giờ tin có phép lạ không?

- Vâng, cháu tin, phép lạ có thể xảy ra hàng ngày.

- Đấy, hồi sáng tự nhiên có một hồi chuông gióng lên. Cha xứ và bác chạy ra tháp chuông nhìn lên thì thấy cuộn dây đang buộc vào chân tháp. Chuông không hề động đậy vào tý nào cả. Cha xứ với bác cứ ngỡ là đang mơ thôi, thì tiếng chuông lại văng vẳng như từ các tầng trời. Có lúc lại như văng lên từ dòng sông lặng lẽ kia nữa chứ. Tiếng chuông nhỏ lắm, nhưng không lầm được. Trong khi đó tên công an khu vực láng vẳng quanh quần do xét nhìn theo cha xứ và bác.

- Có một lần – Hiến vừa cười vừa chỉ vào dãy hoa trước sân nhà thờ - cha xứ bảo sẽ tới một lúc ngay cả loài hoa kia cũng biết kéo chuông, bác ạ.

Ông từ già có vẻ ngạc nhiên khi thấy Hiến như không tin?

- Đến công an nó còn nghe nữa là cháu. Chắc lúc ấy cháu ngủ say quá thôi. Tiếng chuông thật đấy.

- Cháu tin chứ.

Và chàng lại đàn cho buổi chiều cùng dòng sông trôi đi. Cha xứ cũng đến ngồi nghe như mọi ngày. Nhưng cha không nói gì về hồi chuông kỳ lạ buổi sớm. Với cha, hình như ngày nào cũng là ngày của Chúa. Và không có gì phải thắc mắc về những việc đã xảy ra trong ngày...

Mỗi sáng sớm, Hiến đều leo lên mái nhà để đàn như vậy. Khi đã quen đi, tiếng đàn và kỹ thuật khó khăn mà chàng chọn không còn làm chàng mệt như ngày đầu nữa. Tiếng đàn trở nên trôi chảy hơn và ngay cậu em dưới chân thang cũng không thể phân biệt được với những hồi chuông của nhà thờ. Những giây phút căng thẳng của ngày đầu tiên đã qua đi. Bọn công an sau vài ngày rình mò Cha xứ cũng đã lờ đi và không nhắc gì tới những hồi chuông nhỏ vắng xa đó. Với chúng, giây chuông nhà thờ đã buộc lại và lễ sớm không còn nữa, thế là đủ. Với chúng, thêm một số tiếng động cũng chẳng hề gì.

Công việc của hai anh em có vẻ như khá hơn. Nhiều người lạ đến tìm Hiến và bạn Hiến nhiều hơn. Và

thường hơn, như chàng vẫn ưa giải thích với Nguyên, chàng đã tạo nhiều cơ hội hơn cho Nguyên có thể xoay sở một mình. Nhưng nét mặt của chàng có nhiều vẻ ưu tư hơn trước. Nguyên có vẻ lo lắng cho sức khỏe của anh, mỗi khi thấy anh cứ ngòì thờ người nhìn ra đường mặc cho Nguyên một mình loay hoay với mớ dụng cụ.

- Có lúc em thấy anh có gì không ổn.

- Em cứ thử nhìn xem cái nhà ga chết tiệt này, và nhìn xem cả nước Việt Nam mình, thực sự, có cái gì gọi được là ổn không?

- Em cảm thấy anh có điều gì lo lắng thì phải?

- Đôi khi anh cũng thấy lo lắng. Thí dụ như về sự học của em chẳng hạn. Anh không hiểu em có thể vừa đi học vừa đi làm được không...

- Nguyên ngẩng lên nhìn anh, những lúc này trông anh giống bố lạ thường. Cậu bé cảm thấy anh mình xa lạ hẳn những người xung quanh ở cái nhà gia ồn ào và hỗn loạn này.

Một buổi sáng sau khi đàn xong, chàng xuống thang và vào nhà. Nguyên đã chờ sẵn bên bàn với ngọn đèn nhỏ. Người anh nói với giọng khác hẳn ngày thường trong khi treo đàn lên tường:

- Em pha giùm ly cà phê nhé. Anh cần một ly thật đậm. Em có nghe gì lạ không?

- Anh nghĩ đi. Từ ba ngày nay anh đã vằm thấy khác rồi. Em thử sờ tay anh em. Sau khi đàn xong, anh cảm thấy người lạnh buốt tận tim gan. Dòng máu kỳ binh của Ba như sôi sục trong người anh. Và tiếng đàn không còn là tiếng chuông thuần túy nữa. Anh đã nghe có tiếng vó ngựa dồn dập bay giữa những hồi chuông. Anh không còn kiểm soát được những ngón tay nữa, những hồi chuông như không còn phát xuất từ giây đàn nữa, nhưng đã từ khắp các tầng trời đổ xuống và sau đó là những hồi kèn xung trận. Anh chỉ sợ là sau khi dứt tiếng đàn, tim anh sẽ vỡ ra mất. Nhưng điều đó vẫn chưa xảy ra.

- Em cũng cảm thấy có gì khác lạ từ mấy ngày nay. Nhưng tiếng đàn thì em chưa phân biệt rõ.

- Từ ba ngày nay, anh đã quên mất phần nào bài kinh Hòa bình đọc mỗi tối. Có lúc thì quên câu trên, có lúc thì quên câu dưới. Có lúc đang đọc tự nhiên ngẩn người ra, quên bẵng là mình đang làm gì. Anh đã cầu nguyện Thánh Phanxicô suốt cả ngày. Thế nhưng không còn có thể đọc trọn bài kinh đó nữa.

- Em sẽ đọc thay anh buổi kinh đó, cho tới khi anh có thể đọc trọn bài. Em nghĩ rằng sức khỏe của anh lúc này hơi kém.

- Không phải đâu em. Chuyện này em không hiểu đâu... Nhưng nhớ cầu nguyện cho anh nhé.

Chiều hôm đó, chàng gặp riêng cha xứ và kể lại tất cả mọi chuyện. Cha xứ trầm ngâm một chập rồi mới nói với giọng trầm tĩnh hàng ngày, như một chút ngạc nhiên:

- Mỗi buổi sáng cha đều chú ý nghe tiếng chuông của con. Những khác lạ dần dần trong tiếng chuông cha cũng đã nhận thấy. Cha tin đó không phải là lỗi của con. Kể cả chuyện con quên vài lời nào đó của kinh Hòa bình, có thể cũng không phải là lỗi của con. Con nên cầu nguyện nhiều hơn nữa. Cha cũng sẽ cầu nguyện cho con. Nếu có lỗi là tất cả chúng ta, tất cả mọi người trên thế giới này, đều có lỗi trước mặt Thiên Chúa. Và chúng ta có trách nhiệm cùng chia sẻ tội lỗi của tất cả mọi người. Kể cả những người mình chưa bao giờ gặp mặt trên đời, trước mặt Ngài... Con hãy làm những gì con thấy cần làm.

Nhưng tiếng chuông của chàng không còn bình an nữa. Ngay đến Nguyên cũng nghe rõ những hồi kèn xung trận ngắt đoạn trong tiếng vó ngựa dồn dập thoang thoảng đi giữa những hồi chuông. Có lúc cậu bé còn kể cho anh nghe dường như có cả tiếng hô trận của người cha đang học tập cải tạo của họ. Mỗi khi đàn xong, bao giờ Nguyên cũng thấy nét mặt anh như đóng băng lại.

Vài ngày sau, không ai gặp Hiến nữa. Ngay cả Nguyên cũng không biết chàng đi đâu. Những người bạn thân của chàng cũng không đến nhà ga đó nữa. Không ai còn nghe được tiếng chuông kỳ lạ đó nữa.

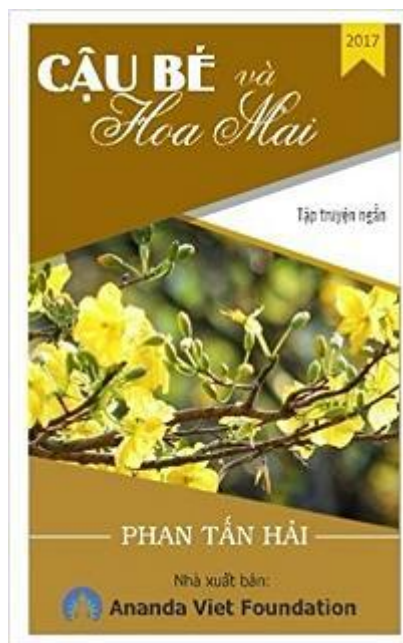
Nguyên đến kể cho cha xứ và ông từ già nghe, từ chuyện Hiến trèo lên mái nhà đàn như thế nào, đến những người bạn cùng vắng mặt với Hiến, chuyện tiếng đàn đã thay đổi dần dần ra sao, vẻ mặt tái mét của người anh buổi sáng hôm ấy và cả bài kinh Hòa bình đọc dùm anh nữa. Cha xứ không nói một lời nào cả, chỉ đưa mắt nhìn về những cánh hoa trước sân. Nhưng ông từ thì nước mắt đã đầm đìa trên hai má. Cậu bé đã ôm chầm lấy ông từ già và hai người cùng khóc suốt cả buổi chiều. Trước khi về nhà cậu bé không quên xin ông từ vài cánh hoa:

- Ngày xưa, anh Hiến thích hoa này lắm. Bác cho cháu vài cành để cắm lên bàn thờ Chúa và Mẹ cháu đêm nay.

... Cho đến bây giờ, cậu bé vẫn còn giữ thói quen đọc giùm anh mình một bài kinh Hòa bình trước khi đi ngủ. Và bạn có dịp ghé nhà thờ, bạn sẽ thấy nhà thờ bây giờ đã có những hàng hoa kỳ lạ kia bao quanh sân nhà thờ do ông từ cắm bụi trồng những ngày sau đó. Một năm sau chuông được phép gióng lên hàng ngày. Nhưng cậu bé và ông từ vẫn có những đêm luyện tiếc và mong đợi tiếng chuông không từ Nước Trời đó...■

Huỳnh Kim Quang

**THÁNG TƯ, ĐỌC TRUYỆN ‘CẬU BÉ VÀ HOA MAI’
CỦA NHÀ VĂN PHAN TẤN HẢI**



Biên cô 30 tháng 4 năm 1975 đã làm thay đổi con người và xã hội Miền Nam!

Bốn mươi hai năm qua, nhiều người đã viết về sự kiện đổi đời này. Nhưng dường như có rất ít câu chuyện được viết về những đau thương, mất mát và bi thảm trong chôn thiên môn của một thời điêu linh và đen tối ấy. Đặc biệt, người viết là lại là một nhà văn, một nhà nghiên cứu Phật học, một hành giả Thiên thân cận với chư tăng, ni và nhiều cư sĩ Phật tử. Đó là nhà văn Phan Tấn Hải.

Bằng cái nhìn khách quan, trung thực, bằng lòng nhân ái và từ bi, không một chút hận thù, qua lời văn nhẹ nhàng, bình dị và trong sáng, nhưng tinh tế, lãng mạn, đôi khi dí dỏm dễ thương và lôi cuốn, nhà văn Phan Tấn Hải giúp cho người đọc có được tâm thái bình lặng để nhìn thấy một cách tường tận những ưu tư và thao thức của tuổi trẻ Việt Nam thời chiến tranh, những nghiệt ngã và đau thương mà người dân Miền Nam, trong đó có giới tu sĩ các tôn giáo, Phật Giáo, đã phải gánh chịu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, và những phận người lênh đênh trên đường vượt biên tìm tự do nơi đất lạ quê người.

“Cậu Bé và Hoa Mai” là một trong mười hai truyện ngắn trong tập truyện cùng tên của nhà văn Phan Tấn Hải vừa được Nhà Xuất Bản Ananda Viet Foundation phát hành trên Amazon vào đầu tháng 4 năm 2017.

Theo nhà văn Phan Tấn Hải, tập truyện “Cậu Bé và Hoa Mai” đã được tạp chí Nhân Văn xuất bản tại thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ vào năm 1986. Nhà văn Phan Tấn Hải cũng cho biết lần tái bản thứ nhất này để hỗ trợ cho Giải Văn Học Phật Giáo Ananda Viet Awards, là Giải Văn Học Phật Giáo có tầm vóc rộng lớn lần đầu tiên được thực hiện.

Ngoài phẩm chất văn chương hấp dẫn và những sự kiện có thật thâm lắng xảy ra đâu đó trên quê hương đồ nát hay trên hoang đảo nào đó dành cho thuyền nhân Việt cư trú tạm thời, “Cậu Bé và Hoa Mai” còn là tập truyện chứa đựng rất nhiều tư tưởng Phật học vừa thực dụng, vừa thâm sâu, đặc biệt là những yếu chỉ của Thiên.

Truyện đầu tiên trong “Cậu Bé và Hoa Mai” là “Núi Sông Có Mấy Ngã Tình” nói lên tất cả những đặc tính vừa nêu trên.

Đó là truyện kể về hành trạng của một vị tu sĩ Phật Giáo có đạo hiệu Đại Đức Nguyên Ân, đi tu vào cuối thập niên 1960 ở “*một ngôi chùa sấp đồ nát tận*

đâu đó ở Bình Dương,” sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Triết Đông. Rồi sau 30 tháng 4 năm 75, vị Đại Đức Nguyên Ân này đã ra sống tại một ngôi chùa nằm trên đường đi Vũng Tàu. Chỉ vì âm thầm bảo vệ Đạo Pháp và giới trẻ Phật tử mà vị Đại Đức này đã bị vào tù.

Chuyện vào tù đối với một tu sĩ là điều có thể nói là rất hiếm khi xảy ra. Nhưng ở chế độ cộng sản thời sau 30 tháng 4 năm 75 thì khác. Truyện viết rằng, *“Lúc bấy giờ tu sĩ bị tù rất thường. Nếu có vị nào chưa vào tù thì mới là điều đáng ngạc nhiên.”* Thầy Nguyên Ân vào tù không phải vì dính vào những tội hình sự vớ vẩn ở thế gian, mà vì đại nguyện đi vào chốn lầm than để cứu sinh linh. Tác giả kể rằng, *“Tôi nhớ lại hôm trước anh có nói với tôi về một lời nguyện. Anh có bao giờ phát nguyện như vậy chưa? Xin đời đời kiếp kiếp đi khắp các địa ngục mười phương để đưa tất cả chúng sinh trở về nơi giải thoát.”*

Truyện kể về đạo hạnh và lòng từ bi sâu lắng của những vị tăng trong một ngôi chùa ở Sài Gòn qua lời dẫn dò của vị Thầy Khai Sơn:

“Một lần lên chùa thăm anh, tôi nhìn thấy những vết nứt rạn trên tường được trét xi măng một cách vụng về, vài đường nứt trên những viên gạch Tàu đã xõm xuống vì bước chân tín đồ, tôi đã chỉ cho anh.

“-Tại sao chùa không làm mới lại tất cả, anh nhỉ?”

“Anh trả lời với nụ cười và những tia mắt sáng trong, với cả sự ngây thơ không còn ở tuổi anh nữa:

-Vị Tổ thành lập chùa đã di chúc rằng không được phép sửa chùa, ngay đến cả thay một viên ngói cho đến ngày đất nước được hoàn toàn hòa bình.”

Đó chính là lòng từ bi, là sự đồng cảm của nhà tu hành đối với người dân nghèo khổ, khốn khó.

Chùa thì nghèo nàn, đồ nát, nhưng tâm của vị Thầy Trú Trì của chùa thì cao rộng bao la biết chừng nào, khi Thầy nói:

“Họ không hề biết rằng tất cả các cõi Trời, cõi Phật, khắp cả thế giới mười phương đều đã sẵn trong tâm này.”

Đó chính là đạo lý cao siêu vi diệu của nhà Phật. Không có gì không phải là tâm. Chúng sinh là tâm. Phật là tâm. Mê là tâm. Giác ngộ là tâm. Tâm này là Phật. Không có tâm Phật nào khác. Nhận biết ngay tức khắc là Phật. Do dự, suy nghĩ đắn đo, không nhận biết ngay tức khắc thì là chúng sinh. Cho nên, vị Thầy của người bạn của tác giả có lần la người học trò khi thầy người học trò này ngồi tu thiền:

*“-Khi người ngồi thì người là Phật, thế khi người xả
Thiền thì người là ma à?”*

Một câu hỏi có sức nặng ngàn cân như một công án Thiền bí hiểm ném cho người học trò! Phải rồi. Nếu tâm này là Phật thì cần gì phải ngồi Thiền để tìm Phật? Một câu hỏi có khả năng thách đố sự vượt thoát siêu việt ngay tức thì của người nghe. Một câu hỏi mở toang cánh cửa vô môn của Phật Đạo.

Trong tác phẩm “Cậu Bé và Hoa Mai” còn nhiều đoạn, nhiều chỗ đạo vị cao siêu như thế.

“Bệnh Nước” là truyện thứ hai trong tập truyện “Cậu Bé và Hoa Mai.” Truyện kể về hai người bạn là hai chàng thanh niên, có tên Tới và Dân. Họ sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn. Dân thì chăm chỉ học hành, còn Tới thì lêu lổng, ham chơi. Truyện kể thời học sinh trước năm 75 và những mối tình ngây thơ, lãng mạn của tuổi học trò mới lớn biết yêu. Truyện cũng nhắc đến một vài địa danh ở thủ đô Miền Nam như Thư Viện Quốc Gia, Trường Chu Văn An, Trường Võ Trường Toản, Trường Trưng Vương, Đại Học Luật, Đại Học Văn Khoa, v.v... Cuộc chiến cũng lớn theo với tuổi đời của họ. Rồi họ cũng tới tuổi nhập ngũ vào quân đội VNCH để chiến đấu bảo vệ tổ quốc như bao thanh niên cùng thế hệ. Nhưng những thao thức về vận nước của tuổi trẻ vẫn đeo bám theo tâm tư họ.

“-Tao vẫn tin là mày phải làm một cái gì ngon lành hơn...”

-Nước mình đang ở trong cơn bệnh lớn. Mình có thể làm được cái gì bây giờ và phải làm cái gì bây giờ cho thực sự là tích cực nhỉ? Khó lắm. Để xem. Chớ để tắt ngọn lửa trong tim.”

Rồi biến cố 30 tháng 4 vồ chụp xuống Miền Nam, “Vào năm 1975, Sài Gòn ở trong một hoang mang cùng cực. Có một sự chuyển mình mệt mỏi nào đó trên những khuôn mặt phố phường, như thể cơn bệnh vừa dứt xong cơn bệnh ghê chóc lại bắt lấy một chứng giang mai. Người ta dè dặt từng bước một ngoài phố vì sợ sập bẫy giăng trên từng phân vuông trên đường.”

Người bạn của Tới là Dân vào tù CS. Trốn trại về Sài Gòn. Tìm đường vào chiến khu kháng chiến. Dân mất biệt một thời gian. Dân bị VC bắt ở Long Khánh. Bị giam và trước lúc bị xử bắn thì được cứu sống. Về lại Sài Gòn. Hai người bạn lại gặp nhau. Nhưng lần này thì Dân khác hẳn. Dân đã “ngờ nghếch điên dại.”

Đó là một trong những hệ quả bi thảm của cuộc đổi đời ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tâm trí con người cũng điên loạn theo cuộc khủng hoảng rộng khắp của đất nước.

“Cậu Bé và Hoa Mai” là truyện thứ 3 mà cũng là truyện chủ đề của tập truyện. Truyện kể hoàn cảnh sống của tác giả trên đảo Galang, Indonesia, lúc mới vượt biên từ Việt Nam qua và chờ đi định cư ở một nước thứ ba.

Trong lớp dạy Việt văn cho các em tị nạn trên đảo, tác giả gặp cậu bé. Không biết cậu tên gì, chỉ biết tác giả gọi cậu ấy là “cậu bé.” Cậu bé là một em bé thông minh, ngộ nghĩnh, tò mò, hay hỏi những câu lắt léo làm cho ông Thầy luýnh quýnh không biết phải trả lời làm sao cho thông suốt. Khi giới thiệu về cậu bé tinh ranh này, tác giả đã nói rằng, *“Và bạn cũng có thể bị khùng bớ bằng một cách nào đó do sự tò mò của cậu bé.”*

Tình cờ một hôm cậu bé hỏi tác giả một câu trong Bích Câu Kỳ Ngộ có liên quan tới hoa mai, mà hai người này, một thầy một trò, đã thân nhau rất mực. Và rồi ông thầy đã dẫn cậu bé trèo rừng vượt suối lên núi để tìm hoa mai. Nhưng tìm mãi vẫn không thấy. Ấy thế mà cậu bé này vẫn kiên trì việc tìm kiếm hoa mai. Nhìn thấy hoa mai, dù chỉ một lần, đã trở thành ước mơ dai dẳng của cậu bé. Nhưng dường như, ông Thầy đã nhân chuyện dẫn cậu bé đi tìm hoa mai để khai thị cho cậu học trò tí hon này bài học về niềm tin, về ước vọng, về lòng kiên trì bền bỉ để thành đạt những ước mơ cao cả của đời người.

“-Em hãy nhìn. Quanh mình chỉ là bóng tối. Và bên trời thì không một vì sao. Nhưng chúng ta vẫn luôn luôn đi về phía ánh sáng. Không được phép ngừng lại em ạ. Dù có bị thương dù có bao nhiêu bất trắc và tả tơi. Phải đi em ạ. Rồi sẽ có lúc mình sẽ gặp được mai em ạ...”

Đọc tới đây thì lại nhớ đến hai câu thơ cuối trong bài Cáo Tật Thị Chúng của Thiền Sư Mãn Giác đời Nhà Lý.

“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận, đình tiền tạc dạ nhất chi mai.”

“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua sân trước một cành mai.”

Còn nhiều lắm trong “Cậu Bé và Hoa Mai” về những câu chuyện của một thời tao loạn của đất nước trước và sau năm 1975, mà trong đó biết bao nhiêu phận đời của tuổi trẻ, của người lớn đã bị vùi dập đau thương! Đó có thể là vận nghiệp của đất nước, là hệ lụy của dân tộc mà cho đến nay, sau 42 năm, chừng như vẫn chưa giải thoát được.

CẬU BÉ VÀ HOA MAI, TẬP TRUYỆN của PHAN TẤN HẢI, là tác phẩm thứ 58 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học

T.Vấn & Bạn Hữu
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



Tiểu Sử nhà thơ Phan Tấn Hải



Sinh ngày 22-2-1952 tại Sài Gòn. Tên khai sinh là Phan Tấn Hải. Quê cha Hà Tĩnh, quê mẹ Nha Trang, hiện định cư tại quận Cam, Hoa Kỳ. Từng học ở Chu Văn An, Đại Học Văn Khoa SG. Sống bằng nghề báo, nhưng đam mê là sáng tác văn học — thường ký tên Phan Tấn Hải, Phan Khế, Trần Khải.

Khi viết về Phật giáo, thường ký tên Nguyên Giác, Nguyễn Thường Tâm. Học Phật Pháp với quý Hòa Thượng: Thích Tịch Chiếu, Chùa Tây Tạng, Bình Dương; Thích Thiên Tâm, Đại Ninh, Lâm Đồng; Thích Tài Quang, Phú Nhuận, Sài Gòn.

Tùng cộng tác với nhiều báo như Tập san nghiên cứu Triết Học, Tự Thức, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp chí Thơ, Việt Báo, Tạp chí Giao Điểm, Giác Ngộ, Đạo Phật Ngày Nay, Suối Nguồn, Thư Viện Hoa Sen và nhiều báo khác.

Tác giả, dịch giả một số sách Việt ngữ:

– Cậu Bé và Hoa Mai (tập truyện, Nhân Văn 1986; Ananda Viet Foundation tái bản 2017).

– Thiếu Nữ Trong Ngôi Nhà Bệnh (tập truyện, Ananda Viet Foundation, 2017).

– Một Nơi Gọi Là Việt Nam (thơ, 1987) .

– Ba Thiền Sư – Tác giả: John Stevens, Nguyên Giác dịch Việt.

– Chú Giải Về Phowa – Tác giả: Chagdud Khadro, Nguyên Giác dịch Việt.

– Lời Dạy Tâm Yếu Về Đại Thủ Ấn.

– Vài Chú Giải Về Thiền Đốn Ngộ.

– Thiền Tập – Biên dịch.

– Tập thơ Hoa Bay Khắp Trời (nhạc sĩ Trần Chí Phúc phổ nhạc, trong CD 10 bài Thiền Ca).

– Thiền Tập Trong Đời Thường.

- Thiền Tông Qua Bờ Kia.
- Thiền Tông Bất Lập Văn Tự.

Sách song ngữ Việt-Anh:

- Teachings From Ancient Vietnamese Zen Masters (song ngữ)
- Teachings and Poetry of the Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Si (1230-1291)
- Tran Nhan Tong (1258 – 1308): The King Who Founded A Zen School

(Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu sẽ lần lượt ấn hành ấn bản điện tử các tác phẩm của nhà thơ Phan Tấn Hải để đáp ứng nhu cầu của độc giả ở khắp nơi trên thế giới).
